

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG MIỀN NAM
65 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel : (84-8) 8.235714 – Fax : (84-8) 8.220090

THUYẾT MINH TỔNG HỢP

QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

TP.HCM tháng 09/2019

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG MIỀN NAM
65 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 8.235714 – Fax: (84-8) 8.220090

QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

TP.HCM, ngày tháng năm 2019

CHỦ ĐẦU TƯ
UBND HUYỆN TÂN PHÚ

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND TỈNH ĐỒNG NAI

**QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Chủ nhiệm Đồ án : KTS. Nguyễn Hạ Thái Hòa

Tham gia thiết kế:

Kinh tế - Kiến trúc : KTS. Nguyễn Hạ Thái Hòa
: KTS. Nguyễn Hạ Minh Nhựt
CBKT đất xây dựng : KS. Trần Quốc Hoàn
Giao thông : KS. Trần Phước Trung
Cấp nước : KS. Nguyễn Văn Đông
Thoát nước bản : KS. Nguyễn Văn Đông
Cấp điện : KS. Bùi Văn Khải

Quản lý kỹ thuật

Kinh tế - kiến trúc : KTS. Trần Thị Kim Thoa
Kỹ thuật : KS. Trần Quốc Hoàn

Ngày tháng năm 2019

**VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG MIỀN NAM
Viện trưởng**

Nguyễn Thanh Hải

MUC LUC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG.....	vii
DANH MỤC HÌNH.....	1
CHƯƠNG I.....	1
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. TỔNG QUAN	1
II. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN	2
III. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH:	3
IV. PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH	6
CHƯƠNG II : ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG VÀ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN.....	9
I. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ CÁC ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN	9
II. CÁC TÀI NGUYÊN TỰ NHIÊN VÀ NHÂN VĂN.....	12
III. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI.....	17
IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN.....	28
V. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....	30
VI. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI.....	32
VII. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG.....	36
VIII. RÀ SOÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÁC QUY HOẠCH.....	45
IX. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN (PHÂN TÍCH SWOT).....	53
CHƯƠNG III : CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG.....	55
I. CÁC BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN	55
II. CÁC TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN VÙNG	60
III. ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG.....	60
CHƯƠNG IV : MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG VÙNG VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN.....	61
I. QUAN ĐIỂM	61
II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN	61
III. TÍNH CHẤT.....	61
IV. NHIỆM VỤ	61
V. CÁC DỰ BÁO PHÁT TRIỂN VÙNG.....	62
CHƯƠNG V : QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC, TẦM NHÌN, CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN.....	70
I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH	70
II. TẦM NHÌN.....	70
III. CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC HƯỚNG TỚI TẦM NHÌN	70
IV. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG.....	71
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN BỐ CÁC VÙNG CHỨC NĂNG.....	75
CHƯƠNG VI : ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG.....	83
I. CẤU TRÚC KHÔNG GIAN VÙNG.....	83
II. PHÂN BỐ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ CÁC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN	86
III. PHÂN BỐ VÙNG CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP.....	91
IV. PHÂN BỐ CÁC VÙNG DU LỊCH, VÙNG CẢNH QUAN, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN.....	96
V. PHÂN BỐ VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	102

VI. TỔ CHỨC HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ	112
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....	118
I. ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG GIAO THÔNG	118
II. ĐỊNH HƯỚNG CAO ĐỘ NỀN, THOÁT NƯỚC MẶT	123
III. ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC	127
IV. ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ NGHĨA TRANG	130
V. ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP NĂNG LƯỢNG	135
CHƯƠNG VIII : ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC	140
I. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG	140
II. ĐÁNH GIÁ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA MỤC TIÊU QUY HOẠCH VÀ MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG	140
III. DỰ BÁO DIỄN BIẾN MÔI TRƯỜNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH.....	141
IV. HƯỚNG PHÂN VÙNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (EPZ).....	143
V. CÁC GIẢI PHÁP VỀ KỸ THUẬT, QUẢN LÝ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	144
CHƯƠNG IX : CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM.....	146
I. CÁC TIÊU THỨC LỰA CHỌN.....	147
II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÙNG.....	147
III. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	148
CHƯƠNG X	150
CƠ CHẾ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN VÙNG	150
I. CÁC CƠ CHẾ ƯU ĐÃI KHUYẾN KHÍCH.....	150
II. VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC:	150
III. LẬP KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÙNG:	150
IV. LẬP QUY CHẾ QUẢN LÝ VÙNG:	150
V. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ:	151
CHƯƠNG XI.....	152
CÁC GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH	152
I. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH.....	152
II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	154
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	157
I. KẾT LUẬN.....	157
II. KIẾN NGHỊ.....	158

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
ANQP	An ninh quốc phòng
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BQ	Bình quân
BVĐK	Bệnh viện đa khoa
BVMT	Bảo vệ môi trường
BTN	Bê tông nhựa
BXD	Bộ Xây dựng
BVMT	Bảo vệ môi trường
CCN	Cụm công nghiệp
CTR	Chất thải rắn
ĐBSCL	Đồng Bằng Sông Cửu Long
ĐNA	Đông Nam Á
ĐNB	Đông Nam Bộ
ĐMC	Đánh giá môi trường chiến lược
ĐH	Đường huyện
ĐT	Đường tỉnh
DLSQ	Du lịch sinh quyển
DTTN	Diện tích tự nhiên
GDP	Tổng sản lượng quốc gia (Gross domestic product)
HL KTĐT	Hành lang kinh tế đô thị
KCN	Khu công nghiệp
KDC	Khu dân cư
KDL	Khu du lịch
KTTĐ	Kinh Tế Trọng Điểm
NGTK	Niên giám thông kê
NTM	Nông thôn mới
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QH	Quy hoạch
QHTTPTKT-XH	Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế Xã hội
QHC	Quy hoạch chung
QHCT	Quy hoạch chi tiết
QL	Quốc lộ
TB	Trung bình
TCTK	Tiêu chuẩn thiết kế
TDTT	Thể dục thể thao
TM-DV	Thương mại – dịch vụ
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TN&MT	Tài nguyên & Môi trường
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TT	Thị trấn
TT-CN	Tiểu thủ công nghiệp
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
XD	Xây dựng
XLNT	Xử lý nước thải
VQG	Vườn quốc gia
GDTX	Giáo dục thường xuyên

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Bảng cơ cấu các ngành kinh tế huyện Tân Phú năm 2017.	17
Bảng 2. Diện tích, dân số và mật độ dân số huyện Tân Phú năm 2017.....	23
Bảng 2. Bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất toàn huyện năm 2017	31
Bảng 3. Hiện trạng các bến xe	37
Bảng 4. Hiện trạng các công trình cấp nước huyện Tân Phú năm 2017.....	42
Bảng 6. Bảng dự báo cơ cấu kinh tế của Huyện Tân Phú.....	62
Bảng 7. Bảng dự báo cơ cấu kinh tế năm 2020 Huyện Tân Phú.	63
Bảng 8. Bảng dự báo cơ cấu kinh tế năm 2020 Huyện Tân Phú.	63
Bảng 7. Bảng dự báo tỷ lệ tăng trưởng dân số tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.	64
Bảng 8. Dự báo quy mô dân số toàn huyện đến năm 2030.	65
Bảng 9. Dự báo quy mô lao động toàn huyện đến năm 2030.....	65
Bảng 10. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế.	66
Bảng 11. Dự báo dân số đô thị của Huyện đến năm 2030.....	66
Bảng 12. Dự báo dân số nông thôn của Huyện đến năm 2030.....	66
Bảng 13. Dự kiến dân số toàn huyện đến năm 2030.	67
Bảng 14. Dự báo đô thị của Huyện đến năm 2030.	67
Bảng 15. Bảng dự kiến tiêu chuẩn đất xây dựng đô thị.....	67
Bảng 16. Bảng chỉ tiêu kỹ thuật.....	68
Bảng 17. Bảng đánh giá các tiêu chí của thị trấn theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.....	87
Bảng 18. Bảng đánh giá các tiêu chí của thị trấn theo tiêu chuẩn đô thị loại V.	88
Bảng 19. Quy hoạch phát triển khu CN toàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.	92
Bảng 20. Quy hoạch phát triển cụm CN toàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.....	92
Bảng 21. Quy hoạch phát triển Khu – cụm CN huyện Tân phú đến năm 2030.	94
Bảng 22. Danh mục vị trí quy hoạch đất phát triển du lịch trên địa bàn huyện.....	99
Bảng 23. Các dự án phát triển du lịch đang triển khai thực hiện trên địa bàn huyện	99
Bảng 24. Danh mục đề xuất quy hoạch phát triển du lịch	100
Bảng 25. Diện tích dự kiến phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm H. Tân Phú.	103
Bảng 26. Cao độ xây dựng thiết kế - Hướng thoát nước mặt tại các thị trấn và điểm dân cư trong vùng huyện Tân Phú.....	125
Bảng 27. Bảng tổng hợp nhu cầu dùng nước.....	127
Bảng 28. Bảng danh mục công trình cấp nước xây dựng mới.....	130
Bảng 29. Lượng nước thải	130
Bảng 30. Bảng chỉ tiêu điện sinh hoạt giai đoạn dài hạn.....	135

Bảng 31. Bảng chỉ tiêu điện công trình công cộng.	135
Bảng 32. Bảng kê phụ tải điện dân cư đô thị.	136
Bảng 33. Bảng kê phụ tải điện dân cư nông thôn.	136
Bảng 34. Bảng kê phụ tải điện công nghiệp.	136
Bảng 35. Tổng hợp phụ tải điện toàn vùng Huyện.	137
Bảng 36. Nhận dạng các nguồn tác động môi trường.	141
Bảng 37. Thống kê Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường.	142
Bảng 38. Nguồn và thành phần các chất ô nhiễm.	142
Bảng 39. Hoạt động gây ô nhiễm.	143
Bảng 40. Phân vùng môi trường và các vấn đề có liên quan.	143
Bảng 41. Chương trình, chiến lược phát triển vùng.	147
Bảng 42. Bảng thống kê các tuyến đường cần nâng cấp.	148

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Vị trí huyện Tân Phú trong vùng TPHCM.....	6
Hình 2. Vị trí huyện Tân Phú trong vùng tỉnh Đồng Nai	7
Hình 3. Phạm vi nghiên cứu trực tiếp	8
Hình 4. Vị trí huyện Tân Phú trong tỉnh Đồng Nai	9
Hình 5. Huyện Tân Phú trong mối quan hệ đô thị với các tỉnh Lâm Đồng.....	10
Hình 6. Sơ đồ hiện trạng mật độ phân bố dân cư toàn huyện.....	24
Hình 7. Sơ đồ sử dụng đất hiện trạng toàn huyện đến năm 2017	32
Hình 8. Sơ đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội vùng.....	35
Hình 9. Bản đồ Quy hoạch tổng mật bằng sử dụng đất đến năm 2025	47
Hình 10. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Phú đến năm 2020	50
Hình 11. Bản đồ QH giao thông vận tải toàn huyện Tân Phú giao đoạn 2010-2020	51
Hình 12. Bản đồ quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	52
Hình 13. Bản đồ Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	55
Hình 14. Huyện Tân Phú trong vùng TP Hồ Chí Minh	56
Hình 15. Huyện Tân Phú trong vùng tỉnh Đồng Nai	57
Hình 16. Huyện Tân Phú đối với vùng tỉnh Lâm Đồng.....	58
Hình 17. Mô hình 1: Phát triển đồng đều phân tán.	72
Hình 18. Mô hình 2: Phát triển tập trung theo cụm và phân theo các trục hành lang.....	73
Hình 19. Sơ đồ mô hình phát triển –Phương án chọn.....	75
Hình 20. Phân vùng phát triển kinh tế vùng tỉnh Đồng Nai	76
Hình 21. Vị trí huyện Tân Phú trong Vùng sinh thái phía Bắc tỉnh Đồng Nai.....	77
Hình 22. Tiểu vùng kinh tế Trung tâm.	78
Hình 23. Tiểu vùng kinh tế phía Nam.....	79
Hình 24. Tiểu vùng kinh tế phía Bắc.	80
Hình 25. Tiểu vùng Nam Cát Tiên.....	81
Hình 26. Sơ đồ Phân vùng phát triển kinh tế.	82
Hình 27. Cấu trúc không gian vùng huyện Tân Phú.....	85
Hình 28. Sơ đồ kết nối huyện Tân Phú với tỉnh Lâm Đồng.	86
Hình 29. Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất thị trấn Tân Phú (2008)	87
Hình 30. Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất điểm dân cư trung tâm xã Phú Lâm.....	89
Hình 31. Sơ đồ bố trí hệ thống Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.	93
Hình 32. Sơ đồ định hướng phát triển Hệ thống công nghiệp Vùng.	95
Hình 33. Sơ đồ bố trí hệ thống du lịch tỉnh Đồng Nai.....	97
Hình 34. Sơ đồ định hướng phát triển Hệ thống di lịch Vùng.....	101

Hình 35. Sơ đồ định hướng khu vực phát triển nông nghiệp vùng.....	110
Hình 36. Sơ đồ phân bố khu vực phát triển chăn nuôi vùng.....	111
Hình 37. Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội Vùng.	117
Hình 38. Sơ đồ Quy hoạch hệ thống giao thông Vùng.	122
Hình 39. Sơ đồ quy hoạch hệ thống cấp Điện Vùng.....	139
Hình 40. Sơ đồ Đánh giá môi trường chiến lược Vùng.	146

CHƯƠNG I

PHẦN MỞ ĐẦU

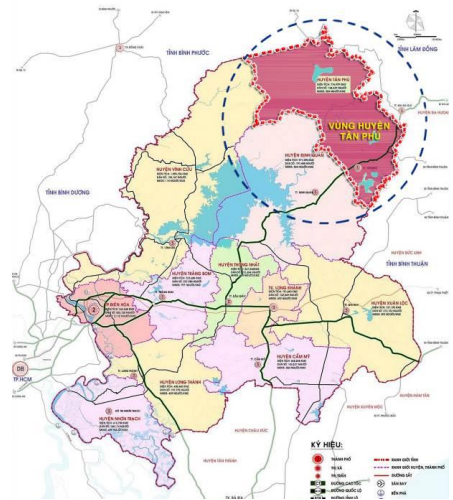
I. TỔNG QUAN

1. Tổng quan về tỉnh Đồng Nai.

Đồng Nai là tỉnh vừa nằm ở khu vực Đông Nam bộ, vừa thuộc vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam (KTTĐPN) và vùng TP. Hồ Chí Minh (TP.HCM); Diện tích tự nhiên 5.907,236 km² chiếm khoảng 1,8% diện tích của cả nước và 19,43% diện tích của vùng TP. HCM (vùng KTTĐPN). Bao gồm 11 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: Thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch; Trong đó thành phố Biên Hòa là trung tâm Chính trị - kinh tế - văn hóa xã hội của tỉnh. Dân số toàn tỉnh năm 2016 là 2.665.079 người với 40 dân tộc anh em cùng chung sống trên địa bàn.

Đồng Nai tiếp giáp với 5 tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

- + Phía Tây giáp với thành phố Hồ Chí Minh.
- + Phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- + Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận và phía Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.
- + Phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước và Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương.



Đồng Nai là tỉnh tập trung nhiều đầu mối giao thông quan trọng như: tuyến đường sắt Bắc – Nam, đường bộ QL.1 – 1K, QL.20 nối với Tây Nguyên, QL.51 và QL.56 nối với Bà Rịa – Vũng Tàu; Về giao thông thủy: có sông Đồng Nai, gần cảng biển quốc tế. Đặc biệt, dự án sân bay Quốc tế Long Thành dự kiến sẽ là động lực tạo điều kiện thuận lợi cho Đồng Nai phát triển giao thương với cả nước và quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho tỉnh Đồng Nai và cả nước.

2. Tổng quan về huyện Tân Phú

Tân Phú là huyện miền núi phía Đông Bắc tỉnh Đồng Nai, là cửa ngõ của tỉnh Đồng Nai đi Đà Lạt và các tỉnh Tây Nguyên, có vị trí và vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Đồng Nai, vùng KTTĐPN và vùng TP.HCM. Tân Phú cách thành phố Biên Hòa khoảng 90 km, TP. Hồ Chí Minh khoảng 125 km và thành phố Đà Lạt 175km.

Huyện Tân Phú có 17 xã và 1 thị trấn, dân số toàn huyện năm 2017 khoảng 168.770 người (theo số liệu Cục thống kê tỉnh Đồng Nai). Huyện Tân Phú là nơi tập trung của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa và di cư từ các tỉnh miền núi phía Bắc. Kinh tế địa phương còn nhiều khó khăn, người dân sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và buôn bán nhỏ. Địa bàn huyện rộng, dân cư phân bố không đồng đều, tập trung đông ở thị trấn Tân Phú, xã Phú Lâm và một số xã ven Quốc lộ 20. Bên cạnh đó, dân số các xã vùng sâu, vùng xa phân bố với mật độ thấp nên khó khăn trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội và dân sinh của Huyện.

3. Những tồn tại của thực trạng phát triển Vùng

- Chưa phát huy tốt vai trò của huyện Tân Phú trong mối quan hệ vùng, đặc biệt là vùng tỉnh Đồng Nai.
- Vùng huyện Tân Phú thiếu yếu tố liên kết vùng và kiểm soát không gian toàn vùng. Hệ thống phân bố dân cư còn phát triển theo dạng tự phát.
- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn thiếu, còn nhiều bất cập trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
- Chưa khai thác được một cách hiệu quả tiềm năng và lợi thế của Huyện, chưa kiểm soát tốt quá trình sử dụng và chuyển đổi đất đai.
- Chất lượng sống của người dân chưa cao.
- Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, tốc độ phát triển nhanh tập trung vào khu vực dân cư dọc hai bên Quốc lộ 20, vùng ven các trục giao thông chính, còn lại các khu vực khác phát triển khá chậm. Cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp.
- Chưa thật sự thu hút đầu tư, đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp.
- QL.20 đi qua huyện vừa là thuận lợi nhưng cũng tồn tại nhiều bất cập, hệ thống đường gom dọc quốc lộ hiện chỉ có một đoạn ngắn tại trung tâm thị trấn Tân Phú, các khu vực tập trung dân cư khác chưa có nên gây ảnh hưởng lớn đến an toàn giao thông trên Quốc lộ.

II. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN

1. Lý do lập quy hoạch xây dựng vùng

- Tân Phú là Huyện phía Đông Bắc của Tỉnh Đồng Nai, là cửa ngõ của tỉnh Đồng Nai đi Đà Lạt và các tỉnh Tây Nguyên, có vị trí, vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Đồng Nai, vùng KTTĐPN và vùng TP.HCM
- Trong bối cảnh phát triển chung của toàn Vùng, cùng với những yếu tố mới tác động đến sự phát triển trong vùng như: dự án đường cao tốc TP. HCM - Dầu Giây - Đà Lạt, Quốc lộ 20 là tuyến giao thông huyết mạch kết nối TP. Hồ Chí Minh đi Đà Lạt và các tỉnh Tây Nguyên, dự án sân bay quốc tế Long Thành, ... Mặt khác, sự hình thành và phát triển các ngành thương mại dịch vụ, du lịch, khu cụm công nghiệp trên địa bàn đã tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội của Huyện cũng như của Tỉnh Đồng Nai.
- Hiện nay Huyện đã tiến hành lập một số các quy hoạch trên phạm vi toàn vùng như: Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch phát triển hệ thống giao thông, Quy hoạch phát triển Chăn nuôi, Quy hoạch phát triển Nông nghiệp, Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện, ... nhưng chưa có quy hoạch cho toàn vùng nhằm tích hợp các đề án quy hoạch chuyên ngành để tạo sự kiểm soát và quản lý một cách chắc chắn, đồng bộ, tránh sự chồng chéo, và khắc phục được sự tồn tại, bất cập.
- Trên cơ sở các quy hoạch được phê duyệt trên địa bàn, trong những năm qua, Huyện đã đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch và đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Bên cạnh đó, vấn đề đầu tư xây dựng tự phát vẫn còn diễn ra, hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển. Mặt khác, sự xuất hiện các yếu tố mới ảnh hưởng cơ bản đến sự phát triển kinh tế xã hội của Huyện.

- Vì vậy, việc lập quy hoạch xây dựng vùng Huyện Tân Phú là hết sức cần thiết để UBND Huyện và các ban ngành thống nhất về các định hướng lớn về phát triển không gian chính như các khu, cụm công nghiệp, các đô thị, khu dân cư nông thôn và kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của Vùng huyện. Đồng thời khai thác được tiềm năng sẵn có trong vùng nhằm thúc đẩy kinh tế, tạo điều kiện sống tốt cho người dân, góp phần duy trì sự phát triển bền vững, hài hòa trong toàn Tỉnh.

III. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH:

1. Các văn bản pháp lý.

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội;
- Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết nội dung nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;
- Thông tư 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/06/2016 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư về việc Hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội.
- Các quy chuẩn, quy phạm có liên quan đến quy hoạch xây dựng.

2. Các quyết định chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và tỉnh Đồng Nai:

- Nghị quyết của Chính phủ về việc Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Đồng Nai.
- Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;
- Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020;
- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 30 vì sự phát triển bền vững.
- Quyết định 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;
- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
-

- Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 – 2020;
- Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 – 2020;
- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 1/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2836/QĐ-UBND, ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2030;
- Quyết định số 4398/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;
- Văn bản số 5621/UBND-CNN ngày 20/07/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai lập Nhiệm vụ và đề án Quy hoạch vùng Huyện.
- Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 347/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 01/02/2010 Về việc Phê duyệt Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, và các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Văn bản số 5621/UBND-CNN ngày 20/7/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai lập Nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện;
- Văn bản số 1929/HD-SXD ngày 07/8/2015 của Sở Xây dựng Đồng Nai về việc Hướng dẫn công tác lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện.
- Thông báo số 1113/TB-UBND ngày 20/11/2017 của UBND huyện Tân Phú về việc kết luận chỉ đạo của đồng chí Phó chủ tịch UBND Huyện tại cuộc họp lấy ý kiến góp ý đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú;

- Thông báo số 11/TB-UBND ngày 22/01/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc kết luận của Chủ tịch UBND Huyện tại cuộc ủy viên UBND huyện mở rộng tháng 10/2018;
- Kết luận số 1444-CV/HU ngày 26/03/2018 của Huyện ủy Tân Phú về việc kết luận hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 23/03/2018;
- Biên bản số 3554/BB-HĐTĐQHXD ngày 02/08/2018 của Hội Đồng Thẩm định Quy hoạch Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc Thông qua Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Nghị quyết 35/NQHĐND ngày 14/09/2018 của Hội đồng Nhân dân huyện Tân Phú về việc Thông qua Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Các cơ sở lập quy hoạch.

- Nghị quyết số 01-NQ/TU của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 – 2020.
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 – 2020
- Quyết định số 319/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 04/02/2015 Về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh đồng nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.
- Quyết định số 99/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 09/11/2013 Về việc Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020
- Quyết định số 1257/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 08/05/2012 Về việc Duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025
- Quyết định số 1726/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 07/07/2011 Về việc Phê duyệt báo cáo điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025.
- Quyết định số: 4390/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
- Quyết định số 3701/QĐ-UBND, ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch giao thông vận tải huyện Tân Phú giai đoạn 2010-2020;
- Tài liệu Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2017.
- Tài liệu Niên giám Thống kê huyện Tân Phú năm 2017.
- Tài liệu ngành như:
 - + Quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Phú đến năm 2020.
 - + Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện Tân Phú.
 - + Quy hoạch ngành về hạ tầng xã hội như: giáo dục – đào tạo, y tế, văn hóa, thương mại - dịch vụ, ...

- + Quy hoạch ngành về hạ tầng kỹ thuật như: giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, nghĩa trang, xử lý chất thải,...
- Các quy chuẩn, quy phạm có liên quan đến quy hoạch xây dựng.

4. Các cơ sở bản đồ

- Bản đồ Hiện trạng sử dụng đất và bản đồ Quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Phú đến năm 2020; (do Trung tâm kỹ thuật địa chính - sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp).
- Bản đồ cao độ địa hình tỷ lệ 1/25.000, hệ tọa độ VN 2000.

IV. PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH

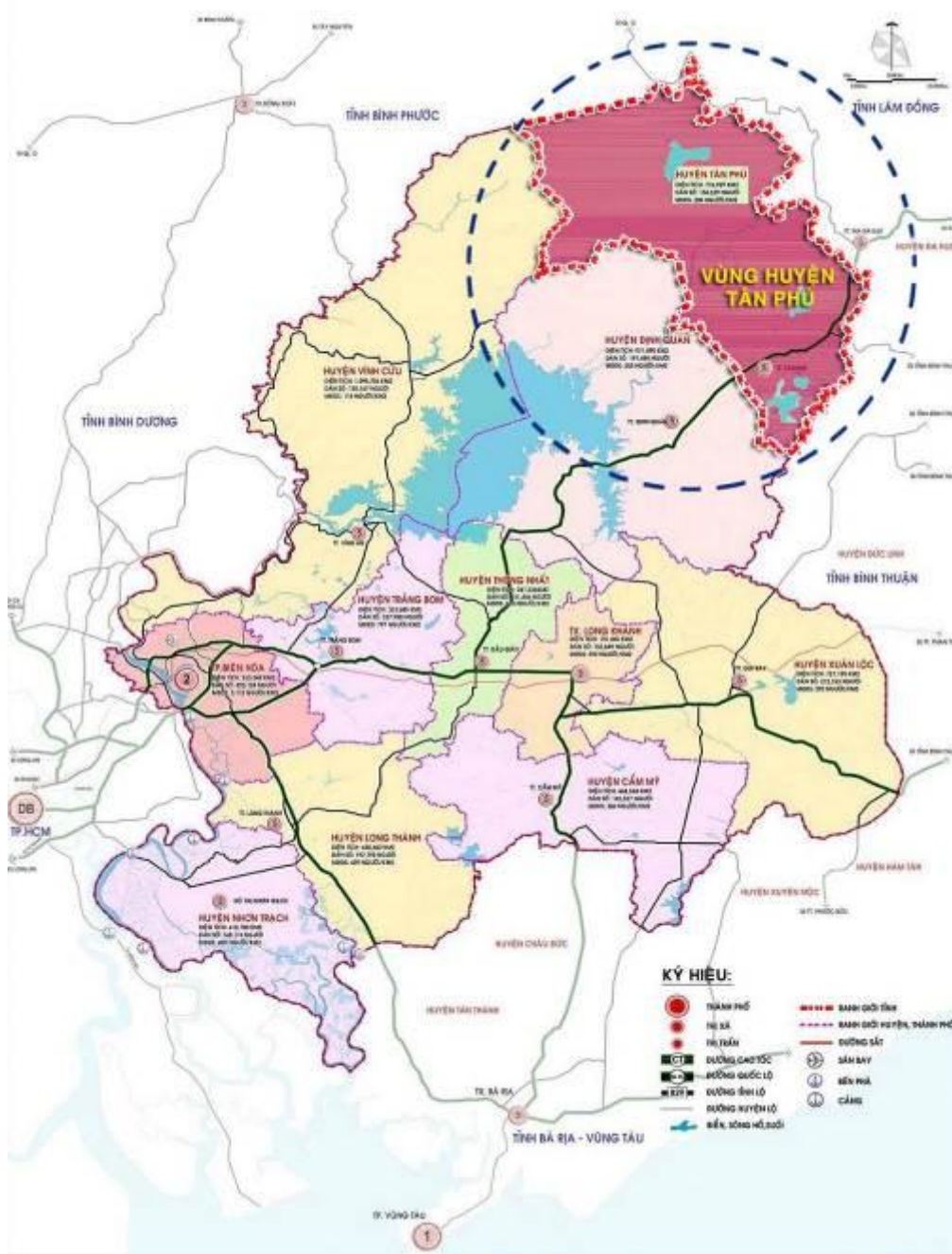
1. Phạm vi nghiên cứu:

1.1. Phạm vi nghiên cứu mở rộng:

Phạm vi nghiên cứu mở rộng bao gồm vùng tỉnh Đồng Nai và các vùng lân cận như: vùng TP.HCM, vùng Tây Nguyên, vùng tỉnh Lâm Đồng.



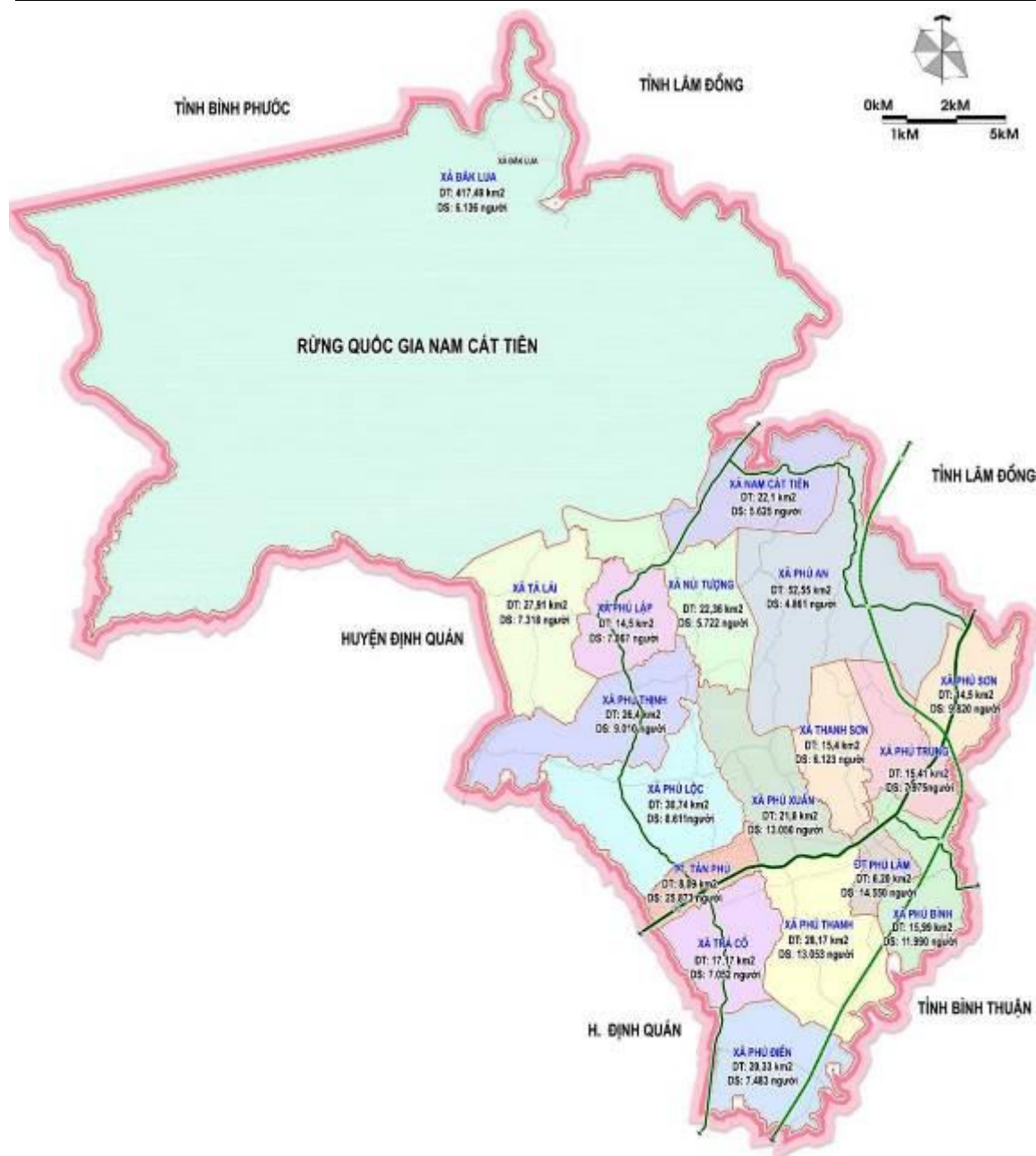
Hình 1. Vị trí huyện Tân Phú trong vùng TPHCM



Hình 2. Vị trí huyện Tân Phú trong vùng tỉnh Đồng Nai

1.2. Phạm vi nghiên cứu trực tiếp:

Phạm vi lập quy hoạch trong phạm vi ranh giới toàn huyện Tân Phú (bao gồm thị trấn Tân Phú và 17 xã: Phú Lộc, Phú Lập, Phú Thịnh, Tà Lài, Núi Tượng, Nam Cát Tiên, Trà Cỏ, Phú Điền, Phú Lâm, Thanh Sơn, Phú Xuân, Phú Thanh, Phú Bình, Phú Trung, Phú Sơn, Phú An và Đắc Lua. Tổng diện tích tự nhiên 77.595,70 ha, quy mô dân số năm 2017 khoảng 168.770 người, mật độ dân số là 217 người/km².



Hình 3. Phạm vi nghiên cứu trực tiếp

2. Loại hình lập quy hoạch:

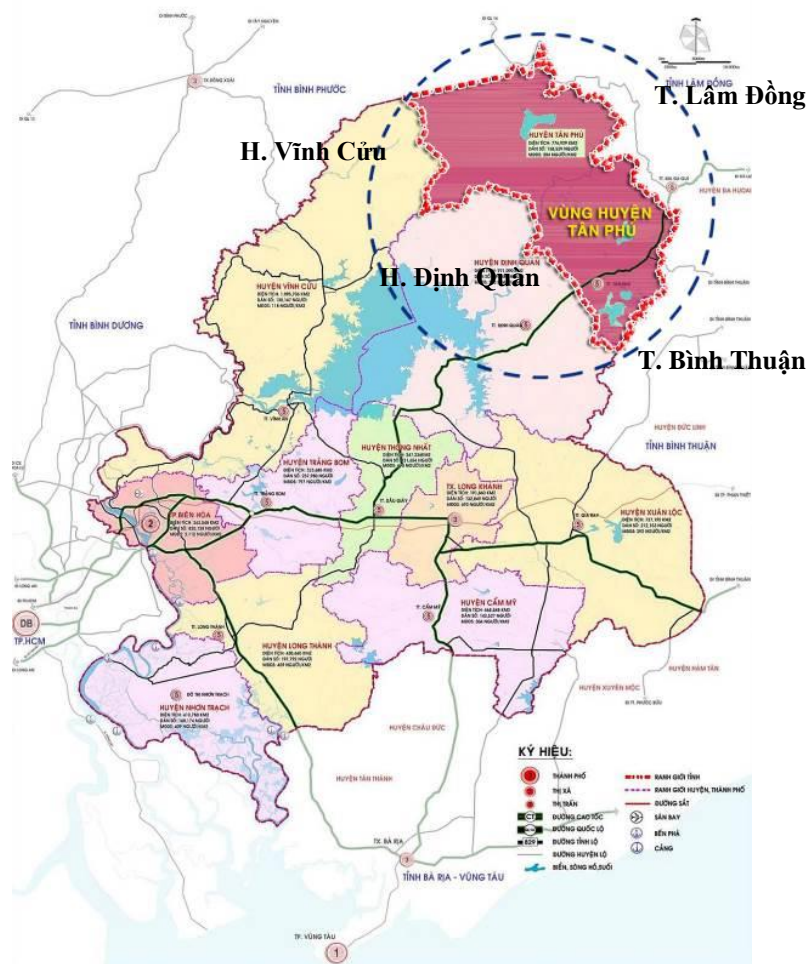
- Tên gọi: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Giai đoạn lập quy hoạch:
 - + Giai đoạn ngắn hạn : đến năm 2020.
 - + Giai đoạn dài hạn : đến năm 2030.
 - + Tầm nhìn : đến năm 2050.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/25.000.

CHƯƠNG II: ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG VÀ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

I. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ CÁC ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý:

- Huyện Tân Phú nằm về phía Đông Bắc tỉnh Đồng Nai thuộc vùng Trung du miền Đông Nam Bộ.
- Huyện có vị trí địa lý như sau:
 - + Phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Bình Phước.
 - + Phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận.
 - + Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Bình Thuận.
 - + Phía Tây giáp huyện Vĩnh Cửu và huyện Định Quán.



Hình 4. Vị trí huyện Tân Phú trong tỉnh Đồng Nai

- Ranh giới hành chính Huyện được chia thành 18 đơn vị gồm 17 xã và 01 thị trấn, là huyện có mật độ dân số thấp; Tân Phú là huyện có vị trí địa lý nằm xa Tp. Biên Hoà (thành phố tỉnh lỵ), tuy nhiên trên địa bàn huyện có Quốc lộ 20 nối liền Quốc lộ 1 (Hà Nội - Tp. HCM) với thành phố Đà Lạt và các tỉnh vùng Tây Nguyên nên khá thuận lợi về giao thông đối ngoại, có điều kiện tiếp thu khoa học kỹ thuật và thông thương hàng hoá.

Hình 5. Huyện Tân Phú trong mối quan hệ đô thị với các tỉnh Lâm Đồng



2. Khí hậu:

- Huyện Tân Phú thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt độ cao đều quanh năm, ít gió bão, không có mùa đông lạnh, không có những biến động lớn về khí hậu.
- Địa bàn huyện nằm trong vùng có lượng mưa tương đối cao, nhưng phân bố không đều, hình thành hai mùa trái ngược nhau: mùa mưa và mùa khô.
 - + Mùa mưa: Kéo dài trong 6 tháng (từ tháng 5 đến tháng 10), mưa rất tập trung, lượng mưa chiếm 91 - 92% tổng lượng mưa cả năm. Ngược lại lượng bốc hơi và nền nhiệt thấp hơn mùa khô. Lượng mưa lớn và tập trung đã xảy ra quá trình xói mòn, rửa trôi rất mạnh, lôi cuốn sét mùn từ nơi cao xuống nơi thấp, dẫn tới nhiều biến đổi quan trọng trong quá trình hình thành đất ở địa bàn.
 - + Mùa khô: Kéo dài trong 6 tháng (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau), lượng mưa rất thấp chỉ chiếm khoảng 8 - 10% lượng mưa cả năm. Trong khi đó lượng bốc hơi rất cao, chiếm khoảng 64 - 67% tổng lượng bốc hơi cả năm. Do lượng mưa ít và bức xạ mặt trời cao đã làm tăng quá trình bốc hơi nước. Điều đó đẩy nhanh sự phá hủy chất hữu cơ, dung dịch đất hoà tan các Secquioxýt sắt nhôm ở dưới sâu dịch chuyển lên tầng đất trên và bị oxy hoá tạo thành kết vón và đá ong rất phổ biến trong lãnh thổ.

3. Đặc điểm địa hình, địa chất thủy văn:

3.1. Đặc điểm địa hình, địa chất:

- Huyện Tân Phú có dạng địa hình bán sơn địa, với những dãy đồi thoải lượn sóng. Độ cao trung bình từ 150 - 300m so với mặt nước biển, nơi cao nhất lên đến 500m và có xu hướng thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Độ dốc <math>< 15^\circ</math> chiếm diện tích đa số; có thể phân chia địa hình của huyện thành 4 dạng như sau:
 - + Núi thấp: Phân bố rải rác ở phía Bắc, Đông Bắc và Tây Bắc, độ cao phổ biến từ 200 - 300m, nơi cao nhất gần 500m. Độ dốc khu vực này trên 15° , khả năng sử dụng cho sản xuất nông nghiệp rất hạn chế mà chỉ thích hợp phát triển lâm nghiệp để bảo vệ đất đai, chống xói lở.
 - + Đồi thoải lượn sóng: Phân bố ở hầu hết các xã trong huyện và hình thành những vùng có diện tích lớn, độ dốc phổ biến từ 5 - 15° , rất thích hợp cho sản xuất nông

nghiệp với các loại cây trồng lâu năm có giá trị kinh tế cao, hoặc kết hợp phát triển nông lâm nghiệp tùy theo điều kiện đất đai và nguồn nước.

- + Địa hình bằng: Có độ dốc từ 0 - 3°, phân bố tập trung ở lưu vực sông Đồng Nai, sông La Ngà và một số khu vực bằng cục bộ xen lẫn với các dãy đồi thoải. Đất đai thuộc khu vực này có độ phì nhiêu tốt thích hợp cho nhiều loại cây trồng như: cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày, lúa và hoa màu.
- + Địa hình trũng: là sản phẩm dốc tụ của địa hình đồi núi, có nền móng yếu, thích hợp trồng lúa nước và nuôi thủy sản.
- Nhìn chung với các dạng địa hình phong phú như trên cho phép huyện Tân Phú đa dạng hoá các loại hình sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế tổng hợp nông nghiệp - Thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp; tuy nhiên cũng gặp hạn chế lớn trong bố trí xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở như: giao thông, thủy lợi, điện,... phục vụ sản xuất.

3.2. Địa chất thủy văn:

- Theo bản đồ địa chất-thủy văn tỉnh Đồng Nai, huyện Tân Phú nằm trong khu vực nghèo nước ngầm có nguồn gốc cấu tạo từ các phun trào bazan, cấu tạo địa chất thuận lợi. Cường độ chịu lực của đất cao, ổn định và thuận lợi cho việc xây dựng. Nước ngầm trên đất đỏ vàng được phong hóa từ đá Bazan, xuất hiện ở độ sâu từ 25-30m. Các khu vực khác nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 80-120m, lưu lượng trung bình từ 0,5 đến 12l/s, chất lượng tốt.
- Hệ thống sông, suối, hồ trên địa bàn huyện có độ dốc lớn, lòng sông hẹp, lưu lượng nước phụ thuộc theo mùa, trong đó:

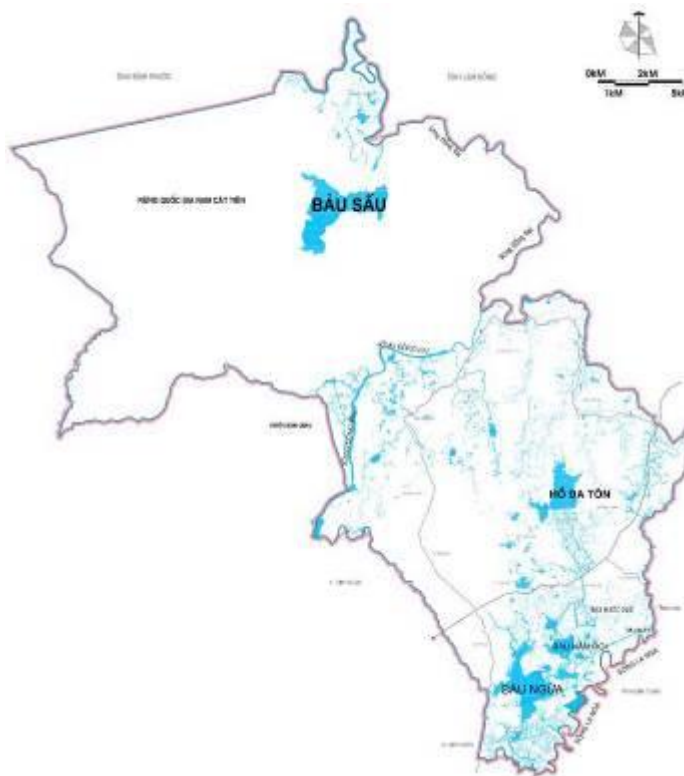
- + Sông Đồng Nai: từ dãy Trường Sơn Nam chạy qua địa bàn huyện Tân Phú, bắt đầu từ phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và điềm cuối phía Tây Bắc giáp với huyện Định Quán.

- + Sông Đạ Huoai: từ ranh tỉnh Lâm Đồng chảy qua hai xã Phú An và Nam Cát Tiên đổ ra sông Đồng Nai.

- + Sông La Ngà: chảy dọc theo ranh giới phía Đông Nam qua các xã Phú Bình, Phú Thanh, Phú Điền đến ranh giới huyện Định Quán.

- + Hồ Đa Tôn thuộc xã Thanh Sơn với diện tích 374,2 ha, tưới cho khoảng 1.400 ha đất lúa.

- + Đập Đồng Hiệp nằm trên địa bàn xã Phú Điền với diện tích 606,8ha, tưới cho khoảng 1.560 ha đất lúa.



- + Đập Năm Sao thuộc xã Phú Bình với diện tích 2,57 ha, tưới cho khoảng 250 ha đất lúa.
- + Đập Vàm Hồ thuộc xã Tà Lài có diện tích 7,55 ha, tưới cho khoảng 50 ha đất lúa.
- + Hệ thống sông suối và hồ chứa nước trên có trữ lượng nước khá lớn, có thể khai thác sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt với quy mô lớn; đồng thời có thể phát triển các hồ đập chứa nước sử dụng trong nông nghiệp và phát triển thủy điện.
- + Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn rất nhiều con suối nhỏ nằm rải rác ở các xã; nhưng lượng nước ở những con suối này tùy thuộc vào chế độ mưa và thường cạn kiệt nước vào mùa khô, nên khả năng cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt rất hạn chế, chủ yếu phục vụ tiêu nước vào mùa mưa.
- + Nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện rất phong phú, có trữ lượng lớn và chất lượng tốt, không bị ô nhiễm và phân bố đều trên phạm vi toàn huyện, có thể khai thác phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên do độ sâu khai thác cộng với địa hình phức tạp nên chi phí khai thác khá cao.

II. CÁC TÀI NGUYÊN TỰ NHIÊN VÀ NHÂN VĂN

1. Tài nguyên tự nhiên

1.1. Tài nguyên nước:

a. Nước mặt:

- Sông Đồng Nai: bắt nguồn từ Trường Sơn Nam, đoạn chảy vào địa bàn huyện Tân Phú thuộc vùng hạ lưu, có tổng chiều dài là 68km.
- Sông La Ngà: bắt nguồn từ vùng núi cao thuộc 2 tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng. Diện tích lưu vực: 4.100km², mô-đun dòng chảy khá (38,4l/s/km²), lưu lượng trung bình: 113 m³/s, lưu lượng kiệt: 3,5-4,0 m³/s. Chiều dài sông chính 290km, đoạn chảy qua huyện có chiều dài 23,5km chảy dọc theo ranh giới phía Đông Nam qua các xã Phú Bình, Phú Thanh, Phú Điền đến ranh giới huyện Định Quán.
- Sông Đa Huoai: qua địa bàn huyện Tân Phú chảy qua 2 xã Phú An và Nam Cát Tiên đổ ra sông Đồng Nai.
- Hệ thống sông suối và hồ chứa nước trên có trữ lượng nước khá lớn, có thể khai thác sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt với qui mô lớn; đồng thời có thể phát triển các hồ đập chứa nước sử dụng trong nông nghiệp và phát triển thủy điện.
- Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn rất nhiều con suối nhỏ nằm rải rác ở các xã; nhưng lượng nước ở những con suối này tùy thuộc vào chế độ mưa và thường cạn kiệt



Hồ Đa Tôn



nước vào mùa khô, nên khả năng cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt rất hạn chế, chủ yếu phục vụ tiêu nước vào mùa mưa.

b. Nước ngầm:

- Theo bản đồ Địa chất - Thủy văn tỉnh Đồng Nai tỷ lệ 1/100.000, nước ngầm của huyện nằm trên tầng đất đỏ vàng được phong hóa từ đá Bazan. Nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 25 - 30m. Ở các khu vực khác, nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 80 - 120m, lưu lượng trung bình từ 0,5 – 12 lít/s, chất lượng tốt. Hiện nay nước ngầm đang được khai thác cho sinh hoạt và tưới tiêu cây trồng.
- Nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện rất phong phú, có trữ lượng lớn và chất lượng tốt, không bị ô nhiễm và phân bố đều trên phạm vi toàn huyện, có thể khai thác phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Nhưng do độ sâu khai thác kết hợp với địa hình phức tạp nên chi phí để khai thác khá cao.

1.2. Tài nguyên đất:

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 77.595,70 ha. Theo số liệu tổng hợp trên bản đồ đất tỉnh Đồng Nai tỷ lệ 1/50.000 năm 1995 và bản đồ đất huyện Tân Phú tỷ lệ 1/25.000 năm 1998, trên địa bàn huyện có 6 nhóm đất chính. Do các điều kiện hình thành đất khác nhau tạo nên những đặc tính riêng biệt trong mỗi nhóm đất, cũng như khả năng sử dụng đối với mục đích nông, lâm nghiệp.

a. Nhóm đất phù sa:

- Diện tích 1.092 ha, chiếm 1,41% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện; hình thành từ sản phẩm phù sa của sông Đồng Nai và sông La Ngà, bao gồm đất phù sa mùn ít chua và đất phù sa mùn Gley.
- Phân bố tập trung ở các xã: Nam Cát Tiên, Phú Lập, Phú Thịnh, Thanh Sơn, Phú Điền, Phú Bình nhưng tập trung nhiều nhất ở hai xã Phú Điền và Phú Bình.
- Nhóm đất này thích hợp cho việc trồng lúa nước và cây ăn trái. Do gần các nguồn nước, có nước tưới quanh năm nên khả năng thâm canh tăng vụ lớn.

b. Nhóm đất Gley:

- Diện tích 11.929ha, chiếm 15,38% diện tích tự nhiên toàn huyện; hình thành từ sản phẩm dốc tụ do ngập nước lâu ngày, bao gồm đất gley mùn ít chua và đất gley mùn chua.
- Phân bố rải rác trên địa bàn toàn huyện, tập trung nhiều nhất ở các xã Phú Bình, Phú Thanh, Phú Điền và một phần ở Phú Lập, Phú Thịnh.
- Nhóm đất này chỉ thích hợp cho việc trồng lúa nước.

c. Nhóm đất đá bọt:

- Diện tích 144ha, chiếm 0,19% tổng diện tích đất toàn huyện; chỉ có một loại đất duy nhất là đất đá bọt, tầng đá nông.
- Phân bố chủ yếu trong rừng Quốc gia Nam Cát Tiên, một phần ở xã Phú Lộc.

d. Nhóm đất đen:

- Diện tích 23.878ha, chiếm 30,79% diện tích tự nhiên toàn huyện; đất hình thành trên đá bọt Bazan với 2 loại đất: đất nâu thẫm và đất đen gley.
- Phân bố tập trung ở các xã Tà Lài, Núi Tượng, Phú Thanh, Phú Thịnh, Phú Bình, Phú Lộc, thị trấn Tân Phú, Phú Trung, Trà Cỏ...

- Nhóm đất đen có chất lượng tốt hơn hẳn so với các loại đất đồi núi khác về các chỉ tiêu độ phì; rất thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn trái và cây hàng năm khác như: đậu bắp, thuốc lá,... Nhưng do có nhiều đá lẫn và đá lộ đầu nên quá trình canh tác còn gặp nhiều khó khăn.

e. Nhóm đất xám:

- Diện tích 27.438ha, chiếm 35,38% diện tích tự nhiên toàn huyện; hình thành trên mẫu chất đá trầm tích phiến sét, mẫu chất phù sa cô và một phần trên đá granite, bao gồm đất xám vàng tích sắt nhôm; đất xám vàng tầng đá nông; đất xám vàng tầng đá sâu; đất xám kết von ít, nông; đất xám sa cấu nhẹ, nghèo bazơ và đất xám gley, tích sắt nhôm.
- Phân bố ở hầu hết các xã, ngoại trừ thị trấn Tân Phú, Phú Bình và Nam Cát Tiên.
- Hạn chế chính của nhóm đất này chính là hàm lượng chất dinh dưỡng kém, nhưng thích hợp với nhiều mục đích sử dụng kể cả nông lâm nghiệp và xây dựng. Trong nông nghiệp, đất xám thích hợp với nhiều loại cây trồng như cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và cây hàng năm, cần chú trọng biện pháp xói mòn, rửa trôi và bổ sung chất dinh dưỡng cho đất hàng năm.

f. Nhóm đất đỏ:

- Diện tích 10.434ha, chiếm 13,45% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện; hình thành trên đá bazan.
- Nhóm đất này phân bố chủ yếu ở khu vực đồi cao thuộc vườn Quốc gia Nam Cát Tiên.
- Nhóm đất này có giá trị sử dụng vào loại cao nhất trong nông nghiệp so với các đất đồi núi khác ở nước ta; thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như: Cà phê, tiêu, cao su và các loại cây ăn trái (chôm chôm, sầu riêng).

1.3. Tài nguyên rừng

- Diện tích đất rừng chiếm tổng diện tích khá lớn trong của huyện là 45.927,22ha trong đó chủ yếu là diện tích thuộc vườn Quốc gia Nam Cát Tiên và một số diện tích nằm rải rác tại các xã. Đặc biệt, khu vườn Quốc gia Nam Cát Tiên đã được Nhà nước quyết định thành lập khu bảo tồn thiên nhiên, được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển, đây là nét đặc trưng đồng thời là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá của huyện, tỉnh và vùng nói chung, vừa là nơi tập hợp nhiều quần thể động, thực vật quý hiếm; vừa có tác dụng phòng hộ đầu nguồn điều hòa nước cho công trình thủy điện Trị An, tạo cân bằng sinh thái cho toàn vùng Đông Nam Bộ. Ngoài ra, còn góp phần phát triển ngành du lịch của địa phương.c



Rừng Quốc gia Nam Cát Tiên

- Với điều kiện địa hình, khí hậu và khả năng dung chứa đến 5 kiểu rừng (lá rộng thường xanh; thường xanh nửa lá rụng; hỗn giao gỗ tre; tre nửa thuần loại và thảm thực vật đất ngập nước) là những yếu tố tạo nên vườn Quốc gia Nam Cát Tiên trở thành nơi hội tụ các loài thực vật, động vật và rất giàu về tài nguyên đa dạng sinh học có hệ sinh thái rừng, hệ thực vật rừng, hệ động vật rừng đặc trưng cho hệ sinh

thái Đông Nam Bộ: hệ thực vật có hơn 1.610 loài bậc cao có mạch; bao gồm 23 loài đặc hữu, 39 loài Sách đỏ Việt Nam (2007) và 25 loài Danh lục đỏ IUCN (2012). Một số loài quý hiếm như Gõ đỏ, Cẩm lai, Giáng hương, Gõ mật, Cẩm thị... Rừng ở đây còn có ưu thế về các họ Dầu, họ Đậu và họ Tử vi. Thảm thực vật đất ngập nước của Vườn là hệ bào, đầm lầy hình thành cách nay từ 3.000-5.000 năm. Hệ thú có quan hệ chặt chẽ với vùng Tây Nguyên. Hiện, Vườn có 105 loài thú, trong đó 32 loài Sách đỏ Việt Nam (2007), 26 loài Danh lục IUCN (2012); một số loài quý hiếm là Bò tót, Voi, Chà vá chân đen, Vượn má vàng, Cu li nhỏ...

- Tính đa dạng sinh học của vườn Quốc gia Nam Cát Tiên: có các sinh cảnh của quần thể Voi châu Á (*Elephas Maximus*) từ 9-11 cá thể; của quần thể Bò tót (*Bos gaurus*) với 110 cá thể; của Bò rừng (*Bos banten*) với khoảng 8 -10 cá thể và của các loài linh trưởng quý hiếm, phong phú về thành phần loài và số lượng cá thể. Ở vườn Quốc gia Nam Cát Tiên hiện có 357 loài chim (31 loài Sách đỏ VN, 22 loài Danh lục IUCN); 83 loài bò sát (20 loài Sách đỏ VN, 13 loài Danh lục IUCN); 41 loài lưỡng cư (3 loài Sách đỏ VN, 3 loài Danh lục IUCN); 156 loài cá nước ngọt (4 loài Sách đỏ VN, 13 loài Danh lục IUCN). TS Khánh còn cho biết, tại Vườn có thể có trên 1.000 loài nấm, đã ghi nhận được 400 loài; Trong đó, họ Linh chi *Ganodermataceae* chiếm tỷ lệ cao nhất với 30 loài và các nhà khoa học đã phát hiện nơi đây có 12 loài đầu tiên tại Việt Nam. Tính đến thời điểm này, có đến 45 loài thực vật mới được phát hiện...



1.4. Tài nguyên khoáng sản

- Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện chỉ có đất sét, than bùn, cát và đá xây dựng.
- Than bùn tập trung ở xã Phú Sơn, đã và đang được khai thác để phục vụ cho công nghiệp phân bón.
- Đất sét có ở hầu hết các xã trên địa bàn huyện, nhưng tập trung nhiều ở xã Phú Thịnh, Phú Lộc và Phú Lập. Diện tích này đã và đang được khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Cát và đá xây dựng tập trung chủ yếu ở các xã có ranh giới dọc theo sông Đồng Nai, sông La Ngà và Bàu Min.

1.5. Tài nguyên nhân văn

- Vùng Tân Phú có tài nguyên nhân văn khá phong phú, vùng có những địa danh gắn liền với quá trình phát triển của tỉnh Đồng Nai. Huyện Tân Phú là một trong những địa phương có nhiều thành phần dân tộc sinh sống, các dân tộc là một cộng đồng thống nhất trong đa dạng, cư trú phân tán và đan xen nhau trên mọi vùng, các địa bàn của huyện với cơ cấu dân số và trình độ phát triển không đồng đều. Bản sắc văn hóa từng dân tộc góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam.
- Huyện Tân Phú có 22 thành phần dân tộc, trong đó có 21 dân tộc thiểu số với hơn 16 ngàn người chiếm khoảng 13% dân số toàn huyện. Trong các DTTS qui mô dân số cũng có sự chênh lệch đáng kể, có những dân tộc từ 500 – 1500 người, nhưng cũng có dân tộc có số dân rất ít, chỉ có từ 3 - 5 người.
- Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng trong thể thống nhất của nền văn hóa Việt Nam. Bản sắc văn hóa của các dân tộc được hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử dân tộc, điều đó đã tạo nên những sắc thái văn hóa riêng của từng dân tộc.
- Trong giai đoạn hiện nay nhân dân huyện Tân Phú với tinh thần cần cù, chịu khó, đoàn kết cùng nhau phát triển kinh tế xã hội huyện đi lên về mọi mặt.



2. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên.

2.1. Điểm mạnh:

- Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm và có các tuyến giao thông thủy bộ quan trọng đã tạo cho huyện Tân Phú có nhiều lợi thế để thu hút vốn đầu tư phát triển các ngành nông nghiệp, dịch vụ - du lịch; phát huy các nguồn lực sẵn có để đẩy mạnh nền kinh tế phát triển với tốc độ tăng trưởng cao, nâng cao đời sống của người dân, đồng thời góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai cũng như toàn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Khí hậu ôn hòa, không có các hạn chế về thời tiết như: bão, lụt, gió lạnh, sương muối, ... Các vấn đề về môi trường đang được quan tâm nên chưa có những phát sinh phức tạp.
- Nguồn tài nguyên thiên nhiên khá phong phú đặc biệt là tài nguyên rừng lớn nên luôn giữ cho huyện nằm trong vùng khí hậu mát mẻ quanh năm; nguồn nước mặt phong phú nên đã điều tiết, ngăn chặn được sự xâm nhập của thủy triều, ngăn lũ, hạn chế thiên tai; đồng thời tạo nguồn nước phục vụ cho nhà máy thủy điện Trị An, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt cho huyện.
- Địa hình tương đối bằng phẳng, cùng với tài nguyên đất phong phú thích hợp cho phát triển cây trồng ăn quả (đặc biệt là cây bưởi, sầu riêng, cam quýt, ...), lúa, hoa màu và nuôi thủy sản.

2.2. Điểm yếu:

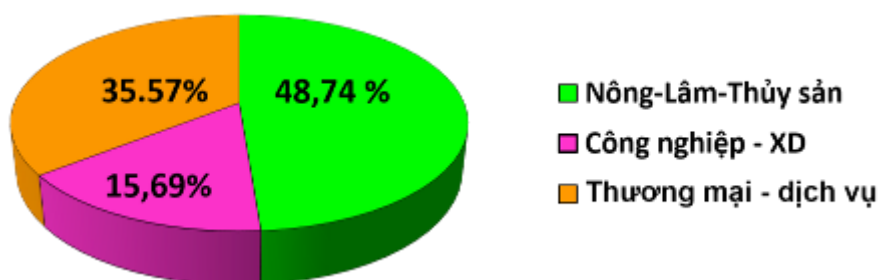
- Nằm ở vị trí thượng nguồn sông Đồng Nai đã đặt ra cho Tân Phú một thách thức không nhỏ trong quá trình phát triển đó là phát triển bền vững kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn nước, việc kêu gọi đầu tư có những khó khăn nhất định so với các huyện khác trong tỉnh.
- Là huyện có vị trí xa các trung tâm hành chính, công nghiệp, dịch vụ, ... của tỉnh nên mức độ thu hút đầu tư còn nhiều hạn chế.
- Do nhiều năm trước tài nguyên rừng bị khai thác quá mức nên vào mùa mưa thường gây tình trạng lũ lụt, đất bị xói mòn ảnh hưởng đến độ phì và hiệu quả sản xuất, đồng thời tác động mạnh đến môi trường sinh thái.
- Tài nguyên du lịch có tiềm năng rất lớn nhưng chưa được đầu tư khai thác một cách hiệu quả nên nguồn lợi thu được từ ngành này còn hạn chế.
- Bị tác động biến đổi khí hậu dọc sông Đồng Nai và khu vực xung quanh các hồ, các hồ.

III. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tình hình phát triển kinh tế:

1.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2017 (giá so sánh năm 2010) tăng 5,05% so với cùng kỳ, bình quân giai đoạn 2101-2015 tăng 6,27%, bình quân giai đoạn 2105-2017 tăng 5,0%.
- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng năm 2017 (giá so sánh năm 2010) tăng 16,47% so với cùng kỳ, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 39,48%/năm bình quân giai đoạn 2105-2017 tăng 21,74%/năm.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2017 tăng 12,57% so với cùng kỳ, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 17,25%/năm, bình quân giai đoạn 2015-2017 tăng 12,68%/năm.
- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2017 (giá so sánh năm 2010) đạt 2.829 tỷ đồng. Trong đó nông nghiệp 2.674 tỷ đồng, lâm nghiệp và thủy sản 140 tỷ đồng. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng năm 2017 đạt 1.768 tỷ đồng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2017 đạt 4.723 tỷ đồng.
- Cơ cấu kinh tế ngành Nông - lâm - thủy sản chiếm 48,74%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 15,69%; ngành Dịch vụ chiếm 35,57%;
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất: ngành Nông - Lâm - Thủy sản đạt 5,10%; ngành công nghiệp - xây dựng đạt 21,50%; tổng mức bán lẻ ngành hàng hóa - dịch vụ đạt 12,07%.



Bảng 1. Bảng cơ cấu các ngành kinh tế huyện Tân Phú năm 2017.

1.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

a. Khu vực kinh tế Nông nghiệp

- Sản xuất Nông Lâm Thủy sản phát triển ổn định, cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn từng bước chuyển dịch theo hướng đẩy mạnh sản xuất các loại nông sản có giá trị kinh tế cao, hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến.



- **Về sản xuất nông nghiệp:**

+ Trồng trọt:

- Tổng diện tích đất cây trồng năm 2017 là 38.663ha ha. Các loại cây trồng chủ yếu như sau: Tổng diện tích cây hằng năm đạt 23.472 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa 14.793 ha ha với sản lượng là 87.808 tấn. Diện tích gieo trồng bắp 3.523 ha với sản lượng đạt 27.025 tấn. Rau các loại có diện tích khoảng 1.809 ha, sản lượng 24.764 tấn.
- Diện tích cây lâu năm trong năm 2017 là 15.822 ha tăng 695 ha so với năm 2016 gồm chủ yếu cà phê, cây tiêu, cây điều, cao su, bưởi..

- + **Chăn nuôi:** Trong những năm qua, ngành chăn nuôi chịu tác động của nhiều loại dịch bệnh, làm cho đàn gia súc, gia cầm phát triển không ổn định. Tổng đàn gia súc ước đạt 147.475 con, trong đó: trâu 314 con, bò 7.653 con, heo 85.815 con, dê 53.693 con. Tổng đàn gia cầm ước đạt 1.214 nghìn con. Sản lượng thịt heo hơi 15.280 tấn (tăng 3,9%), gia cầm 6.075 tấn.

- Chăn nuôi nhỏ lẻ: Tổng số gia súc, gia cầm (Heo, Trâu, Bò, Dê): 89.034 con chiếm 56,49% tổng đàn; Gà, Vịt: 245.856 con chiếm 21,27% tổng đàn; Tổng số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn huyện là 8.757 hộ.
- Chăn nuôi trang trại: Trên địa bàn huyện có 47 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm (32 trang trại chăn nuôi heo; 07 trang trại chăn nuôi gà; 08 trang trại chăn nuôi vịt.
- Số trang trại nằm vùng quy hoạch có 29 trang trại tập trung tại địa bàn các xã Phú Thanh, Phú Điền, Phú Lộc, Phú Lập, Phú Thịnh, Nam Cát Tiên, Phú An, Phú Lâm, Phú Xuân.
- Số trang trại nằm ngoài vùng quy hoạch có 03 trang trại chăn nuôi heo và 03 trang trại chăn nuôi vịt.
- Trên địa bàn huyện không xảy ra các dịch bệnh truyền nhiễm như: Tai xanh, Lở mồm long móng, Cúm gia cầm, ... một số bệnh thông thường trên gia súc, gia cầm được kiểm soát và phòng trị kịp thời. Tổ chức tiêm vắc xin phòng chống các loại bệnh: tụ huyết trùng, LMLM, cúm A H5N1 kịp thời và đạt chất lượng.

- **Về Nuôi trồng thủy sản:**

Huyện Tân Phú có sông Đồng Nai, sông La Ngà và nhiều hồ, đập - là điều kiện thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Nhiều hộ gia đình đã mở rộng diện tích nuôi cá, tôm đạt hiệu quả kinh tế cao.

- + Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2017 là 1.934 ha. Trong đó diện tích nuôi cá 1.870 ha, nuôi tôm 56 ha, nuôi lồng bè 43 bè/11 hộ. Sản lượng nuôi đạt 5.530 tấn tăng 416 tấn so với cùng kỳ, trong đó cá 5.275 tấn (bao gồm sản lượng nuôi lồng bè), tôm 119 tấn, sản lượng khai thác 221 tấn.
- + Mô hình nuôi, trồng thủy sản trong các hồ, đập và sông, suối đã phát huy hiệu quả tốt, như nuôi cá trắm cỏ, cá rô phi, cá trê, cá chép, cá lăng và đặc biệt là nuôi tôm. Tuy nhiên, do biến động của giá cả thị trường không thuận lợi cho ngư dân, môi trường và dịch bệnh diễn biến xấu, tỷ lệ rủi ro cao làm cho đời sống ngư dân không ổn định.

Nhìn chung, ngành chăn nuôi trong những năm qua còn gặp nhiều khó khăn, cơ sở vật chất còn nhỏ lẻ. Diện tích trồng cỏ chăn nuôi chủ yếu dưới tán cây lâu năm. Công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ mới trong chăn nuôi còn nhiều hạn chế. Về giết mổ gia súc, trên địa bàn huyện đã có 01 cơ sở giết mổ tập trung tại ấp Phương Mai 2, xã Phú Lâm (hợp tác xã Hiệp Nhất), 03 điểm giết mổ nhỏ lẻ tại các xã Phú Điền, Tà Lài, Nam Cát Tiên; các điểm trên đều nằm trong quy hoạch của tỉnh. Cần đẩy mạnh phát triển các mô hình chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng trừ dịch bệnh. Ngăn ngừa có hiệu quả các loại dịch bệnh nguy hiểm có thể phát sinh.

- ***Về Lâm nghiệp:***

- + Trên địa bàn huyện có Vườn quốc gia Nam Cát Tiên được Nhà Nước thành lập khu bảo tồn thiên nhiên và được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển. Đồng thời còn có rừng phòng hộ thuộc công trình thủy điện Trị An và rừng sản xuất.
- + Diện tích đất lâm nghiệp của huyện Tân Phú năm 2017 là 46.458,78 ha, chiếm 59,87% so diện tích tự nhiên.
- + Năm 2017, phân loại rừng trên địa bàn huyện như sau: Diện tích rừng đặc dụng là 38.330,22 ha; diện tích rừng phòng hộ là 5.072,07 ha và diện tích rừng sản xuất là 3.056,50 ha.
- + Diện tích rừng nguyên sinh chiếm tỷ lệ cao, trữ lượng rừng giàu, độ che phủ của rừng đạt từ 55- 60%. Công tác tuần tra, kiểm soát quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được quan tâm, nên số vụ cháy rừng giảm đáng kể. Tổ chức các hội nghị tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ và phát triển rừng được nhân rộng.

- ***Đánh giá chung về công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện.***

- + Những thuận lợi và kết quả đạt được:
 - Sản xuất nông nghiệp năm 2017 nhìn chung phát triển theo đúng định hướng và từng bước đạt được những mục tiêu tái cơ cấu: Lĩnh vực trồng trọt phát triển tương đối tập trung, chuyên canh; cây trồng chuyên dịch theo hướng tăng nhanh diện tích các cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao (Bưởi, sầu riêng, tiêu); đã hình thành được các vùng chuyên canh tập trung như: Cây bưởi (Tà Lài, Phú Thịnh, Phú Lộc); sầu riêng (Phú Xuân, Nam Cát Tiên; Phú Sơn, Phú An); Cây tiêu (Phú Lộc, Phú Thịnh, Phú Xuân); việc áp dụng khoa học kỹ thuật mới (giống mới, quy trình canh tác mới: Xử lý ra hoa trái vụ, rải vụ, sử

dụng phân hữu cơ vi sinh trong canh tác; ...); Mô hình hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản đã được hình thành trên một số cây trồng (cây ca cao, cà phê, lúa).

- Ngành chăn nuôi phát triển đúng hướng, phù hợp với quy hoạch; mô hình chăn nuôi trang trại có tốc độ phát triển rất nhanh. Hệ thống chuồng trại được đầu tư theo hướng hiện đại, quy mô (chuồng mát, biogas, đệm lót sinh học); công tác kiểm soát giết mổ thực hiện chặt chẽ, quyết liệt; đến nay tình hình giết mổ gia súc, gia cầm nhìn chung được quản lý chặt chẽ; các điểm giết mổ gia súc, gia cầm được quy hoạch và kiểm soát đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường. Công tác phòng trừ dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được thực hiện khá tốt như: hỗ trợ triển khai thực hiện kịp thời công tác tiêm phòng các bệnh bắt buộc trên gia súc, gia cầm; tiêu độc khử trùng; kiểm soát giết mổ...; nên không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn gây ảnh hưởng tới ngành chăn nuôi.
- Công tác thủy lợi tưới tiêu được chủ động thực hiện kịp thời; các công trình thủy lợi được duy tu, sửa chữa thường xuyên và phục vụ hiệu quả.
- Công tác phòng chống cháy rừng được chủ động thực hiện, phối hợp chặt chẽ; duy trì thực hiện có hiệu quả kế hoạch trồng cây phân tán.
- Công tác quản lý sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp: Kiểm tra, đánh giá các cơ sở sản xuất kinh doanh, phối hợp thực hiện chặt chẽ; công tác kiểm tra, chứng nhận cơ sở đảm bảo an toàn thực phẩm bước đầu được triển khai thực hiện, góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện.

+ Những khó khăn và tồn tại hạn chế

- Tình hình thời tiết năm 2017 diễn biến phức tạp, mưa trái mùa đầu năm 2017 và mùa mưa bão đến sớm nhưng kết thúc muộn đã gây thiệt hại lớn cho cây trồng và thiệt hại về nhà ở của người dân.
- Vụ Hè thu và vụ Mùa năm 2017 có diện tích gieo trồng vượt 2-6% so kế và tăng 20% so với cùng kỳ tuy nhiên năng suất các loại cây trồng có tăng nhưng không đáng kể. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ lúa sang bắp hoặc một số cây trồng cạn khác, diện tích cây bắp giảm mạnh so với cùng kỳ do không chuyển đổi từ đất trồng một vụ lúa sang ngô, hoặc tăng vụ.
- Các dự án cánh đồng lớn, hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản mặc dù đã được triển khai nhưng nhìn chung còn chậm. Kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất năm 2017 dù đã được xây dựng từ đầu năm nhưng quá trình triển khai thực hiện gặp nhiều vướng mắc dẫn đến công tác giải ngân chậm so với tiến độ đề ra.
- Giá cả một số mặt hàng chủ lực trên địa bàn huyện (Tiêu, Cà phê, Heo,...) có thời điểm xuống thấp làm ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân.
- Công tác quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn vệ sinh thực phẩm mặc dù đã triển khai thực hiện nhưng vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

b. Khu vực kinh tế Công nghiệp – xây dựng

b.1. Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Huyện tăng từ 1.230 cơ sở năm 2010 lên 1.295 cơ sở năm 2017. Hầu hết các cơ sở sản xuất công

ng nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đều có quy mô nhỏ (chủ yếu là hộ cá thể), số doanh nghiệp chưa nhiều. Các sản phẩm chủ yếu là: Khai thác đá, cát sỏi xây dựng, gạch các loại, mộc dân dụng, cửa sắt, cửa nhôm, nước đá cây, nước máy, xay xát lúa, chế biến hạt điều, may mặc, bánh, bún, ...

- Giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 275,6 tỷ đồng năm 2010 lên 1.768 tỷ đồng năm 2017 (theo giá so sánh năm 2010), tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2015-2017 là 21,74%.

- Tỷ trọng tổng sản phẩm địa phương (giá so sánh năm 2010) của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu tổng sản phẩm địa phương của huyện năm 2010 đạt 3,2% (tính chung cả công nghiệp và xây dựng là 8,1%), năm 2017 đạt 3,8% (tính chung cả công nghiệp và xây dựng là 9,3%). Các sản phẩm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn sản xuất ở quy mô nhỏ, trình độ công nghệ thấp.



Quy hoạch Khu công nghiệp Tân Phú

- Công nghiệp - TTCN huyện Tân Phú tiếp tục được đầu tư nâng cao năng lực, sản xuất nhiều mặt hàng mới, sử dụng nguồn nguyên liệu của địa phương, giải quyết lao động nông thôn có việc làm. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu của huyện dựa trên nguồn nguyên liệu sẵn có và sử dụng nhân công nhiều như chế biến nông sản: điều, tiêu,...

b.2. Về Xây dựng

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn huyện vượt 14,4% so NQ; so với năm 2017 tăng 36,4%. Tổng số 82 dự án (bao gồm các dự án của tỉnh phân cấp về cho huyện), đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng 33 dự án, đang thi công 14 dự án, đang lập hồ sơ 07 dự án, còn lại 28 dự án đã hoàn tất hồ sơ tổ chức đấu thầu triển khai thực hiện. Nhìn chung công tác giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản và thi công xây dựng cơ bản triển khai còn chậm.

c. Khu vực kinh tế Thương mại dịch vụ và Du lịch

c.1. Về Thương mại - Dịch vụ

- Trong giai đoạn 2010 - 2017 ngành Thương mại, dịch vụ đã đạt tốc độ tăng trưởng khá cao. Hoạt động thương mại dịch vụ phát triển đáng kể trong năm qua và chủ yếu là phát triển thương mại dịch vụ ngoài quốc doanh. Ngành dịch vụ phát triển đa dạng với nhiều loại hình hoạt động, thu hút các thành phần kinh tế tham gia, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và dân sinh.



Chợ Phương Lâm

- Tổng số cơ sở kinh doanh thương mại, du lịch đã tăng từ 5.511 cơ sở năm 2010 lên 7.601 cơ sở năm 2017. Trong đó, số doanh nghiệp tăng từ 60 doanh nghiệp năm 2010 lên 119 doanh nghiệp năm 2016, 121 doanh nghiệp năm 2017; hộ kinh doanh cá thể tăng từ 5.451 hộ năm 2010 lên 7.516 hộ năm 2017.
- Tổng số lao động kinh doanh thương mại, du lịch tăng từ 14.055 người năm 2010 lên 15.696 người năm 2017, tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2017 là 2,8%.



TMDV dọc quốc lộ 20

c.2. Về ngành Du lịch

- Trên địa bàn huyện có một số điểm du lịch nổi tiếng như Vườn Quốc gia Nam Cát Tiên, hồ Đa Tôn, suối Mơ, thác Hòa Bình, ...
- Trong năm 2017 ngành du lịch huyện đã thu hút 436.262 lượt khách tăng 83,8% so với cùng kỳ năm 2016. Tổng doanh thu đạt 54,8 tỉ đồng tăng 51,5% so với cùng kỳ năm 2016. Doanh thu này chủ yếu đến từ các dịch vụ như dịch vụ ăn uống, cho thuê buồng ngủ, dịch vụ lễ hành, dịch vụ vui chơi giải trí và các dịch vụ khác. Phần lớn khách du lịch đến với Tân Phú chủ yếu là đến với vườn Quốc gia Cát Tiên và Công viên Suối Mơ. Đặc biệt là Khu Du lịch Suối Mơ trong năm 2017 thu hút hơn 360.000 lượt khách doanh thu hơn 38 tỉ đồng. Các tuyến du lịch sinh thái hiện có tại Vườn đều được khai thác, trong đó du khách tập trung nhiều ở các tuyến Bà Sáu, Bà Chim, Bằng lăng, điểm cây Si, xem thú đêm, một số tuyến du lịch sinh thái quanh khu vực Vườn Quốc gia Cát Tiên và du lịch dã ngoại trong ngày tại Công viên Suối Mơ.
- Các kế hoạch đã và đang thực hiện:
 - + Duy trì thường xuyên gặp gỡ các đơn vị kinh doanh Du lịch trên địa bàn huyện và tích cực giải quyết các khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi nhất trong hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn.
 - + Khuyến khích và chấp thuận Khu du lịch Suối Mơ tiếp tục quy hoạch mở rộng đầu tư với diện tích 142,6 ha nhằm khai thác tối đa tiềm năng du lịch.
 - + Tiếp tục làm việc Đài truyền hình Đồng Nai tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch và hướng phát triển du lịch huyện Tân Phú trong thời gian tới. Đồng thời phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh tăng cường các hoạt động quảng bá, xúc tiến Du lịch, tổ chức chương trình Famtrip khảo sát “Giới thiệu điểm đến du lịch Đồng Nai” (du lịch Tân Phú) cho đối tượng là các thành viên Hiệp hội du lịch, doanh nghiệp du lịch và các báo, đài các tỉnh ở Phía Bắc (Hà Nội, Sơn La) và Tp. Hồ Chí Minh
 - + Cung cấp cho du khách, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch thông tin về các dự án mời gọi đầu tư, các điểm đến tại địa phương tạo điều kiện mở rộng thị trường, xúc tiến cơ hội đầu tư và nâng cao hình ảnh du lịch Tân Phú.
 - + Tổ chức thành lập Chi hội Du lịch huyện Tân Phú gồm các khu, điểm du lịch và các dịch vụ lưu trú du lịch trên địa bàn nhằm gắn kết và kết nối giữa các doanh

ng nghiệp kinh doanh du lịch với nhau để cùng hỗ trợ, phát triển và hình thành tuor, tuyến du lịch du lịch trong huyện.

- + Phối hợp với Sở VH TT DL tỉnh tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực làm công tác Du lịch trên địa bàn huyện như tổ chức 2 lớp tập huấn nghiệp vụ: lớp nghiệp vụ giao tiếp du lịch cho các cá nhân và các tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện và lớp tập huấn kỹ năng du lịch cộng đồng tại xã Nam Cát Tiên cho các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, cán bộ công chức và bà con nhân dân xã Nam Cát Tiên và các xã lân cận.
- + Cùng với quá trình hình thành các sản phẩm du lịch, các dịch vụ lưu trú phục vụ du lịch ngày một phát triển trên địa bàn huyện tính đến nay có 57 cơ sở lưu trú (khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ); 14 cơ sở dịch vụ vận tải khách du lịch cơ bản đáp ứng nhu cầu lưu trú và vận chuyển cho khách du lịch.

2. Dân số, lao động và thu nhập

2.1. Dân số

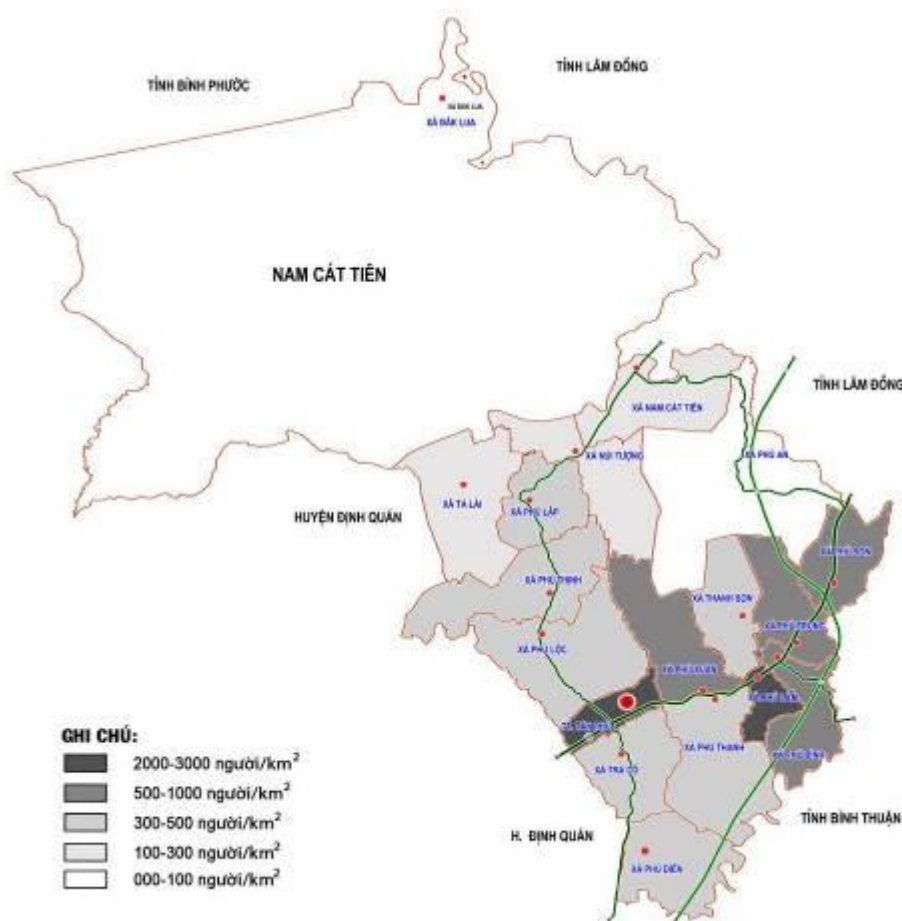
- Năm 2017, dân số của huyện Tân Phú là 168.770 người (số liệu chi cục thống kê huyện Tân Phú), chiếm 5,6% dân số trung bình của tỉnh Đồng Nai; Trong đó nữ khoảng 83.740 người, chiếm tỷ lệ 49,03% tổng dân số toàn Huyện. Mật độ dân số khoảng 217 người/km² thấp thứ 5 trong số 11 đơn vị hành chính của tỉnh Đồng Nai, chỉ cao hơn huyện Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Thống Nhất và thị xã Long Khánh; Dân số thành thị (thị trấn Tân Phú là 24.480 người, chiếm 14,5%, còn lại là dân số nông thôn của 17 xã có 145.445 người, chiếm 86,39%.

Bảng 2. Diện tích, dân số và mật độ dân số huyện Tân Phú năm 2017.

Số TT	Tên xã /thị trấn	Diện tích (km ²)	Dân số TB (người)	Mật độ dân số (người/km ²)
	TỔNG SỐ	775,96	168.770	217
1	Thị trấn Tân Phú	8,09	24.480	3.026
2	Xã Phú Bình	15,99	12.013	751
3	Xã Phú Lâm	6,2	14.598	2.355
4	Xã Phú Thanh	28,17	13.091	465
5	Xã Phú Lộc	30,91	8.620	279
6	Xã Trà Cỏ	17,17	7.060	411
7	Xã Phú Điền	20,33	7.286	358
8	Xã Phú Lập	14,31	7.112	497
9	Xã Phú An	52,55	4.787	91
0	Xã Núi Tượng	23,26	5.589	240
11	Xã Đăk Lua	415,86	5.599	13
12	Xã Nam Cát Tiên	22,1	5.476	248
13	Xã Phú Sơn	14,5	9.582	661
14	Xã Phú Trung	15,42	7.975	517
15	Xã Thanh Sơn	15,4	6.078	395
16	Xã Phú Xuân	21,6	13.063	605
17	Xã Phú Thịnh	26,7	9.101	341
18	Xã Tà Lài	27,4	7.260	265

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tân Phú năm 2017)

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2017 là 0,98%. Trong những năm qua, dân số trên địa bàn huyện Tân Phú có mức giảm cơ học khá lớn, chủ yếu do số người trong độ tuổi lao động chuyển đi làm việc tại các khu công nghiệp và các trung tâm kinh tế lớn.
- Nhìn chung, dân số Tân Phú phân bố tương đối không đều, tập trung 1 số xã ven Quốc lộ 20, các tuyến đường liên xã, còn lại các xã vùng sâu, vùng xa dân số sống rải rác và mật độ thấp.



Hình 6. Sơ đồ hiện trạng mật độ phân bố dân cư toàn huyện

2.2. Lao động và thu nhập

- Số người trong độ tuổi lao động tăng từ 99.249 người năm 2010 và 109.204 người năm 2017 (chiếm 67,06% so với dân số). Lao động làm việc trong các ngành kinh tế – xã hội 73.230 người.
- Cơ cấu sử dụng lao động đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, nhưng sự chuyển dịch còn chậm, lao động sản xuất nông, lâm nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ cao.
 - + Lao động trong ngành Nông, Lâm Nghiệp và Thủy sản 53.110 người, chiếm tỷ trọng lao động là 72,52%.
 - + Lao động trong ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng là 7.730 người năm 2017, chiếm tỷ trọng lao động là 10,56%.

- + Lao động trong các ngành thương mại, dịch vụ khoảng 12.390 người năm 2017. Chiếm tỷ trọng lao động 16,92%.
- Lao động trên địa bàn huyện chủ yếu là lao động nông nghiệp, số lao động ở lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ lệ đáng kể. Do Tân Phú là 1 huyện miền núi nên trồng trọt, chăn nuôi là những ngành nghề truyền thống thu hút lực lượng lao động lớn. Mặt khác, do dân cư tập trung khá đông ở các trung tâm thị trấn, thị xã huyện nên các cơ sở sản xuất công nghiệp và xây dựng phát triển ở những khu vực này. Bên cạnh đó, chất lượng lao động chưa cao, trình độ còn hạn chế vì khả năng học tập, tiếp cận thông tin, với những tiến bộ KHKT khó khăn, nhất là khi điều kiện đi lại không thuận lợi.
- Thu nhập bình quân đầu người (theo giá thực tế) tăng từ 21.283.000 đồng/người năm 2010 lên 31.450.000 đồng/người năm 2016 và 45.75 triệu đồng/người năm 2017.

2.3. Tín ngưỡng, dân tộc

- Huyện miền núi Tân Phú có 17 dân tộc anh em. Ngoài một số dân tộc bản địa từ nhiều đời nay như: dân tộc Mạ, Stiêng, K'Ho, Châu Ro,... Tân Phú còn có nhiều dân tộc anh em khác ở trên mọi miền đất nước, di cư đến đây sinh sống như: Khơ Me, Chăm, Mường, Tày, Thái, Nùng,... Mỗi dân tộc có một nét văn hóa riêng, rất đa dạng và phong phú, tạo nên những nét đặc trưng riêng cho từng dân tộc. Trước sự giao thoa của các nền văn hóa và sự mai một bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc ít người. Vì thế, trong những năm qua Tân Phú luôn chú trọng đến việc bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị văn hóa cũng như tinh thần đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.



Nhà Văn hoá các Dân tộc xã Tà Lại

- Do tập quán cuộc sống du canh, du cư, nên những nét văn hóa đặc trưng của những cư dân bản địa này đã ít nhiều bị mai một, thất truyền cả về văn hóa vật thể và phi vật thể, như những ngôi nhà sàn, có xu thế bị thay thế bởi các mẫu cấu trúc của các ngôi nhà hiện đại; các bộ trang phục truyền thống, thổ cẩm ít được mặc thường xuyên; những nét văn hóa truyền thống của người dân tộc thiểu số dần ít được chú ý; các ngành nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số như rèn, đúc các công cụ sản xuất, các sản phẩm thủ đan, dệt dần cũng bị mai một để thay thế vào đó là các sản phẩm tương tự có sẵn ngoài thị trường. Về văn hóa tinh thần, nhiều giá trị văn hóa dân gian đang có nguy cơ mai một dần theo thời gian, nội dung một số lễ hội truyền thống, một số lễ thức đặc thù như Lễ mừng lúa mới, Lễ hội đâm trâu, ... cùng những bài ca nghi lễ cúng tế mang đậm màu sắc tín ngưỡng, những làn điệu dân ca hát ru, dân vũ, các loại nhạc cụ truyền thống như đàn, tù và hay các bộ cồng, chiêng,... ít được cộng đồng quan tâm gìn giữ, chế tác và sử dụng.



- Để duy trì những giá trị văn hóa phi vật thể và vật thể, năm 2002 huyện Tân Phú đã xây dựng nhà văn hóa các dân tộc Tà Lại, đây là nơi tổ chức các hoạt động lễ, hội văn hóa của đồng bào dân tộc, cũng như trưng bày các

vật dụng truyền thống của đồng bào. Các hoạt động lễ hội, các cơ quan chuyên môn của huyện cũng đã xây dựng một số mô hình hoạt động tiêu biểu như: Tổ chức các cuộc liên hoan văn nghệ dân gian, các cuộc thi “Làng vui chơi – Làng ca hát”, Hội thi các làn điệu dân ca dân gian của các tộc người trên địa bàn. Công tác khôi phục trang phục và phát triển nghề truyền thống dệt thổ cẩm của đồng bào được quan tâm, đẩy mạnh. Huyện tiến đầu tư xây dựng Nhà dệt thổ cẩm tại ấp 4, xã Tà Lài, nhằm giúp đồng bào duy trì truyền thống dệt thổ cẩm.



3. Đánh giá chung hiện trạng kinh tế - xã hội:

3.1. Những kết quả đạt được:

- Kinh tế phát triển tuy không nhanh bằng các huyện phía Nam nhưng khá ổn định, thu nhập bình quân đầu người ngày càng được nâng cao.
- Các vấn đề về văn hóa – xã hội được quan tâm phát triển nên chỉ tiêu văn hóa – xã hội đạt được trong thời gian qua là khá cao, đảm bảo người dân có thể thụ hưởng các phúc lợi văn hóa – xã hội cao nhất có thể.
- Môi trường được bảo vệ khá tốt, đặc biệt là bảo vệ nguồn nước sông Đồng Nai và tài nguyên rừng. Đây là thành quả rất khích lệ thể hiện vai trò của Tân Phú đối với nguồn nước sinh hoạt cho phần lớn nhân dân trong vùng tỉnh Đồng Nai.
- Hạ tầng cơ sở cơ bản đã được đầu tư, tạo cơ hội để thu hút vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp và đô thị.
- Bước đầu đã phát huy các lợi thế về cảnh quan như: rừng quốc gia Nam Cát Tiên, các khu rừng và vườn cây ăn trái ven sông Đồng Nai, ... vào phát triển du lịch.
- Có nguồn lao động dồi dào, nhân dân cần cù, nhạy bén với ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, có truyền thống đấu tranh cách mạng, năng lực lãnh đạo và chỉ đạo của bộ máy nhà nước của huyện ngày càng được nâng cao.

3.2. Những tồn tại và hạn chế:

- Phát triển kinh tế thuộc phạm vi Huyện quản lý còn thấp, chủ yếu là kinh tế nông nghiệp, hiệu quả chưa cao.
- Phát triển kinh tế – xã hội còn rất chênh lệch giữa các khu vực đô thị và nông thôn. Mức độ đô thị hoá và đời sống kinh tế-văn hoá còn thấp.
- Kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật chưa phát triển mạnh nên chưa khai thác tốt một số lợi thế về điều kiện tự nhiên vào phát triển kinh tế-xã hội.
- Thiếu lực lượng lao động kỹ thuật cho phát triển, nhất là cho công nghiệp.
- Lực lượng lao động nhiều nhưng lao động chất lượng cao thì hạn chế nên cũng gây khó khăn cho giải quyết việc làm.

3.3. Điểm mạnh:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây có bước phát triển mạnh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Nhiều cơ chế chính sách phát triển được bổ sung và sửa đổi kịp thời, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cơ cấu dân số lao động trẻ, nguồn nhân lực dồi dào.

3.4. Điểm yếu:

- Tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng của Huyện, phát triển thiếu bền vững.
- Ngành công nghiệp, dịch vụ phát triển chậm. Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chưa hấp dẫn thu hút du khách với số lượng lớn.
- Nông nghiệp sản xuất còn phân tán, chưa theo hướng sản xuất hàng hóa, chưa hình thành các vùng nông nghiệp chuyên canh, vùng nông nghiệp công nghệ cao.
- Việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển còn hạn chế so với nhu cầu và tiềm năng của Huyện.
- Việc tăng dân số cơ học và phân bố dân cư tự phát đã gây khó khăn cho địa phương về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, nhà ở, thiếu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

3.5. Các cơ hội cho phát triển:

- Kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi, các nền kinh tế lớn đã tăng trưởng trở lại sẽ tạo nên làn sóng đầu tư mới. Trong điều kiện Việt Nam đã gia nhập WTO nên cơ hội thu hút đầu tư từ bên ngoài sẽ rất thuận lợi. Trong đó vùng KTTĐPN có sức hút đầu tư lớn nhất cả nước và có những ảnh hưởng lan tỏa theo chiều hướng có lợi cho các khu vực phụ cận, trong đó có Tân Phú.
- Những thuận lợi trong chính sách đầu tư của tỉnh Đồng Nai: Phát du lịch sinh thái Nam Cát Tiên, du lịch ven sông Đồng Nai, phát triển công nghiệp, tạo động lực phát triển cho huyện
- Các khu, cụm CN-TTCN ở Tân Phú cơ bản đã hình thành và đang kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

3.6. Các nguy cơ ảnh hưởng:

- Tân Phú có vai trò đặc biệt trong bảo vệ tài nguyên rừng và quốc phòng nên trong phát triển nếu không chú trọng đến các vấn đề trên sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng.
- Xu thế toàn cầu hoá sẽ gây sức ép cạnh tranh rất lớn đến sức cạnh tranh của sản phẩm trên phạm vi toàn quốc, trong đó có Tân Phú.
- An ninh sẽ bị xáo trộn, nhiều tệ nạn xã hội có thể bùng phát nếu không làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động, quản lý và bảo vệ an ninh xã hội.
- Qua đánh giá tổng quát thực trạng, các lợi thế và những cơ hội phát triển cho thấy: trong những năm tới huyện Tân Phú có đầy đủ các khả năng cũng như cần phải phát triển mạnh kinh tế-xã hội, để tránh tụt hậu và có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường tự nhiên của tỉnh Đồng Nai.

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

1. Thực trạng phát triển đô thị

- Thị trấn Tân Phú là đô thị duy nhất thuộc huyện, được xác định là đô thị loại IV với diện tích hành chính 809,39ha chiếm 1,04% diện tích tự nhiên toàn huyện. Là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội của huyện miền núi nên tốc độ đô thị hóa hơi chậm so với các đô thị thuộc huyện khác trong tỉnh.
- Thị trấn Tân Phú được lập Quy hoạch chung từ năm 1992. Đến năm 2008 thị trấn điều chỉnh quy hoạch chung và được UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 29/09/2008. Qua hơn 10 năm quản lý, phát triển và xây dựng, diện mạo thị trấn đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, thị trấn đã đầu tư xây dựng nhiều hạng mục công trình công cộng, cơ sở hạ tầng cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và đạt được nhiều thành tựu đáng kể.
- Dân số thành thị (thị trấn Tân Phú) là 22.480 người, chiếm 14,5% tổng dân số huyện, bình quân khoảng 124,5m²/người.
- Cùng với tốc độ phát triển kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội như: giáo dục, y tế, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước sạch, ... được quan tâm đầu tư, nâng cấp ngày càng hoàn thiện.



2. Thực trạng phát triển nông thôn

2.1. Hiện trạng phát triển dân cư nông thôn:

- Dân số nông thôn (các xã còn lại) là 144.290 người, chiếm 85,5% tổng dân số huyện, diện tích đất ở nông thôn toàn huyện năm 2017 khoảng 977,2 ha (theo số liệu thống kê phòng Tài Nguyên & Môi Trường huyện cung cấp), bình quân khoảng 67,71m²/người.
- Các khu dân cư nông thôn phân bố không đều, tập trung chủ yếu hai bên đường giao thông, tập trung tại các xã có điều kiện phát triển kinh tế như Phú Xuân, Phú Lâm, Phú Thanh, Phú Bình. Đặc biệt ở khu vực xã Phú Lâm hiện có dân cư tập trung với mật độ rất cao, nhất là khu vực chợ Phương Lâm (trên 2.300 người/km²) và có điều kiện phát triển thành đô thị loại V trong tương lai.
- Các xã trong Huyện vẫn chưa được đầu tư tốt về cơ sở hạ tầng xã hội nên các khu dân cư vẫn chưa phát triển đồng đều. Trong giai đoạn 2011-2016, các xã được đầu tư xây dựng theo chương trình nông thôn mới, trong đó xã Phú Lập, Phú Lâm được định hướng phát triển thành đô thị cụm xã (thị tứ).
- Hệ thống các trung tâm cụm xã cũng đã được hình thành nhưng nhìn chung cơ sở hạ tầng còn hạn chế. Trình độ dân trí, tập quán canh tác, thu nhập giữa các khu vực dân cư nông thôn và giữa người dân tộc tại chỗ với người di cư còn có khoảng cách.
- Dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ lệ rất thấp, kinh tế chủ yếu phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp.

2.2. Hình thái dân cư nông thôn

- Điểm dân cư thị tứ: thị tứ hình thành tại trung tâm cụm xã, trung tâm xã. Hình thái tổ chức không gian có xu hướng phát triển dọc theo hai bên trục giao thông chính (theo trục quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện,..). Mô hình ở thường kết hợp giữa nhà ở liên kế và cửa hàng dịch vụ buôn bán nhỏ lẻ. Hoạt động kinh tế của các hộ gia đình phổ biến là vừa làm dịch vụ vừa sản xuất nông nghiệp. Chiều sâu điểm dân cư thường không lớn, phần lớn phụ thuộc vào điều kiện địa hình; chủ yếu là 1 lớp nhà dọc theo trục đường.
- Điểm dân cư nông thôn: Mỗi điểm dân cư nông thôn thường có quy mô từ 200-500 hộ. Gồm các mô hình nằm dọc tuyến đường giao thông, điểm dân cư gắn liền với đất sản xuất (trồng cây ăn trái), điểm dân cư truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Đối với các xã có địa bàn rộng, khoảng cách giữa các điểm dân cư tương đối lớn thì mối liên hệ giữa các điểm dân cư với nhau và với trung tâm xã tương đối khó khăn.
 - + Điểm dân cư nằm dọc các trục đường giao thông.
 - + Điểm dân cư với mô hình ở gắn liền với sản xuất: quy mô dân số nhỏ chỉ khoảng 20 - 50 hộ.
 - + Điểm dân cư sản xuất vườn rừng: quy mô khoảng 10 - 20 hộ.
 - + Điểm dân cư canh tác cây công nghiệp và chăn nuôi tập trung: theo dạng tuyến điểm, bám dọc đường giao thông. Quy mô khoảng 50 - 70 hộ/điểm. Các công trình hạ tầng xã hội tương đối đầy đủ.

2.3. Thực trạng xây dựng nông thôn mới

- Tính đến 7 năm 2018, toàn huyện hiện đã có 14/17 xã đạt chuẩn nông thôn, đạt 82,4%.
- Trong năm 2017, huyện có thêm 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: Trà Cỏ, Phú Bình, Phú Trung tại Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 26/01/2018; và đến tháng 5/2018 thêm xã Phú Sơn đạt chuẩn Nông thôn mới theo Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; Các xã: Phú Sơn đạt 16/19 tiêu chí (đang tổ chức khắc phục các tiêu chí chưa đạt để trình hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trong tháng 3/2018), Thanh Sơn đạt 16/19 tiêu chí, 49/53 chỉ tiêu; Tà Lài đạt 13/19 tiêu chí, 46/53 chỉ tiêu; Phú An đạt 12/19 tiêu chí, 44/53 chỉ tiêu. Căn cứ thực hiện theo Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh về điều chỉnh một số chỉ tiêu (tiêu chí) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai: xã Phú Thịnh đạt 8/19 tiêu chí, 33/47 chỉ tiêu; Nam Cát Tiên đạt 13/19 tiêu chí, 38/47 chỉ tiêu; Phú Xuân đạt 10/19 tiêu chí, 37/47 chỉ tiêu; Phú Thanh đạt 11/19 tiêu chí, 36/47 chỉ tiêu; Phú Lập đạt 8/19 tiêu chí, 31/47 chỉ tiêu; Phú Lộc đạt 10/19 tiêu chí, 34/47 chỉ tiêu; Phú Điền đạt 7/19 tiêu chí, 31/47 chỉ tiêu; Đắc Lua đạt 6/19 tiêu chí, 20/47 chỉ tiêu; Phú Lâm đạt 8/19 tiêu chí, 32/47 chỉ tiêu; Núi Tượng đạt 8/19 tiêu chí, 31/47 chỉ tiêu. Dự kiến trong năm 2018 huyện hoàn thành thêm 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Phú Sơn, Thanh Sơn, Tà Lài và Phú An), nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn 17/17 xã, đạt 100% số xã.
- Căn cứ thực hiện theo quyết định 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới: Toàn huyện đạt được 7/9 tiêu chí, 12/14 chỉ tiêu; còn 2 tiêu chí chưa đạt gồm:

- + Tiêu chí 2 - Giao thông (chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch: đạt 66,82% với 79,74/119,34 km).
- + Tiêu chí 5 - Y tế - Văn hoá - Giáo dục (chỉ tiêu 5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn: đạt 25% với ¼ trường). Còn 3 trường chưa đạt (Trường THPT Đoàn Kết đã được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia).
- Dự kiến trong năm 2018 huyện Tân Phú sẽ hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới.
- Bộ mặt nông thôn thay đổi, kết cấu hạ tầng được đầu tư, đời sống nhân dân nâng cao. Nhiều cơ chế, chính sách thực hiện hiệu quả như cơ chế hỗ trợ đường giao thông nông thôn theo phương thức "nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ vật tư"; huy động các nguồn lực và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để xây dựng NTM; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn,... Vì vậy đã huy động được nguồn lực khá lớn cho xây dựng NTM trong đó phần lớn là nguồn lực trong nhân dân (vốn dân, các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã đóng góp và vốn dân vay phát triển sản xuất).

3. Đánh giá chung

3.1. Điểm mạnh

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình công nghiệp, các công trình văn hoá, giáo dục, thương mại - dịch vụ công cộng đang dần được đầu tư tạo động lực cho đô thị phát triển.
- Đã hình thành các điểm dân cư tập trung phát triển kinh tế và các trung tâm xã.
- Đã triển khai quy hoạch xây dựng các xã theo mô hình nông thôn mới.

3.2. Điểm yếu

- Còn một bộ phận lớn dân cư nông thôn sống rải rác phân tán trong nội đồng gây khó khăn cho việc hình thành vùng chuyên canh, chuyên môn hóa trong sản xuất và hưởng các hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.
- Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, công tác quản lý đô thị và nông thôn còn nhiều bất cập.

V. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

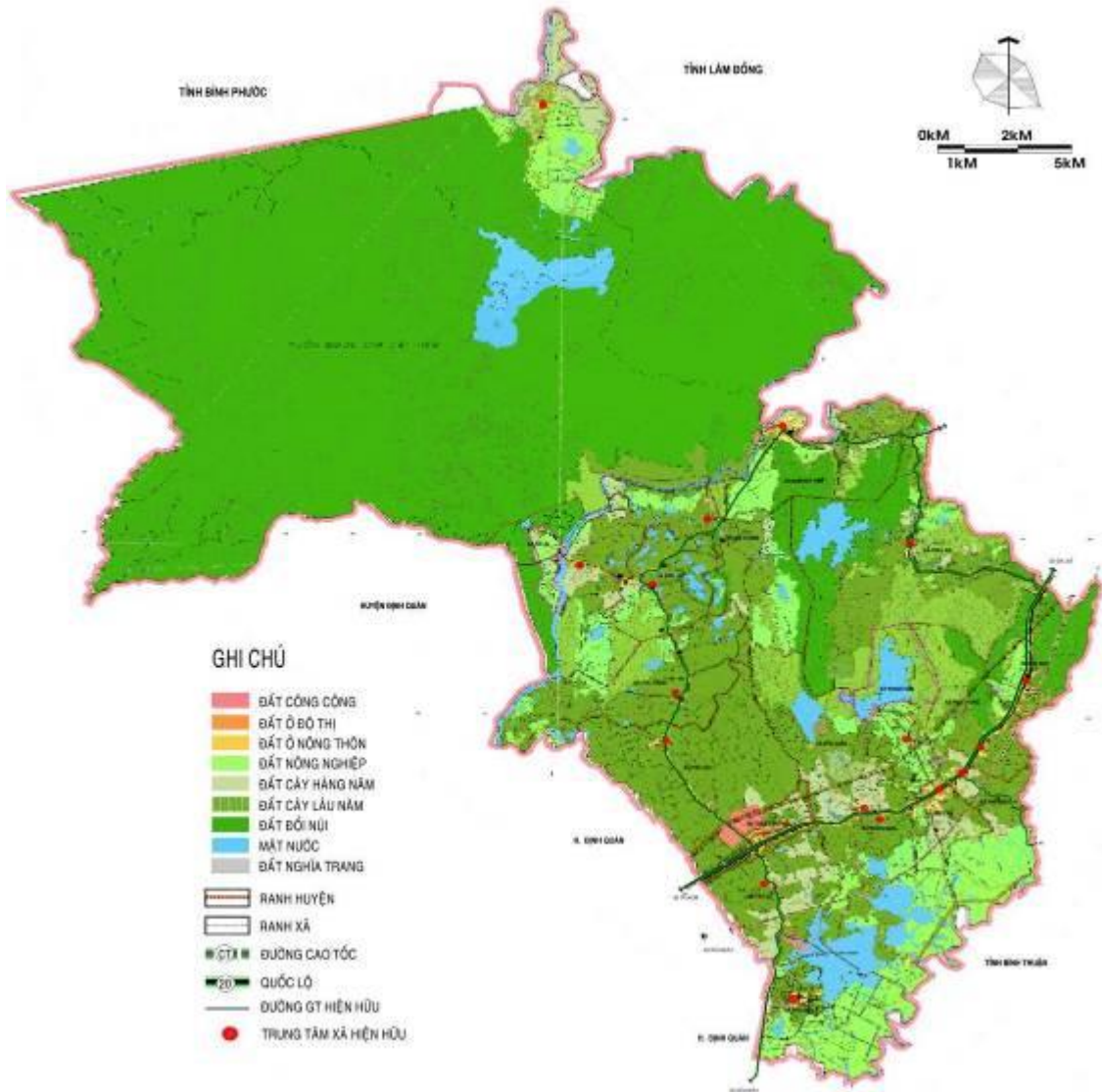
Tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện Tân Phú là **77.595,70** ha bao gồm:

- Đất xây dựng đô thị có diện tích khoảng 305 ha, chiếm khoảng 0,39% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện và bình quân khoảng 124,59 m²/người.
- Diện tích đất nông nghiệp năm 2017 là 26.574,18 ha, chiếm 34,25% tổng diện tích đất tự nhiên, diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sử dụng đất.
- Diện tích đất lâm nghiệp năm 2017 là 46.458,78 ha, chiếm 59,87% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó bao gồm đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng đặc dụng.
- Đất sông suối mặt nước chuyên dùng có diện tích là 1.529,76 ha, chiếm 1,97% tổng diện tích đất tự nhiên.

Bảng 3. Bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất toàn huyện năm 2017

Stt	Loại đất	Năm 2017	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng đô thị	305,00	0,39
2	Đất nông nghiệp	26.574,18	34,25
	a. Đất sản xuất nông nghiệp	25.020,07	
	- Đất trồng lúa	7.247,26	
	- Đất trồng cây hằng năm	1.348,42	
	- Đất trồng cây lâu năm	16.424,39	
	b. Đất nuôi trồng thủy sản	1.414,69	
	c. Đất nông nghiệp khác	139,42	
3	Đất lâm nghiệp	46.458,78	59,87
	- Đất rừng phòng hộ	5.072,07	
	- Đất rừng đặc dụng	38.330,22	
	- Đất rừng sản xuất	3.056,50	
7	Đất sông suối và mặt nước	1.529,76	1,97
8	Đất khác	2.727,97	3,52
IV	Tổng diện tích tự nhiên	77.595,70	100,00

Nguồn: Thống kê sử dụng đất năm 2017 (Phòng Tài nguyên – Môi trường).



Hình 7. Sơ đồ Sử dụng đất hiện trạng toàn huyện năm 2017

VI. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Hiện trạng xây dựng các công trình công cộng:

- Công trình hành chính: Khu trung tâm hành chính và các chuyên ngành cấp Huyện được xây dựng tại thị trấn Tân Phú, dọc theo Quốc lộ 20 và hai bên đường Trịnh Hoài Đức và Nguyễn Tất Thành bao gồm các công trình như: UBND Huyện, Huyện uỷ, Công an, Toà án, Trung tâm chính trị huyện, Nhà công vụ, Bưu điện, Kho bạc, Nhà công vụ, Chi cục thuế huyện Tân Phú, khối phòng ban thuộc Huyện, Hạt kiểm Lâm, ... có cơ sở vật chất khá tốt, hiện đáp nhu cầu phục vụ người dân.
- Giáo dục:
 - + Trong giai đoạn 2011-2017, toàn huyện đã có



thêm 11 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn là 19/67 trường, đạt 30,05%. Năm 2017, tổng số trường học trên địa bàn huyện là 67 trường thuộc huyện quản lý bao gồm:

- **Bậc Mầm non** có tổng số 24 trường, trong đó có 04 trường công lập, cơ sở vật chất các trường mầm non còn rất khó khăn, với 324 nhóm lớp, trong đó có 150 phòng kiên cố, chiếm 60,8%; Toàn huyện có 05 trường đạt chuẩn quốc gia.
- **Bậc Tiểu học** có tổng số 24 trường với 535 lớp, cơ sở vật chất các trường Tiểu học cơ bản đã đầy đủ các phòng học, chỉ thiếu các phòng chức năng và trang thiết bị dạy và học, trong đó có 07 trường đạt chuẩn quốc gia.
- **Bậc Trung học cơ sở** có tổng số 17 trường với 266 lớp, cơ sở vật chất các trường THCS cơ bản đã đầy đủ các phòng học, chỉ thiếu các phòng chức năng và trang thiết bị dạy và học, trong đó có 07 trường đạt chuẩn quốc gia.
- **Trung học phổ thông** có 04 trường với 203 phòng, đã được xây dựng kiên cố 100%;
- 01 Trường Dân tộc nội trú.
- 02 trường Phổ thông Dân lập đa cấp
- Trung tâm giáo dục TX và học tập cộng đồng có 18 phòng đã kiên cố 100%.



+ Hiện trạng phân bố các trường học trên địa bàn huyện tương đối hợp lý theo các cụm dân cư, đủ điều kiện để đầu tư nâng cấp thành trường đạt chuẩn. Tuy nhiên, còn một số ít điểm trường mầm non và tiểu học có khuôn viên quá nhỏ, trong quy hoạch sử dụng đất cần bố trí đủ diện tích để mở rộng qui mô trong giai đoạn sau theo tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia.



- **Đào tạo dạy nghề:** Trên địa bàn Huyện có Trung tâm dạy nghề đã được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tương đối đầy đủ phục vụ cho công tác đào tạo nghề. Năm 2017, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 63,7% (tính cả đào tạo nghề ngắn hạn). nhìn chung, chất lượng lao động trên địa bàn huyện còn thấp, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và các bộ quản lý kinh doanh giỏi còn rất thiếu, cần phát triển đa dạng hình thức đào tạo nghề cho nông thôn.
- **Công trình Y tế:**
 - + Năm 2017, trên địa bàn huyện có 20 cơ sở y tế, bao gồm: 1 trung tâm y tế huyện Tân Phú, 1 phòng khám đa khoa khu vực và 18 trạm y tế xã, thị trấn.
 - + Số trạm y tế có bác sĩ là 18 (đạt 100%). Tổng số có 280 giường bệnh, trong đó thuộc trung tâm y tế và phòng khám đa khoa khu vực là 190 giường, bình quân đạt 11,3 giường bệnh/1 vạn dân (không kể giường bệnh của các trạm y tế xã). Tổng số cán bộ y tế (kể cả dược) là 408 người, trong đó có 57 bác sĩ; 97 y sĩ và kỹ thuật viên; 236 y tá và cán bộ y tế khác; 18 cán bộ dược..

- + Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được quan tâm. Các chương trình quốc gia về y tế, bảo vệ chăm sóc trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, ... ngày càng được nâng lên.



- Công trình văn hoá - thể thao:

- + Trên địa bàn huyện hiện có: Trung tâm văn hóa – thể thao huyện, 01 thư viện cấp huyện với diện tích 74.242 m², nhà thi đấu đa năng và 14 Trung tâm Văn hóa Thể thao – Học tập cộng đồng và 01 Nhà văn hóa các dân tộc xã Tà Lài.

- + Phong trào văn hóa văn nghệ, xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều thành tích đáng kể góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong những năm qua và trong việc xây dựng nông thôn mới hiện nay. Đến năm 2017, tỷ lệ ấp, khu phố đạt danh hiệu ấp, khu phố văn hóa, đạt 91,72% và tỷ lệ hộ đình đạt chuẩn gia đình văn hóa đạt 97,13%. Số xã làm tốt công tác phòng chống tệ nạn xã hội: 18/18 xã đạt 100%. Cơ quan, đơn vị trường học có đời sống văn hóa tốt: 128/133 đạt 96,38%.

- + Bên cạnh đó, còn có các cơ sở ngoài công lập gồm: 06 hồ Bơi, khu vui chơi CLB Lan Phương, 01 sân tennis, 10 phòng tập thể hình – Areobic – võ thuật và 08 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, nhiều sân bóng chuyền, cầu lông... đã tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu phục vụ vui chơi giải trí, tập luyện thể dục thể thao của nhân dân trên địa bàn huyện.



TMDV khu vực chợ Phương Lâm

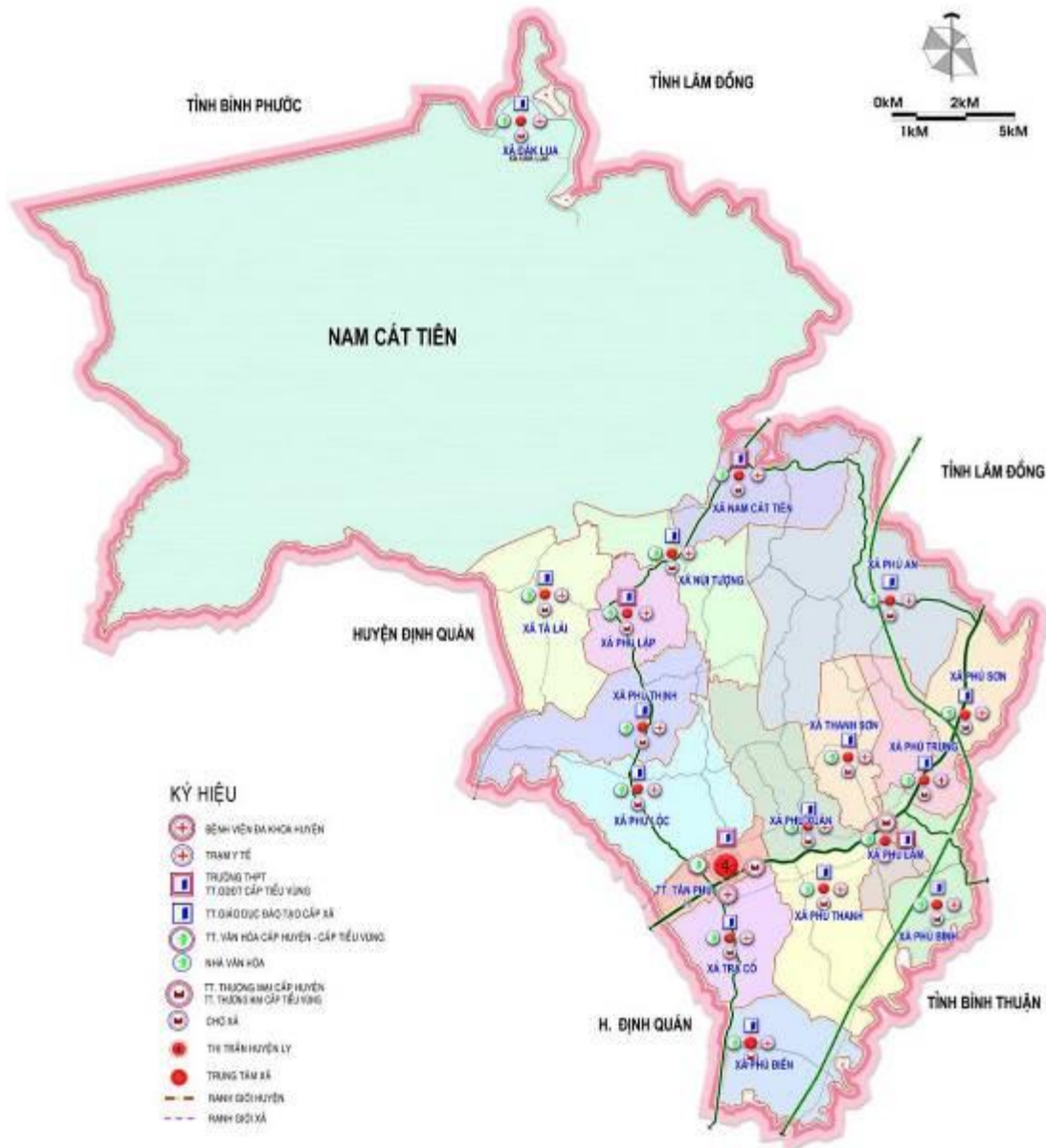
- + Tuy nhiên, mạng lưới cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn huyện Tân Phú vẫn còn thiếu. Mặt khác, do chưa có hạt nhân thúc đẩy phong trào nên hoạt động thể dục thể thao chưa phát triển mạnh. Cần sớm quy hoạch cụ thể và đầu tư xây dựng các sân, bãi tập luyện thể dục thể thao của huyện và các xã gắn liền với xây dựng khu vui chơi giải trí. Góp phần thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực con người Việt Nam toàn diện cả về thể lực và trí tuệ.



- Thương mại – Dịch vụ:

- + Đến cuối năm 2017 trên địa bàn Huyện có 11 chợ đang hoạt động, trong đó có 08 chợ đã được đầu tư xây dựng là chợ Phương Lâm, Nam Cát Tiên, Núi Tượng, Phú Lập, Phú Lộc, Phú Sơn, Đăclua và chợ 142; 03 chợ đang được đầu tư xây dựng là chợ Ngọc Lâm (xã Phú Xuân), chợ Phú Điền và chợ trung tâm thị trấn Tân Phú.

- + Chợ Phương Lâm là chợ có lịch sử hình thành từ lâu đời, hiện nay là một trong những trung tâm thương mại lớn của Huyện Tân Phú.
- + Ngoài ra, các khu phố thương mại xung quanh khu vực chợ và nhà ở kết hợp thương mại dọc theo quốc lộ 20 cũng góp phần phục vụ nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa cho người dân.
- + Hiện nay, hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện có 22 cửa hàng đủ điều kiện hoạt động, đảm bảo cung cấp nhiên liệu phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.



Hình 8. Sơ đồ hiện trạng hệ thống Hạ tầng xã hội vùng

2. Hiện trạng xây dựng các Khu – cụm công nghiệp.

- Khu Công nghiệp Tân Phú đã có 04 nhà đầu tư thuê đất trong đó: có 02 nhà đầu tư đang hoạt động (Công ty TNHH FGL2; công ty TNHH HiFashion ViNa) và 02 nhà đầu tư đang trong giai đoạn triển khai xây dựng nhà xưởng (Công ty TNHH Sản Xuất thương mại Ngọc Phượng; Công ty CP Sợi Miền Đông). Tổng diện tích đất cho thuê đến nay là 10,52 ha chiếm 31,5% diện tích đất công nghiệp cho thuê (đất công nghiệp cho thuê khoảng 33,41 ha). Tổng số lao động đang làm việc trong khu công nghiệp khoảng 4.500 người..
- Khu dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân 55ha, phục vụ khu công nghiệp do Cty TNHHMTV Tín nghĩa làm chủ đầu tư (đến nay dự án đang tạm dừng).
- Hiện nay trên địa bàn huyện có 1.166 cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trong đó có 1 nhà máy chế biến hạt điều của Công ty Donafoods thuộc doanh nghiệp nhà nước, còn lại chủ yếu là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, phân tán của các hộ gia đình quy mô nhỏ. Giá trị sản xuất công nghiệp- TTCN còn thấp, sản lượng công nghiệp chủ yếu là khai thác VLXD, khai thác cát, đá, gạch và các ngành chế biến nông sản thực phẩm, gia công cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Cụm công nghiệp Phú Thanh quy mô 30ha tại xã Phú Thanh hiện nay đã có quyết định thành lập cụm công nghiệp và đang mời gọi đầu tư hạ tầng.
- Sự hình thành và phát triển các khu, cụm công nghiệp thu hút và giải quyết việc làm cho một số lượng lớn lao động trong và ngoài địa phương; sự gia tăng và đa dạng hoá các ngành nghề dịch vụ góp phần làm tăng thu nhập, từng bước nâng cao đời sống của người dân.

VII. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

1.1. Hiện trạng giao thông

- **Quốc lộ:** Quốc lộ 20 là tuyến quốc lộ duy nhất đi qua địa bàn huyện. Đầu tuyến giao Quốc lộ 1 tại ngã tư Dầu Giây đi thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng Đoạn qua địa bàn huyện dài 19,6Km từ giáp ranh huyện Định Quán đến giáp ranh với tỉnh Lâm Đồng. Đạt chuẩn cấp III đồng bằng với quy mô mặt cắt ngang mặt đường rộng 11m, nền đường rộng 12m (với 2 làn xe cơ giới và 2 làn xe hỗn hợp). Trên tuyến có cầu Phương Lâm (kết cấu bê tông liên hợp, tải trọng 25 tấn).
- **Đường tỉnh quản lý:** Trên địa bàn có 02 tuyến:
 - + ĐT.30/4: Dài 4,7 km, điểm đầu giao QL.20 tại km 67+00 thuộc xã Phú Bình, huyện Tân Phú, điểm cuối giáp ranh tỉnh Bình Thuận. Hiện trạng, mặt BTN, rộng 5m, nền 7m, chất lượng tốt.
 - + ĐT.Tà Lài - Trà Cỏ (ĐT.774B): Dài 50 km, điểm đầu ranh Phú Hòa - Phú Điền; điểm cuối giao ĐT. Cao Cang. Hiện trạng gồm 2 đoạn như sau:



- Đoạn 1: Dài 2,5 km, điểm đầu ranh Phú Hòa - Phú Điền, điểm cuối áp 10 xã Gia Canh. Hiện trạng, mặt đường BTXM+CPSĐ, mặt rộng 3,5m, nền đường BT rộng 6,5m, nền đường đất rộng 5-7m, chất lượng trung bình.
- Đoạn 2: Dài 2,5 km, điểm đầu áp 10 Gia Canh, điểm cuối giao ĐT.Cao Cang. Hiện trạng, mặt BTN, rộng 5m, nền 7m, chất lượng tốt.

- Đường huyện quản lý:

Hiện nay, trên địa bàn huyện Tân Phú có tổng cộng 23 tuyến do huyện quản lý với tổng chiều dài 168,4 km, tỷ lệ cứng hóa đạt 75,4% (tương ứng 127,0 km). Hiện trạng, các tuyến đường huyện đã đạt cấp IV, V, VI-ĐB. Đường ô tô từ trung tâm huyện đến trung tâm xã đã được cứng hóa, đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân. Tuy nhiên, hiện nay các tuyến kết nối liên xã còn hạn chế và còn mặt đường đất, nên ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại và vận chuyển của người dân các xã với nhau.

- Đường đô thị

Hệ thống đường đô thị tại thị trấn Tân Phú đã và đang được đầu tư xây dựng theo QHC đã được phê duyệt. Đến nay, khoảng gần 2/3 chiều dài mạng đường nội ô thị trấn đã được xây dựng hoàn thiện.

1.2. Hiện trạng vận tải trên địa bàn huyện

- Vận tải hàng hóa: Hiện nay trên địa bàn huyện lực lượng tư nhân đảm nhận vai trò vận chuyển hàng hóa là chính.
- Vận tải hành khách: Toàn huyện có 61 xe khách các loại đảm nhận vận chuyển hành khách đi các tỉnh khác.



1.3. Hiện trạng bến bãi đỗ xe

- Tại thị trấn Tân Phú hiện có 1 bến xe khách liên tỉnh loại 3, quy mô 5.939m², là đầu mối giao thông đường bộ đối ngoại phục vụ các huyện phía Bắc của tỉnh Đồng Nai. Hiện bến xe Tân Phú đang đối lưu với các huyện trong tỉnh và liên tỉnh.
- Tại xã Nam Cát Tiên có 1 bến xe loại 4, quy mô 5.000m².
- Bến xe Phương Lâm loại 4, quy mô 3.451m² tại xã Phú Lâm.
- Công ty cổ phần xăng dầu Tín Nghĩa đã đưa vào sử dụng trạm dừng chân Tân Phú (năm 2009). Tại xã Phú Sơn trên khu đất rộng 3,3ha bên cạnh Quốc lộ 20. Cách Đà Lạt 160 km và cách thành phố Hồ Chí Minh 150 Km.

Bảng 4. Hiện trạng các bến xe

Stt	Bến, bãi	Vị trí	Diện tích (m ²)	Loại bến
1	Bến xe Tân Phú	Đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú.	5.939	3
2	Bến xe Phương Lâm	Km 74 + 960, QL.20	3.451	4
3	Bến xe Nam Cát Tiên	Đường 600A, ấp 4, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú.	5	4
4	Trạm dừng xe Tân Phú	Xã Phú Sơn.	32.544	1

1.4. Giao thông công cộng:

Hiện có tuyến xe buýt số xe buýt Bến xe Biên Hòa – bến xe Phương Lâm (mã số tuyến 14), dài 117km với lộ trình: Bến xe TP. Biên Hoà – đường CMT8 – đường 30/04 – đường Võ Thị Sáu – đường Đồng Khởi – ngã 4 Tân Phong - đường Nguyễn Ái Quốc – Quốc lộ 1A – thị trấn Trảng Bom – ngã 3 Dầu Giây – Quốc lộ 20 – thị trấn Định Quán đến Bến xe Phương Lâm, huyện Tân Phú. Giờ hoạt động: từ 3:40 đến 20:50, giãn cách: Từ 18 đến 20 phút một chuyến, có 90 chuyến /ngày.

1.5. Đường thủy

Vùng huyện Tân Phú có 2 sông chảy qua là sông Đồng Nai và sông La Ngà.

- Sông Đồng Nai chảy qua các xã Phú Thịnh – Tà Lài – Nam Cát Tiên – xã Đắc Lua với chiều dài khoảng 71,4Km.
- Sông La Ngà chảy qua các xã Phú Điền – Phú Thanh – Phú Bình với chiều dài khoảng 22,6Km.
- Suối Bùng Bình dài 17Km.

Trên 2 tuyến này có một số bến phà và bến đò, chủ yếu phục vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách qua sông. Do địa hình dốc, nhiều ghềnh thác mùa khô cạn kiệt, mùa mưa nước chảy xiết nên không thuận lợi cho giao thông thủy phát triển.

1.6. Nhận xét:

- Về giao thông đối ngoại : tương đối thuận lợi với các tuyến giao thông như sau:
 - + Quốc lộ 20 kết nối Đồng Nai với Lâm Đồng .
 - + Đường 30/4 (ĐT.774) kết nối huyện Tân Phú với tỉnh Bình Thuận.
 - + Đường Tà Lài- Trà Cổ (ĐT.774B) kết nối huyện Tân Phú với huyện Định Quán.
- Do dọc hai bên QL20 tập trung quá nhiều các công trình hành chính, thương mại, dịch vụ, ... cũng như dân cư kéo dài từ thị trấn đến các xã Phú Lâm, Phú Bình, Phú Thanh, Phú Sơn, mật độ phương tiện giao thông trên QL. 20 luôn ở mức cao, trong khi QL.20 mới chỉ có 1 đoạn qua thị trấn có đường gom nên nguy cơ về tai nạn giao thông rất cao.
- Các tuyến giao thông từ huyện lỵ đến trung tâm các xã, các khu dân cư tập trung của huyện đã được nhựa hóa lưu thông thuận tiện.
- Do địa hình trung du chia cắt, xã Đắc Lua nằm ở phía Bắc huyện để đi về trung tâm, người dân phải đi phà qua tỉnh Lâm Đồng theo ĐT.721 ra quốc lộ 20 về thị trấn Tân Phú. Các tuyến còn lại được hình thành theo mạng nhánh hoặc xương cá với trục Quốc lộ 20, đa phần từ các đường mòn có kết cấu là cấp phối sỏi đỏ, tỷ lệ nhựa hóa chưa cao, mặt và nền đường chưa đủ tiêu chuẩn. Chưa đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa trên địa bàn huyện.
- Trong những năm qua, hệ thống giao thông nông thôn đã và đang được chính quyền địa phương và nhân dân đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới tuy nhiên vẫn còn nhiều tuyến đường đất, cấp phối..chưa thuận lợi cho giao thông.

Nhìn chung, hiện trạng hệ thống giao thông trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ở huyện. Tuy nhiên, để trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội của huyện, cần ưu tiên đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới phát triển đồng bộ mạng lưới giao thông theo quy hoạch.

2. Hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt

2.1. Địa hình, địa mạo

a. Địa hình, địa mạo

- Huyện Tân Phú có dạng địa hình bán sơn địa, với những dãy đồi thoải lượn sóng. Độ cao trung bình từ 150 - 300m so với mặt nước biển, nơi cao nhất lên đến 500m và có xu hướng thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Độ dốc <math><15^\circ</math> chiếm diện tích đa số; có thể phân chia địa hình của huyện thành 4 dạng như sau:
 - + Núi thấp: Phân bố rải rác ở phía Bắc, Đông Bắc và tây Bắc, độ cao phổ biến từ 200 - 300m, nơi cao nhất gần 500m. Độ dốc khu vực này trên 15° , khả năng sử dụng trong nông nghiệp rất hạn chế mà chỉ thích hợp phát triển lâm nghiệp để bảo vệ đất đai, chống xói lở.
 - + Đồi thoải lượn sóng : Phân bố ở hầu hết các xã trong huyện và hình thành những vùng có diện tích lớn, độ dốc phổ biến từ $5 - 15^\circ$, rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp với các loại cây trồng lâu năm có giá trị kinh tế, hoặc kết hợp phát triển nông lâm nghiệp tùy theo điều kiện đất đai và nguồn nước.
 - + Địa hình bằng: Có độ dốc từ $0 - 3^\circ$, phân bố tập trung ở lưu vực sông Đồng Nai, sông La Ngà và một số khu vực bằng cục bộ xen lẫn với các dãy đồi thoải. Đất đai thuộc khu vực này có độ phì nhiêu tốt thích hợp cho nhiều loại cây trồng như: cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày, cây hàng năm.
 - + Địa hình trũng: là sản phẩm dốc tụ của địa hình đồi núi, có nền móng yếu, thích hợp trồng lúa nước và nuôi thả cá.
- Nhìn chung với các dạng địa hình phong phú như trên cho phép huyện Tân Phú đa dạng hoá các loại hình sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế tổng hợp Công nghiệp - Thương mại, dịch vụ, Du lịch; tuy nhiên cũng gặp hạn chế lớn trong bố trí xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở như: giao thông, thủy lợi, điện, ... phục vụ sản xuất.

b. Thủy văn:

- Hệ thống sông suối, hồ, đập trên địa bàn huyện thường có độ dốc lớn, lòng sông hẹp, lưu lượng nước phụ thuộc theo mùa, trong đó:
 - + Hệ thống sông rạch: gồm hệ thống sông Đồng Nai, Sông Đạ Huoai, Sông La Ngà.
 - + Hệ thống hồ: hồ Đa Tôn thuộc xã Thanh Sơn với diện tích 374,2 ha.
 - + Hệ thống đập bao gồm: Đập Đồng Hiệp, Đập Năm Sao, Đập Vàm Hồ,...
 - + Suối: trên địa bàn huyện còn rất nhiều con suối nhỏ nằm rải rác ở các xã; nhưng lượng nước ở những con suối này tùy thuộc vào chế độ mưa và thường cạn kiệt nước vào mùa khô, nên khả năng cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt rất hạn chế, chủ yếu phục vụ tiêu nước vào mùa mưa.
 - + Hệ thống sông suối và hồ chứa nước trên có trữ lượng nước khá lớn, có thể khai thác sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt với quy mô lớn; đồng thời có thể phát triển các hồ đập chứa nước sử dụng trong nông nghiệp và phát triển thủy điện.
- Nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện rất phong phú, có trữ lượng lớn và chất lượng tốt, không bị ô nhiễm và phân bố đều trên phạm vi toàn huyện, có thể khai thác phục

vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Nhưng do độ sâu khai thác cộng với địa hình phức tạp nên chi phí khai thác khá cao.

2.2. Hệ thống thủy lợi

Các công trình thủy lợi được xây dựng đã mang lại hiệu quả cao như: hệ thống đê bao Phú Điền, các hệ thống trạm bơm Đắc Lua, Tà Lài, hệ thống kênh tưới tiêu ở Phú Bình, Phú Thanh, ... Tuy nhiên, hệ thống thủy lợi hiện nay vẫn chưa sử dụng hết công suất thiết kế. Nguyên nhân là do công tác thủy lợi nội đồng từng khu vực vẫn chưa được đầu tư xây mới hoặc sửa chữa kịp thời. Do vậy trong thời gian tới huyện cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng nhằm sử dụng hết công suất thiết kế của các công trình thủy lợi phục vụ tốt hơn nữa cho phát triển nông nghiệp.

2.3. Thoát nước mưa

- Hiện trạng thoát nước mưa huyện Tân Phú còn hạn chế, ngoài hệ thống mương, cống thoát nước tại thị trấn Tân Phú và xã Phú Lâm, tuyến thoát nước trên QL20, trung tâm xã Thanh Sơn, ... còn lại khu trung tâm xã và điểm dân cư, nước mưa tự chảy theo bề mặt địa hình tự nhiên thoát xuống khu vực thấp trũng chảy ra ngoài.
- Đặc điểm của hệ thống thoát nước vùng huyện Tân Phú là thu gom cả nước thải sinh hoạt nước thải tiểu thủ công nghiệp, nước mưa chảy tràn, ... Hầu hết các loại nước thải đều chưa được xử lý trước khi thải ra môi trường.
- Những năm qua do nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống thoát nước đối với sự phát triển đô thị, huyện Tân Phú đã cố gắng đầu tư xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống cống rãnh thoát nước. Tuy nhiên hệ thống thoát nước chưa đáp ứng được yêu cầu thoát nước. Trong khu dân cư chưa có hệ thống thoát nước gây tình trạng mất vệ sinh và làm xuống cấp hệ thống đường sá.

2.4. Đánh giá đất xây dựng

Trên cơ sở phân tích các điều kiện tự nhiên, địa hình, tài liệu thủy văn, địa chất công trình, hạ tầng kỹ thuật và các tài liệu liên quan, vùng huyện Tân Phú được đánh giá bao gồm các loại đất sau:

- Đất xây dựng hiện hữu: là loại đất đã xây dựng các công trình nhà ở, đất công cộng, tiểu thủ công nghiệp, ...
- Đất xây dựng thuận lợi: đất có địa hình cao, điều kiện hạ tầng kỹ thuật thuận lợi cho xây dựng.
- Đất xây dựng ít thuận lợi: khu vực đất thấp, trũng cần san lấp mặt bằng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa có, ...
- Đất bảo tồn thiên nhiên: hạn chế xây dựng (khu vực rừng trồng sản xuất).
- Đất bảo tồn thiên nhiên: không xây dựng (đất rừng Quốc Gia Nam Cát Tiên).
- Đất sông, suối mặt nước.

2.5. Đánh giá hiện trạng đất xây dựng theo SWOT:

– Thuận lợi:

- + Địa hình cao chiếm phần lớn diện tích toàn huyện, mạng lưới sông, suối, rạch phân bố rộng khắp thuận lợi cho việc tiêu thoát nước.

+ Ít bị ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết bất thường: bão, động đất, ...

– **Khó khăn:**

+ Hệ thống suối, kênh rạch hiện hữu tại các khu vực phát triển đô thị bị san lấp và lấn chiếm làm cản trở dòng chảy gây khó khăn cho việc tiêu thoát nước của thị trấn và các điểm dân cư.

+ Hệ thống thoát nước mưa tại các thị trấn và các điểm dân cư được xây dựng qua nhiều giai đoạn phát triển bị xuống cấp, thiếu đồng bộ hoạt động kém hiệu quả, gây ngập úng cục bộ trong đô thị.

+ Hệ thống thoát nước chủ yếu là hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải), do đó gây ảnh hưởng ô nhiễm môi trường.

3. Hiện trạng cấp nước

3.1. Tiềm năng nguồn nước

a. Nước mặt

- Trên địa bàn huyện Tân Phú có 2 con sông lớn chảy qua là sông La Ngà, sông Đồng Nai, tổng chiều dài của sông La Ngà và sông Đồng Nai chảy qua Huyện khoảng 120 km.

+ Sông Đồng Nai chảy qua các xã Phú Thịnh - Tà Lài - Núi Tượng - Nam Cát Tiên - xã Đăk Lua với chiều dài khoảng 25 km.

+ Sông La Ngà chảy qua các xã Phú Điền - Phú Thanh - Phú Bình với chiều dài khoảng 20 km.

- Đồng thời có khá nhiều sông, suối nhỏ (mật độ sông suối là 31,3 km/km²). Với địa hình bị các dòng sông suối chia cắt, do đó có phần trở ngại cho việc đi lại, nhất là vào mùa mưa.

- Trên địa bàn huyện có hệ thống các công trình thủy lợi lớn của tỉnh như hồ Đa Tôn, đập Đồng Hiệp, đập Năm Sao và đập Vàm Hồ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nhất là vụ Đông Xuân, Hè thu và tạo nguồn nước ngầm phong phú cho địa bàn huyện.

- Công trình thủy lợi lớn là hồ Đa Tôn xây dựng từ 1987 với công suất tưới là 1.042 ha; 4 đập dâng có công suất tưới là 2.020 ha; 10 trạm bơm với tổng công suất thiết kế tưới là 1.184 ha.

b. Nước ngầm

- Trữ lượng nước ngầm trên địa bàn huyện phân bố không đều, chủ yếu tập trung nhiều ở các xã: thị trấn Tân Phú, xã Trà Cỏ, xã Phú Lộc, xã Phú Thịnh, xã Phú Xuân, xã Phú Lập, xã Tà Lài, xã Núi Tượng và xã Phú Điền.

- Còn các xã phía Bắc của Huyện như: xã Phú Bình, xã Phú Sơn, xã Phú Trung, xã Phú An, xã Nam Cát Tiên và xã Đăk Lua có mực nước ngầm sâu, trữ lượng thấp, gặp khó khăn trong việc khai thác phục vụ sinh hoạt.

3.2. Hiện trạng hệ thống cấp nước

- Trong những năm qua, hệ thống cấp nước huyện Tân Phú đã được quan tâm đầu tư xây dựng mới và nâng cấp. Các công trình cấp nước trong huyện được sử dụng từ nguồn nước ngầm.

- Toàn huyện có 9 công trình cấp nước tập trung với tổng công suất đạt 5.240 m³/ngày.đêm. Tuy nhiên, hiện nay một số công trình xuống cấp 3 công trình đang tạm ngưng sử dụng là: Công trình cấp nước áp Đa Tôn tại xã Thanh Sơn, Công trình cấp nước Phú An tại xã Phú An và Công trình cấp nước áp 6 tại xã Phú An.
- Đồng thời, nguồn nước ngầm và nước giếng do nhân dân tự đào cung cấp thêm cho nhân dân sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất. Các giếng nước ngầm thì chất lượng nước tốt, còn đối với các giếng dân tự đào có nhiều giếng nước chưa đạt chất lượng, nước bị nhiễm phèn. Việc khai thác nguồn nước ngầm hiện nay là người dân tự khoan giếng không theo quy hoạch dẫn đến nguồn nước ngầm bị tụt vào mùa cao điểm nắng hạn (tháng 02 hàng năm).
- Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh năm 2017 đạt 100%.
- Tỷ lệ dân cư được cung cấp nước từ các hệ thống cấp nước tập trung đạt 45% trong đó thị trấn Tân Phú đạt 62% khu vực các xã nông thôn đạt 35% chủ yếu là tại các khu vực trung tâm xã.

Bảng 5. Hiện trạng các công trình cấp nước huyện Tân Phú năm 2017.

S TT	Hạng mục	Công suất (m³/ngày.đêm)	Chiều dài đường ống (m)
1	Công trình cấp nước Phú Lộc tại xã Phú Lộc	600	37.400
2	Công trình cấp nước Phú Lập tại xã Phú Lập	360	18.000
3	Công trình cấp nước áp Đa Tôn tại xã Thanh Sơn	300	6.500
4	Công trình cấp nước Phú Bình tại xã Phú Bình	700	16.000
5	Công trình cấp nước áp Phú Kiên tại xã Phú Sơn	100	1.000
6	Công trình cấp nước Phú An tại xã Phú An	480	10.000
7	Công trình cấp nước áp 6 tại xã Phú An	100	1.500
8	Công trình cấp nước áp 1 tại xã Núi Tượng	100	1.500
9	Hệ thống cấp nước thị trấn Tân Phú	2.500	23.000
	Tổng cộng	5.240	114.900

Nguồn: Báo cáo của huyện Tân Phú năm 2017.

4. Hiện trạng quản lý chất thải và nghĩa trang

4.1. Hiện trạng thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải của huyện hiện nay chưa được đầu tư xây dựng, hệ thống thoát nước là hệ thống thoát chung cho nước mưa và nước thải, chủ yếu được xây dựng ở thị trấn Tân Phú là hệ thống cống tròn BTCT. Đối với các xã, hệ thống thoát nước chủ yếu là mương thu nắp đan và chỉ được tập trung xây dựng ở khu vực trung tâm xã, còn lại hầu như chưa được xây dựng.
- Nước thải sinh hoạt của khu vực thị trấn được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó được thoát ra hệ thống cống chung.
- Đối với dân cư các xã, nước thải sinh hoạt cơ bản là tự thấm và chảy theo địa hình ra các vườn và suối trong khu vực.

4.2. Quản lý chất thải rắn

- Huyện Tân Phú có 1 nhà máy xử lý rác thải rắn của Công ty TNHH TMDV Đa Lộc tại xã Phú Thanh với công suất là 50 tấn/ngày đêm. Công nghệ xử lý rác là phân loại, xử lý tái tạo, làm phân và chôn lấp tự nhiên. (hiện đã đóng cửa năm 2017). Hiện huyện kiến nghị quy hoạch khu xử lý chất thải rắn mới tại khu vực xã Phú An quy mô giai đoạn đầu 10ha.
- Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt khoảng 85%, khu vực nông thôn đạt khoảng 20%. Đội Dịch vụ công ích huyện Tân Phú là đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải đến nơi xử lý.
- Các khu vực nông thôn còn lại rác được các hộ dân tự xử lý bằng phương pháp đốt và chôn lấp tại vườn, hiện tượng xả rác ra các tuyến đường và đất trống còn phổ biến trên địa bàn.
- Nghĩa trang nhân dân: Theo Quy hoạch địa điểm nghĩa trang tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 01/02/2013, nghĩa trang trên địa bàn huyện Tân Phú được quy hoạch như sau:
 - + Xây dựng 12 nghĩa trang, trong đó 06 nghĩa trang xây dựng giai đoạn 2012-2015 gồm: Nghĩa trang xã Phú Lâm 6,5ha, nghĩa trang xã Phú Thanh 3 ha, nghĩa trang Nam Cát Tiên tại ấp 8 là 2,64ha, nghĩa trang xã Phú Lập tại ấp 3 3ha, nghĩa trang Trà Cỏ 2 ha, nghĩa trang ấp 5b xã Đắc lư 2,73ha; 06 nghĩa trang xây dựng sau 2015 gồm: Nghĩa trang xã Phú Lộc 1,29 ha, nghĩa trang xã Phú Thịnh 0,83ha, nghĩa trang xã Phú Bình 9,09 ha, nghĩa trang Phật giáo xã Phú Sơn 1,5ha, nghĩa trang Giáo xứ Phú Lâm 1,53ha, nghĩa trang xã Phú An 2,01ha.
 - + Thực hiện di dời 2 nghĩa trang gồm: Nghĩa trang ấp 4 xã Trà Cỏ, di dời năm 2015 và nghĩa trang ấp 5B xã Đắc lư.
 - + Các nghĩa trang còn lại tại các xã khác tạm thời sử dụng cho đến khi xây dựng nghĩa trang tập trung mới nhưng không chế về quy mô. Sau khi đóng cửa cải tạo theo quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

5. Hiện trạng cấp năng lượng

Hệ thống lưới điện toàn huyện gồm có đường dây 550kV, 220kV và 110kV được cung cấp từ lưới điện Quốc gia.

- Nguồn điện:

- + Huyện Tân Phú được cung cấp điện từ 2 nguồn trạm 110/22kV-(1x25)MVA Tân Phú và từ trạm 110/22kV-(1x25)MVA Định Quán.
- + Điện lực Định Quán thuộc Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai quản lý lưới điện trung thế và lưới điện hạ thế trên địa bàn huyện.

- Mạng lưới:

- + Năm 2017, trên địa bàn huyện có tổng chiều dài đường dây cao thế là 15,8 km; đường dây trung thế ba pha là 140,44 km và một pha là 143,34 km; tổng chiều dài đường dây hạ thế ba pha là 141,73 km và một pha là 240,85 km; tổng số trạm biến áp cao thế là 1 trạm với tổng công suất 25MVA và số trạm biến áp 22/0,4kV là 332 trạm với tổng công suất 28.976,5 KVA; điện thương phẩm là 76.715,8 Mwh.
- + Hệ thống chiếu sáng tập trung phần lớn ở khu vực đô thị và dọc đường Quốc lộ 20. Tại các trung tâm các xã địa phương vận động nhân dân xây dựng hệ thống điện

chiếu sáng phục vụ an toàn giao thông. Tỷ lệ số hộ sử dụng điện lưới quốc gia năm 2017 đạt 99,1%.

6. Thực trạng môi trường

- Trong giai đoạn qua, nền kinh tế huyện chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và đang trên đà phát triển sang thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; do vậy các dấu hiệu về ô nhiễm môi trường do các hoạt động sản xuất và phát triển dân cư gây ra còn ở phạm vi và mức độ hạn chế. Chất lượng nước và không khí ở huyện tương đối tốt so với một số địa phương trong tỉnh, vùng có sản xuất công nghiệp phát triển. Tuy vậy, hiện nay trong quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp và du lịch cũng đang phải đương đầu với một loạt vấn đề môi trường như: sự gia tăng dân số làm ô nhiễm về rác thải, sự suy giảm nhanh chóng tài nguyên rừng vùng đầu nguồn, ô nhiễm nước, tình trạng thiếu nước sạch, suy thoái tài nguyên đất do hạn và xói lở đất, không khí bị ô nhiễm do khói, bụi, ...
- Từ những vấn đề nêu trên cho thấy cùng với việc tăng cường khai thác các nguồn lợi một cách tối đa nhằm phát triển kinh tế - xã hội thì việc đầu tư tái tạo, bảo vệ cảnh quan môi trường tương xứng với mức độ đầu tư khai thác và yêu cầu đảm bảo cho phát triển bền vững là điều hết sức cần thiết.

7. Biến đổi môi trường tự nhiên và tác động của biến đổi khí hậu

- Trong những năm gần đây trước hiện tượng BĐKH tỉnh đồng nai trong đó có huyện Tân Phú nhận thấy khí hậu và thủy văn trên địa bàn tỉnh đang có những biến động đáng chú ý. Các số liệu thu thập được cho thấy tình hình nhiệt độ và lượng mưa ở địa phương có xu thế tăng nhưng lại phân bố không đồng đều.
- Gần đây lượng mưa và lũ đầu nguồn đang giảm dần ở các huyện phía Bắc của tỉnh và có xu thế tăng dần xuống phía Nam, ảnh hưởng tới tình trạng các nguồn tài nguyên. Huyện Tân Phú có nguồn tài nguyên nước và rừng phong phú và là một khu vực có đa dạng sinh học cao. Đặc biệt, Đồng Nai là tỉnh công nghiệp rất phát triển, với 25 khu công nghiệp và 14 cụm công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh, với các đặc điểm khí hậu, thủy văn, kinh tế xã hội, nguồn tài nguyên cũng như quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, dựa vào kịch bản BĐKH của Việt Nam kết hợp với một số phương pháp đánh giá tác động, Dự án cũng đã đánh giá tổng thể tác động của BĐKH đến các lĩnh vực, ngành trên địa bàn tỉnh như: tài nguyên nước, nông nghiệp, công nghiệp, sức khỏe con người, năng lượng, giao thông đô thị, đa dạng sinh học... Từ đó, Dự án đã bước đầu định hướng các giải pháp ứng phó với BĐKH đối với từng lĩnh vực, khả năng lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khác, đồng thời xây dựng danh mục các dự án ưu tiên ứng phó với BĐKH cho tỉnh.
- BĐKH làm lượng mưa giảm và mưa lớn trong thời điểm ngắn và khiến mực nước ngầm bị sụt giảm từ 1 - 5m. Khoảng 3 năm lại đây, độ mặn xâm nhập vào sông Đồng Nai tăng lên rõ rệt và cao điểm của xâm nhập mặn thường xảy ra trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5. Nguyên nhân là do mưa thượng nguồn ít, không đủ nước về hạ lưu để đẩy mặn. Giữa mùa khô 2010 - 2011, có thời điểm độ mặn ở một số đoạn sông tăng từ 2 - 10 lần so với đầu mùa.
- BĐKH cũng đang ảnh hưởng trực tiếp đến ngành Nông nghiệp. Những khu vực gần sông bị mặn xâm nhập khiến cây trồng bị chết; năng suất, thu nhập của nhiều nông dân giảm mạnh. Ngoài ra, thời tiết bất thường làm cây trồng, vật nuôi thường xuyên bị sâu bệnh, dịch bệnh, đẩy chi phí đầu vào tăng cao.

- Nguồn nước suy kiệt khiến không đủ nước tưới và làm cho các vùng trồng lúa, bắp ở Tân Phú dễ bị thiệt hại nặng. Mưa nắng thất thường, khiến cây trồng khó phát triển, nhưng lại phát sinh nhiều sâu bệnh. Từ đó, năng suất cây trồng, vật nuôi bị ảnh hưởng và nông dân cũng chi phí nhiều hơn trong chăm sóc cây trồng, vật nuôi. Trong chăn nuôi, những năm gần đây, thường xảy ra bệnh tai xanh ở heo trên địa bàn tỉnh. Mỗi năm lại có những biến chứng mới khiến cho công tác tiêm phòng và phòng, chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm ngày càng khó khăn.

VIII. RÀ SOÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÁC QUY HOẠCH

1. Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tân Phú

Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Tân Phú đến năm 2025 được UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo Quyết định số: 3161/QĐ-UBND ngày 29/09/2008, hiện nay đang được điều chỉnh lần 2.

1.1. Các dự án đã và đang triển khai

Sau khi đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thị trấn Tân Phú được phê duyệt theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 29/09/2008 của UBND tỉnh. Từ đó đến nay, công tác xây dựng phát triển đô thị quan tâm được đẩy mạnh, các tuyến đường đô thị được chỉnh trang và nâng cấp, cụ thể như:

- Đối với các công trình xây dựng khu dân cư, các công trình công cộng dịch vụ:
 - + Khu dân cư: đầu tư xây dựng, chỉnh trang mở rộng một số khu ở trong nội ô Thị trấn, đặc biệt ở khu vực phía Bắc thị trấn và khu vực xung quanh chợ hiện hữu.
 - + Khu hành chính, công cộng, dịch vụ: Các công trình đều xây dựng, nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch đã được phê duyệt, một số công trình xây dựng mới và có thay đổi vị trí, quy mô so với quy hoạch như Trường Nguyễn Huệ, UBND thị trấn Tân Phú, chợ trung tâm,...
 - + Đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao.
 - + Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu Nhà ở Tái định cư.
 - + Xây dựng Trung tâm y tế và Bệnh viện đa khoa huyện Tân Phú.
 - + Xây dựng hạ tầng khu Chợ trung tâm thị trấn Tân Phú.
 - + Giải phóng mặt bằng khu trụ sở mới của Huyện đội.
 - + Giải phóng mặt bằng và triển khai lập dự án trường tiểu học Nguyễn Huệ.
 - + Đầu tư xây dựng Chi cục thuế.
- Huyện cũng đã kết hợp với các đơn vị tư vấn lập các dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng một số công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống giao thông, cụ thể như tuyến đường Tà Lài, tuyến đường song hành Quốc lộ 20 (đoạn qua khu trung tâm hành chính), một số tuyến đường khu trung tâm hành chính như: đường Nguyễn Văn Linh, đường Hùng Vương, đường Nguyễn Hữu Cảnh.
- Nhìn chung, việc đầu tư quản lý xây dựng trên địa bàn Thị trấn cơ bản theo quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên vẫn còn một số hạng mục, công trình- đặc biệt là các công trình dịch vụ công cộng - chưa được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

1.2. Các vấn đề tồn tại, bất cập và phát sinh ảnh hưởng đến định hướng phát triển đô thị

a. Đối với việc xây dựng công trình công cộng:

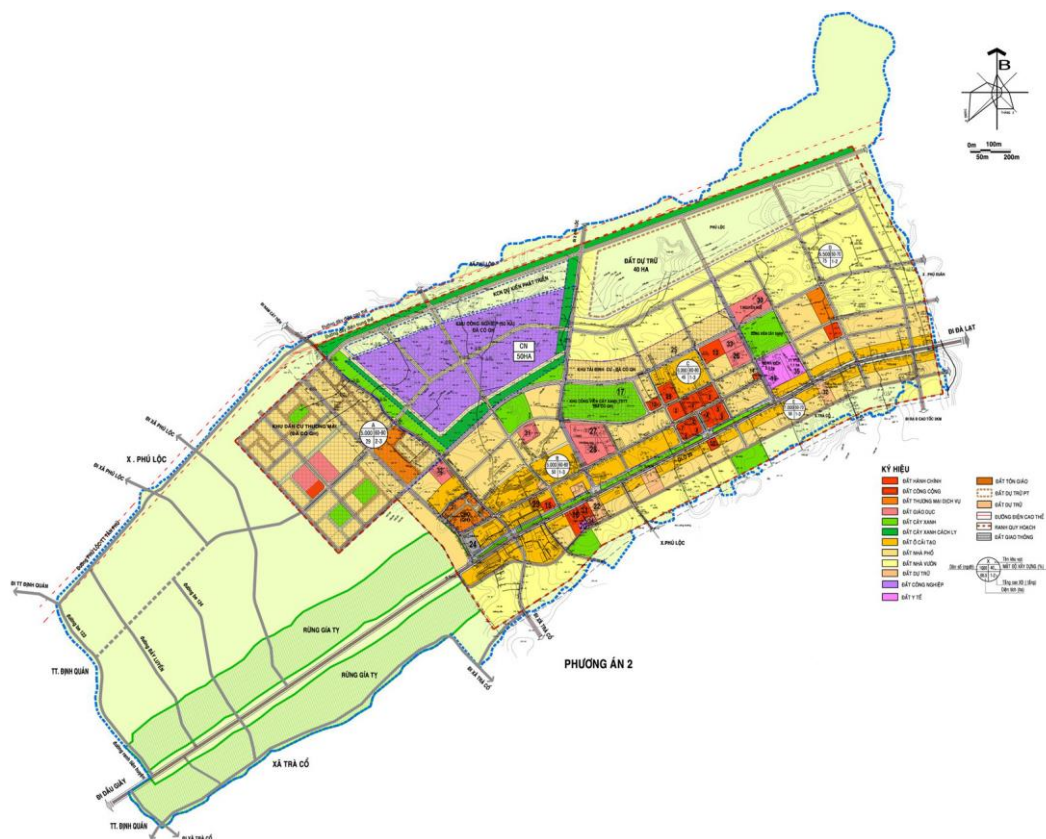
- Một số công trình công cộng như: Huyện Ủy, khu Công viên tượng đài, UBND thị trấn, điều chỉnh quy mô chợ Tân Phú, công trình giáo dục cần mở rộng, thay đổi vị trí để phù hợp với nhu cầu phát triển nên cần rà soát, cập nhật trong đợt điều chỉnh này,..
- Bổ sung một số công trình công cộng như: trụ sở Phòng cháy chữa cháy, Nhà tạm giam, phòng Thống kê, trạm khuyến nông, Tòa án, Kho bạc, bảo hiểm xã hội huyện Tân Phú, Giáo xứ Bích Lâm,..
- Một số công viên cây xanh có vị trí nằm trong khu vực dân cư đông đúc, cần nghiên cứu vị trí cho phù hợp.
- Chưa có các công trình tạo điểm nhấn cho đô thị.

b. Đối với việc điều chỉnh các quy hoạch, dự án:

- Rà soát lại các dự án quy hoạch trên địa bàn thị trấn như: Quy hoạch chi tiết 1/2000 và 1/500 Khu trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở dân cư phục vụ Khu Công nghiệp Tân Phú, Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu tái định cư thị trấn, thu hẹp diện tích chợ Tân Phú.
- Ranh giới khu công nghiệp Tân Phú hiện đang chùng lấn đất dân cư.

c. Đối với việc xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Thị trấn chưa xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải, chưa xây dựng nhà máy xử lý nước thải thị trấn.
- Điều chỉnh, rà soát lộ giới một số tuyến giao thông cho phù hợp nhu cầu phát triển thị trấn.
- Hiện nay UBND huyện đang thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tân Phú (Căn cứ Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú đến năm 2030).



Hình 9. Bản đồ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đến năm 2025

2. Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới các xã

2.1. Tình quản lý và triển khai thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Quy hoạch nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện đã được lập xong và phê duyệt từ năm 2012 -2013. Trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng các công trình theo quy hoạch, một số công trình có sự thay đổi về vị trí, quy mô diện tích,...UBND huyện đã chỉ đạo cho các xã rà soát quy hoạch xây dựng nông thôn mới và triển khai lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng nông thôn mới đối với các xã có sự thay đổi về vị trí, quy mô các công trình. Đến nay các xã Trà Cỏ, Phú Bình, Phú Trung, Phú Sơn, Phú Lộc, Phú Xuân đã lập xong hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng nông thôn mới và đã được UBND huyện phê duyệt 5 xã Trà Cỏ, Phú Bình, Phú Trung, Phú Sơn, Phú Lộc.
- Theo kế hoạch đầu tư công của huyện, hiện còn một số dự án có sự điều chỉnh về quy mô, vị trí như: Trường Mầm non Tà Lài xã Tà Lài; Trường Mầm non Phú Thịnh xã Phú Thịnh,...hiện xã Tà Lài đã lập xong hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch nông thôn mới của xã và đã được UBND huyện phê duyệt; xã Phú Thịnh đang triển khai lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch nông thôn mới. Đối với các xã còn lại, UBND huyện tiếp tục triển khai cho các xã rà soát quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông, quy hoạch nghĩa trang, quy hoạch nông thôn mới, các quy hoạch khác có liên quan và đề án sát nhập ấp, trường hợp có sự thay đổi về quy mô, vị trí hoặc phát sinh các công trình chưa có trong quy hoạch sẽ tiếp tục thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch nông thôn mới cho phù hợp với thực tế.

2.2. Những bất cập trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã:

Quy hoạch xây dựng nông thôn mới được lập và xem xét cập nhật từ các quy hoạch chuyên ngành như: Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch nghĩa trang của tỉnh, quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi,... Trong quá trình triển khai thực hiện, giữa các quy hoạch ngành và quy hoạch nông thôn mới phát sinh những bất cập, cụ thể:

- Đối với quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi: Một số vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi chưa đảm bảo khoảng cách tới các điểm dân cư tập trung và các công trình công cộng, cụ thể tại các xã: Phú Xuân, Trà Cỏ, Núi Tượng, Phú An, Phú Sơn, Phú Trung, Nam Cát Tiên, Phú Lâm, Phú Lập, Phú Lộc, Phú Bình, Tà Lài, Phú Điền. Một số hộ dân sinh sống hiện hữu trong Vùng quy hoạch trước khi có Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung nhưng chưa có chính sách di dời ra khỏi vùng quy hoạch.
- Đối với quy hoạch nghĩa trang của tỉnh: Quy hoạch địa điểm nghĩa trang tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 01/02/2013. Sau khi rà soát quy hoạch nghĩa trang được duyệt với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và thực tế quản lý nghĩa trang tại các xã có sự bất cập, cụ thể:
 - + Nhiều nghĩa trang có diện tích hiện hữu lớn hơn diện tích theo đánh giá hiện trạng trong đồ án quy hoạch. Nguyên nhân tại thời điểm khảo sát lập quy hoạch nhiều chủ sử dụng, đặc biệt là các cơ sở tôn giáo đã mua, hoặc được nhân dân hiến tặng đất để mở rộng nghĩa trang nhưng chưa được kê khai vào quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch nghĩa trang.
 - + Trong quy hoạch nghĩa trang của tỉnh nghĩa trang xã Trà Cỏ không ghi rõ địa điểm quy hoạch nghĩa trang. Hiện nay, UBND xã Trà Cỏ đã cập nhật diện tích quy hoạch và đề xuất cập nhật vị trí nghĩa trang vào quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
 - + Việc quy hoạch 2 hoặc 3 xã sử dụng chung 1 nghĩa trang là chưa phù hợp với tập quán của nhân dân địa phương và các cơ sở tôn giáo.
- Đối với quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, huyện Tân Phú đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 26/12/2017. Trong quy hoạch sử dụng đất được duyệt đã phát sinh một số công trình chưa có trong quy hoạch sử dụng đất, và quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt trước đây. Hiện nay UBND huyện đang triển khai cho các xã rà soát các dự án, các công trình có sự thay đổi giữa quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới để tiến hành điều chỉnh cập nhật các dự án phát sinh vào trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
- Một số công trình khi quy hoạch xong, theo quyết định ngành có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức và diện tích làm việc dẫn đến phải điều chỉnh lại quy mô diện tích và vị trí xây dựng.
- Theo Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, sát nhập, thành lập ấp, khu phố trên địa bàn huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã làm phát sinh việc điều chỉnh vị trí quy hoạch nhà văn hóa các ấp cho phù hợp với thực tế sau khi sát nhập ấp.

2.3. Những khó khăn trong quá trình thực hiện quy hoạch và kiến nghị.

- Tiến độ thực hiện các dự án theo quy hoạch được duyệt còn chậm do không có kinh phí.
- Một số dự án có sự thay đổi về quy mô, vị trí so với quy hoạch được duyệt phải tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất dẫn đến chậm tiến độ thực hiện.
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới được triển khai lập từ năm 2012 đến nay đã đến kỳ rà soát điều chỉnh quy hoạch. Tuy nhiên nguồn kinh phí của địa phương còn hạn hẹp nên chưa bố trí để lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới mà chỉ tiến hành rà soát điều chỉnh cục bộ các dự án đầu tư chưa phù hợp với quy hoạch.
- Theo hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, huyện Tân Phú đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 phát sinh các công trình sản xuất kinh doanh, các dự án theo quy hoạch ngành mà quy hoạch xây dựng nông thôn mới chưa cập nhật như: Các trạm xăng dầu, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch (du lịch Suối Mơ, Hồ Đa Tôn,...), các cơ sở sản xuất kinh doanh và một số quỹ đất công trên địa bàn xã được quy hoạch các công trình công cộng hoặc chuyển chức năng sử dụng đất sang đất khác để đầu tư dự án mới hoặc bán đấu giá. Việc thay đổi và phát sinh các công trình này nhưng chưa điều chỉnh cập nhật vào quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã làm khó khăn cho các chủ đầu tư khi triển khai thực hiện dự án.
- Trên địa bàn các xã mới chỉ quy hoạch 1/2000 khu dân cư trung tâm xã, các điểm dân cư còn lại vẫn chưa có quy hoạch chi tiết nên rất khó khăn trong việc quản lý xây dựng và cấp phép xây dựng.
- Đối với quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi: Kiến nghị UBND tỉnh cho điều chỉnh lại quy mô, và ranh giới các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi đảm bảo khoảng cách tới các khu dân cư và các công trình công cộng, có chính sách di dời dân cư ra khỏi quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung. Có chính sách hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết khu chăn nuôi tập trung và đầu tư hạ tầng khu chăn nuôi để đảm bảo khu chăn nuôi tập trung sau khi hình thành có quy mô phù hợp với các tiêu chuẩn về xây dựng, môi trường,...
- Đối với quy hoạch nghĩa trang, khu xử lý chất thải: Kiến nghị rà soát điều chỉnh quy hoạch địa điểm nghĩa trang của tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và bổ sung điều chỉnh quy hoạch khu xử lý rác thải tập trung của huyện tại xã Phú An.
- Đối với việc lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện: Kiến nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương và hỗ trợ kinh phí để huyện thực hiện việc lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới 17 xã và quy hoạch chi tiết các điểm dân cư trên địa bàn các xã làm cơ sở quản lý đất đai và xây dựng;

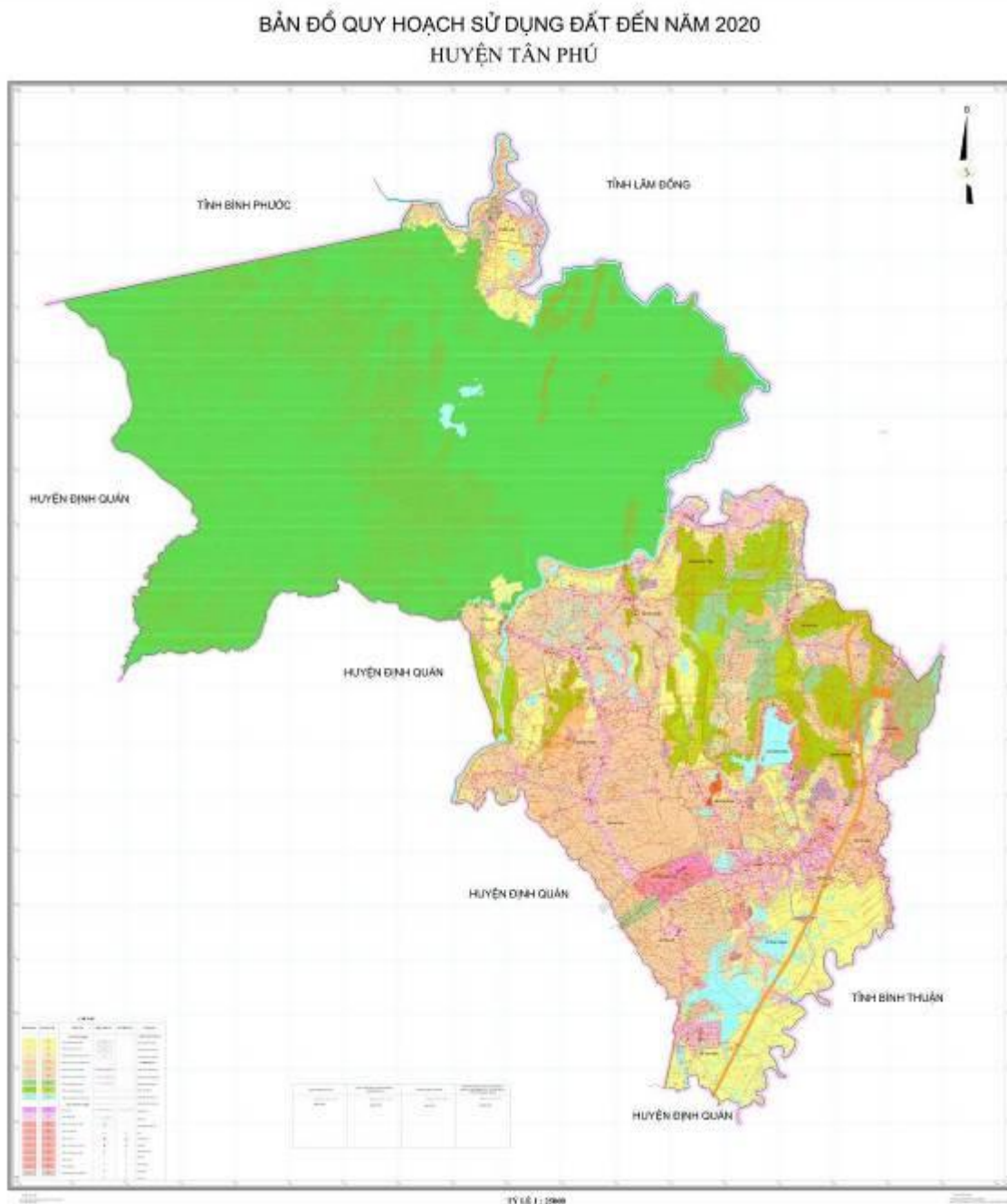
3. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tân Phú và của tỉnh Đồng Nai:

- Phân tích và đánh giá các tiềm năng, cơ hội, thách thức phát triển trong thời kỳ tới; từ đó đưa ra được các dự báo khả năng thu hút đầu tư và tăng trưởng kinh tế.
- Đề xuất phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực.
- Đề xuất phương hướng phát triển kinh tế - xã hội.
- Đề xuất xây dựng kết cấu hạ tầng và các giải pháp tổ chức thực hiện.

4. Các quy hoạch chuyên ngành:

4.1. Quy hoạch sử dụng đất:

- Đang thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Tân Phú. Là công cụ quan trọng của quản lý nhà nước đối với đất đai, tạo cơ sở pháp lý cho công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
- Công tác quy hoạch đất đai triển khai chậm, gây khó khăn cho việc quản lý đất đai và bố trí sử dụng đất ổn định lâu dài



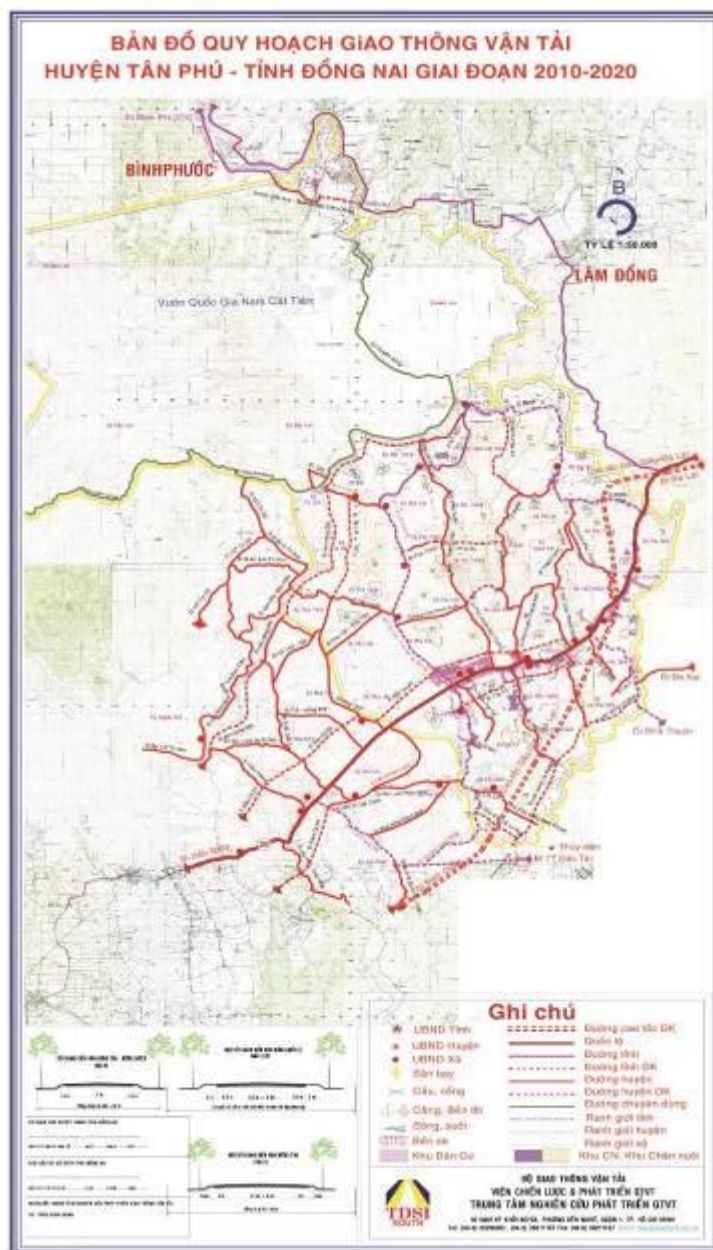
Hình 10. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Phú đến năm 2020

(TN-MT)

4.2. Quy hoạch giao thông:

- Điều chỉnh Quy hoạch giao thông vận tải huyện Tân Phú giai đoạn 2010 – 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3701/QĐ-UBND ngày 31/12/2010.

- Các lợi thế về vị trí địa lý của Tân Phú chỉ được phát huy đầy đủ khi xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông, hơn nữa mạng lưới giao thông hiện nay của Huyện còn nhỏ bé so với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo định hướng đã được xác định. Vì vậy, phát triển nhanh hệ thống giao thông đối nội cũng như đối ngoại là một trong những trọng tâm của xây dựng cơ sở hạ tầng.



Hình 11. Bản đồ QH Giao thông vận tải toàn huyện Tân Phú giai đoạn 2010-2020

4.3. Quy hoạch Nông – Lâm, Ngư nghiệp:

Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Tân Phú đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 01/03/2016. Huyện đã và đang từng bước triển khai thực hiện theo quy hoạch.

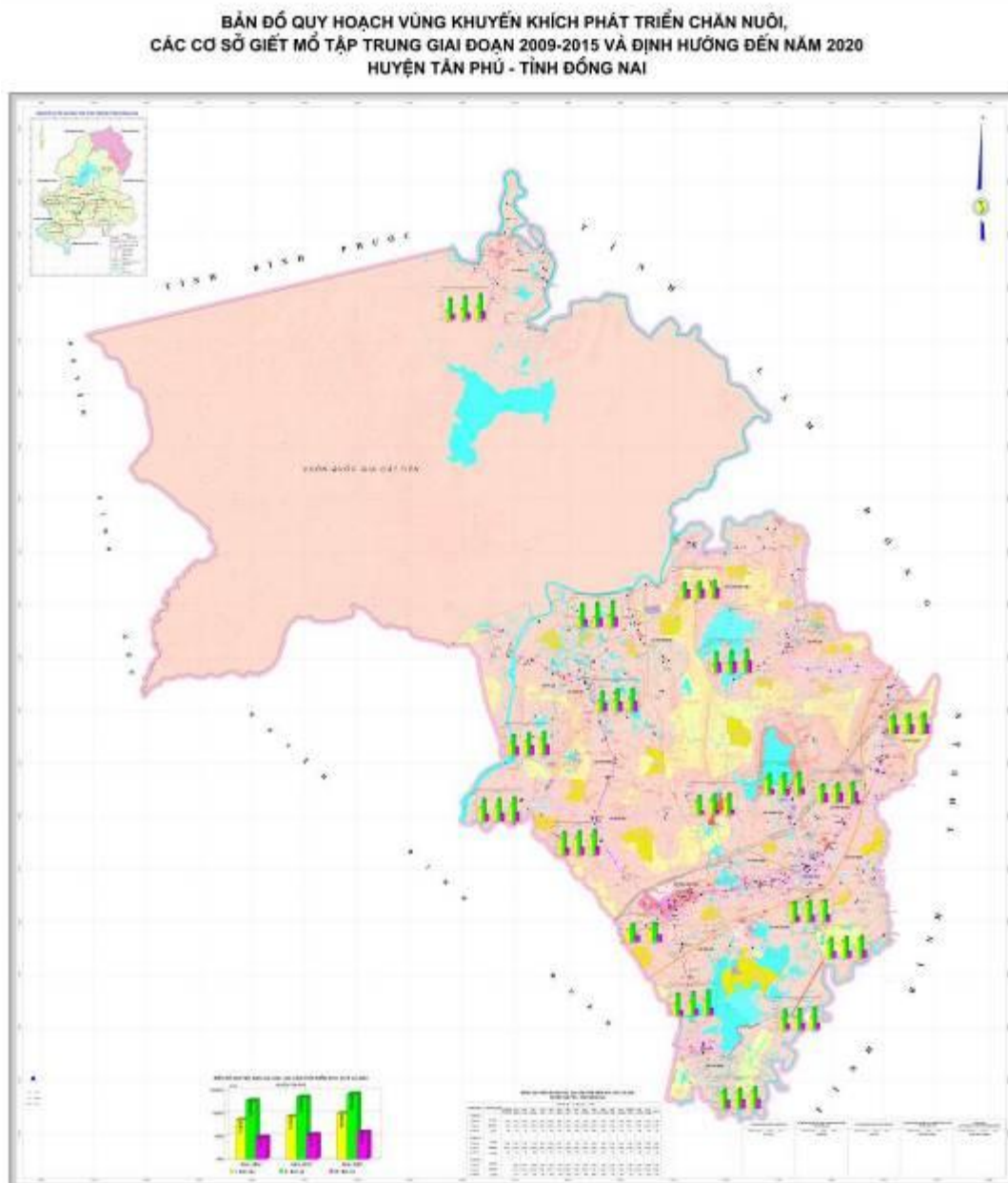
4.4. Quy hoạch mạng lưới chợ

Quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn huyện Tân Phú đến năm 2020, và định hướng đến năm 2025 đã được Sở Công thương tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số

319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 và đã được điều chỉnh theo quyết định 2119/QĐ-UBND ngày 24/07/2015.

4.5. Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung

Quy Hoạch Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2009 – 2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú – tỉnh Đồng Nai đã được UBND Huyện phê duyệt tại Quyết định số 347/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 01/02/2010.



Hình 12. Bản đồ quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

4.6. Quy hoạch xây dựng, các dự án:

Đã triển khai lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã và các đồ án đã có quyết định phê duyệt.

4.7. Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Tân Phú giai đoạn 2016-2020

Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Tân Phú giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt trong Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND huyện Tân Phú Ban hành các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tân Phú khóa XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Hiện nay Huyện đang tổ chức thực hiện các danh mục ưu tiên đầu tư trong đó tiến hành xây dựng, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trọng điểm trong khu vực thị trấn, các xã và một số các hạng mục về giáo dục, văn hóa và y tế.

IX. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN (PHÂN TÍCH SWOT)

1. Điểm mạnh

- Nằm trên tuyến giao thông Quốc lộ 20, tuyến cao tốc dự kiến Dầu Giây – Đà Lạt và tuyến đường tỉnh Tà Lài – Trà Cỏ. Thuận tiện kết nối với thành Phố Đà Lạt – tỉnh Lâm đồng và thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai thông qua quốc lộ 20.
- Đã hình thành các khu dân cư tập trung theo các trung tâm xã, áp hoặc theo tuyến giao thông nông thôn, tạo điều kiện cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng và văn hoá xã hội.
- Tân Phú là huyện có nhiều tiềm năng, lợi thế về du lịch. Đây chính là nền tảng cơ bản cho sự phát triển trong thời gian tới nếu được khai thác hợp lý và hiệu quả. Vườn Quốc gia Cát Tiên với phần lớn diện tích là khu dự trữ sinh quyển, rừng nguyên sinh lớn nhất Đông Nam Á, với nhiều loại động thực vật quý hiếm như hổ, tê giác, gấu, voi, ... đã và đang trở thành địa chỉ của các nhà khoa học và đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.
- Hệ thống sông ngòi của Tân Phú với sông Đồng Nai chảy qua huyện với độ dài 60km, sông La Ngà chảy qua huyện với độ dài gần 20km đã cung cấp nguồn nước lớn phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Hai con sông này bồi đắp nên những vùng đất phì nhiêu, thích hợp xây dựng những vùng chuyên canh lớn các loại cây lương thực thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, ... tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa. Bên cạnh đó, các ao, hồ, bầu, đầm, ... mở ra triển vọng lớn cho nghề nuôi trồng thủy sản.
- Bên cạnh đó, Tân Phú còn là địa phương có nhiều tài nguyên khoáng sản như than bùn, nước khoáng, cát, đá,... nên có điều kiện phát triển ngành công nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.
- Công tác quy hoạch và dự án đầu tư có kiểm soát, tránh tình trạng dự án kéo dài hoặc không thực hiện được gây lãng phí quỹ đất.

2. Điểm yếu

- Là huyện nằm xa các đô thị lớn của tỉnh nên khả năng thu hút đầu tư để phát triển kinh tế – xã hội còn nhiều hạn chế.
- Là huyện miền núi, nỗ lực phấn đấu để góp sức trong chiến lược phát triển một tỉnh công nghiệp là nhiệm vụ khó khăn đối với nhân dân và Đảng bộ huyện Tân Phú.
- Các công trình hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt hệ thống hạ tầng kỹ thuật còn yếu và thiếu và hệ thống giao thông đối ngoại liên thông cấp vùng, làm giảm tiềm năng thu hút về đầu tư.
- Hệ thống hạ tầng xã hội còn thiếu, đặc biệt tại các xã và khu vực sản xuất nông nghiệp.

- Tỷ lệ đô thị hóa còn thấp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề còn thấp; thiếu lao động có trình độ kỹ thuật và chuyên môn cao.
- Các quy hoạch chuyên ngành còn thiếu đồng bộ, chưa gắn kết được với nhau.
- Các khu quy hoạch, dự án đầu tư có quy mô nhỏ lẻ do nhiều nhà đầu tư phát triển, nhiều khả năng ảnh hưởng đến không gian chung của đô thị khi hình thành.
- Các mặt hàng nông, lâm nghiệp vốn là thế mạnh của huyện nhưng hiện nay gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ, bởi chưa có chiến lược xây dựng thương hiệu, chất lượng chưa ổn định, chủ yếu mới qua công đoạn thô sơ hoặc sơ chế. Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp nhỏ, lẻ tập trung chủ yếu vào ngành nghề chế biến, gia công cơ khí, xây dựng,... nên tỷ trọng của ngành trong cơ cấu kinh tế huyện hầu như không đáng kể. Do đó, trong tương lai, Tân Phú cần tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện trong tương lai.

3. Cơ hội

- Thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao chất lượng sống của người dân, phát triển theo một chiến lược cân bằng và toàn diện. Góp phần tăng trưởng kinh tế của huyện Tân Phú.
- Hình thành các vùng nông nghiệp chuyên canh, nông nghiệp công nghệ cao gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, tạo thương hiệu phục vụ vùng và xuất khẩu.
- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tham quan ngắm cảnh, du lịch cảnh quan trên sông Đồng Nai,...
- Các khu, cụm CN-TTCN ở Tân Phú cơ bản đã hình thành và đang kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, Tân Phú có vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến, đóng gói các loại trái cây phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, trong tương lai khi tuyến đường cao tốc Dầu Giây – Đà Lạt hình thành sẽ tạo điều kiện cho Huyện mở rộng giao lưu kinh tế – xã hội với các địa phương trong và ngoài Tỉnh và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư. Đồng thời sẽ giúp dịch vụ, du lịch ở Huyện phát triển.

4. Thách thức

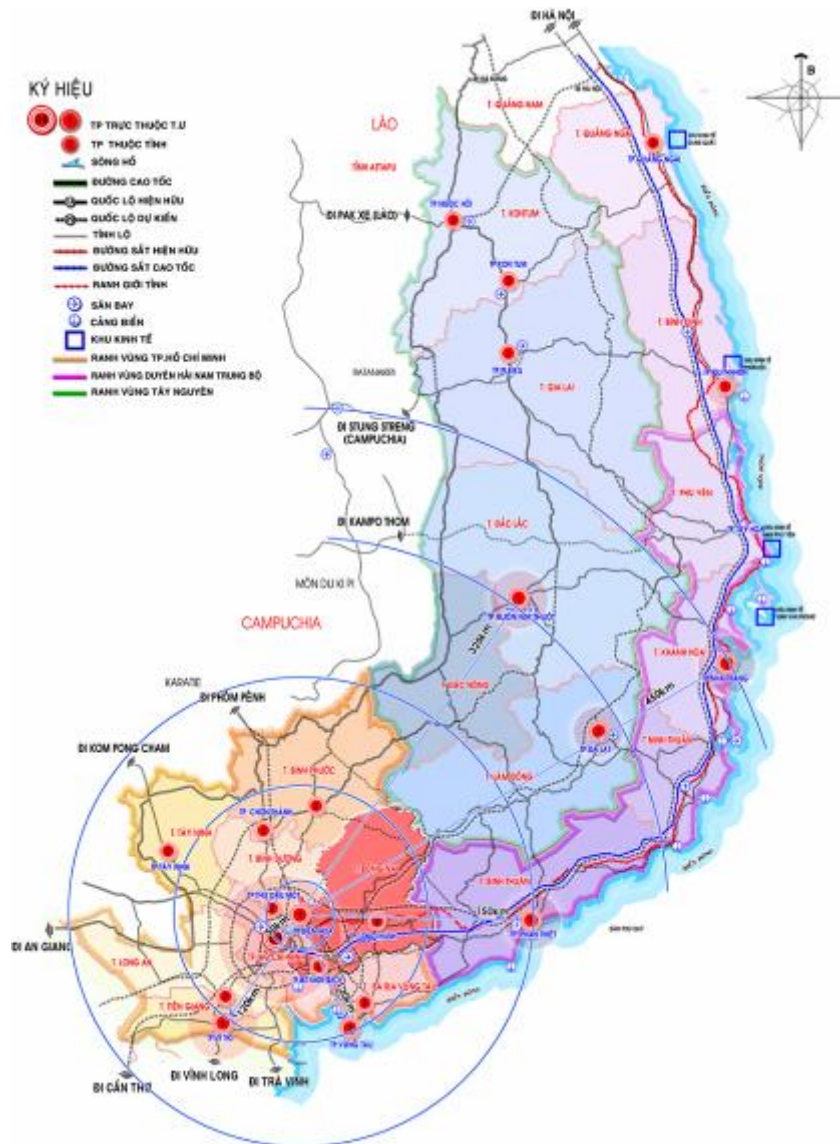
- Vấn đề bảo vệ nguồn nước, rừng đặc dụng và kiểm soát phát triển rừng đầu nguồn cho toàn vùng.
- Nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội đồng bộ cho vùng huyện Tân Phú khá hạn hẹp.
- Khả năng thu hút đầu tư, hình thành các vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp chuyên canh khó khăn do quy mô diện tích đất thuận lợi cho vùng này không nhiều.
- Khả năng thích ứng và giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu mà vấn đề bảo vệ rừng và nguồn nước sông Đồng Nai, sông La Ngà là một trong những thách thức.
- Khắc phục ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững. Giải quyết mâu thuẫn giữa khai thác các nguồn tài nguyên để phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.
- Đào tạo lao động tại chỗ có trình độ chuyên môn cao về quản lý, kỹ thuật, công nghệ và tạo điều kiện cho lao động chất lượng cao đến làm việc trên địa bàn.
- Phát triển xã nông thôn mới theo đúng tiến độ nhằm làm cơ sở chuyển dịch sang khu vực đô thị, công nghiệp một cách bền vững khi có điều kiện.

CHƯƠNG III: CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG

I. CÁC BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN

1. Bối cảnh phát triển Quốc gia:

- Việt Nam hội nhập toàn diện với khu vực và thế giới. Việt Nam tham gia đầy đủ các hiệp định song phương, đa phương về hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư với các tổ chức quốc tế.
- Năm 2030 trở thành một nước công nghiệp phát triển, là nền kinh tế lớn thứ 28 thế giới, đến năm 2050 là nền kinh tế lớn thứ 22 thế giới.
- Việt Nam phát triển khoa học công nghệ, phát triển kinh tế địa phương, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, phát triển công nghệ và dịch vụ du lịch, phát triển công nghiệp bền vững



Hình 13. Bản đồ Quy hoạch vùng khuyết khích phát triển chăn nuôi giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

2. Bối cảnh vùng TP Hồ Chí Minh:

- Đến năm 2050 sẽ là vùng kinh tế phát triển năng động, có tốc độ phát triển kinh tế cao và bền vững.
- Là vùng kinh tế động lực hàng đầu của cả nước, trung tâm kinh tế của khu vực và châu Á.
- Là trung tâm thương mại tài chính, dịch vụ tầm cỡ Quốc tế, trung tâm công nghiệp công nghệ cao với trình độ chuyên môn hóa cao; đồng thời là trung tâm văn hóa - đào tạo - y tế chất lượng cao, là vùng có cảnh quan và môi trường tốt.

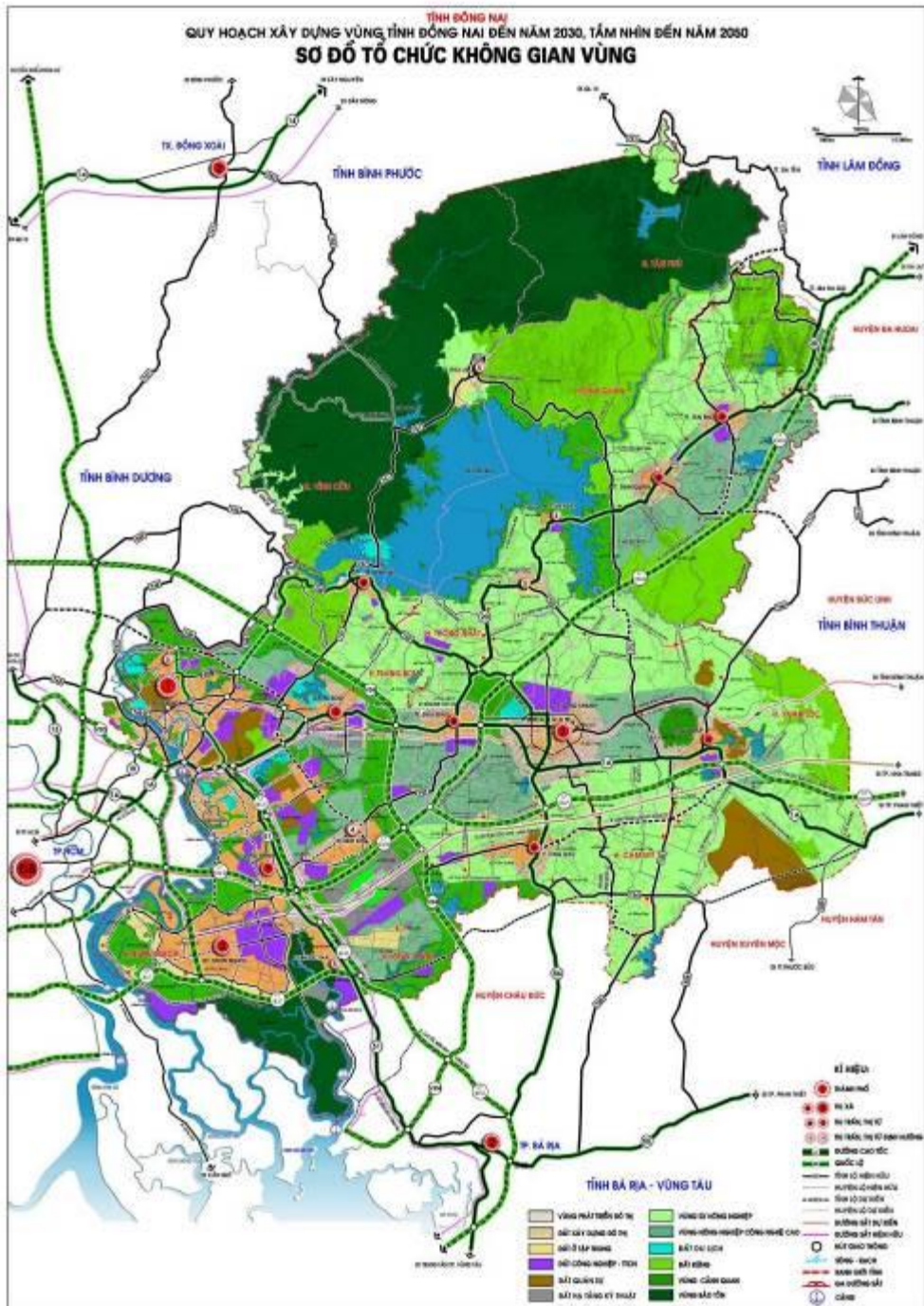
(Theo tính chất vùng Thành phố Hồ Chí Minh)



Hình 14. Huyện Tân Phú trong vùng TP Hồ Chí Minh

3. Bối cảnh vùng tỉnh Đồng Nai

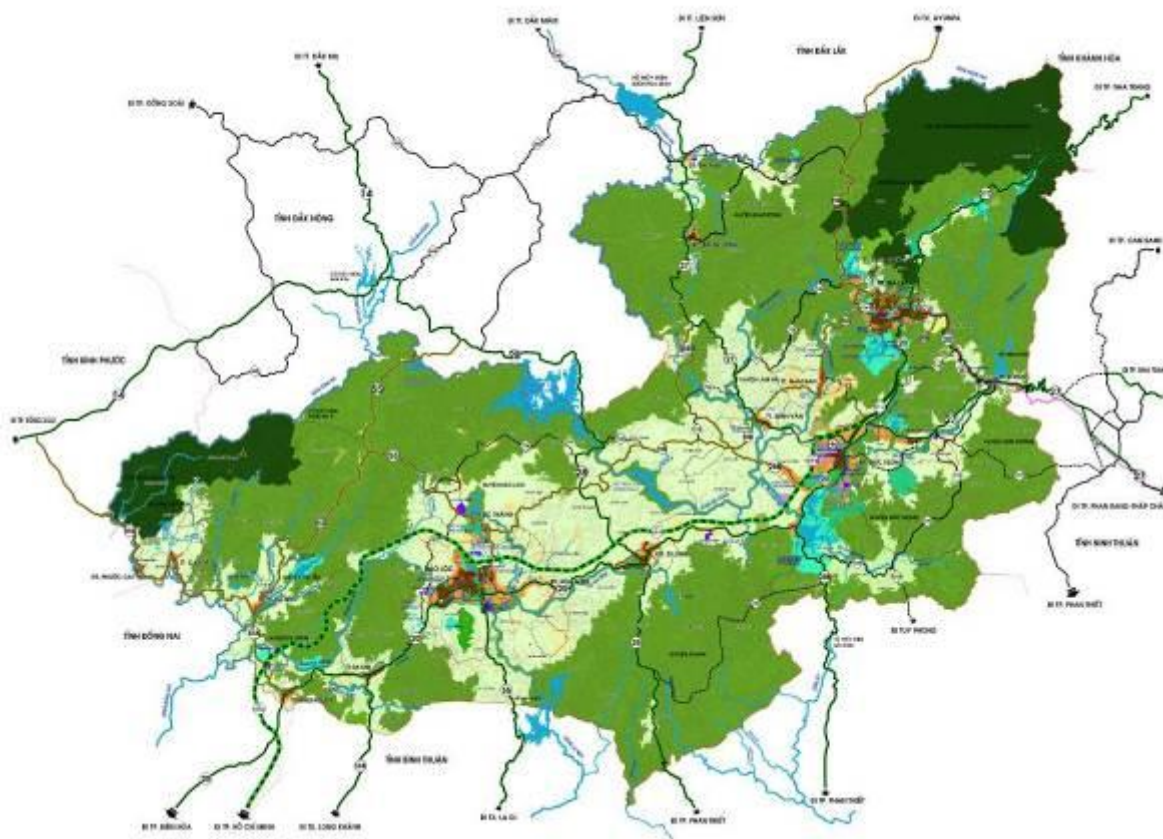
Đồng Nai là một cực tăng trưởng kinh tế của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2008, Đồng Nai được đặt mục tiêu trở thành Trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn và hiện đại của khu vực phía Nam, trở thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa – hiện đại hóa và đến 2020 trở thành tỉnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa.



Hình 15. Huyện Tân Phú trong vùng tỉnh Đồng Nai

4. Bối cảnh vùng tỉnh Lâm Đồng

- Đến năm 2035 Lâm Đồng có vai trò là một vùng phát triển kinh tế năng động của vùng trung tâm phía Nam vùng Tây Nguyên, trung tâm giao thương quốc tế với các nước. Đến năm 2050, Lâm Đồng trở thành đầu tàu kinh tế của vùng Tây Nguyên, là điểm đến du lịch, văn hoá và đầu tư.
- Là trung tâm phát triển nông nghiệp công nghệ cao và công nghiệp chế biến, trung tâm bảo tồn sự đa dạng sinh học; trung tâm du lịch sinh thái đặc trưng Tây Nguyên, du lịch văn hoá lịch sử, du lịch cảnh quan của vùng và quốc gia.
- Trung tâm phát triển đô thị của vùng đô thị phía Nam vùng Tây Nguyên, vùng đô thị hóa dọc hành lang quốc lộ 20, 27, 28, 55, 55B.

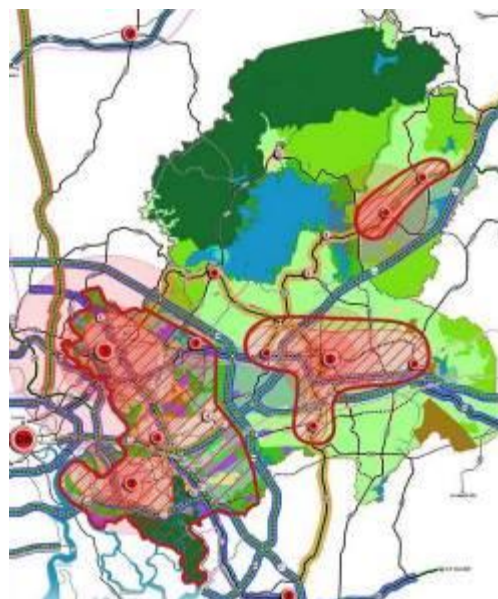


Hình 16. Huyện Tân Phú đối với vùng tỉnh Lâm Đồng

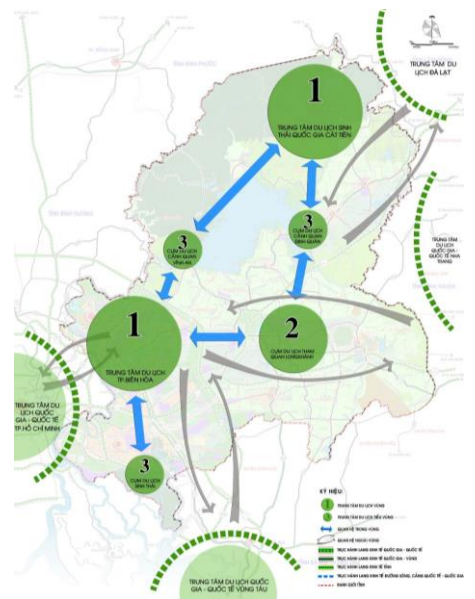
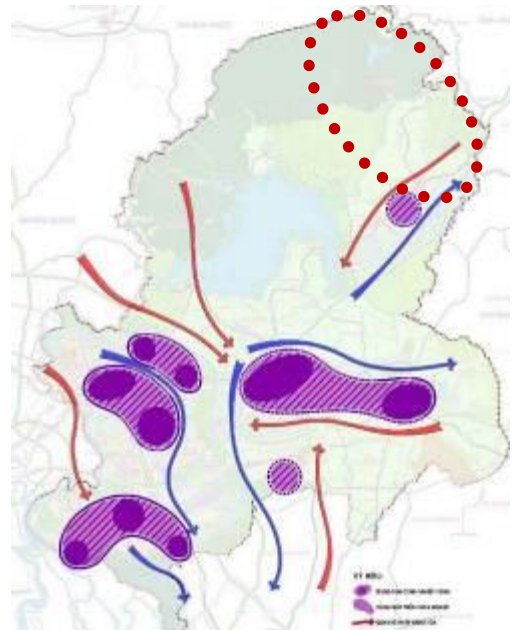
5. Các yếu tố tác động từ quy hoạch vùng tỉnh Đồng Nai

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai xác định:

- Đồng Nai sẽ đóng vai trò là vùng phát triển động lực kinh tế của vùng thành phố Hồ Chí Minh và quốc gia, cửa ngõ giao thương của 3 vùng kinh tế; đầu mối giao thương của vùng và quốc gia: trong đó huyện Tân Phú có vị trí là huyện cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Đồng Nai kết nối với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên.
- Đồng Nai đóng vai trò là Vùng phát triển du lịch sinh thái rừng đặc trưng, du lịch lịch sử, văn hóa đặc sắc; Vùng bảo vệ nguồn nước, rừng cảnh quan và sự đa dạng sinh học.
- Phát triển các vùng du lịch, các trung tâm du lịch tầm quốc gia gắn với lịch sử văn hóa, đô thị và cảnh quan tự nhiên. Phát triển mô hình du lịch sinh thái đặc trưng vườn quốc gia Cát Tiên, kết nối với các trung tâm du lịch vùng TP. Hồ Chí Minh, vùng Tây Nguyên, vùng Duyên hải Nam Trung bộ và quốc tế.



- Trong cấu trúc không gian vùng tỉnh Đồng Nai: Huyện Tân Phú nằm trên chuỗi đô thị - công nghiệp hành lang quốc lộ 20: gồm đô thị Phú Túc, La Ngà, Định Quán, Tân Phú; Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tập trung gắn với các đô thị.
- Trong Định hướng phân bố các vùng chức năng cấu trúc không gian của vùng tỉnh Đồng Nai: Huyện Tân Phú nằm trong Vùng sinh thái phía Bắc bao gồm huyện Định Quán, Tân Phú và một phần huyện Vĩnh Cửu, quan hệ trực tiếp với tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Phước. Vùng có chức năng bảo tồn rừng cảnh quan, bảo vệ nguồn nước và sự đa dạng sinh học. Trong đó thị trấn Định Quán là đô thị hạt nhân. Với động lực Phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao; Phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái rừng cảnh quan; Phát triển đô thị - công nghiệp – TTCN, làng nghề.
- Trong Phân bố các vùng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: huyện Tân phú nằm trong Vùng công nghiệp tập trung vùng sinh thái phía Bắc tỉnh (huyện Tân Phú, Định Quán). Hiện nay đã có 2 khu CN ở huyện Tân Phú, Định Quán. Dự kiến đến năm 2030 mở rộng và xây dựng khu KCN Định Quán, Tân Phú, Tân Phú 2 với tổng diện tích khoảng 600 ha với các ngành công nghiệp chính: phát triển các ngành công nghiệp chế biến, cơ khí, vật liệu xây dựng.
- Trong Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên: huyện Tân phú nằm trong Vùng phát triển du lịch Vĩnh Cửu - Định Quán - Tân Phú Tiềm năng du lịch về cảnh quan rừng đặc dụng Nam Cát Tiên, rừng phòng hộ Vĩnh Cửu, rừng sản xuất, vùng nông nghiệp chuyên canh, hồ Trị An, sông Đồng Nai, thác, suối nước nóng; Tiềm năng về văn hóa bản địa các dân tộc, di tích văn hóa cổ, di tích cách mạng chiến khu D; di tích Đá Ba Chồng Phát triển du lịch sinh thái, vui chơi, giải trí, tham quan vườn quốc gia Nam Cát Tiên, hồ Trị An, rừng bảo tồn, cảnh quan ven sông Đồng Nai, khu văn hóa lịch sử chiến khu D, làng nghề truyền thống, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái rừng...trong đó trọng tâm của vùng là trung tâm du lịch sinh thái vườn quốc gia Nam Cát Tiên – Hồ Trị An mang tầm quốc gia, quốc tế.



II. CÁC TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN VÙNG

1. Về vị trí:

Là cửa ngõ giao lưu của tỉnh Đồng Nai với các tỉnh Tây Nguyên.

2. Đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Nằm trên các trục hành lang kinh tế quốc gia Quốc lộ 20, đường cao tốc TP. HCM - Dầu Giây – Đà Lạt đi qua địa bàn huyện kết nối tỉnh Đồng Nai với Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, thuận tiện cho việc vận chuyển lưu thông hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Ngoài ra, còn có tuyến đường tỉnh như: đường Tà Lài – Trà Cỏ đi rừng Quốc gia Nam Cát Tiên.

3. Tiềm năng về tài nguyên:

- Tài nguyên đất đai và khí hậu thích hợp cho phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, tăng nhanh khối lượng hàng hóa nông sản. Đây là yếu tố thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích.
- Tài nguyên nước: là địa bàn có hồ, đập, sông, suối thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp.
- Tiềm năng về du lịch: Huyện Tân Phú có tổng diện tích rừng chiếm khoảng 50% diện tích tự nhiên, có cảnh quan thiên nhiên đa dạng, thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, di tích, tín ngưỡng và du lịch cảnh quan như: Vườn Quốc gia Nam Cát Tiên, khu du lịch Suối Mơ, hồ Đa Tôn, thác Hòa Bình – chùa Linh Phú. Thuận lợi cho việc xây dựng các tuor, tuyến du lịch đi trong Tỉnh và đi liên tỉnh.
- Đất đai và địa hình thuận lợi cho phát triển các cụm công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng và khai khoáng.
- Tiềm năng về nguồn nhân lực: Cơ cấu dân số trẻ, nguồn nhân lực dồi dào thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội.

4. Tiềm năng dịch vụ du lịch:

Với quy mô dân số khá đông, lại nằm kế cận các trung tâm đô thị lớn và có nhiều tiềm năng thiên nhiên khai thác cho du lịch (Khu bảo tồn thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai nay đã được UNESCO/MAB phê chuẩn là khu DTSQ Đồng Nai, du lịch ven Đồng Nai, du lịch sinh thái, ...) nên Tân Phú có nhiều điều kiện để thúc đẩy phát triển du lịch, đưa du lịch thành một lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

III. ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG

Trên cơ sở mối quan hệ nội, ngoại vùng, các thế mạnh, tiềm năng sẵn có, xác định cơ hội, động lực phát triển vùng là nông lâm nghiệp - dịch vụ - công nghiệp, trong đó:

- Phát triển đô thị.
- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng chăn nuôi tập trung.
- Phát triển thương mại dịch vụ cấp tiểu vùng.
- Phát triển du lịch sinh thái Vườn quốc gia Nam Cát Tiên.
- Phát triển khu, cụm công nghiệp tập trung gắn với nguồn nguyên liệu địa phương.

CHƯƠNG IV: MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG VÙNG VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN

I. QUAN ĐIỂM

- Tiếp cận chiến lược phát triển mới, phương pháp luận mới, sử dụng các công cụ phân tích.
- Xây dựng tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược, gắn với đa ngành, phát triển toàn diện và cân bằng.
- Phát triển nhanh, cân bằng, toàn diện và bền vững hài hòa giữa kinh tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.
- Phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý, khai thác hiệu quả tiềm năng đặc trưng cho phát triển từng tiểu vùng.
- Phát triển có trọng điểm, trọng tâm, xây dựng kết cấu hạ tầng khung đồng bộ.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

- Cụ thể hoá chủ trương phát triển kinh tế, xã hội Tỉnh Đồng Nai và Huyện Tân Phú, Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Đồng Nai nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của Tỉnh và Huyện một cách bền vững.
- Xác định sự hình thành và phát triển hệ thống đô thị nông thôn, hạ tầng kỹ thuật trong Huyện Tân Phú.
- Định hướng kết nối hệ thống hạ tầng của huyện Tân Phú với hạ tầng tỉnh Đồng Nai và các khu vực liên quan.
- Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng và nguồn lực của Huyện. Tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường.
- Làm cơ sở để hướng dẫn các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đô thị và các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, du lịch,... và hệ thống các công trình chuyên ngành, đảm bảo vùng huyện phát triển hài hoà và đồng bộ.
- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn huyện, tạo cơ hội đầu tư ổn định và bền vững.

III. TÍNH CHẤT

- Là cửa ngõ phía Bắc của Tỉnh Đồng Nai giao thương với tỉnh Lâm Đồng và vùng Tây Nguyên.
- Là huyện xa nhất của tỉnh Đồng Nai, có tiềm năng phát triển du lịch, kinh tế trang trại
- Là trung tâm thương mại – dịch vụ của vùng kinh tế sinh thái phía Bắc tỉnh Đồng Nai.

IV. NHIỆM VỤ

- Đánh giá các đặc điểm tự nhiên, các tiềm năng lợi thế. Đánh giá các khó khăn tồn tại, bất cập, xác định các vấn đề và các giải pháp về phát triển không gian vùng

huyện Tân Phú trong mối quan hệ với vùng tỉnh Đồng Nai, vùng thành phố Hồ Chí Minh (Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam).

- Đánh giá những ưu, khuyết điểm các quy hoạch xây dựng đã thực hiện trên địa bàn huyện nhằm định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho toàn huyện và kết nối khung chính yếu đối với các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh và liên tỉnh (tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Bình Phước); từ đó đưa ra các đánh giá, phân tích tổng quan các thế mạnh tiềm năng; những tồn tại bất cập trong quá trình phát triển; các mối liên kết hỗ trợ các huyện lân cận... nhằm định hướng chung cho toàn vùng huyện phù hợp định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh được duyệt.
- Đề xuất tính chất của vùng, các dự báo phát triển, các chỉ tiêu quy hoạch.
- Đề xuất mô hình phát triển vùng trên cơ sở đề xuất cấu trúc không gian toàn vùng xác định tầm nhìn, các mục tiêu chiến lược hướng tới tầm nhìn.
- Đề xuất định hướng phát triển vùng huyện Tân Phú đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Phân bố các vùng chức năng; Phân vùng phát triển kinh tế; Phân bố vùng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn; Vùng phát triển nông nghiệp; Vùng phát triển công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp; Vùng phát triển Nông – Lâm – Thủy sản; Vùng phát triển du lịch – vùng bảo tồn cảnh quan.
- Đề xuất định hướng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Đánh giá tác động môi trường chiến lược.
- Đề xuất định hướng tổ chức không gian toàn vùng.
- Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư.

V. CÁC DỰ BÁO PHÁT TRIỂN VÙNG

1. Dự báo phát triển kinh tế

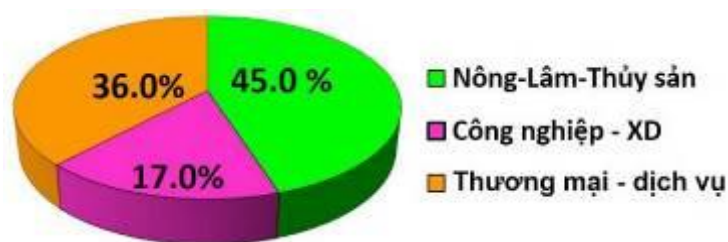
1.1. Dự báo về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế:

Theo QHTTKTXH Huyện Tân Phú đến năm 2020:

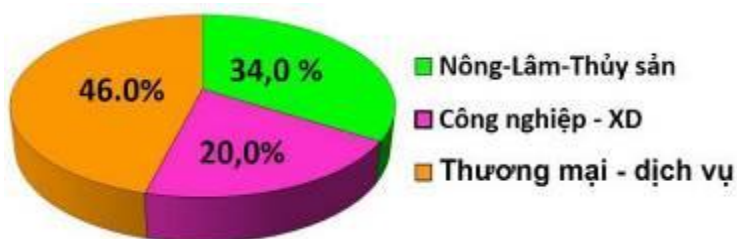
Bảng 6. Bảng dự báo cơ cấu kinh tế của Huyện Tân Phú.

Khu vực	Năm	
	2017	2020
Khu vực -1 (%)	48,97	45,0
Khu vực -2 (%)	15,5	17,0
Khu vực -3 (%)	35,53	38,0

Khu vực	Năm	
	2020	2030
Khu vực -1 (%)	45,0	34,0
Khu vực -2 (%)	17,0	20,0
Khu vực -3 (%)	38,0	46,0



Bảng 7. Bảng dự báo cơ cấu kinh tế năm 2020 Huyện Tân Phú.



Bảng 8. Bảng dự báo cơ cấu kinh tế năm 2020 Huyện Tân Phú.

1.2. Dự báo phát triển và phân bổ các ngành kinh tế:

a. Nông, lâm, thủy sản:

- Xác định mục tiêu, chiến lược phát triển; theo đó phát huy tối đa lợi thế so sánh của huyện để hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung với quy mô thích hợp, định hướng sản xuất hàng hóa chuyên canh, phát triển bền vững; phát triển sản xuất gắn liền với phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm phục vụ dân cư đô thị, nông thôn và công nghiệp.
- Định hướng phát triển lâm nghiệp gắn xây dựng và bảo vệ rừng với khai thác, chế biến, tiêu thụ trong huyện, trong khu vực, trong nước và xuất khẩu.
- Đầu tư thỏa đáng xây dựng cơ sở hạ tầng như hệ thống kênh mương thủy lợi, vị trí, quy mô công trình đầu mối, đầu tư hạ tầng vùng cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp...

b. Công nghiệp - Xây dựng:

- Xác định mục tiêu, chiến lược phát triển; theo đó tiếp nhận các ngành công nghiệp hiện nay và phát triển các ngành công nghiệp mới (công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, sạch, công nghiệp phụ trợ) góp phần triển kinh tế ổn định và cân bằng.
- Định hướng phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, công nghiệp sản xuất máy nông cụ, vật liệu xây dựng, các ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp.

c. Thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Xác định mục tiêu, chiến lược phát triển; theo đó định hướng phát triển trung tâm thương mại cấp vùng; phát triển hệ thống chợ xã làm vệ tinh cho các trung tâm

thương mại, đáp ứng yêu cầu dịch vụ chất lượng cao và trao đổi hàng hóa như một mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế.

- Định hướng phát triển du lịch sinh thái, khai thác cảnh quan sông, hồ, rừng cảnh quan; du lịch văn hóa, lịch sử, vui chơi giải trí, tham quan làng nghề truyền thống trên cơ sở lợi thế của từng vùng huyện; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng.

2. Dự báo phát triển các khu, cụm công nghiệp

- Hiện khu Công nghiệp của huyện do Công ty TNHH MTV Tín nghĩa làm chủ đầu tư, đã xây dựng xong các công trình hạ tầng bên trong hàng rào khu công nghiệp, các công trình cấp điện, cấp thoát nước đã và đang được đầu tư. Hiện nay đã có 01 doanh nghiệp nước ngoài đầu tư xây dựng xí nghiệp may, diện tích thuê đất 4,2 ha, sử dụng trên 4.000 lao động làm việc trong khu công nghiệp.
- Dự kiến mở rộng, xây mới như sau:
 - + Hiện nay khu công nghiệp Tân Phú có diện tích 54 ha. Đến năm 2030 mở rộng diện tích khu công nghiệp Tân Phú, xây dựng khu công nghiệp Tân Phú 2.
 - + Cụm công nghiệp Phú Thanh tại xã Phú Thanh có diện tích 30 ha đã có quyết định thành lập và hiện đang triển khai đầu tư hạ tầng.

Các ngành công nghiệp chính: phát triển các ngành công nghiệp khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, nông sản, phân bón, may mặc.

3. Dự báo dân số, lao động

3.1. Dự báo dân số

Việc dự báo dân số huyện Tân Phú trên cơ sở nhu cầu lao động cho phát triển các ngành công nghiệp, Thương mại - Dịch vụ, Nông- Lâm- Ngư nghiệp dựa trên các Khu, cụm công nghiệp, các công trình Thương mại - Dịch vụ, vùng sản xuất Nông - Lâm - Ngư nghiệp được hình thành trong tương lai.

a. Theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai:

Bảng 9. Bảng dự báo tỷ lệ tăng trưởng dân số tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

Tỷ lệ tăng dân số Giai đoạn 2011-2020 (%)		Tỷ lệ tăng dân số Giai đoạn 2021-2030 (%)	
Tự nhiên	Cơ học	Tự nhiên	Cơ học
1,1 - 1,0	0,5 - 0,75	1,0 - 0,9	0,70 - 0,85

- Dự báo quy mô dân số huyện Tân Phú
 - + Đến năm 2020 : khoảng 167.000 người.
 - + Đến năm 2030: khoảng 175.000 người.

b. Dự báo quy mô dân số vùng huyện Tân Phú:

- Theo thống kê năm 2017, dân số huyện Tân Phú khoảng 168.770 người, trong đó dân số đô thị khoảng 24.480 người, dân số đô thị chiếm 14,5% tổng dân số toàn huyện, mật độ dân số khoảng 220 người/km².

- Dân số đô thị có xu hướng tăng nhanh giai đoạn 2025-2030 sau khi Phú Lâm trở thành đô thị loại V.
- Tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1,0% thời kỳ 2018 – 2020 và ổn định đến năm 2030.
- Tỷ lệ tăng dân số cơ học toàn huyện thấp, khoảng 0,3-0,5% gần như không đáng kể, dân số tăng cơ học chỉ tập trung ở khu vực dọc hai bên quốc lộ 20, đặc biệt tại thị trấn Tân Phú và xã Phú Lâm.
- Tỷ lệ tăng giảm dân số cơ học nội vùng sẽ có biến động tương đối lớn trong giai đoạn 2020 – 2030 do có sự hình thành một số đô thị trung tâm các tiểu vùng dẫn đến tăng sức hút đô thị; khi các đô thị đã hình thành theo hệ thống và phát triển ổn định, tỷ lệ tăng giảm cơ học nội vùng sẽ giảm đáng kể so với giai đoạn trước.
- Sẽ có sự gia tăng dịch cư giữa các xã trong huyện tới các trung tâm các tiểu vùng.

Bảng 10. Dự báo quy mô dân số toàn huyện đến năm 2030.

Năm	2017	2020	2025	2030
Quy mô dân số (người)	168.770	190.000-195.000	210.000-215.000	240.000-245.000

- Dự báo dân số toàn huyện
 - + Đến năm 2020: khoảng 190.000-195.000 người.
 - + Đến năm 2025: khoảng 210.000-215.000 người.
 - + Đến năm 2030: khoảng 240.000-245.000 người.

3.1. Dự báo lao động

Dự báo dân số trong độ tuổi lao động năm 2020 là khoảng 125.000 người (chiếm khoảng 64%), đến năm 2030 là 160.000 người (chiếm khoảng 65,3%).

a. Dự báo quy mô lao động toàn huyện đến năm 2030:

Bảng 11. Dự báo quy mô lao động toàn huyện đến năm 2030.

NĂM	2017	2020	2030
DÂN SỐ (người)	168.770	190.000-195.000	240.000-245.000
Dân số trong độ tuổi LĐ	109.204	123.000-128.000	157.000-162.000
Lao động làm việc trong các ngành kinh tế	73.230	85.000-90.000	113.000-118.000
Dân số lao động NN	53.110	48.000-50.000	52.000-54.000
Dân số lao động phi NN	20.120	37.000-39.000	61.000-63.000
TỶ LỆ (%)	%	%	%
Dân số trong độ tuổi LĐ	64,70%	63-65%	65-67%
Lao động nông nghiệp	72,52%	55-57%	45-47%
Lao động phi nông nghiệp	27,48%	43-45%	53-55%

b. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế:

Bảng 12. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế.

	Năm		
	2017	2020	2030
DÂN SỐ (người)	168.770	195.000	245.000
Tổng lao động	109.174	125.000	160.000
Lao động khu vực 1 (%)	72,52%	56,0%	46,0%
Lao động khu vực 2 (%)	10,56%	18,0%	26,0%
Lao động khu vực 3 (%)	16,92%	26,0%	28,0%

4. Dự báo dân số đô thị, nông thôn và tỷ lệ đô thị hóa:

4.1. Dân số đô thị

Bảng 13. Dự báo dân số đô thị của Huyện đến năm 2030.

	Năm	2017	2020	2030
Stt	Đơn vị hành chính	Dân số (người)	Dân số (người)	Dân số (người)
1	Thị trấn Tân Phú	24.480	27.000	50.000
2	Đô thị Phú Lâm	14.598	16.000	23.000
	Tổng cộng	39.078	43.000	73.000

4.2. Dân số nông thôn

Bảng 14. Dự báo dân số nông thôn của Huyện đến năm 2030

	Năm	2017	2020	2030
Stt	Đơn vị hành chính	Dân số (người)	Dân số (người)	Dân số (người)
1	Xã Phú Bình	12.013	15.000	17.800
2	Xã Phú Thanh	13.091	16.000	19.000
3	Xã Phú Lộc	8.620	10.700	11.900
4	Xã Trà Cỏ	7.060	7.900	8.900
5	Xã Phú Điền	7.483	8.700	9.300
6	Xã Phú Lập	7.112	8.000	9.200
7	Xã Phú An	4.787	5.600	5.800
8	Xã Núi Tượng	5.589	5.800	6.000
9	Xã Đắc Lua	5.599	6.800	7.000
10	Xã Nam Cát Tiên	5.476	7.700	9.000
11	Xã Phú Sơn	9.582	9.800	11.600
12	Xã Phú Trung	7.975	9.800	11.700
13	Xã Thanh Sơn	6.078	6.800	7.600
14	Xã Phú Xuân	13.063	13.800	16.500
15	Xã Phú Thịnh	9.101	10.800	11.500
16	Xã Tà Lài	7.260	7.800	8.200

	Năm	2017	2020	2030
Stt	Đơn vị hành chính	Dân số (người)	Dân số (người)	Dân số (người)
17	Tổng cộng	144.290	151.000	171.000

Bảng 15. Dự kiến dân số toàn huyện đến năm 2030.

Năm	Đơn vị	2017	2020	2030
Dân số đô thị	Người	24.480	40.000-45.000	70.000-75.000
Dân số nông thôn	Người	144.290	145.000-155.000	165.000-175.000
Tỷ lệ đô thị hóa	%	14,50	22-26	28-33
Tổng cộng	Người	168.770	190.000-195.000	240.000-245.000

5. Dự báo đô thị và nhu cầu đất xây dựng đô thị:

5.1. Dự báo đô thị:

- Dự kiến đến năm 2020 toàn huyện Tân Phú có 2 đô thị loại V: Thị trấn Tân Phú và đô thị Phú Lâm.
- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa của huyện Tân Phú đến năm 2020 là 22-26%, đến năm 2030 là 28-33%.

Bảng 16. Dự báo đô thị của Huyện đến năm 2030.

	Năm	2017	2020	2030
Stt	Đơn vị hành chính	Loại Đthị	Loại Đthị	Loại Đthị
1	Thị trấn Tân Phú	V	V	IV
2	Đô thị Phú Lâm	-	V	V

5.2. Dự báo nhu cầu đất phát triển đô thị:

Trên cơ sở hiện trạng và dự báo phát triển kinh tế xã hội, hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất, dự báo về quy mô dân số đô thị, nông thôn toàn huyện, dự báo về nhu cầu đất xây dựng đô thị của vùng huyện như sau:

Dự kiến tiêu chuẩn đất xây dựng đô thị là 130-250 m²/người, nhu cầu đất xây dựng đô thị như sau:

Bảng 17. Bảng dự kiến tiêu chuẩn đất xây dựng đô thị.

Năm	2017	2020	2030
Tỉ lệ đô thị hóa (%)	14,50	22-26	28-33
Dân số đô thị (người)	24.480	42.000 - 45.000	70.000 - 75.000
Quy mô đất đô thị (ha)	305	700 - 1.000	1.000 - 1.200

- Năm 2020: Khoảng 700-1.000 ha, bình quân 130 - 170 m²/người.
- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2025 là 9.00-1.100 ha.

- Năm 2030: Khoảng 1.000-1.200 ha, bình quân 160 - 250 m²/người.

5.3. Dự báo về nhu cầu đất xây dựng nông thôn:

a. Dự báo về dân cư nông thôn:

- Trong thời gian tới cần rà soát lại quy hoạch dân cư nông thôn trên địa bàn Huyện. Đặc biệt quan tâm đến các khu dân cư nông thôn đặc biệt ở các xã vùng sâu, vùng xa.
- Quy hoạch các khu tái định cư cho các hộ dân nằm trong khu vực xây dựng đường giao thông, khu công nghiệp, khu du lịch, ...
- Dự báo dân số nông thôn toàn huyện:
 - + Đến năm 2020 khoảng 145.000 -155.000 người
 - + Đến năm 2030 khoảng 165.000 -175.000 người.

b. Dự báo về nhu cầu đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

- Chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư nông thôn: 150 – 180 m²/người.
- Nhu cầu đất xây dựng khu dân cư nông thôn:
 - + Năm 2020: 2.500-2.700 ha, bình quân 170 - 180 m²/người.
 - + Năm 2030: 2.600-3.000 ha, bình quân 150 - 170m²/người.

6. Các chỉ tiêu kỹ thuật:

Trên cơ sở quy mô dân số như đã phân tích ở trên, các chỉ tiêu kỹ thuật chính được thống kê trong bảng dưới đây:

Bảng 18. Bảng các chỉ tiêu kỹ thuật.

Số TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Năm tính	
			2020	2030
1	Giao thông:			
	Khu vực đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới $\geq 11.5m$)	km/km ²	≥ 6	≥ 8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 11	≥ 16
	- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	≥ 5	≥ 7
	- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 1	≥ 2
	- Khu vực nông thôn			
	- Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn	cấp	$\geq VI$ (mặt đường $\geq 3.5m$, nền đường $\geq 6.5m$)	$\geq VI$ (mặt đường $\geq 3.5m$, nền đường $\geq 6.5m$)
2	Cấp nước: 100 % dân cư được cấp nước sạch hợp vệ sinh trong đó:			

Số TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Năm tính	
			2020	2030
	- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	L/người/ngày	≥ 100	≥ 120
	- Tỷ lệ cấp nước	%	100	100
	- Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn (tập trung)	L/người/ngày	≥ 80	≥ 80
	- Tỷ lệ cấp nước	%	70	80
	- Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m ³ /ha	35	35
3	Thoát nước bẩn, quản lý CTR và nghĩa trang:			
	- Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80%	80%
	- Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp (80% nước cấp)	m ³ /ha	80%	80%
4	Cấp điện:			
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho đô thị	KW/ng/năm	400	1.000
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho nông thôn	KW/ng/năm	240	600
	- Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp	KW/ha	50-350	50-350
	- Tiêu chuẩn cấp điện TT công nghiệp	KW/ha	120-140	120-140

CHƯƠNG V: QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC, TẦM NHÌN, CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH

- Định hướng phát triển vùng Huyện Tân Phú dựa trên định hướng Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng phát triển tổng thể kinh tế xã hội của Tỉnh Đồng Nai cũng như huyện Tân Phú, trong đó vùng Huyện Tân Phú sẽ có vai trò là cửa ngõ phía Đông Bắc của Tỉnh.
- Định hướng quy hoạch xây dựng Vùng trên cơ sở phát triển bền vững dựa trên các thế mạnh hiện có và vị trí đặc thù, lấy đó làm tiền đề thúc đẩy quá trình đô thị hoá và tăng trưởng kinh tế - xã hội của vùng Huyện Tân Phú nói riêng cũng như của toàn Tỉnh Đồng Nai nói chung.
- Phát triển nhanh, bền vững hài hòa về kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, tăng cường quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường.
- Phát triển phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện và các ngành khác trên địa bàn huyện Tân Phú. Khai thác tiềm năng lợi thế, tài nguyên đặc trưng cho phát triển từng tiểu vùng. Phát triển có trọng điểm, trọng tâm, theo chiến lược toàn diện và cân bằng.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng khung đồng bộ kết nối với các đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đường cao tốc Dầu Giây – Đà Lạt, Quốc lộ 20, rừng Quốc Gia Nam Cát Tiên.
- Chú trọng phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch; xem đây là một trong những nhiệm vụ đột phá trong phát triển kinh tế – xã hội ở Huyện, nâng dần tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trên cơ sở kế thừa có chọn lọc hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đã có.
- Kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với phát triển các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục nhằm thực hiện an sinh xã hội trên địa bàn.
- Bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên rừng, sinh thái, cảnh quan nông nghiệp.

II. TẦM NHÌN

Quy hoạch Vùng huyện Tân Phú tầm nhìn chiến lược từ 20-30 năm:

- Là trung tâm Thương mại dịch vụ và du lịch của tỉnh Đồng Nai.
- Là vùng bảo vệ cảnh quan và nguồn nước cho phát triển kinh tế của Tỉnh.
- Vùng phát triển có bản sắc văn hóa truyền thống, phát triển làng nghề truyền thống.
- Là vùng huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, có chất lượng cuộc sống tốt, hài hòa thân thiện với môi trường.

III. CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC HƯỚNG TỚI TẦM NHÌN

- Xây dựng và phát triển trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng.
- Hình thành các không gian phát triển kinh tế, không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn, không gian tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, không gian cảnh quan tự nhiên và du lịch.

- Phát triển các vùng du lịch gắn với đô thị, cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; Phát triển mô hình du lịch sinh thái dã ngoại, khám phá, nghiên cứu, du lịch cộng đồng, liên kết phát triển trong và ngoài tỉnh.
- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật diện rộng cấp vùng, hình thành hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật đồng bộ.
- Định hướng phát triển hệ thống kỹ thuật hạ tầng trên cơ sở khớp nối với các khu vực xung quanh và các dự án quan trọng nằm trong Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm cân bằng sinh thái, bảo tồn thiên nhiên và giữ gìn đa dạng sinh học.
- Phát triển các dự án chiến lược, trọng điểm có sức lan tỏa và hỗ trợ các vùng khác phát triển.
- Đưa ra khung bảo vệ môi trường cảnh quan tự nhiên bảo vệ nguồn nước trong vùng và tỉnh. Đảm bảo cho vùng phát triển bền vững.
- Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng và nguồn lực của Vùng.
- Kiểm soát sự phát triển trong toàn vùng một cách hợp lý, liên kết và chia sẻ với các vùng phụ cận và trong vùng Tỉnh.
- Xây dựng cơ chế quản lý và kiểm soát phát triển không gian xây dựng toàn vùng.

IV. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG

1. Các tiêu chí lựa chọn mô hình

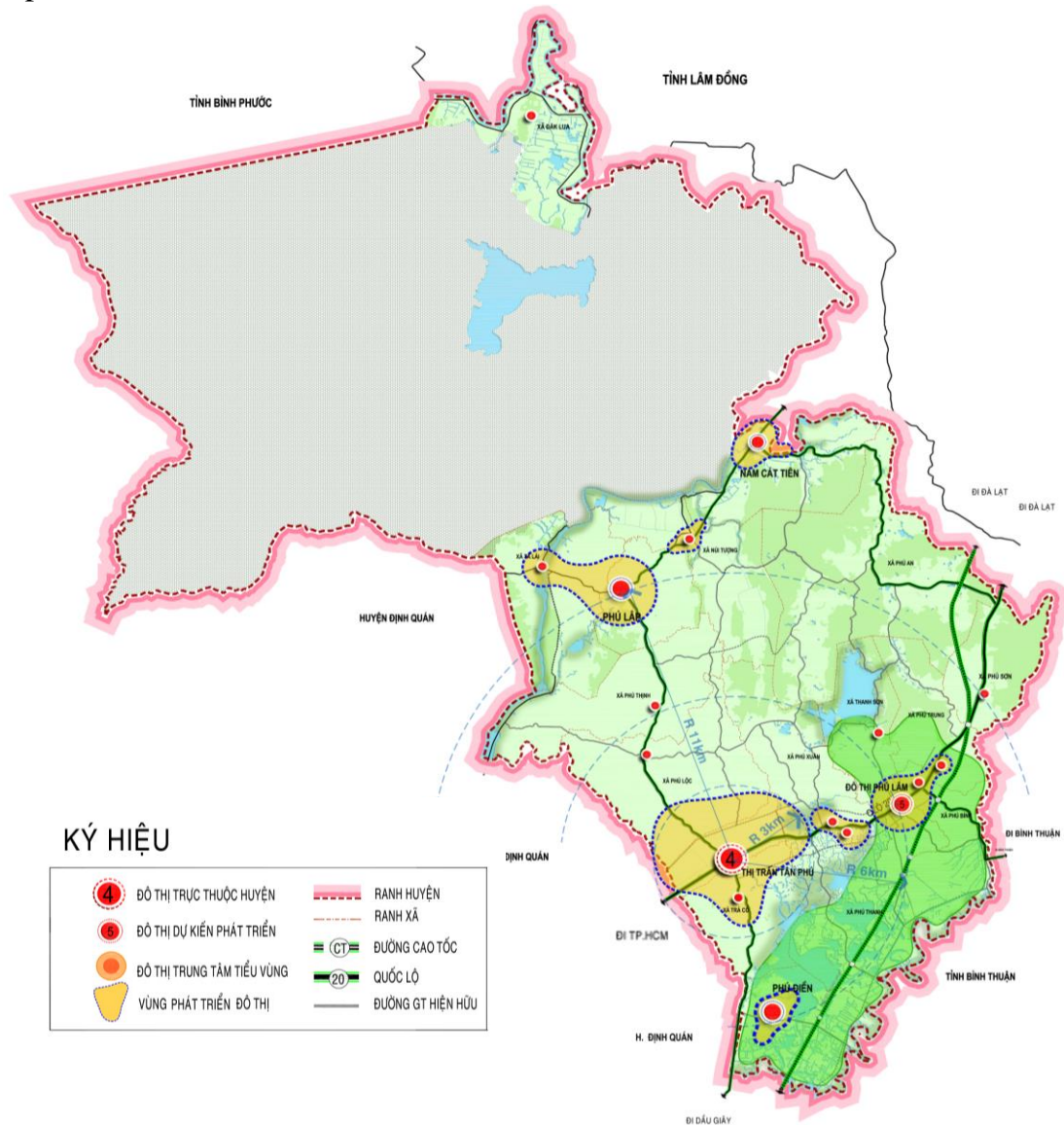
- Việc nghiên cứu qui hoạch tổ chức không gian Vùng huyện Tân Phú phải trên cơ sở lựa chọn mô hình phát triển mang tính chiến lược, khai thác các lợi thế của từng tiểu vùng, phát huy lợi thế toàn vùng - đáp ứng linh hoạt với những biến đổi của thị trường.
- Đồng thời trên cơ sở bối cảnh phát triển tương lai, tầm nhìn và các mục tiêu phát triển của vùng, đánh giá các tiềm năng, lợi thế và các nguồn lực của vùng.

2. Mô hình phát triển

2.1. Mô hình 1: *Mô hình phát triển phân tán* – gắn với các trục phát triển kinh tế đô thị: không quá tập trung vào các khu vực trung tâm huyện lỵ, các tiểu vùng được phát triển đồng đều.

- Nội dung: Cơ sở của phương án là tạo các nguồn lực về đô thị hóa – phát triển đô thị trên cơ sở các vùng phát triển kinh tế được phân bố đều trên địa bàn huyện, tạo nên sự phát triển đồng bộ trong huyện.
- + Vùng phát triển thương mại – dịch vụ gắn với thị trấn Tân Phú với bán kính ảnh hưởng 3 – 5 km là hạt nhân trung tâm toàn vùng.
- + Vùng phát triển công nghiệp: tập trung tại khu công nghiệp Tân Phú.
- + Vùng phát triển du lịch: tập trung phần lớn khu vực phía Bắc huyện, và một số khu vực gắn kết với các hồ đập và có cảnh quan thiên nhiên đẹp. Ngoài ra, rừng Quốc gia Nam Cát Tiên cũng sẽ là hạt nhân phát triển phía Đông Bắc về du lịch của Tỉnh với loại hình phát triển khai thác du lịch gắn với bảo vệ rừng kết hợp du lịch tham quan, nghiên cứu, sinh thái.

- + Các trục giao thông động lực: Quốc lộ 20, Đ.T. Tà Lài – Trà Cỏ (Đ.T.774B) và các tuyến đường huyện, ...
- + Bên cạnh các khu vực trên cần quan tâm tới các khu trung tâm các xã và các khu vực quy hoạch các điểm dân cư nông thôn (trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới). Đây là yếu tố quan trọng để phát triển và hiện đại hóa nông nghiệp + nông thôn và nông dân.
- Ưu điểm: tạo sự phát triển đồng đều trên địa bàn Huyện, giảm thiểu khoảng cách, thu nhập giữa đô thị và nông thôn.
- Nhược điểm: không tạo được sự phát triển tập trung, là động lực, đầu tàu cho cả khu vực phát triển.

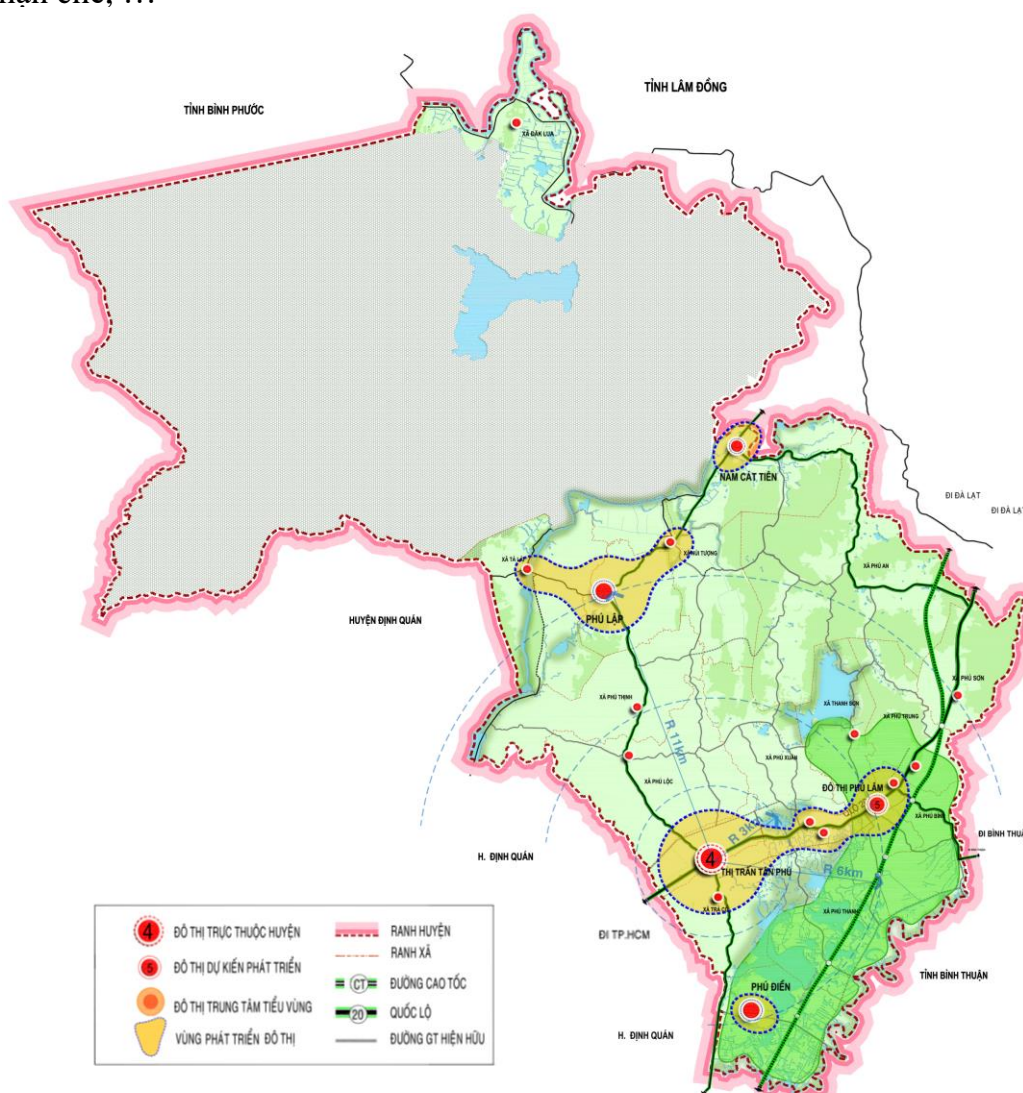


Hình 17. Mô hình 1: Phát triển đồng đều phân tán.

2.2. Mô hình 2: Mô hình phát triển tập trung theo cụm và phân theo các trục hành lang kinh tế (đường cao tốc TP.HCM - Dầu Giây-Đà Lạt, QL.20, Đ.T. Tà Lài-Trà Cỏ).

- Nội dung: Đầu tư phát triển thị trấn Tân Phú + KCN Tân Phú + khu vực phát triển thương mại dịch vụ tại khu vực hai bên QL.20 kéo dài về phía Đông đến khu vực chợ Phương Lâm – đô thị Phú Lâm thành trung tâm phát triển của huyện.

- + Các khu vực trung tâm xã sẽ phát triển theo các trục hành lang chính gắn kết với dân cư hiện hữu và vùng nguyên liệu, vùng sản xuất.
- + Vùng phát triển thương mại – dịch vụ: khu vực thị trấn Tân Phú phát triển dọc theo hai bên quốc lộ 20 kéo dài đến chợ Phương Lâm thuộc xã Phú Lâm - được định hướng là đô thị loại V.
- + Vùng phát triển công nghiệp: tập trung tại khu công nghiệp Tân Phú và xã Phú Thanh.
- + Vùng phát triển du lịch: tập trung phần lớn khu vực phía Bắc huyện, và một số khu vực gắn kết với các hồ đập và có cảnh quan thiên nhiên đẹp. Ngoài ra, rừng Quốc gia Nam Cát Tiên cũng sẽ là hạt nhân phát triển phía Đông Bắc về du lịch của Tỉnh với loại hình phát triển khai thác du lịch gắn với bảo vệ rừng kết hợp du lịch tham quan, nghiên cứu, sinh thái.
- Ưu điểm: tạo được cực phát triển tập trung, đồng thời phát triển gắn kết hữu cơ các khu vực đô thị, trung tâm xã theo các trục hành lang chính cũng như với các vùng phát triển kinh tế khác trên địa bàn.
- Nhược điểm: nguồn lực đầu tư trong giai đoạn ngắn hạn cho các khu vực nông thôn còn hạn chế, ...



Hình 18. Mô hình 2: Phát triển tập trung theo cụm và phân theo các trục hành lang

3. Lựa chọn phương án:

3.1. Các tiêu chí lựa chọn phương án

a. Tiêu chí kiểm soát phát triển:

Yêu cầu về quản lý trong mô hình 2 ở mức độ thấp hơn mô hình 1. Đối với mô hình 2, sự cách biệt giữa đô thị và nông thôn không quá lớn, trình độ quản lý và kiểm soát phát triển vừa phải, do quy mô đô thị trung tâm được dự báo vừa phải, không quá lớn.

b. Tiêu chí về giảm tiêu hao năng lượng

Tiêu hao năng lượng được đánh giá là thấp nhất khi các khu vực sản xuất được bố trí gần nguồn tiêu thụ. Tại huyện Tân Phú, khu vực phát triển công nghiệp – là loại hình tiêu thụ năng lượng lớn – bố trí tiếp giáp khu vực phát triển đô thị và tiếp giáp với nguồn cung từ các trạm cung cấp điện tại chỗ - đạt được yêu cầu trên.

c. Tiêu chí về khả năng thích nghi với thời kỳ hậu công nghiệp

- Là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá tính bền vững của Vùng.
- Sự phát triển các đô thị tương đối phân tán, với các chức năng đô thị rõ ràng.
- + Các khu vực đô thị gắn với phát triển công nghiệp, thương mại – dịch vụ là các đô thị đa chức năng – đáp ứng linh hoạt mọi biến động của yếu tố bên trong cũng như bên ngoài. Quy mô đô thị càng lớn, cơ hội chuyển đổi và thích nghi với giai đoạn phát triển hậu công nghiệp càng cao.
- + Các khu vực đô thị gắn với vùng phát triển du lịch, vùng sản xuất nông nghiệp là các đô thị sinh thái, hoàn toàn thích nghi với thời kỳ hậu công nghiệp.

d. Tiêu chí về khả năng khai thác lợi thế vùng:

Tiêu chí này đánh giá chủ yếu khả năng khai thác một cách hiệu quả nhất các yếu tố lợi thế của vùng như lợi thế về vị trí cửa ngõ, giao thông, vùng sản xuất công nghiệp, du lịch, thương mại – dịch vụ, vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, vùng phát triển và bảo vệ rừng, ...

e. Tiêu chí về bảo vệ môi trường sinh thái.

Trong các mô hình phát triển, khung bảo vệ môi trường sinh thái cảnh quan đều được xác định là đảm bảo các yêu cầu thiết yếu về bảo vệ các giá trị cảnh quan quý báu trong vùng như rừng Quốc gia Nam Cát Tiên, khu vực các bàu, hồ cảnh quan, các vùng cây ăn trái kết hợp phát triển du lịch sinh thái,

f. Tiêu chí về phân vùng tạo động lực phát triển

Việc phân bố hợp lý các trung tâm phát triển sẽ tạo động lực phát triển hài hòa, giảm khoảng cách giữa các tiểu vùng.

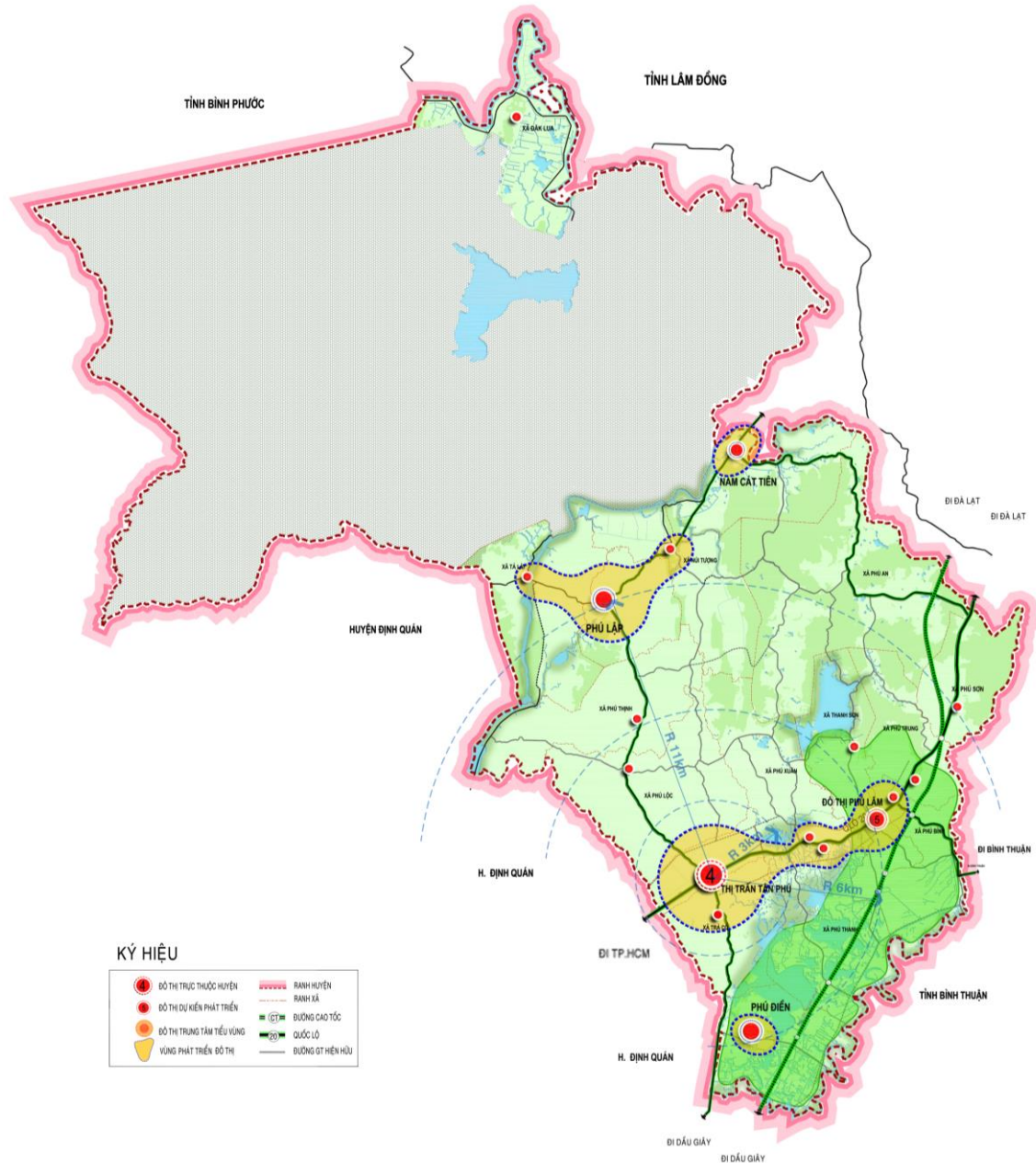
- Các trục giao thông động lực: tuyến cao tốc TP.HCM - Dầu Giây - Đà Lạt, Quốc lộ 20, ĐT.Tà Lài – Trà Cỏ và các tuyến đường huyện, ...
- Phân vùng phát triển: trên cơ sở phân vùng phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch, công nghiệp, vùng phát triển rừng và phát triển cây ăn trái, ...

3.2. Đánh giá lựa chọn phương án

Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá nêu trên, mô hình 2 là mô hình được đánh giá là có nhiều ưu điểm hơn mô hình 1 với các lý do sau:

- Phát huy được tiềm năng và thế mạnh của vùng, phát triển hệ thống các đô thị trong mối liên kết nội tại của vùng, liên kết chặt chẽ với các trung tâm tiểu vùng.
- Đặc biệt là xét trên các tiêu chí về giảm thiểu tiêu hao năng lượng, tiêu chí bảo vệ môi trường sinh thái, và khai thác lợi thế vùng, tiêu chí về phân vùng tạo động lực phát triển.

Do đó, mô hình 2 được lựa chọn làm mô hình liên kết phát triển vùng huyện Tân Phú.



Hình 19. Sơ đồ mô hình phát triển –Phương án chọn

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN BỐ CÁC VÙNG CHỨC NĂNG

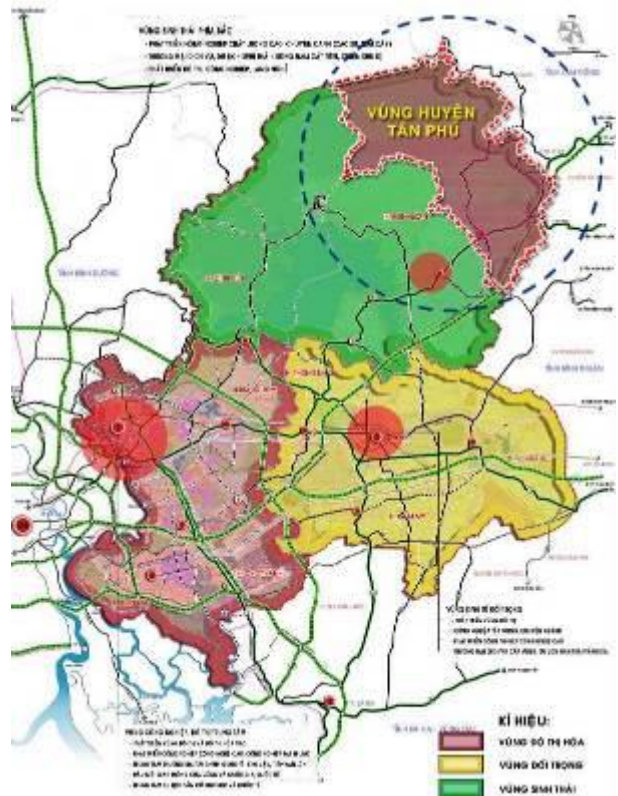
Đề xuất định hướng phát triển không gian, phân bố các vùng chức năng trên cơ sở Phân vùng kinh tế, phân bố hệ thống đô thị, nông thôn, các vùng chức năng (các

vùng phát triển công nghiệp, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp, hệ thống các trung tâm thương mại - dịch vụ, văn hóa thể thao, ...).

- Phân bố các dịch vụ mang tính chất vùng.
- Phân bố các cơ sở du lịch, vui chơi giải trí mang tính chất vùng.
- Phân bố các khu vực tổ chức cây xanh thể dục thể thao.
- Phân bố vùng nông nghiệp: vùng phát triển cây ăn trái, phát triển cây ngắn ngày, cây công nghiệp.
- Tổ chức hệ thống mạng lưới đô thị, các điểm dân cư nông thôn (các khu vực phát triển ổn định; khu vực cần chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; các khu vực quy hoạch xây dựng mới. Tổ chức, dự báo quy mô dân số, các vùng đô thị hoá;
- Xác định hệ thống các trung tâm, công trình hạ tầng xã hội (các trung tâm y tế, giáo dục, văn hoá, TDTT, trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch cấp Vùng).
- Xác định các khu chuyển đổi chức năng; các khu cần bảo tồn (rừng Quốc gia Nam Cát Tiên, .v.v.); các khu cấm xây dựng.
- Xác định mô hình đặc trưng của dân cư nông thôn trong vùng.

1. Phân vùng phát triển kinh tế theo quy hoạch vùng Tỉnh

- Theo quy hoạch vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, huyện Tân Phú nằm trong Vùng sinh thái phía Bắc bao gồm huyện Định Quán, Tân Phú và một phần huyện Vĩnh Cửu. Vùng có chức năng bảo tồn rừng cảnh quan, bảo vệ nguồn nước và sự đa dạng sinh học. Trong đó thị trấn Định Quán là đô thị hạt nhân.
- Với những thuận lợi về vị trí, vị thế và các định hướng chung, Tân Phú đã xây dựng chiến lược phát triển kinh tế thành một huyện năng động, phát triển nhanh của tỉnh Đồng Nai với các vai trò chủ yếu sau:
 - + Phát triển đô thị - công nghiệp - TTCN, làng nghề: Hình thành vùng đô thị công nghiệp tập trung tại thị trấn Tân Phú, các cụm CN-TTCN tại đô thị vừa và nhỏ (xã Phú Thanh). Phát triển làng nghề đan lát phục vụ du lịch.
 - + Phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái rừng cảnh quan: Hình thành trung tâm thương mại chợ đầu mối trao đổi tiêu thụ hàng hóa nông sản. Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch tại các khu du lịch hồ Trị An và Vườn Quốc gia Nam Cát Tiên, trở thành Vùng du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thăm quan, du



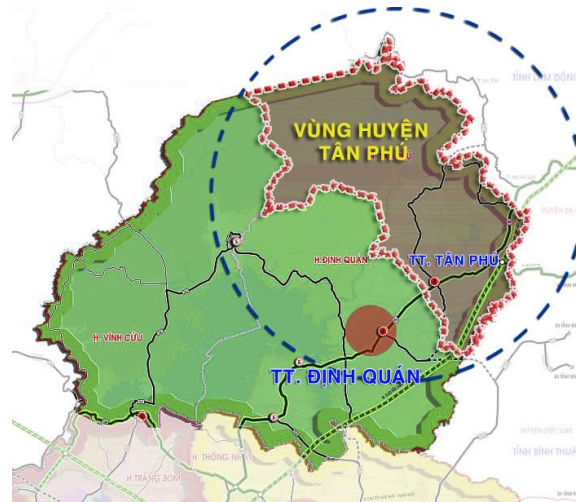
Hình 20. Phân vùng phát triển kinh tế vùng tỉnh Đồng Nai

ngoạn dài ngày của Tỉnh và Vùng Đông Nam Bộ. Đồng thời phát triển nhiều loại hình du lịch tại các khu vực hồ Đa Tôn - Thanh Sơn, Khu du lịch Suối Mơ, Thác Hòa Bình xã Phú Sơn, du lịch sinh thái ven sông Đồng Nai (xã Tà Lài, Núi Trượng, Nam Cát Tiên); Làng văn hóa đồng bào dân tộc (Tà Lài), nhà dài Tà Lài.

- + Phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao: Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh như

cao su, cây ăn trái. Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng trồng, phát triển kinh tế và bảo

vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng sinh học đặc trưng của vùng. Phát triển vùng chăn nuôi tập trung hình thức trang trại có quy mô lớn, diện tích khoảng 3.300 – 3.500 ha. Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt.



Hình 21. Vị trí huyện Tân Phú trong Vùng sinh thái phía Bắc tỉnh Đồng Nai.

2. Phân bố các vùng phát triển kinh tế:

Trên cơ sở Quy hoạch vùng tỉnh, Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Tân Phú, đặc điểm tự nhiên địa hình, địa thế, tài nguyên thiên nhiên và các cơ sở về hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt các hành lang kinh tế đô thị, vùng huyện Tân Phú có thể được phân thành 4 tiểu vùng phát triển kinh tế, cụ thể như sau:

2.1. Tiểu Vùng I: Tiểu Vùng trung tâm – là vùng kinh tế động lực của Huyện.

a. Vị trí, quy mô:

- Vị trí: Nằm khu vực trung tâm huyện Tân Phú, dọc hai bên Quốc lộ 20, là vùng phát triển trọng điểm về đô thị, thương mại - dịch vụ, công nghiệp đặc biệt là sự phát triển khu vực dọc hai bên quốc lộ 20 và khu công nghiệp Tân Phú, chợ đầu mối nông sản Phương Lâm, cụm công nghiệp tại xã Phú Thanh.

– Quy mô:

- + Bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Thị trấn Tân Phú và một phần các xã Trà Cỏ, Phú Lộc, Phú Xuân, Thanh Sơn, Phú Bình, Phú Lâm, Phú Thanh.
- + Diện tích: khoảng 50 km², chiếm 6,5% tổng diện tích toàn Huyện.

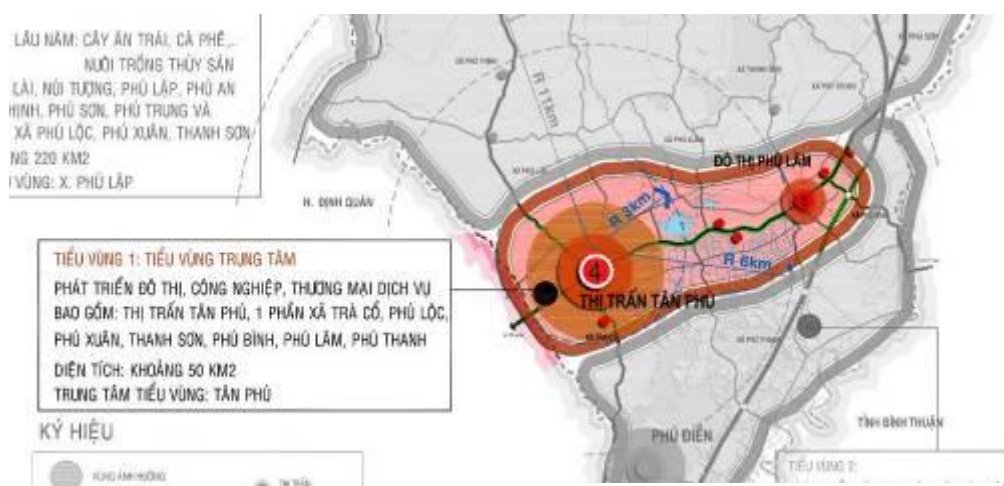
b. Tiềm năng thế mạnh của vùng:

- Vị trí địa lý kinh tế: là cửa ngõ phía Đông Bắc của Tỉnh đồng Nai, có trục quốc lộ 20 và tuyến cao tốc Hồ Chí Minh – Dầu Giây – Đà Lạt – đây là hành lang kinh tế động lực của vùng. Phía Nam giáp khu vực phát triển nông nghiệp phía Nam huyện, phía Bắc giáp vùng phát triển cây ăn trái của huyện.
- Tiểu Vùng có sự liên kết trực tiếp về phát triển kinh tế, về phát triển không gian, về giao thông với các đô thị như: Định Quán, Madagui và các trung tâm tiểu vùng khác thuộc huyện Tân Phú.

- Trung tâm của tiểu vùng là thị trấn Tân Phú kết hợp với đô thị Phú Lâm gắn với trục kinh tế động lực quốc gia là quốc lộ 20.
- Tiềm năng quỹ đất thuận lợi cho việc phát triển dân cư và công trình HTKT.

c. Động lực phát triển:

- **Phát triển thương mại dịch vụ:** đây là khu vực phát triển năng động nhất của huyện Tân Phú, trong đó đặc biệt là phát triển thương mại dịch vụ. Hình thành trục thương mại dịch vụ trên tuyến quốc lộ 20, phát triển dựa trên thị trấn Tân Phú cùng với xã Phú Lâm, tương lai là đô thị loại V thành trung tâm thương mại dịch vụ lớn của vùng phía Bắc tỉnh. Chợ Phú Lâm trong tương lai có thể phát triển thành chợ đầu mối nông sản cung cấp cho các tỉnh phía Nam, đặc biệt là khu vực thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời là trung tâm dịch vụ du lịch của vùng.
- **Phát triển khu – cụm công nghiệp:** tiếp tục lấp đầy và phát triển mở rộng khu công nghiệp Tân Phú gắn với vùng nguyên liệu của huyện (cây ăn trái, ...) và đầu tư xây cơ sở hạ tầng cho cụm công nghiệp của huyện tại xã Phú Thanh.
- **Phát triển đầu mối giao thông đường bộ:** quốc lộ 20, tuyến cao tốc Hồ Chí Minh – Dầu Giây – Đà Lạt và hệ thống bến xe, trạm dừng chân, ...



Hình 22. Tiểu vùng kinh tế Trung tâm.

2.2. Tiểu Vùng 2: Tiểu Vùng kinh tế phía Nam

a. Vị trí và quy mô:

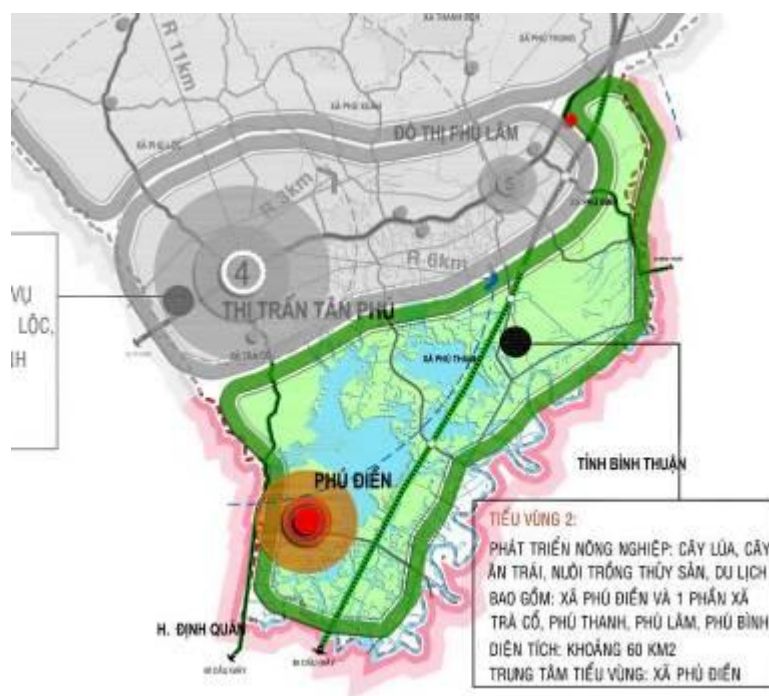
- **Vị trí:** Nằm về phía Nam huyện, là khu vực có điều kiện thuận lợi phát triển cây hằng năm như: lúa, màu, nuôi trồng thủy sản và du lịch. Tiếp giáp tiểu vùng trung tâm về phía Bắc.
- **Quy mô:**
- + Bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Phú Điền và một phần các xã Trà Cỏ, Phú Bình, Phú Lâm, Phú Thanh, Phú Trung.
- + Diện tích: khoảng 60 km², chiếm 7,72% tổng diện tích toàn Huyện.

b. Tiềm năng thế mạnh của vùng:

- Vị trí địa kinh tế: có tuyến cao tốc Hồ Chí Minh – Dầu Giây – Đà Lạt. Đây là trục hành lang kinh tế động lực của Quốc gia và của vùng. Phía Bắc giáp khu vực động lực phát triển nhất của huyện trong đó thị trấn Tân Phú là đô thị huyện lỵ, là điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tiểu vùng.
- Tiểu Vùng có sự liên kết trực tiếp về phát triển kinh tế, về phát triển không gian, về giao thông với các đô thị như: Tân Phú, Phú Lâm,...
- Trung tâm của tiểu vùng là trung tâm xã Phú Điền.
- Tiềm năng du lịch: phát triển du lịch sinh thái: khu du lịch công viên Suối Mơ tại xã Trà Cổ và Phú Điền. Đây là một trong những điểm du lịch mới thu hút nhiều du khách trong và ngoài tỉnh thích khám phá khung cảnh thiên nhiên đẹp, nghỉ ngơi.
- Tiềm năng quỹ đất lớn, thích hợp cho việc phát triển cây hằng năm như lúa, màu và nuôi trồng thủy sản (tập trung phần lớn tại xã Phú Thanh, Phú Điền).

c. Động lực phát triển:

- **Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tham quan thắng cảnh vui chơi giải trí:** Phát triển mạnh du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, vui chơi giải trí công viên Suối Mơ.
- **Phát triển nông nghiệp công nghệ cao:**
- + Phát triển nông nghiệp sạch, chất lượng cao: Hình thành các vùng chuyên canh cây nông nghiệp với các loại cây trồng chủ lực: lúa, màu, ... tập trung khu vực cánh đồng xã Phú Thanh, Phú Điền.
- + Khai thác và phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung, mô hình chăn nuôi trang trại chăn nuôi tập trung.



Hình 23. Tiểu vùng kinh tế phía Nam.

2.3. Tiểu Vùng 3: Tiểu vùng kinh tế phía Bắc

a. Vị trí và quy mô:

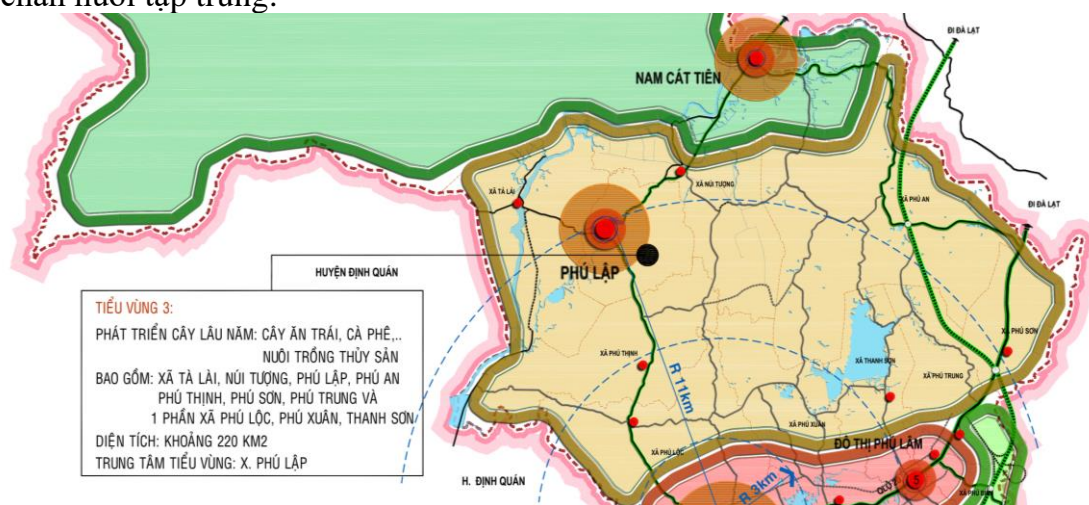
- Vị trí: Nằm ở vị trí trung tâm huyện, đây là khu vực có điều kiện thuận lợi phát triển cây lâu như: cây lâu năm (cây ăn trái, cây công nghiệp), nuôi trồng thủy sản, tiếp giáp tiểu vùng trung tâm về phía Nam.
- Quy mô: Bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Tà Lài, Phú Lập, Núi Tượng, Phú An, Phú Thịnh, Phú Sơn, Phú Trung và một phần các xã Phú Lộc, Phú Xuân, Thanh Sơn.
- + Diện tích: khoảng 227 km², chiếm 29,22% tổng diện tích toàn Huyện.

b. Tiềm năng và thế mạnh:

- Vị trí địa kinh tế: tiếp giáp giữa 2 tiểu vùng: tiểu vùng Nam Cát Tiên - thuận lợi phát triển du lịch và tiểu vùng phát triển đô thị - công nghiệp của huyện, có tuyến đường tỉnh Tà Lài – Trà Cổ kết nối Thị trấn Tân Phú đi rừng quốc gia Nam Cát Tiên, thuận lợi phát triển kinh tế xã hội tiểu vùng.
- Trung tâm của tiểu vùng là trung tâm xã Phú Lập.
- Tiềm năng du lịch: khu vực xung quanh Hồ Đa Tôn là khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp, thuận lợi cho việc khai thác và phát triển du lịch, kết hợp với tuyến du lịch tham quan rừng Nam Cát Tiên, đây trong tương lai là 1 trong những điểm du lịch có tiềm năng thu hút khách du lịch rất lớn của huyện, có khả năng thu hút khách du lịch trong và ngoài tỉnh.
- Tiềm năng quỹ đất lớn, thích hợp cho việc phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

c. Động lực phát triển:

- **Phát triển du lịch sinh thái, tham quan thắng cảnh.**
- **Phát triển nông nghiệp công nghệ cao:** Hình thành các vùng chuyên canh cây nông nghiệp với các loại cây trồng chủ lực: cây ăn quả, cây công nghiệp, ... Khai thác và phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung, mô hình chăn nuôi trang trại chăn nuôi tập trung.



Hình 24. Tiểu vùng kinh tế phía Bắc.

2.4. Tiểu Vùng 4: Tiểu Vùng Nam Cát Tiên

a. Vị trí, quy mô:

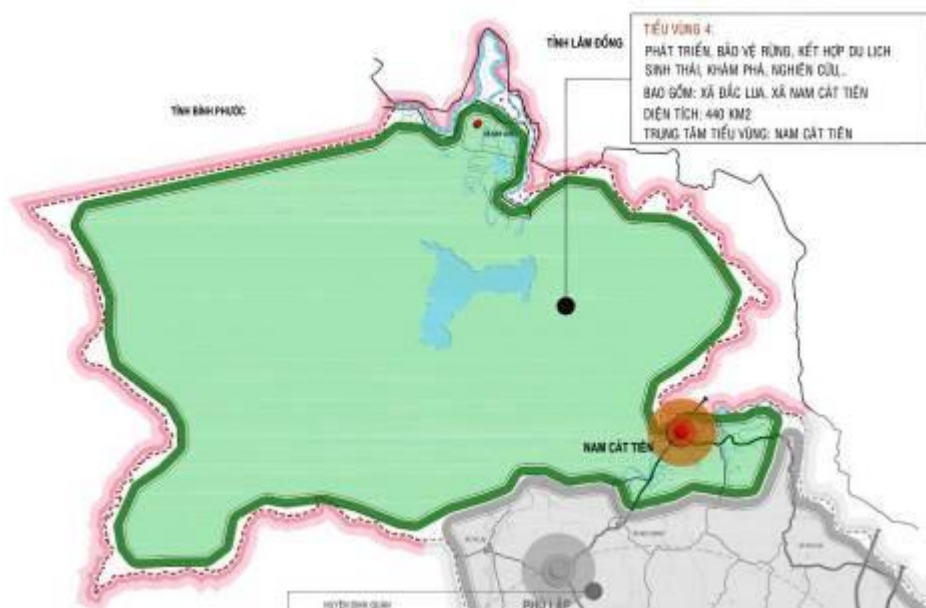
- Vị trí: Nằm phía Bắc huyện Tân Phú, giáp tỉnh Bình Phước và tỉnh Lâm Đồng. Là vùng phát triển và bảo vệ rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng.
- **Quy mô:** Bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Nam Cát Tiên và xã Đắc Lúa.
- Diện tích: khoảng 440 km², chiếm 56,63% tổng diện tích toàn Huyện.

b. Tiềm năng thế mạnh của vùng:

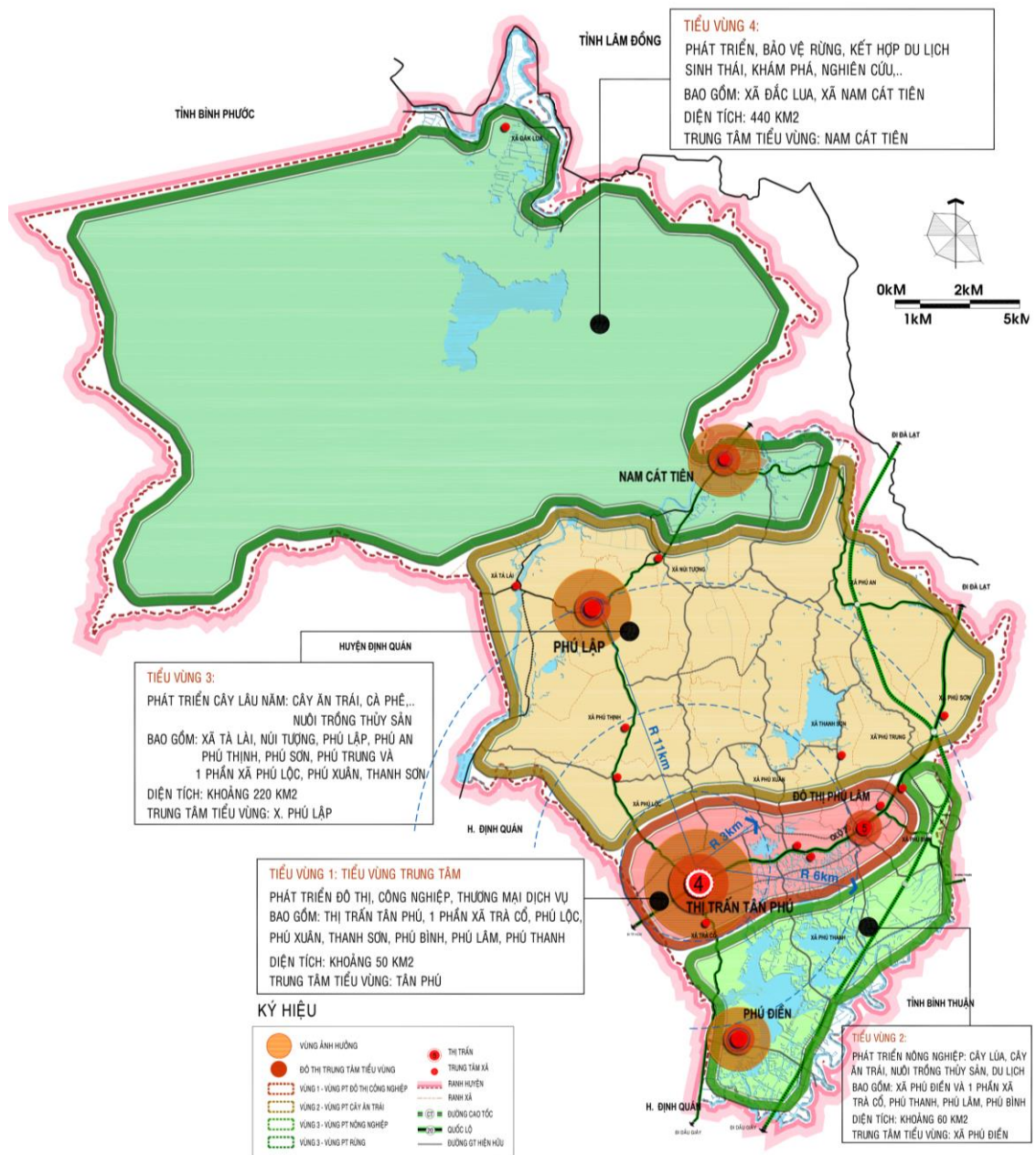
- Vị trí địa lý kinh tế: nằm phía Bắc của huyện, giáp Tỉnh Bình Phước và Lâm Đồng, kết nối thị trấn Tân Phú, quốc lộ 20 và các tiểu vùng khác qua tuyến đường tỉnh Tà Lài – Trà Cỏ.
- Trung tâm của tiểu vùng là trung tâm xã Nam Cát Tiên, là trung tâm thương mại dịch vụ gắn kết với rừng Quốc gia Nam Cát Tiên.
- Tiềm năng du lịch: có rừng quốc gia Nam Cát Tiên được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thứ 411 và là khu dự trữ sinh quyển thứ 2 của Việt Nam. Trong đó khu đất ngập nước Bàu Sấu của Vườn được Ban thư ký Công ước Ramsar công nhận đưa vào danh sách các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế. Đây là khu đất ngập nước thứ 1.499 của thế giới và là khu thứ hai của Việt Nam. Đây là trung tâm du lịch quan trọng của tỉnh cũng như của huyện.
- Tiềm năng rừng: phần lớn diện tích là rừng Quốc gia Nam Cát Tiên.

c. Động lực phát triển:

Phát triển thương mại dịch vụ du lịch: đây là trung tâm dịch vụ phục vụ khu du lịch rừng Quốc gia Nam Cát Tiên. Kết hợp phát triển du lịch tham quan, khám phá, nghiên cứu, du lịch sinh thái, ... Hình thành các trung tâm dịch vụ du lịch phân phối sản phẩm du lịch như: nhà hàng, khách sạn, sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại địa phương, các sản phẩm từ trái cây, trái cây chế biến, ...



Hình 25. Tiểu vùng Nam Cát Tiên.



Hình 26. Sơ đồ Phân vùng phát triển kinh tế.

CHƯƠNG VI: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG

I. CẤU TRÚC KHÔNG GIAN VÙNG

1. Cấu trúc lưu thông

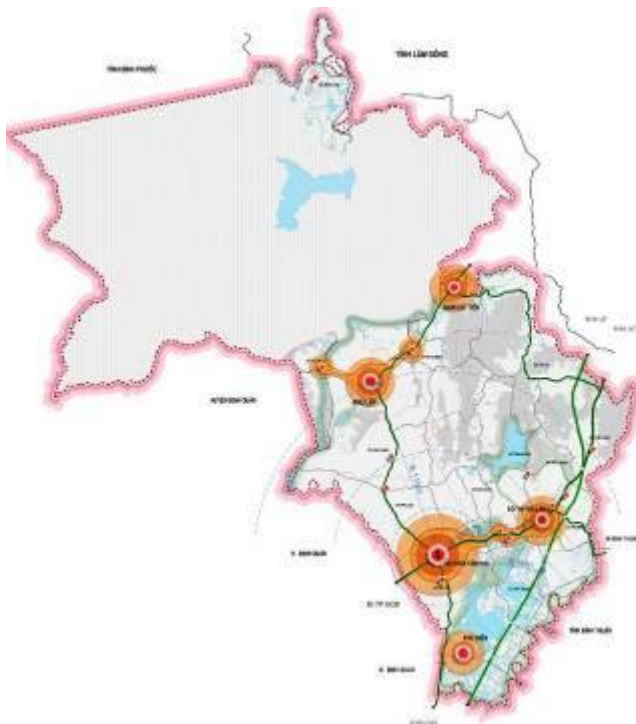
Khung phát triển vùng huyện Tân Phú gắn kết với các trục hành lang kinh tế của vùng tỉnh Đồng Nai, bao gồm các trục hành lang kinh tế đô thị cấp Quốc gia, vùng như sau:

- Trục Quốc lộ 20 và tuyến cao tốc TP.HCM - Dầu Giây – Đà Lạt là trục hành lang kinh tế đô thị Quốc gia là trục giao thông kết nối các tỉnh Tây Nguyên với Vùng TP.HCM đi ngang qua địa bàn huyện.
- Trục hành lang kinh tế - đô thị nội vùng:
 - + Đường tỉnh Tà Lài – Trà Cỏ kết nối Thị trấn Tân Phú đi rừng Quốc gia Nam Cát Tiên và các trung tâm xã phía Bắc quốc lộ 20.
 - + Đường tỉnh 774 (đường 30/4): từ quốc lộ 20 (đoạn qua xã Phú Bình huyện Tân Phú) đi tỉnh Bình Thuận.
 - + Các trục đường huyện kết nối thị trấn với các trung tâm các xã.

2. Cấu trúc không gian các vùng đô thị

Theo quy hoạch vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, huyện Tân Phú nằm trong Vùng công nghiệp tập trung vùng sinh thái phía Bắc tỉnh bao gồm: huyện Định Quán, Tân Phú với các ngành công nghiệp chính: phát triển các ngành công nghiệp chế biến, cơ khí, vật liệu xây dựng.

- Khu vực đô thị - công nghiệp: với đô thị hạt nhân là thị trấn Tân Phú (tiểu vùng 1) kết hợp với đô thị dự kiến Phú Lâm (tiểu vùng 1 - đô thị loại V), khu công nghiệp Tân Phú. Đồng thời gắn kết không gian với các chuỗi các trung tâm xã dọc theo quốc lộ 20.
- Khu vực tập trung dân cư phía Bắc: trung tâm là xã Phú Lập kết nối không gian với xã Tà Lài về hướng Tây Bắc và xã Núi Tượng về hướng Đông Bắc, là trung tâm của tiểu vùng 3 của huyện Tân Phú.
- Khu vực tập trung dân cư Nam Cát Tiên: trung tâm là xã Nam Cát Tiên gắn với khu du lịch rừng Quốc gia Nam Cát Tiên, là trung tâm của tiểu vùng 4 của huyện nằm trên trục đường tỉnh đường tỉnh 774B.
- Khu vực tập trung dân cư phía Nam: Trung tâm là xã Phú Điền, là trung tâm của tiểu vùng 2 của huyện nằm trên trục đường tỉnh 774B.

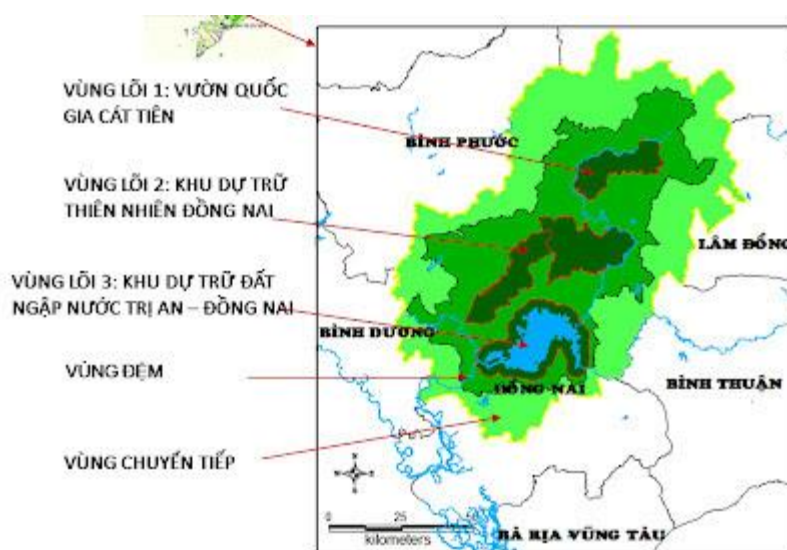


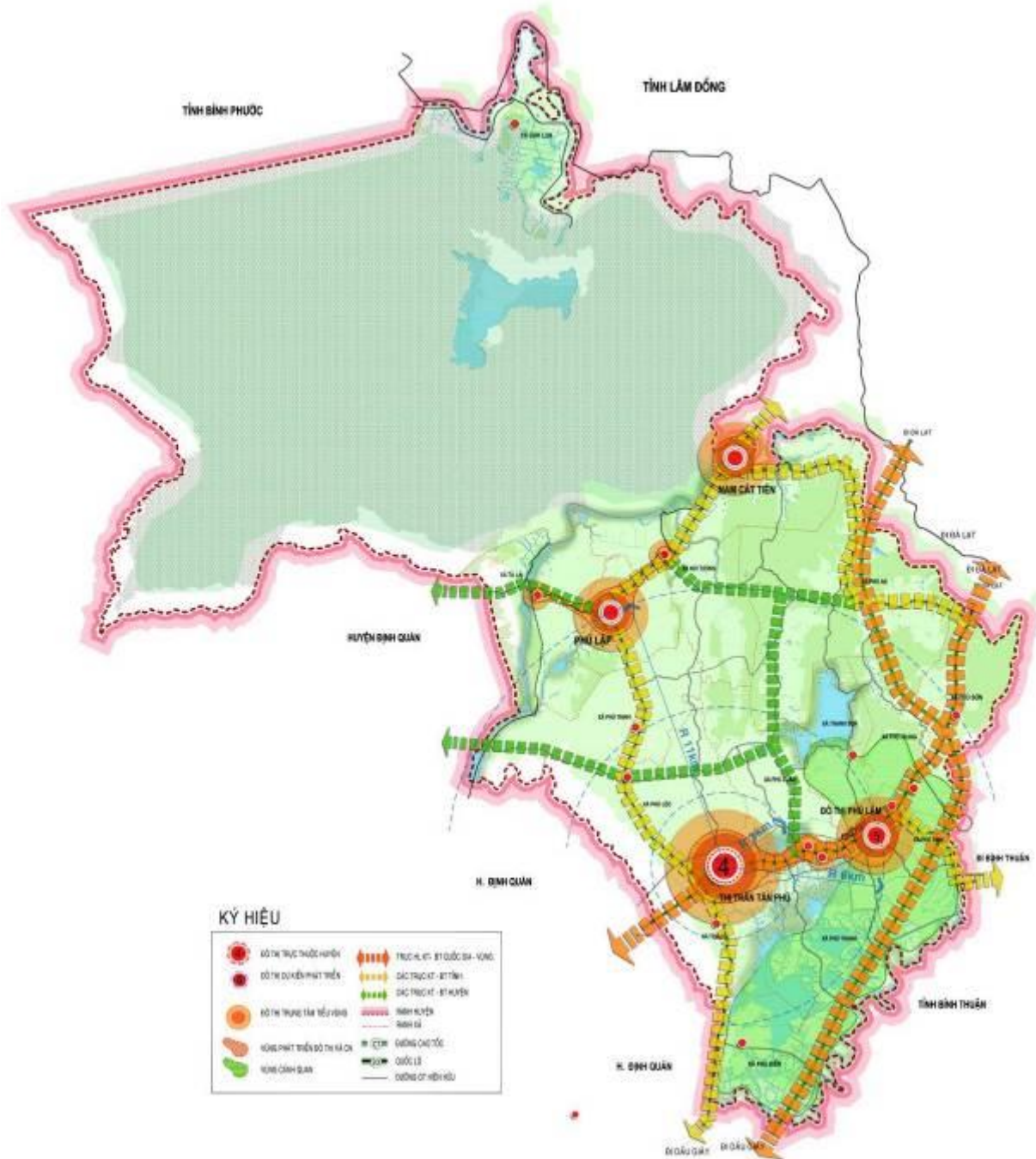
3. Cấu trúc không gian vùng cảnh quan và không gian mở

- Các vùng bảo tồn thiên nhiên rừng Quốc gia Nam Cát Tiên, vùng rừng cảnh quan, rừng trồng cùng với hệ thống cây xanh ven sông, các bầu, hồ, ... cấu trúc thành các vùng đặc trưng và đan xen giữa các khu vực đô thị - công nghiệp tạo sự phát triển cân bằng.
- Vùng cảnh quan bao gồm các vành đai xanh (khu vực phát triển nông nghiệp kỹ thuật cao, không gian xanh cảnh quan) bao quanh các đô thị, mảng cây xanh dọc hai bên quốc lộ 20 (rừng Giá Ty).
- Khu vực hành lang bảo vệ các sông rạch, hồ như: dọc hai bên sông Đồng Nai, sông La Ngà, khu vực xung quanh hồ Đa Tôn, Bầu Ngựa, ... là các vùng không gian mở với hệ thống mặt nước, cây xanh cảnh quan, tạo bản sắc đặc trưng cho Tân Phú.
- Các vùng sản xuất nông nghiệp phía Nam quốc lộ 20, vùng phát triển cây ăn trái phía Bắc quốc lộ 20 và vùng nuôi trồng thủy sản (xung quanh các hồ, bầu), gắn kết với các vùng cảnh quan và không gian mở tạo thành không gian cảnh quan nông nghiệp của huyện.

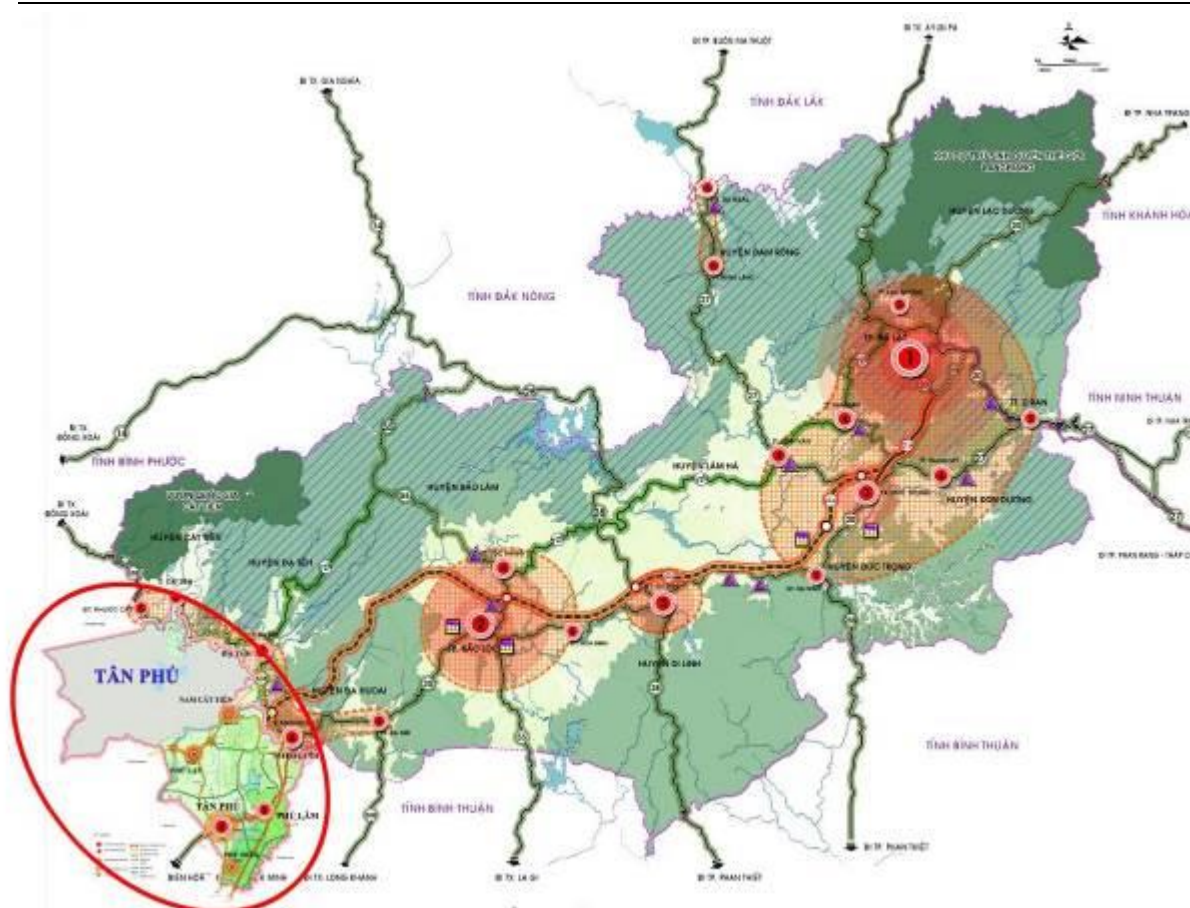
4. Vùng hạn chế và cấm xây dựng

- Cấm xây dựng trong khu vực rừng đặc dụng của khu bảo tồn thiên nhiên vườn Quốc gia Nam Cát Tiên, khu vực hành lang bảo vệ xung quanh hồ Đa Tôn và dọc sông Đồng Nai; khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn quan trọng của Tỉnh để bảo vệ sự đa dạng sinh học, môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên nước.
- Hạn chế xây dựng trong vùng vành đai bảo vệ hai bên tuyến đường cao tốc Dầu Giây – Đà Lạt, khu vực rừng Giá Ty dọc hai bên tuyến quốc lộ 20; các khu đất quốc phòng, an ninh quản lý; các khu vực ven sông có nguy cơ sạt lở, không ổn định nền đất.





Hình 27. Cấu trúc không gian vùng huyện Tân Phú.



Hình 28. Sơ đồ kết nối huyện Tân Phú với tỉnh Lâm Đồng.

II. PHÂN BỐ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ CÁC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN

1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị trong vùng:

- Dự báo đến năm 2020 huyện Tân Phú có 1 đô thị loại V là thị trấn Tân Phú.
- Dự báo đến năm 2030 huyện Tân Phú có 2 đô thị, trong đó 1 đô thị loại IV là thị trấn Tân Phú và 1 đô thị loại V là đô thị Phú Lâm.

2. Phân bố hệ thống đô thị vùng:

- **Thị trấn Tân Phú:** đến năm 2030 là đô thị loại IV.
- + Quy mô:
 - Quy mô dân số: dân số toàn đô thị năm 2020 là 27.000 người, năm 2030 là 50.000 người.
 - Quy mô đất dân dụng năm 2020 là 400 – 550 ha, năm 2030 khoảng 550 – 750 ha.
- + Tính chất: là thị trấn huyện lỵ huyện Tân Phú. Là trung tâm chính trị, văn hóa, giáo dục, thương mại, ... của huyện.
- + Tổ chức không gian: Thị trấn phát triển dọc theo hai bên quốc lộ 20 và đường tỉnh Tà Lài – Trà Cỏ. Trung tâm hành chính đã được xây dựng ổn định ở vị trí trung tâm thị trấn (giáp Quốc lộ 20), khu vực đã được xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, diện tích khoảng 15 ha. Ngoài ra còn có một số công trình hành chính Huyện nằm dọc theo Quốc lộ 20. Khu công nghiệp Huyện Tân Phú nằm phía Bắc Thị trấn Tân Phú, có diện tích 50 ha và có thể mở rộng quy mô khoảng

100 ha. Khu dân cư nằm hai bên quốc lộ 20 là các dạng nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ, khu vực phía bên trong các trục giao thông chính tổ chức các khu nhà vườn.

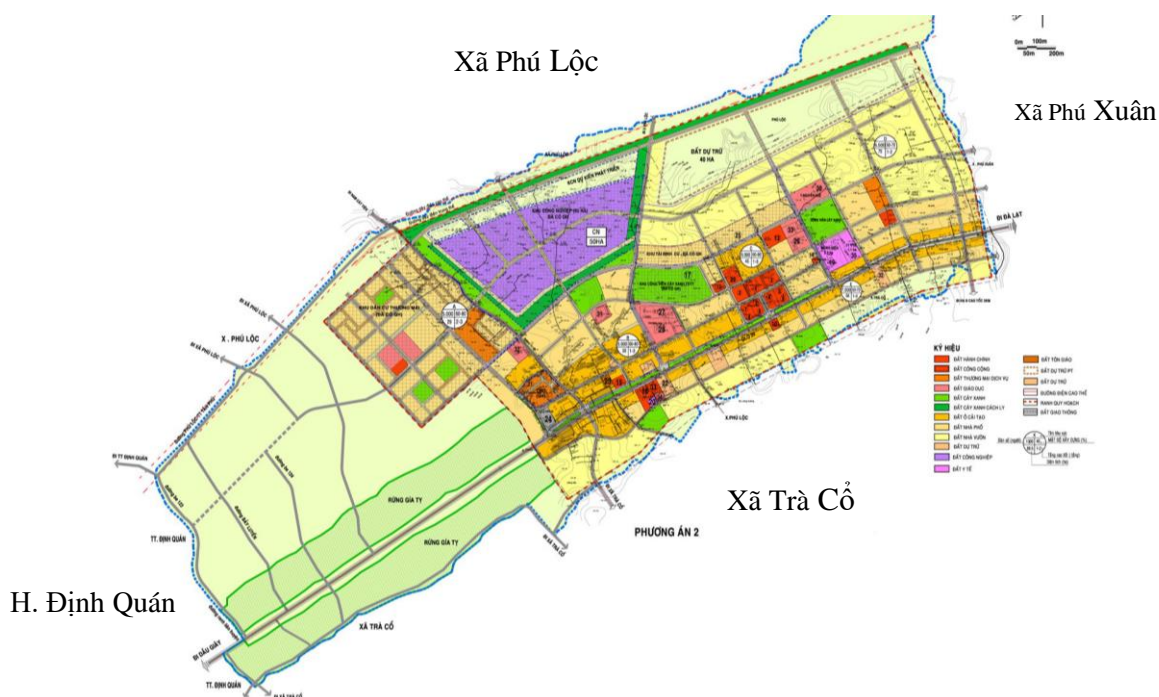
+ Đánh giá các tiêu chí của thị trấn theo tiêu chuẩn đô thị loại IV

(Theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị)

Bảng 19. Bảng đánh giá các tiêu chí của thị trấn theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.

TT	Các tiêu chí đánh giá	Tổng số chỉ tiêu	Hiện trạng	Đánh giá
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển KTXH	7	5/7 chỉ tiêu	Đạt
II	Quy mô dân số (người)	2	0/2 chỉ tiêu	Chưa đạt
III	Mật độ dân số (người/km ²)	2	2/2 chỉ tiêu	Đạt
IV	Tỷ lệ lao động phi NN (%)	2	2/2 chỉ tiêu	Đạt
V	Trình độ phát triển CS-HT và KT-CQ đô thị	38	29/38 chỉ tiêu	
Va.I	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội	10	9/10 chỉ tiêu	Đạt
Va.II	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật	12	11/12 chỉ tiêu	Đạt
Va.III	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường	11	7/11 chỉ tiêu	Đạt
Va.IV	Nhóm các tiêu chuẩn về KT, cảnh quan đô thị	5	2/5 chỉ tiêu	Chưa đạt
V.b	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và KT-CQ khu vực ngoại thị	8	8/8 chỉ tiêu	Đạt
	Cộng	59	46/59	Đạt thấp

Có 46/59 chỉ tiêu đạt theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.



Hình 29. Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất thị trấn Tân Phú (2008)

– **Đô thị Phú Lâm: (đô thị loại V):**

+ Quy mô:

- Quy mô dân số toàn đô thị năm 2020 là 16.000 người, năm 2030 là 23.000 người.
- Quy mô đất dân dụng năm 2017 là 80 ha, năm 2020 là 220-250 ha, năm 2030 là 250-300 ha.

+ Tính chất: là trung tâm TMDV, văn hóa - xã hội phía Bắc huyện Tân Phú.

+ Tổ chức không gian:

- Hướng tiếp cận chính vào khu vực quy hoạch từ Quốc lộ 20 qua các trục đường Năm Tấn và đường Phú Lâm – Phú Bình. Mở trục giao thông theo hướng Đông Tây kết nối từ đường Năm Tấn và đường Phú Lâm - Phú Bình.
- Dọc ranh phía Bắc mở tuyến giao thông từ đường Năm Tấn kết nối khu vực dân cư hai bên Quốc lộ 20 qua tuyến đường Phú Lâm - Phú Bình. Dọc hai bên quốc lộ 20 và trục cảnh quan chính, bố trí nhà dạng liên kế phố kết hợp thương mại dịch vụ. Cuối trục giao thông cảnh quan, bố trí quỹ đất để dự trữ phát triển công trình công cộng, ngoài ra góp phần tạo điểm nhấn không gian cho khu đô thị. Dọc ranh phía Tây và phía Đông xã, bố trí khu công viên cây xanh tập trung. Ngoài ra, tổ chức những mảng cây xanh nhỏ kết hợp với công trình công cộng.

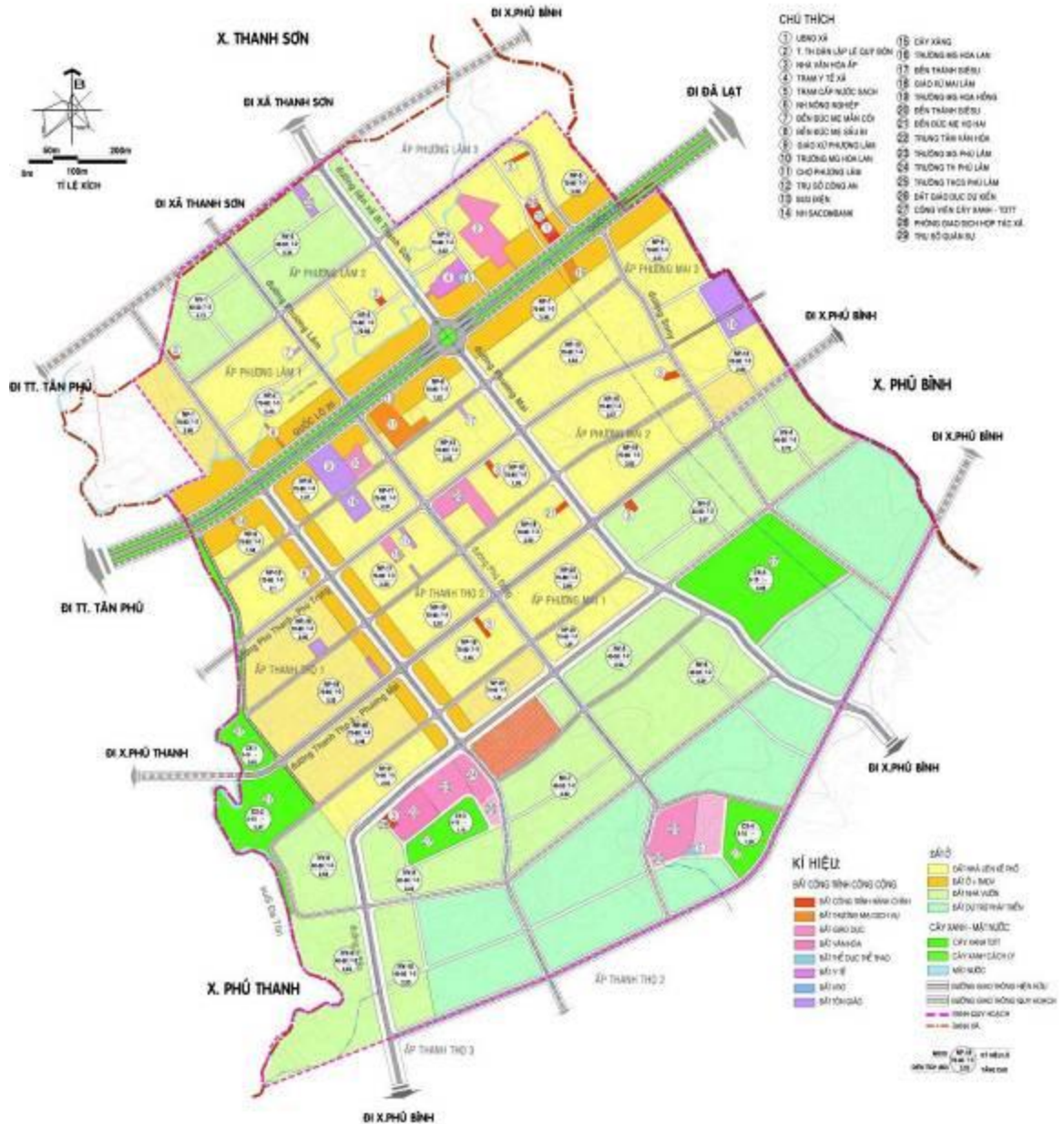
+ Đánh giá các tiêu chí của Phú Lâm theo tiêu chuẩn đô thị loại V

(Theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị)

Bảng 20. Bảng đánh giá các tiêu chí của thị trấn theo tiêu chuẩn đô thị loại V.

TT	Các tiêu chí đánh giá	Tổng số chỉ tiêu	Hiện trạng	Đánh giá
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển KTXH	7	Đạt	5/7 chỉ tiêu
II	Quy mô dân số (người)	2	Đạt	2/2 chỉ tiêu
III	Mật độ dân số (người/km ²)	2	Đạt	2/2 chỉ tiêu
IV	Tỷ lệ lao động phi NN (%)	2	Đạt	2/2 chỉ tiêu
V	Trình độ phát triển CS-HT và KT-CQ đô thị	38		23/38 chỉ tiêu
Va.I	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội	10	Đạt	7/10 chỉ tiêu
Va.II	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật	12	Đạt	10/12 chỉ tiêu
Va.II I	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường	11	Chưa đạt	4/11 chỉ tiêu
Va.IV	Nhóm các tiêu chuẩn về KT, cảnh quan đô thị	5	Chưa đạt	2/5 chỉ tiêu
V.b	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và KT-CQ khu vực ngoại thị	8	Đạt	8/8 chỉ tiêu
	Cộng	59	Đạt thấp	42/59

Có 42/59 chỉ tiêu đạt theo tiêu chuẩn đô thị loại V.



Hình 30. Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất điểm dân cư trung tâm xã Phú Lâm

3. Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn:

3.1. Quy mô dân số:

Dự báo dân số nông thôn toàn Huyện đến năm 2020 là 151.000 người, năm 2030 là 171.000 người.

3.2. Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật nông thôn:

Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội, kỹ thuật theo “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia xây dựng nông thôn”, “Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn” do Bộ Xây dựng ban hành năm 2009. Đồng thời lấy theo tiêu chuẩn trong đề án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt.

- Chỉ tiêu dân dụng: 250 – 320 m² /người.

- Mỗi trung tâm xã, cụm xã có các công trình hành chính, cơ quan, văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại dịch vụ như: trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà truyền thống, thư viện, đài phát thanh, sân thể thao, trường THCS, tiểu học, mầm non, trạm y tế, chợ, bưu điện văn hóa xã, ...
- Các xã có dân số ≥ 20.000 người, cần quy hoạch trường THPT. Hoặc tại trung tâm cụm xã có 1 trường THPT đảm bảo bán kính phục vụ.
- Chỉ tiêu cấp nước: 100% dân số được sử dụng nước sạch với tiêu chuẩn 80 -100 l/người-ngàyđêm.
- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt trung bình: 200-500 kwh/người.năm.

3.3. Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn:

a. Quan điểm:

- Định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở các đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã đã được phê duyệt: triệt để tận dụng các điểm dân cư hiện hữu, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững.
- Bộ cục quy hoạch các khu chức năng hợp lý, đảm bảo bán kính phục vụ đồng thời tiết kiệm đất đai xây dựng.
- Quy hoạch kết hợp đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.
- Quan tâm đến đặc điểm truyền thống, tập quán sinh hoạt, sản xuất để phân bố dân cư hợp lý.
- Không xây dựng các điểm dân cư mới tại các vùng có nguy cơ sạt lở. Di dời các điểm dân cư hiện hữu tại các khu vực nguy hiểm: nguy cơ lũ quét, trượt đất, sụt đất.

b. Định hướng phát triển:

- Hiện nay trên toàn xã có 17/17 xã phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới, trong đó có quy hoạch các khu trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung.
- Trên toàn huyện sẽ hình thành các khu vực là trung tâm cụm xã, trung tâm dịch vụ thương mại - nông lâm nghiệp - cụm TTCN cho cụm xã.
- Phát triển thị trường nông thôn, đẩy nhanh sản xuất và lưu thông hàng hóa nông sản.
- Mỗi trung tâm cụm xã xây dựng 1-2 cụm TTCN, làng nghề để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống kết hợp dịch vụ du lịch.
- Phát triển, mở rộng các điểm trung tâm xã hiện hữu, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ. Nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn, kết nối với các trục giao thông chính của huyện và tỉnh, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội của khu vực nông thôn.
- Giải quyết lao động nông thôn, cải thiện đời sống, vật chất, văn hóa tinh thần cho người dân.

c. Trung tâm xã:

- Mở rộng quy mô các trung tâm xã hiện hữu, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho xã.
- Tính chất: là khu vực trung tâm, tập trung các hoạt động phát triển xã.
- Các chức năng chính: TT hành chính (UBND, HĐND xã, các đoàn thể), TT sinh hoạt lễ hội, tín ngưỡng (đình, chùa, miếu, đền thờ, nhà văn hoá,..), TT giáo dục (trường học, mẫu giáo,...), TT TDTT, thương mại, dịch vụ (chợ xã, các cửa hàng dịch vụ bán lẻ), TT phục vụ sản xuất (trụ sở HTX, trạm khuyến nông, khuyến lâm ...).

d. Các điểm dân cư nông thôn:

- Các điểm dân cư tập trung: quy hoạch các điểm dân cư tập trung phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới và các nhu cầu phục vụ đời sống, sản xuất trên địa bàn xã. Phát triển các điểm dân cư tập trung trên cơ sở mở rộng các điểm dân cư hiện hữu, được xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.
- Khu vực đô thị hóa dọc theo các tuyến giao thông chính: Là hệ thống các công trình dịch vụ thương mại đô thị và hỗ trợ sản xuất, theo hướng hỗn hợp, đa chức năng, kết hợp nhà ở phổ thông mại dịch vụ. Các cụm công trình dịch vụ công cộng, trung tâm sinh hoạt cộng đồng gắn với các tuyến cảnh quan nông nghiệp và tự nhiên. Các loại hình nhà ở phong phú dạng đơn lẻ, liên kế hoặc nhà vườn thấp tầng
- Các khu dân cư tái định cư: hình thành do giải phóng mặt bằng thi công đường giao thông, các khu công nghiệp, khu du lịch, Xây dựng những điểm dân cư ổn định theo mô hình khu ở tập trung, hệ thống hạ tầng đồng bộ. Các điểm dân cư này có khả năng phát triển thành các thị tứ trong quá trình đô thị hóa.
- Khu vực nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp: khuyến khích hình thành làng văn nhằm thu hút du lịch. Các khu vực cộng đồng này có tác dụng kéo không gian tự nhiên, không gian sản xuất nông nghiệp vào khu dân cư làng - đô thị. Các khu vực nhà vườn nông thôn có sẵn khuyến khích canh tác nông nghiệp sinh thái công nghệ cao.
- Khu vực đồi, rừng: Là khu vực bảo tồn và trồng rừng; các công trình trường học, cộng đồng, tôn giáo hiện hữu trên đỉnh đồi được giữ lại và đóng vai trò như những trung tâm hỗ trợ và giáo dục cộng đồng về bảo vệ, phát triển rừng và nông nghiệp sinh thái rừng.

III. PHÂN BỐ VÙNG CÔNG NGHIỆP - TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP

1. Quan điểm:

- Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, trong đó phát triển công nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu.
- Bố trí hợp lý các vùng công nghiệp trên cơ sở gắn kết điều kiện tự nhiên, vùng nguyên liệu, phù hợp với Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội huyện Tân Phú đến năm 2020 và Quy hoạch hệ thống công nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

- Phát triển các ngành công nghiệp chủ đạo có lợi thế cạnh tranh sản xuất các sản phẩm xuất khẩu, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước như: công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến nông lâm, thực phẩm, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hóa chất, cơ khí, dệt may, ...
- Phát triển mạnh cụm TTCN, làng nghề truyền thống như: hàng thủ công mỹ nghệ, ... gắn với vùng nguyên liệu, khu dân cư tập trung, nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và phục vụ du lịch.
- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển công nghiệp nhanh, hiệu quả và bền vững gắn với bảo vệ môi trường.
- Phát triển công nghiệp gắn yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái, gắn với phát triển đô thị và dịch vụ. Đảm bảo sự phát triển đồng bộ và bền vững, không gây hậu quả tiêu cực cho xã hội, đồng thời phù hợp yêu cầu đảm bảo an ninh quốc phòng và an ninh lương thực.

2. Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Tân Phú:

2.1. Các khu, cụm công nghiệp của tỉnh Đồng Nai theo QH phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025.

Bảng 21. Quy hoạch phát triển khu CN toàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

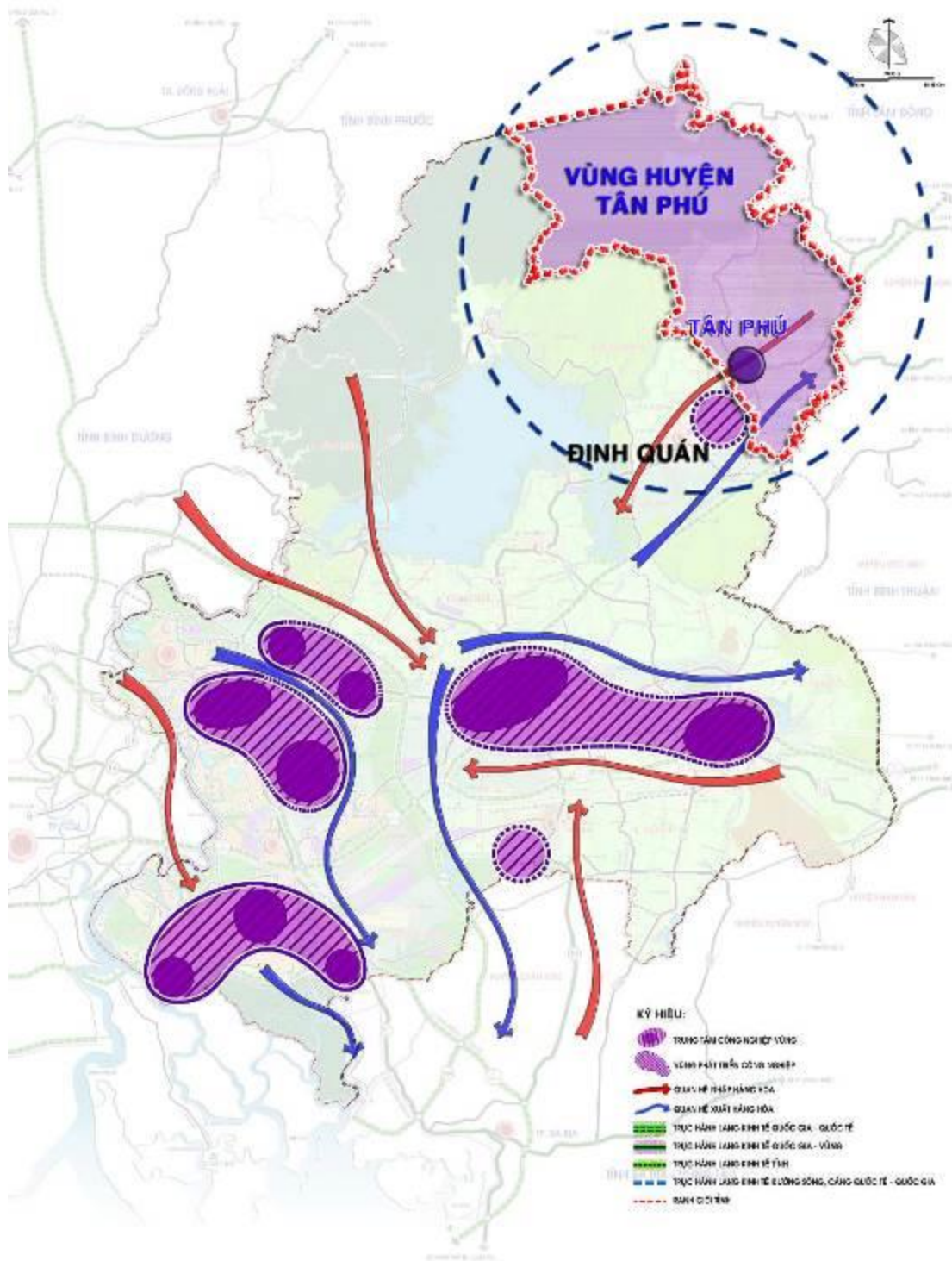
Stt	KCN	Hiện trạng đến năm 2010			
		Diện tích QH (ha)	Diện tích cho thuê (ha)	Diện tích đã cho thuê	
				(ha)	(%)
I	KCN Chính phủ đã duyệt	9.573,77	6.239	3.918	62,8
	Tân Phú	54	34,98		-
II.	Các KCN điều chỉnh, mở rộng đến năm 2015 (CV số 964/TTg-KTN ngày 17/6/2009)	764			
	Tân Phú (điều chỉnh tăng)	76			
III	Các KCN bổ sung mới giai đoạn 2015-2020 (Công văn số 964/TTg-KTN ngày 17/6/2009)	970			
IV	KCN chuyên ngành đặc thù	879			

(Ban hành kèm theo Quyết định số 496/QĐ-UBND của UBND tỉnh)

Bảng 22. Quy hoạch phát triển cụm CN toàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

STT	Tên cụm CN	Vị trí	Diện tích QH (ha)
I	CCN đã hoàn chỉnh hạ tầng		104,48
II	CCN quy hoạch đến năm 2015		1.120,31
	Cụm CN Phú Thanh	Huyện Tân Phú	30,00
III	CCN quy hoạch giai đoạn 2015-2020		842,6
IV	CCN quy hoạch sau năm 2020		70
1	Cụm CN Phú Trung	Huyện Tân Phú	30
2	Cụm CN Phú Lộc	Huyện Tân Phú	20
3	Cụm CN Phú Lập	Huyện Tân Phú	20

(Ban hành kèm theo Quyết định số 496/QĐ-UBND của UBND tỉnh)



Hình 31. Sơ đồ bố trí hệ thống Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

2.2. Các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Tân Phú

a. Khu công nghiệp:

- Huyện Tân Phú chỉ có 01 khu công nghiệp Tân Phú. Khu Công nghiệp do Công ty TNHH MTV Tín nghĩa làm chủ đầu tư, đã xây dựng xong các công trình hạ tầng bên trong hàng rào khu công nghiệp, các công trình cấp điện, cấp thoát nước đã và đang được đầu tư.
- Hiện tại chỉ có một công ty may đang hoạt động trong Khu công nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn Fashion Garments 2.
- + Vị trí: nằm phía Bắc thị trấn Tân Phú, trên đường tỉnh Tà Lài Trà Cỏ.
- + Diện tích: Tổng diện tích khu công nghiệp Tân Phú 54 ha. Dự kiến tăng thêm 76 ha (theo Quyết định số 496/QĐ-UBND của UBND tỉnh về Quy hoạch các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020).
- + Các dự án đầu tư: Hiện tại chỉ có một công ty may đang hoạt động trong Khu công nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn Fashion Garments 2. Diện tích thuê đất 4,2 ha, sử dụng trên 4.000 công nhân làm việc trong khu công nghiệp.

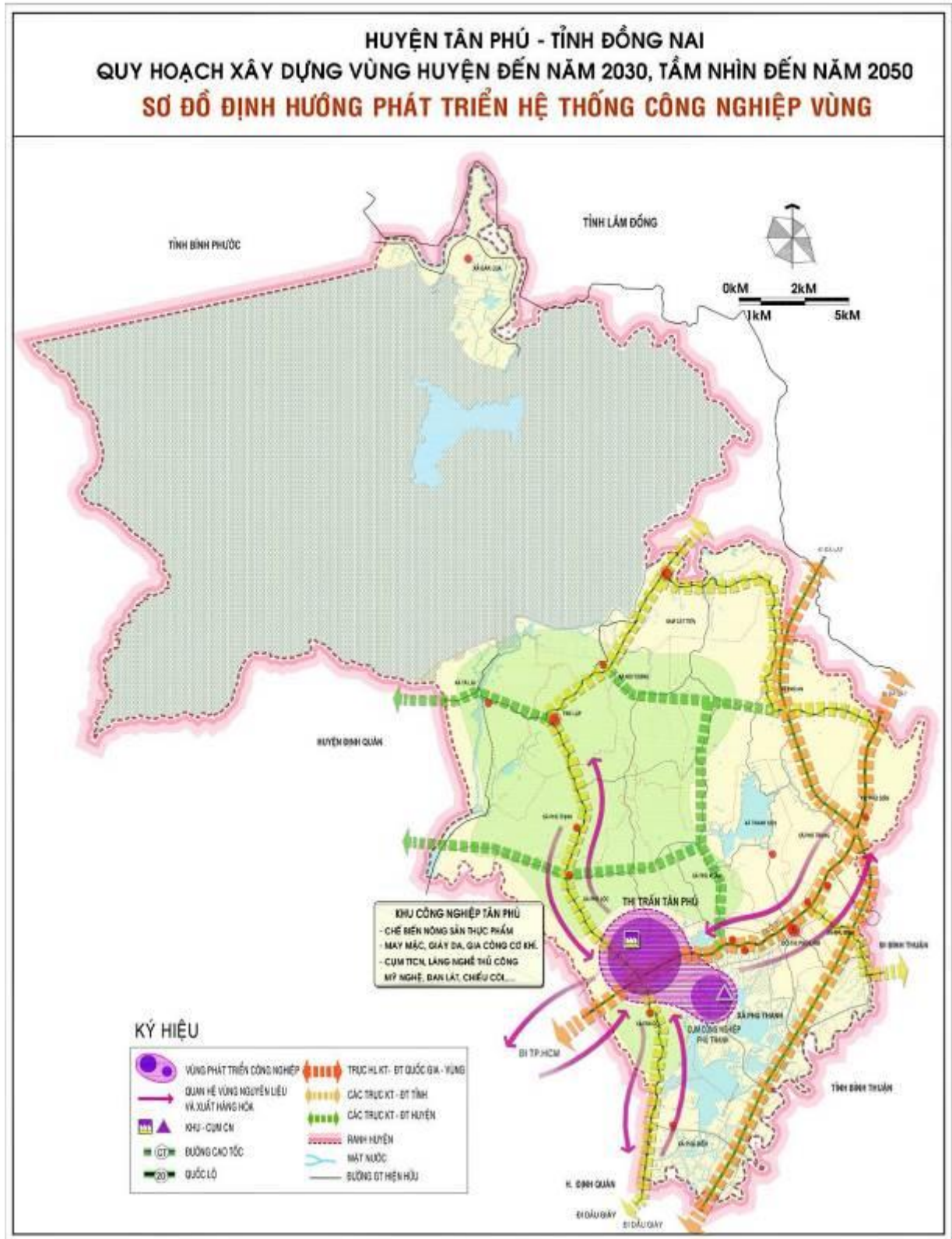
b. Các cụm công nghiệp:

Theo Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo quyết định số 496/QĐ-UBND:

- Tân Phú được quy hoạch 4 cụm công nghiệp, tổng diện tích 100 ha. Tuy nhiên từ nhu cầu thực tế, huyện đề xuất loại bỏ 3 cụm công nghiệp: Phú Trung, Phú Lập, Phú Lộc, chỉ giữ lại cụm công nghiệp Phú Thanh, diện tích 30 ha. Đến nay, cụm công nghiệp Phú Thanh đã có quyết định thành lập cụm công nghiệp và đang mời gọi đầu tư hạ tầng.

Bảng 23. Quy hoạch phát triển Khu – cụm CN huyện Tân phú đến năm 2030.

Stt	Khu, cụm công nghiệp	Diện tích (ha)		
		Năm 2017	Năm 2020	Năm 2030
I	Khu công nghiệp	54	54	130
1	KCN Tân Phú	54	54	130
II	Cụm công nghiệp	30	30	70
1	CNN Phú Thanh	30	30	70
	TỔNG CỘNG	84	84	200



Hình 32. Sơ đồ định hướng phát triển Hệ thống công nghiệp Vùng.

+

IV. PHÂN BỐ CÁC VÙNG DU LỊCH, VÙNG CẢNH QUAN, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

1. Định hướng phát triển:

- Nằm giữa tuyến du lịch TP. Hồ Chí Minh - Đà Lạt, huyện Tân Phú là vùng đất có nhiều danh thắng và những lễ hội văn hóa rất đặc trưng. Với những tiềm năng vốn có, du lịch có thể trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đảm bảo sự phát triển bền vững cho địa phương.
- Phát triển du lịch trên thế mạnh về tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn (đặc biệt là khai thác thế mạnh rừng quốc gia Nam Cát Tiên là khu dự trữ sinh quyển của quốc gia), hình thành các trung tâm, cụm, tuyến du lịch theo trục hành lang kinh tế quốc gia quốc lộ 20, nối kết các trung tâm du lịch của quốc gia là thành phố Đà Lạt và vùng thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngoài ra, trên địa bàn còn có một số khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp, thuận lợi cho xây dựng các điểm du lịch như: suối Mơ, hồ Đa Tôn và thác Hòa Bình, có thể xây dựng các trạm dừng chân cho khách du lịch trên tuyến thành phố Hồ Chí Minh – Đà Lạt.
- Phát triển du lịch sinh thái, tham quan ngắm cảnh nghỉ dưỡng, khám phá nghiên cứu khoa học, du lịch văn hóa, lịch sử, tham quan làng nghề truyền thống trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của huyện, thúc đẩy các ngành nông nghiệp, dịch vụ phát triển.
- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực ngành du lịch.
- Phát triển du lịch gắn với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại, giữ vững an ninh quốc phòng.

2. Tổ chức phân bố các vùng du lịch:

2.1. Mục tiêu:

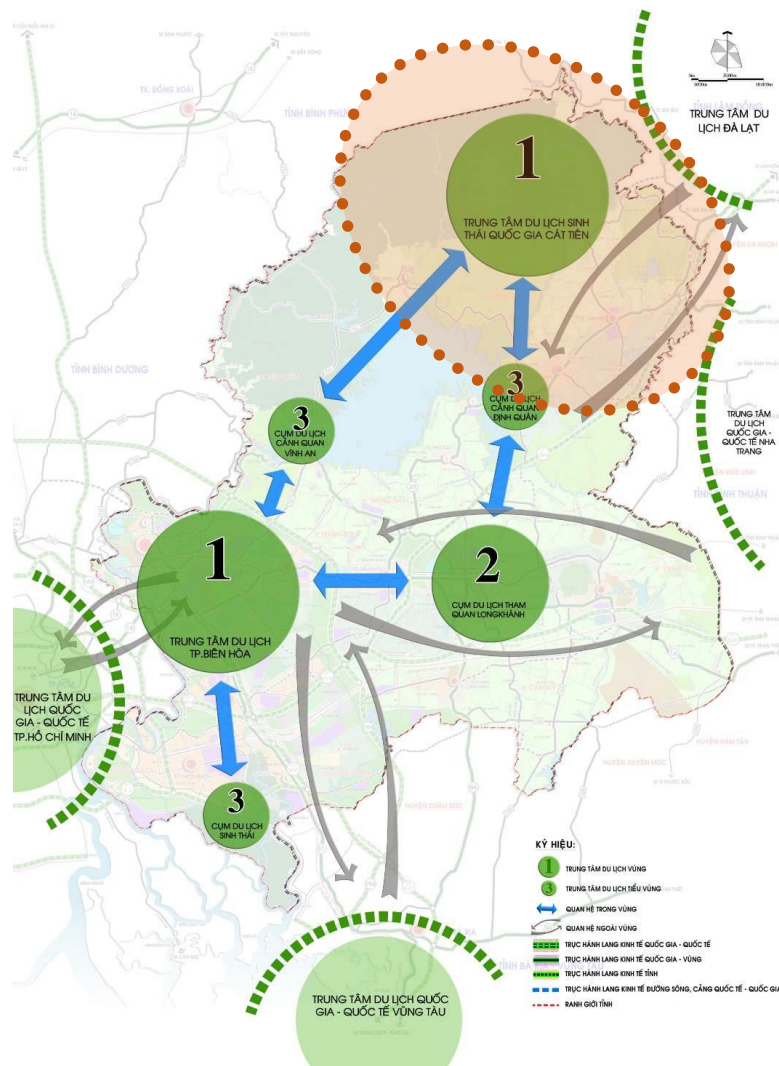
- Khai thác các lợi thế tự nhiên về tài nguyên, thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa để phát triển du lịch, đồng thời tận dụng những lợi thế tiềm năng du lịch sinh thái quanh khu vực vườn Quốc gia Nam Cát Tiên, khu du lịch Suối Mơ, du lịch nhà vườn, du lịch làng nghề truyền thống, thác Hàng Ngang xã Phú Thịnh,... nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từng bước nâng cao tỷ trọng du lịch và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần mang lại hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
- Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc phát triển du lịch, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, phát huy sự phối hợp giữa chính quyền địa phương và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện.

2.2. Các dự án phát triển du lịch trong Huyện

Huyện Tân Phú nằm trong **Vùng du lịch sinh thái thuộc Tân Phú - Vĩnh Cửu - Định Quán - Trảng Bom - Thống Nhất** của tỉnh Đồng Nai, là vùng khai thác lợi thế có nhiều thắng cảnh rừng núi gắn với hồ Trị An và rừng Quốc gia Nam Cát Tiên, phát triển là Vùng du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp tham quan, du ngoạn rừng núi dài ngày của tỉnh và vùng Đông Nam bộ. Thu hút đầu tư hình thành một số khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng có cơ sở hạ tầng và dịch vụ tốt, khách sạn đạt chuẩn 3-

5 sao để thu hút và lưu giữ khách du lịch nghỉ lại dài ngày. Các khu, điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, tham quan tiêu biểu, gồm: rừng Quốc gia Cát Tiên, khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, hồ Đa Tôn, thác Hòa Bình, điểm du lịch du lịch Suối Mơ (huyện Tân Phú)...

- **Tuyến Tân Phú - Định Quán:** Điểm du lịch rừng Quốc gia Cát Tiên là khu du lịch sinh thái trọng điểm của Tỉnh, điểm du lịch Thác Mai - Hồ nước nóng theo loại hình du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng, chữa bệnh; khu du lịch Hồ Đa Tôn, Thác Hòa Bình – Chùa Linh Phú, Cụm Văn hóa xã Tà Lài, điểm du lịch Thác Ba Giọt và điểm du lịch Đá Ba Chông.
- **Các điểm du lịch; tour, tuyến du lịch của huyện và liên kết tuyến du lịch liên huyện và liên tỉnh:** Liên kết các điểm du lịch hiện có như rừng Quốc gia Cát Tiên, Khu du lịch Suối Mơ và các điểm du lịch tiềm năng như hồ Đa Tôn xã Thanh Sơn; thác Hòa Bình - chùa Linh Phú xã Phú Sơn và thác Hàng Ngang xã Phú Thịnh để trở thành một hệ thống, chuỗi sản phẩm du lịch trên địa bàn huyện, từ đó xây dựng các tour, tuyến gắn kết với nhau để phát triển ngành du lịch của huyện.



Hình 33. Sơ đồ bố trí hệ thống du lịch tỉnh Đồng Nai.

- **Khu vực rừng Quốc gia Nam Cát Tiên:** Tận dụng thế mạnh của rừng Quốc gia Nam Cát Tiên là điều kiện thuận lợi để phát triển các sản phẩm du lịch tiếp theo và các dịch vụ lân cận, trở thành vùng du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp tham quan,

du ngoạn dài ngày của khách du lịch đồng thời nâng cấp các dịch vụ phục vụ du lịch nhằm làm phong phú thêm các tuyến du lịch như: khám phá vùng đất ngập nước Bàu Sấu, dã ngoại mạo hiểm xuyên rừng, du lịch tuyến đường sông, khám phá thêm



những con đường mới, theo dấu vết của các loài động vật hoang dã, tham quan, nghiên cứu văn hóa và nét độc đáo của đồng bào dân tộc bản địa, di chỉ văn hóa Ốc Eo, ... tạo sự hấp dẫn cho du khách.

Khu du lịch Suối Mơ: hiện đang tiếp tục xây dựng hoàn thiện cụm khách sạn, phòng hội nghị, xây dựng khu cắm trại độc đáo với những mô hình mới lạ phục vụ giới trẻ và bổ sung thêm các dịch vụ vui chơi giải trí mới. Đặc biệt là xây dựng hệ thống Resort đạt tiêu chuẩn 4 sao để phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng cao cấp và mở rộng dự án khu du lịch lên 145ha, kết hợp du lịch vui chơi giải trí với nghỉ dưỡng cao cấp, các mô hình nông trại, vườn cây ăn trái, ...

- **Du lịch Nhà Vườn gắn với các khu du lịch:** Xây dựng các trang trại, vườn trái cây quy mô đảm bảo an toàn thực phẩm trên các tuyến du lịch trong huyện như: Tuyến thị trấn Tân Phú – Phú Lộc – Phú Thịnh – Tà Lài – Núi Tượng – Nam Cát Tiên – Phú An, thị trấn Tân Phú – Trà Cỏ - Phú Điền nhằm kết nối với các điểm Du lịch rừng Quốc gia Cát Tiên, khu du lịch Suối Mơ để phát triển mô hình du lịch sinh thái tham quan nhà vườn. Ngoài việc tham quan chụp hình, du khách có thể tham gia vào quá trình thu hoạch trái cây nhằm kích thích nhu cầu mua sắm cho du khách làm phong phú và đa dạng hơn sản phẩm du lịch ở Tân Phú.

- **Phát triển du lịch gắn với các sản phẩm Tiểu thủ công nghiệp – các ngành nghề truyền thống:** khôi phục và phát triển một số sản phẩm thủ công; phát triển các ngành nghề truyền thống nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời khuyến khích các hộ gia đình xây dựng mô hình sản xuất gắn - với du lịch, tổ chức sản xuất như một điểm tham quan cho khách du lịch, khách vừa tìm hiểu, quá trình sản xuất ra sản phẩm vừa trực tiếp mua hàng hoặc đặt hàng tại chỗ theo yêu cầu như: dệt thổ cẩm dân tộc Châu Mạ ở xã Tà Lài, sản xuất rượu cần, đan lát, điêu khắc, ...
- **Quy hoạch và kêu gọi đầu tư phát triển các điểm du lịch tiềm năng:**
 - + Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương là Di tích lịch sử cấp tỉnh gắn với Thác Hòa Bình thuộc xã Phú Sơn, diện tích 30 ha. Loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch sinh thái kết hợp với du lịch tín ngưỡng, tôn giáo chùa Linh Phú để phát triển thành điểm du lịch đặc trưng có giá trị đặc biệt, hội tụ các yếu tố bảo tồn văn hóa di tích, tâm linh tín ngưỡng.
 - + Quy hoạch chi tiết khu du lịch hồ Đa Tôn - xã Thanh Sơn diện tích 793 ha trong đó diện tích mặt nước 344 ha là điều kiện thuận lợi cho việc kêu gọi đầu tư hình thành khu du lịch với nhiều dịch vụ như khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, khu vui chơi, giải trí trên hồ. Khoanh vùng quy hoạch khu vực phía Tây Nam hồ như: các điểm đảo, Thác 300 để phát triển du lịch sinh thái dã ngoại, du lịch khám phá mạo hiểm. Tiến hành quy hoạch khu vực xung quanh thác và đầu tư mở rộng tuyến đường vào thác Hàng Ngang xã Phú Thịnh nhằm thu hút các nhà đầu tư để phát triển du lịch cảnh quan và cắm trại tại khu vực thác.

Bảng 24. Danh mục vị trí quy hoạch đất phát triển du lịch trên địa bàn huyện

Stt	Vị trí/Địa điểm	Diện tích (ha)	Loại hình du lịch dự kiến	Tên Dự án
1	Xã Trà Cỏ, Phú Điền	143 ha	Du lịch sinh thái	Khu Du lịch Suối Mơ
2	Xã Thanh Sơn	892,39 ha	Du lịch sinh thái	Khu Du lịch Hồ Đa Tôn
3	Xã Nam Cát Tiên	11ha	Du lịch sinh thái	Khu nghỉ dưỡng Orchard homes 4 sao

Bảng 25. Các dự án phát triển du lịch đang triển khai thực hiện trên địa bàn huyện

Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Loại hình	Đơn vị đầu tư	Thời gian triển khai
Khu Du lịch Suối Mơ	Xã Trà Cỏ, Phú Điền	143 ha	Du lịch sinh thái	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Suối Mơ	2002
Khu nghỉ dưỡng Orchard homes 4 sao	Xã Nam Cát Tiên	11ha	Du lịch sinh thái	Ông Trần Vĩnh Hải đang làm thủ tục đầu tư	2016

Bảng 26. Danh mục đề xuất quy hoạch phát triển du lịch

Stt	Tên dự án	Địa điểm	Loại hình du lịch
1	Khu Du lịch Thác Hòa Bình - Chùa Linh Phú	Xã Phú Sơn	Du lịch sinh thái gắn với Du lịch tâm linh
2	Khu hang động dung nham núi lửa (Hang doi)	Xã Phú Lộc	Du lịch tham quan
3	Khu Du lịch Thác Hàng Ngang	Xã Phú T.hình	Du lịch Sinh thái
4	Khu hang động ở Rừng Giá Ty	Sát Quốc lộ 20	Du lịch tham quan

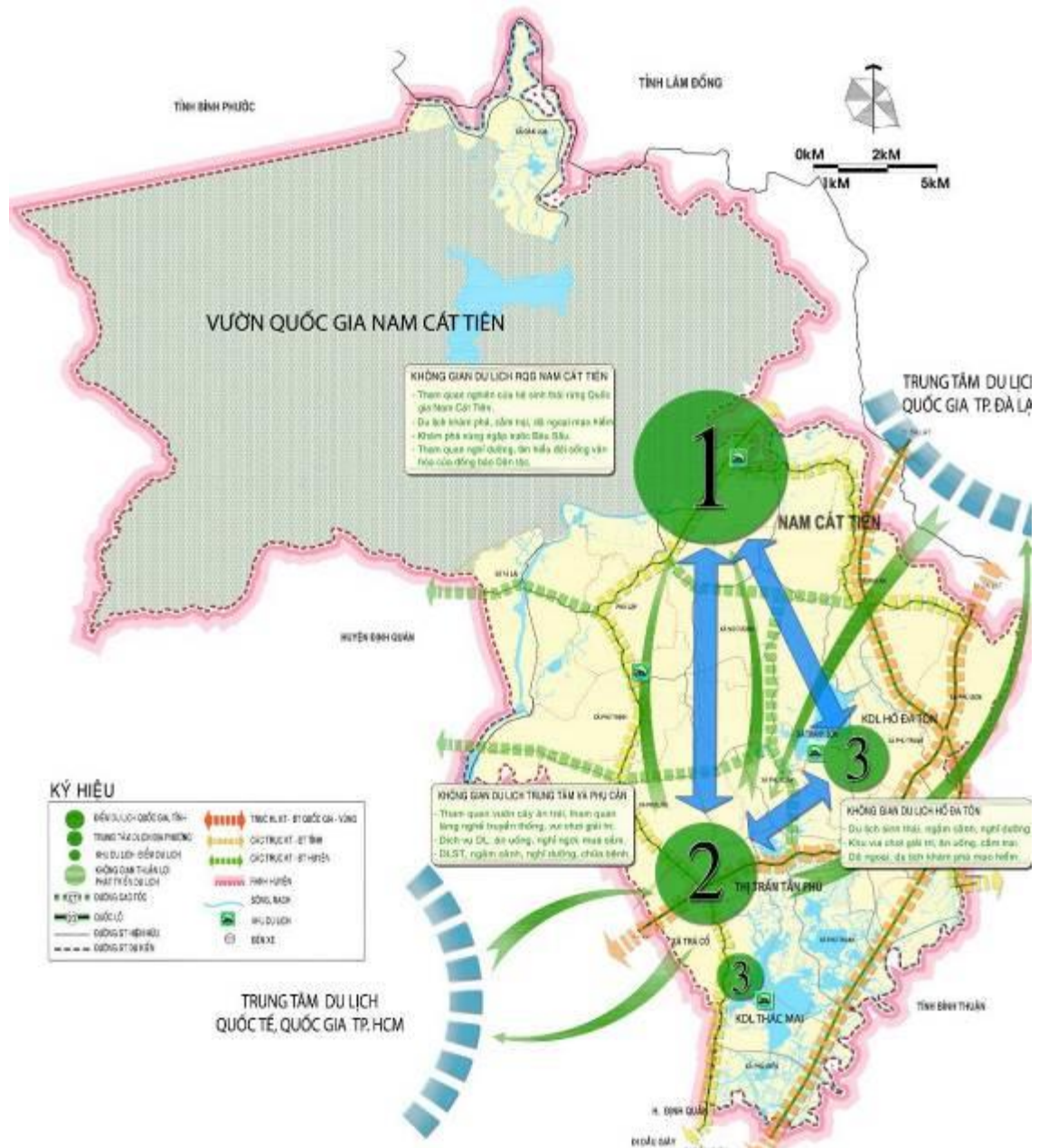
Nguồn: báo cáo năm 2017 Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Tân Phú

2.3. Các dự án du lịch khu vực lân cận:

- Khu Đá Ba Chồng tại thị trấn Định Quán.
- Khu Thác Mai tại Định Quán.
- Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng thác Ba Giọt tại Định Quán.
- Khu du lịch rừng Madagui tại Lâm Đồng.

3. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Đẩy nhanh quy hoạch tổng thể, chi tiết phát triển hệ thống mạng lưới du lịch Vườn Quốc Gia.
- Xây dựng mạng lưới giao thông (thủy, bộ) hợp lý; cải tạo, nâng cấp các dịch vụ phục vụ du lịch và làm phong phú thêm các tuyến du lịch như: khám phá vùng đất ngập nước Bàu Sấu, giả mạo mạo hiểm xuyên rừng, khám phá thêm những con đường mới, theo dấu vết của các loài động vật hoang dã, tham quan, nghiên cứu văn hóa và nét độc đáo của đồng bào dân tộc bản địa, di chỉ văn hóa Óc Eo, ... tạo sự hấp dẫn cho du khách.
- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tiếp tục đầu tư giai đoạn II khu du lịch Suối Mơ. Tập trung đầu tư xây dựng Nhà hàng, khu nghỉ dưỡng cao cấp và các dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước.
- Tiếp tục triển khai giai đoạn III (2020 - 2025) của dự án, đầu tư xây dựng hệ thống Bungalow nghỉ dưỡng cao cấp và một số hạng mục, dịch vụ đi kèm (khu thể thao, phòng tập GYM, Spa...) dành riêng cho khách nghỉ dưỡng.
- Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông để kết nối các tuyến, điểm du lịch của huyện và của tỉnh và thuận lợi cho việc phát triển loại hình du lịch cộng đồng.
- Tu sửa và nâng cấp nhà Văn hóa Tà Lài nhằm duy trì sinh hoạt cho người đồng bào dân tộc và phục vụ khách du lịch tham quan, nghiên cứu, học tập.
- Xây dựng các chương trình văn hóa văn nghệ của đồng bào dân tộc xã Tà Lài như: công chiêng, múa hát dân ca, nhạc cụ dân tộc... để phục vụ và thu hút khách du lịch. Củng cố và duy trì các lễ hội văn hóa truyền thống của đồng bào như Giỗ tổ Hùng Vương, lễ hội Lòng Tòng, lễ hội mừng lúa mới, lễ hội xuống đồng, ...



Hình 34. Sơ đồ định hướng phát triển Hệ thống di lịch Vùng.

V. PHÂN BỐ VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Quan điểm:

- Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả kinh tế cao.
- Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.
- Phát triển nông nghiệp phải phù hợp với quan điểm tăng trưởng xanh của cả nước và vùng Đông Nam Bộ.
- Phát triển nông nghiệp phải thực sự nâng cao đời sống nhân dân, khai thác hiệu quả các nguồn lực, xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện tạo ra sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao, phát huy được tiềm năng lợi thế của các vùng sinh thái, từng ngành hàng nông nghiệp mà huyện Tân Phú có thế mạnh.

2. Mục tiêu phát triển

Theo Quy hoạch sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Nai thì huyện Tân Phú thuộc Vùng nông nghiệp Đông Bắc Đồng Nai: vùng phát triển nông nghiệp, nông thôn với định hướng phát triển nông nghiệp là: *trồng cây lâm nghiệp theo quy hoạch 3 loại rừng, ổn định diện tích rừng đầu nguồn cho các hồ lớn; hình thành và phát triển các vùng sản xuất tập trung cao su, hồ tiêu, cà phê, cây ăn quả đặc sản (sầu riêng, xoài, măng cầu), rau an toàn, các vùng chăn nuôi tập trung cho các trang trại, doanh nghiệp với phương thức chăn nuôi công nghiệp; xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nuôi thủy sản nước ngọt và thủy đặc sản.*

- Phát triển nông nghiệp với nhiều thành phần kinh tế; Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao để cung cấp khối lượng lớn nông sản hàng hóa xuất khẩu, tăng mức thu nhập bình quân trên một đơn vị diện tích sản xuất; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ, công nghiệp chế biến và quá trình đô thị hóa.
- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.
- Tập trung đầu tư ổn định cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển công nghiệp và dịch vụ trên cơ sở ổn định sản xuất nông nghiệp.

3. Định hướng phát triển

- Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn phát triển thị trường nông thôn, chuyển đổi sản xuất theo xu hướng tiếp tục đẩy nhanh sản xuất hàng hóa.
- Đầu tư phát triển các sản phẩm nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phục vụ tốt nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến trái cây đóng hộp, ...
- Quy hoạch vùng sản xuất cây trồng tập trung theo hướng hàng hóa, phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của huyện Tân Phú.
- Tiếp tục phát triển các cây trồng chính của huyện gồm cây lúa, bắp, ...; tiêu, cà phê, điều, ...; cây ăn trái (bưởi, sầu riêng, ...).
- Quy hoạch gắn với tổ chức lại sản xuất và bố trí cây trồng vật nuôi phù hợp với thị trường theo hướng khai thác tốt lợi thế trên từng vùng sinh thái.

- Phát triển lâm nghiệp trồng rừng, tăng độ che phủ và bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học để giảm thiểu sự tác động của tình trạng biến đổi khí hậu.
- Phát triển ngành thủy sản mang tính chất kết hợp, xây dựng các mô hình nuôi thâm canh, bán thâm canh tại các vùng sông, hồ, ao trên địa bàn mà có điều kiện môi trường không bị ô nhiễm bởi các hoạt động sản xuất khác.

4. Phân bố vùng Nông, Lâm, Thủy sản

4.1. Vùng sản xuất ngành trồng trọt:

- Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm: với các cây trồng chủ lực như Tiêu, Cà phê, Điều, Cao su, Bưởi, Sầu riêng, Chuối, cụ thể như sau:
 - + Vùng sản xuất tập trung cây Tiêu: Năm 2017 vùng trồng tiêu có diện tích khoảng 2.123 ha; đến năm 2020 diện tích là 2.500 ha. Dự kiến tập trung phần lớn ở xã Phú Lộc (500-700ha) và ở các xã khác như Núi Tượng, Phú Lập, Phú Thịnh, Tà Lài, Phú Xuân (khoảng 250-300 ha), phần còn lại phân bố rải rác khoảng 50-150 ha ở các xã Nam Cát Tiên, thị trấn Tân Phú, Trà Cỏ, Phú Trung, Phú Thanh.
 - + Vùng sản xuất tập trung cây Cà phê: năm 2017 diện tích khoảng 3.420 ha, tập trung phần lớn khu vực các xã Phú Lộc, Phú Lập, Phú Thịnh, Phú Xuân, Phú Thịnh. Năm 2020 dự kiến diện tích đất trồng tiêu tăng lên khoảng 3.500 ha.
 - + Cây Điều: năm 2017 diện tích trồng khoảng 3.760 ha. Năm 2020, diện tích còn khoảng 3.200 ha, tập trung ở các xã Phú An, Phú Lộc, Nam Cát Tiên, Thanh Sơn, Tà Lài, ...
 - + Cây Cao su: năm 2017, diện tích cây cao su 830 ha. Đến năm 2020, diện tích cao su còn 760 ha. Tập trung chủ yếu tại xã Phú An, Núi Tượng, Nam Cát Tiên, Đắc Lua, ...

Bảng 27. Diện tích dự kiến phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm H. Tân Phú.

Chủng loại	Diện tích (ha)	
	Năm 2017	Năm 2020
Cây lâu năm	10.213	10.045
Cà phê	3.420	3.500
Cao su	830	760
Điều	3.760	3.200
Tiêu	2.123	2.500
Ca cao	80	85

Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Huyện Tân Phú – Tỉnh Đồng Nai

- Vùng trồng Cây ăn quả: Tập trung phát triển các loại cây ăn quả chủ lực có quy mô lớn trên địa bàn gồm: Chôm Chôm, Sầu riêng, Bưởi, Chuối, cam, xoài, ... Ngoài diện tích các loại cây chính trên, các loại cây ăn quả còn lại phần lớn đều có xu thế tăng trên cơ sở cải tạo vườn tạp của các hộ dân nhưng quy mô không lớn. Diện tích trồng cây ăn quả tập trung tại các xã Trà Cỏ, Phú An, Phú Thịnh, Phú Lộc, Núi Tượng, Nam Cát Tiên.

- Vùng chuyên canh cây lúa tập trung tại các xã: Phú Điền, Phú Thanh, Phú Lâm, Phú Bình, Thanh Sơn, Đắc Lua, Tà Lại. Diện tích gieo trồng khoảng 10.800 ha, chiếm 73,1% tổng diện tích trồng lúa trên địa bàn huyện. Phần lớn diện tích sản xuất áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật như: giống mới, xuống giống đồng loạt, phòng trừ dịch bệnh, cơ giới hóa trong khâu làm đất, thu hoạch, ...
- Quy hoạch vùng sản xuất rau màu an toàn: Dự kiến xây dựng cánh đồng lớn trồng rau an toàn trên địa bàn huyện với diện tích khoảng 1.200 ha ở các xã Phú Lộc, Phú Thịnh, Tà Lại, Phú Xuân, Phú Bình, Trà Cỏ, Phú Thanh, Thanh Sơn, Phú Lâm. Chủ yếu các loại rau như: rau ăn lá (cải xanh, cải ngọt, cải cúc, xà lách), rau ăn trái (dưa leo, khổ qua, đậu đũa, bầu bí, ...).
- Vùng nông nghiệp công nghệ cao: Dự kiến quy hoạch vùng nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện có diện tích khoảng 100 ha tại phía Nam hồ Đa Tôn tại xã Thanh Sơn. Dự kiến ban đầu sẽ từng bước áp dụng, quy trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao như:



- Thay các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận lợi phù hợp với yêu cầu của thị trường; công nghệ nhân giống để đáp ứng nhu cầu cây giống có chất lượng cao, sạch bệnh;
- Công nghệ tưới nước tiết kiệm, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng, chăm sóc, thu hoạch; nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); quy trình công nghệ sản xuất cây trồng an toàn theo VietGAP;
- Bón phân đúng liều lượng, cân đối giữa phân hữu cơ và phân vô cơ; sử dụng thuốc bảo vệ cây trồng đúng lúc, đúng thuốc, đúng cách, đúng liều lượng, đã góp phần làm giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho người sản xuất.
- Áp dụng các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sau thu hoạch và chế biến đối với cây trồng nông, lâm nghiệp, đặc biệt là cây trồng trong nhà kính, nhà lưới, như: phân bón chuyên dụng, giá thể, chế phẩm sinh học, chất điều hòa sinh trưởng, khung nhà lưới, lưới che phủ, hệ thống tưới, thiết bị chăm sóc, thu hoạch, hệ thống thông thoáng khí;
- Công nghệ trong bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp: phát triển công nghệ chiếu xạ, công nghệ xử lý hơi nước nóng, công nghệ xử lý nước nóng, công nghệ sấy lạnh, sấy nhanh trong bảo quản nông sản; công nghệ sơ chế, bảo quản rau, hoa, quả tươi quy mô tập trung; công nghệ bảo quản lạnh nhanh kết hợp với chất hấp thụ etylen để bảo quản rau, hoa, quả tươi; công nghệ tạo màng trong bảo quản rau, quả, thịt, trứng; công nghệ lên men, công nghệ sinh học và vi sinh sản xuất chế phẩm sinh học và các chất màu, chất phụ gia thiên nhiên trong bảo quản và chế biến nông sản.



- Bảo vệ rừng hiện có, tiếp tục tăng dần độ che phủ và bù lại diện tích rừng đã chuyển đổi; Phát triển hệ thống rừng sản xuất, củng cố và xây dựng các khu rừng đặc dụng.
- Lồng ghép các chương trình (nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới) để phát triển kết cấu hạ tầng đáp ứng nhu cầu tưới tiêu, vận chuyển hàng hóa phục vụ cho vùng sản xuất cây trồng. Ưu tiên xây dựng các công trình thủy lợi, đầu tư hệ thống phục vụ tưới tiết kiệm.
- Quy hoạch hệ thống sơ chế, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm cây trồng của ngành trồng trọt:
 - + Diện tích trồng cây cà phê tập trung nhiều ở xã Phú Lộc. Vì vậy, có thể bố trí các cơ sở sơ chế từ cà phê hạt sang cà phê nhân (dạng tươi và dạng khô), giảm được công phơi, tồn trữ, tăng giá trị hàng hóa, giải quyết việc làm.
 - + Nâng cấp cơ sở chế biến thu mua mủ cao su ở các xã có diện tích cao su nhiều như Phú An, Phú Thịnh, Đắc Lua, ...
 - + Rau sẽ được sản xuất theo quy trình an toàn, sẽ được ưu tiên đưa đi tiêu thụ ở các khu công nghiệp ngoài huyện, siêu thị, chợ đầu mối và các khu vực lân cận của huyện.
- Một số giải pháp thực hiện quy hoạch ngành trồng trọt:
 - + Giải pháp kỹ thuật: Lĩnh vực giống: ứng dụng các giống có năng suất cao, chất lượng tốt, tăng cường các biện pháp thâm canh, từng bước thay thế bằng các giống tốt trên diện tích đang sử dụng giống cũ; tăng cường công tác quản lý giống, tạo điều kiện để sản xuất và cung ứng giống có chất lượng cho nông dân.
 - + Giải pháp bảo vệ thực vật: tiếp tục hoàn thiện các quy trình chống sinh vật hại theo hướng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo môi trường sinh thái; hướng dẫn nông dân sử dụng các loại chế phẩm sinh học, tăng cường áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).
 - + Giải pháp về phân bón cây trồng: một số loại phân bón thông dụng: Phân chuồng, phân ủ, Phân rác, Phân xanh, Phân vi sinh (phân hữu cơ vi sinh):
 - + Giải pháp thu hoạch: thu hoạch đúng lúc sẽ đảm bảo cho cây bảo tồn được sinh lực cho ra hoa, kết trái vụ sau.
 - + Giải pháp sau thu hoạch: hướng dẫn kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm phù hợp.
 - + Giải pháp đầu ra cho sản phẩm: UBND Tỉnh, Sở Công Thương phối hợp với UBND huyện hỗ trợ cho các doanh nghiệp liên kết với người sản xuất ở địa phương để tạo đầu ra cho các sản phẩm.
 - + Giải pháp về vốn: Sử dụng các nguồn vốn tổng hợp mang tính xã hội hóa, trong đó vốn đầu tư của nông dân là chủ yếu, tranh thủ nguồn vốn của các doanh nghiệp, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách. Có chính sách tín dụng phù hợp về lãi suất và kỳ hạn. Sử dụng các nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu (Nông thôn mới, Nước sạch và vệ sinh môi trường...) và các đề án dự án (rau quả an toàn,...) để hỗ trợ thực hiện các nội dung có liên quan.

- + Giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng: Lồng ghép các chương trình (nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới) để phát triển kết cấu hạ tầng đáp ứng nhu cầu tưới tiêu, vận chuyển hàng hóa phục vụ cho vùng sản xuất cây trồng. Ưu tiên xây dựng các công trình thủy lợi, đầu tư hệ thống phục vụ tưới tiết kiệm.
- + Giải pháp về tổ chức sản xuất: Đẩy mạnh việc liên kết giữa các chủ thể sản xuất bằng nhiều hình thức trong đó có hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư lồng ghép các chương trình. Ưu tiên đầu tư phát triển tại các xã điểm nông thôn mới, các vùng sản xuất tập trung. Quy hoạch các vùng sản xuất rau quả an toàn tập trung và xây dựng các dự án cụ thể cho từng vùng.

4.2. Vùng chăn nuôi:

Theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 01/02/2010 về việc Phê duyệt Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai:

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi trên địa bàn huyện với tổng diện tích giai đoạn 1: 1.334 ha; Giai đoạn 2: 5.441 ha.
- Tổng số vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi: 24 vùng.
- Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giúp người chăn nuôi yên tâm đầu tư lâu dài, quy mô lớn, góp phần nâng cao hiệu quả, gia tăng lợi nhuận, cải thiện môi trường, bảo đảm an toàn sinh học và phát triển chăn nuôi bền vững.
- Một số giải pháp thực hiện quy hoạch cho ngành chăn nuôi:
 - + Về giống: nhập khẩu giống gốc đồng thời quản lý và khai thác nguồn giống gốc có hiệu quả. Tiếp tục ứng dụng rộng rãi kỹ thuật thụ tinh nhân tạo heo ở vùng sâu, vùng xa. Tuyển chọn giống vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt. Giám định, bình tuyển đực giống và quản lý chất lượng con giống theo quy định.
 - + Về kỹ thuật nuôi: nghiên cứu và chuyển giao các quy trình nuôi bền vững cho người dân; triển khai áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi các loài mới. Áp dụng những kỹ thuật mới về chuồng trại, chăm sóc nuôi dưỡng, quản lý và tăng tỷ lệ cơ giới hóa, hiện đại hóa trong chăn nuôi, đảm bảo an toàn sinh học, vệ sinh phòng bệnh và xử lý môi trường.
 - + Về chuồng trại: hướng dẫn xây dựng chuồng trại đảm bảo các yêu cầu ứng dụng công nghệ cao, kỹ thuật mới phù hợp với điều kiện của huyện Tân Phú.
 - + Các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm được xây dựng với các trang thiết bị hiện đại như: hệ thống điều khiển tự động phân phối thức ăn, cung cấp nước, thu gom trứng, vắt sữa, ... Hệ thống tự động điều khiển nhiệt độ, ẩm độ, thông gió, hệ thống làm mát chuồng nuôi. Hệ thống điều khiển ánh sáng, hệ thống quạt đẩy khí, hệ thống phun sương, hệ thống nhỏ giọt, hệ thống nhà lạnh.
 - + Về thức ăn: sử dụng thức ăn đảm bảo chất lượng. Tận dụng các sản phẩm nông nghiệp tại chỗ kết hợp với thức ăn công nghiệp, thức ăn bổ sung, ... Quản lý tốt chất lượng thức ăn chăn nuôi, khuyến khích sử dụng các sản phẩm nông nghiệp của địa phương làm thức ăn chăn nuôi; tổ chức phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhằm ổn định giá thành đáp ứng nhu cầu chăn nuôi.

- + Về phòng trừ dịch bệnh: cơ sở nuôi giữ giống gốc phải đạt tiêu chuẩn cơ sở an toàn dịch bệnh. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển giống đảm bảo phòng chống dịch bệnh. Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch phòng chống dịch bệnh hàng năm; xây dựng các cơ sở an toàn dịch bệnh. Thực hiện tiêm phòng theo lứa tuổi và từng bước xã hội hóa công tác tiêm phòng. Thường xuyên giám sát lâm sàng; định kỳ giám sát chủ động để có biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả. Triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch các cơ sở giết mổ tập trung, khuyến khích các cơ sở giết mổ và chế biến thực phẩm hiện đại hóa công nghệ nhằm đảm bảo xử lý môi trường, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.
- + Xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ sinh học: chất thải chăn nuôi theo hệ thống dẫn kín áp lực âm (chìm xuống dưới đất) chuyển về giếng thu chất thải; sau đó, các chất thải được tách ra để sản xuất phân hữu cơ, chất thải lỏng được chuyển vào hệ thống yếm khí; tiếp theo, được bổ sung các men sinh học và chuyển sang bể lên men, sau khi lên men được chuyển sang sục khí. Sau khi xử lý, nước được chuyển sang các bể chứa dùng tưới cây bóng mát trong khu chăn nuôi
- + Về môi trường: Nghiên cứu, lựa chọn mô hình quản lý chất thải lò mổ, trang trại chăn nuôi, cơ sở sản xuất thuốc thú y, các cơ sở sản xuất, kiểm nghiệm giống vật nuôi phù hợp để áp dụng vào thực tế;
- + Về công nghệ giết mổ: Cơ khí hóa trong chăn nuôi: ngành chăn nuôi đã ứng dụng vào sản xuất máy vắt sữa, máy thái cỏ, máy dọn chuồng, máy ép rom phục vụ chăn nuôi bò thịt và bò sữa. Hệ thống dây chuyền giết mổ gia cầm bán tự động công suất 300 - 500con/giờ bằng phương pháp mổ treo và châm tê.

4.3. Vùng Nuôi trồng thủy sản

a. Quan điểm phát triển

- Phát triển thủy sản của tỉnh phải đặt trong mối quan hệ liên ngành, liên vùng, gắn sản xuất nguyên liệu với chế biến tiêu thụ, tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ cả xuất khẩu và nội địa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.
- Sử dụng hiệu quả diện tích mặt nước ở các thủy vực (ao, ruộng vườn, hồ, sông, suối, ...), phát triển nuôi các loại thủy sản, thủy đặc sản bằng phương thức bán thâm canh, thâm canh và quảng canh cải tiến thích hợp với môi trường nước, sản phẩm phải có thị trường tiêu thụ ổn định; đặc biệt coi trọng công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản kết hợp khai thác hợp lý, bảo vệ môi trường sinh thái.
- Về địa bàn khai thác: Tân Phú có các hồ chứa, sông Đồng Nai, sông La Ngà, sông Đa Huoai.

b. Quy hoạch ngành nuôi trồng thủy sản:

- + Phát triển đa dạng các mô hình nuôi trồng thủy sản, diện tích nuôi trồng 1.850 ha năm 2015 và dự kiến đến năm 2020 đạt diện tích khoảng 1.950 ha. Sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác tăng từ 4.783 tấn vào năm 2015, dự kiến đạt 6.104 tấn vào năm 2020.
- + Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, phục vụ nuôi trồng và chế biến thủy sản. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ mới từ

khâu con giống, thức ăn, kiểm soát dịch bệnh. Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật và lao động nuôi trồng thủy sản. Xây dựng các mô hình nuôi thủy sản thâm canh, xen canh có hiệu quả kinh tế cao, gắn với bảo vệ môi trường.

c. Một số giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản:

- + Đẩy mạnh thâm canh theo hướng ứng dụng kỹ thuật cao với mô hình nuôi chuyên, nuôi ao.
- + Tăng cường khâu sản xuất giống để trước mắt chủ động giống nuôi trong phạm vi của huyện. Con giống được cung cấp sẽ đảm bảo là giống tốt, khỏe, sạch bệnh và qua hệ thống kiểm nghiệm.
- + Ứng dụng công nghệ nuôi tiên tiến, đảm bảo tăng trọng nhanh, chi phí nuôi thấp, an toàn dịch bệnh và đặc biệt là đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm.
- + Kiểm soát tốc độ mở rộng diện tích nuôi chuyên cho phù hợp với quy hoạch.
- + Tăng cường xây dựng hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi như nạo vét kênh mương, đảm bảo cung cấp đủ nước với chất lượng đảm bảo.

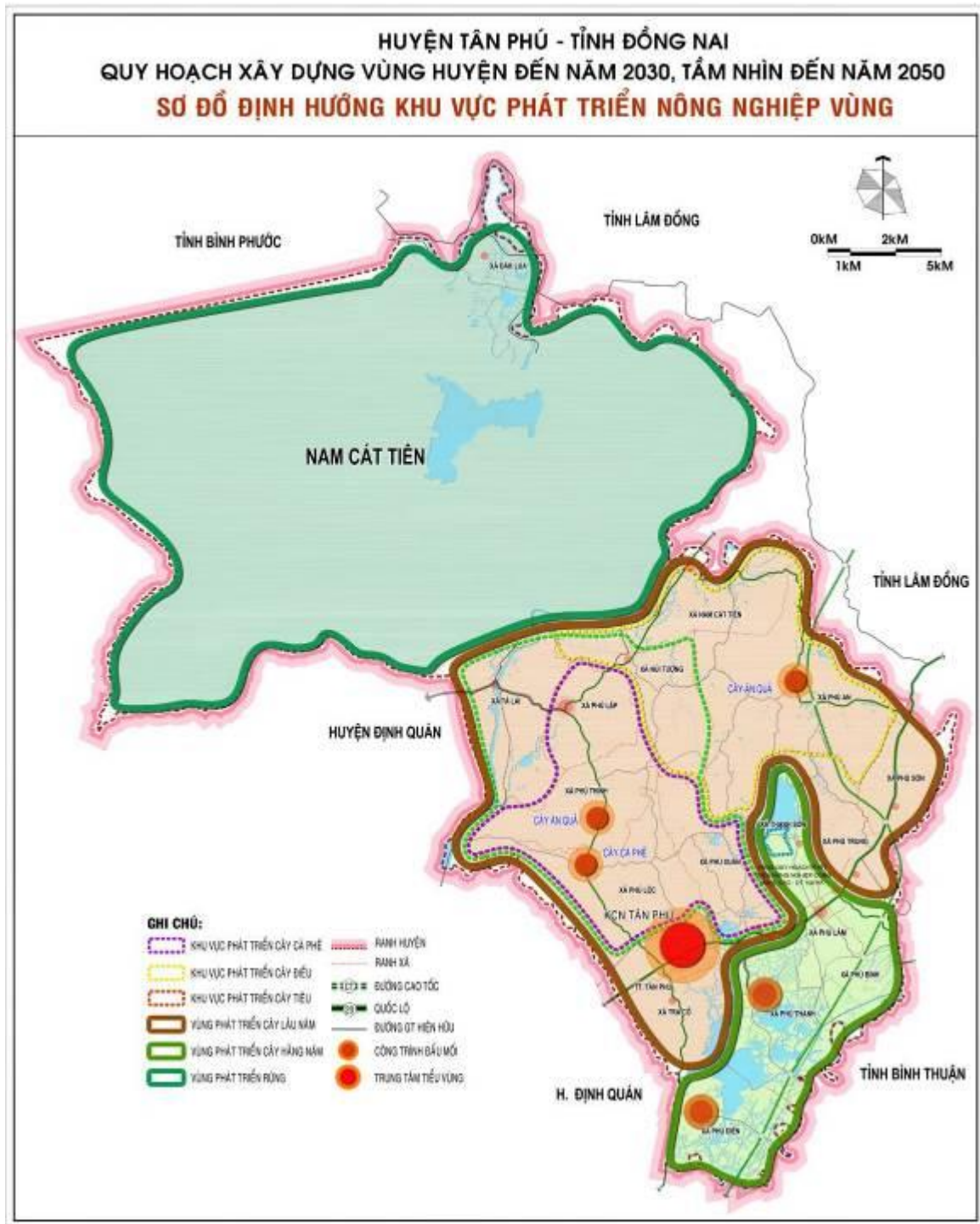
4.4. Vùng phát triển Lâm nghiệp

- Bảo vệ và phát triển rừng dựa trên nền tảng quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, bảo đảm an ninh môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thực hiện hiệu quả chức năng phòng hộ, giảm nhẹ thiên tai, chống xói mòn, giữ nguồn nước.
- Làm tốt công tác tuyên truyền sâu rộng đến mỗi người dân nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ rừng, kết hợp tuyên truyền với quản lý Nhà nước về rừng bằng pháp luật.
- Rừng có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hạn chế các tác hại của khí hậu, thủy văn, ... Định hướng phát triển lâm nghiệp của huyện trong thời gian tới là ổn định diện tích đất lâm nghiệp hiện có, tận dụng trồng rừng phủ kín hết đất lâm nghiệp, đất trống đồi trọc, vận động nhân dân trồng rừng phân tán và tổ chức trồng rừng, làm tốt công tác phòng chống cháy rừng.

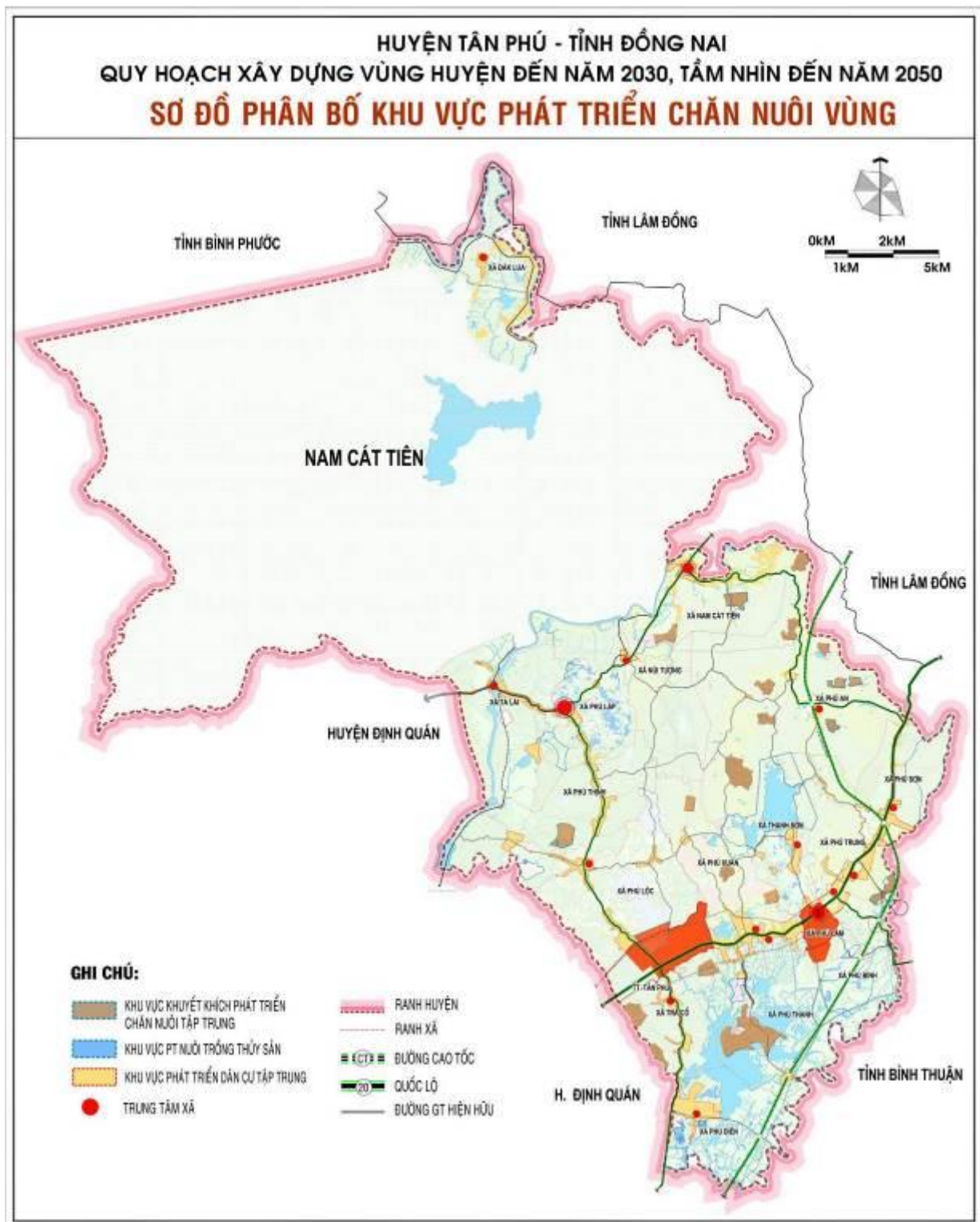
5. Các chương trình, dự án ưu tiên

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.
- Chương trình Phát triển các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đồng Nai.
- Đề phục vụ cho việc chuyển đổi giống mới các loại cà phê, điều, chôm chôm, hàng năm cần chuẩn bị giống đạt chất lượng cho mỗi loại khoảng 50 ha/năm, giống phải được kiểm định bởi đơn vị chuyên môn. Đơn vị cung cấp giống là những tổ chức có chức năng, có năng lực, gắn trách nhiệm từ khâu cung cấp giống cho đến thời kỳ thu hoạch.
- Xây dựng các mô hình sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm cây trồng nông nghiệp:
 - + Xây dựng mô hình cải tạo và thâm canh vườn chuyên tiêu, cà phê
 - + Xây dựng mô hình chuyển đổi giống điều mới và thâm canh điều
 - + Xây dựng vùng trồng rau an toàn

- + Xây dựng mô hình tưới nước tiết kiệm và bón phân qua đường ống.
- + Xây dựng mô hình thâm canh vườn cây ăn quả (bưởi, sầu riêng...) theo hướng Viet GAP.
- + Xây dựng hệ thống sơ chế – chứng nhận chất lượng sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm.
- Chương trình “Phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ rau quả an toàn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”:
 - + Hỗ trợ đầu tư cơ sở sơ chế cà phê, tiêu
 - + Hỗ trợ phát triển HTX sản xuất rau sạch và tiêu thụ rau
 - + Xây dựng thương hiệu tiêu, cà phê ở các xã có vùng chuyên canh cây tiêu, cà phê.
- Dự án quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2008 – 2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú.
- Dự án LIFSAP do Chính phủ Việt Nam cùng với sự giúp đỡ của Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA) thuộc Ngân hàng Thế Giới (WB) tài trợ cho ngành chăn nuôi.



Hình 35. Sơ đồ định hướng khu vực phát triển nông nghiệp vùng.



Hình 36. Sơ đồ phân bố khu vực phát triển chăn nuôi vùng.

VI. TỔ CHỨC HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ

1. Phân bố các vùng Thương mại dịch vụ

1.1. Quan điểm:

- Phát triển ngành thương mại trên cơ sở phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh; phát huy nội lực và sử dụng tốt mọi nguồn lực tập trung khai thác có hiệu quả các tiềm năng và lợi thế của huyện để phát triển nhanh, bền vững, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển nông nghiệp hàng hoá, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu GDP.
- Phát triển mạnh mẽ lực lượng doanh nghiệp thương mại thuộc các thành phần kinh tế, kết hợp phát triển các doanh nghiệp thương mại trong và ngoài nước có quy mô lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh tham gia thị trường.
- Phát triển hài hoà, đồng bộ, hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo xây dựng một nền thương mại vững mạnh, hiệu quả cao, chú trọng bảo vệ môi trường.
- Phát triển cần chú trọng đến yêu cầu nâng cao năng lực quản lý nhà nước với các hoạt động thương mại của tỉnh, huyện. Đảm bảo vừa tuân thủ theo quy định pháp luật, vừa tạo ra môi trường thuận lợi cho các nhà phân phối cạnh tranh lành mạnh, công khai, bình đẳng, tạo môi trường pháp lý ổn định cho họ tham gia ổn định thị trường, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.
- Phát triển ngành thương mại huyện trên cơ sở hài hoà, gắn bó chặt chẽ với sự phát triển chung của tỉnh, của khu vực.

1.2. Mục tiêu phát triển

- Phân đầu đưa ngành Thương mại; Du lịch; Dịch vụ trở thành ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế GDP, cùng với phát triển công nghiệp góp phần làm chuyên dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện.
- Phát triển ngành thương mại, dịch vụ đồng bộ gắn kết với phát triển du lịch trên cơ sở phát triển bền vững. Khai thác hợp lý và hiệu quả các khu du lịch, đồng thời với việc phát triển các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, bảo vệ cảnh quan môi trường.
- Nâng cao thương hiệu sản phẩm của tỉnh, mở rộng thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu.

1.3. Định hướng phát triển:

- Tập trung nguồn lực của huyện, tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, kêu gọi đầu tư xây dựng mạng lưới chợ theo quy hoạch, trước mắt tập trung tạo mọi điều kiện để chợ trung tâm thị trấn Tân Phú ... đi vào hoạt động, tranh thủ lồng ghép các nguồn vốn để xây dựng các chợ Trung tâm xã của các xã điểm xây dựng nông thôn mới.
- Đầu tư hoàn chỉnh mạng lưới cung ứng xăng dầu trên địa bàn huyện theo quy hoạch đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt. Phát triển mở rộng các hoạt động cung cấp vật tư phục vụ nông nghiệp và tiêu thụ nông sản cho nông dân. Thực hiện tốt chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân vùng sâu, vùng xa góp phần vào việc bình ổn giá trên địa bàn huyện.

- Định hướng phát triển các mặt hàng chủ lực, xây dựng phát triển thương hiệu mạnh, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Định hướng phát triển thị trường và cơ cấu các loại hình thương mại:
 - + Phát triển hệ thống thị trường hàng công nghiệp tiêu dùng.
 - + Phát triển hệ thống thị trường hàng nông sản.
 - + Định hướng các loại hình bán buôn trên địa bàn.
 - + Định hướng các loại hình bán lẻ.
 - + Phát triển các đại lý.
- Định hướng phát triển các loại hình doanh nghiệp thương mại, các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại trên địa bàn.
- Định hướng phát triển các dịch vụ phụ trợ cho phân phối hàng hóa.
- Định hướng phát triển xúc tiến thương mại.

1.4. Các loại hình thương mại:

Tân Phú là một huyện miền núi, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tỷ trọng ngành thương mại, dịch vụ chiếm 33-37% trong cơ cấu kinh tế của huyện. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng mạng lưới thương mại phát triển rộng khắp từ trung tâm huyện cho đến các xã vùng sâu vùng xa, cung cấp đầy đủ các mặt hàng thiết yếu cho người dân.

- Theo quy hoạch chợ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về Phê duyệt quy hoạch “Phát triển thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020”, trên địa bàn huyện Tân Phú được quy hoạch 16 chợ, trong đó: 02 chợ hạng 1 (chợ Phương Lâm, chợ thị trấn Tân Phú) và 14 chợ hạng 3 (chợ Phú Điền, chợ Phú Lộc, chợ 13-Phú Lập, chợ Nam Cát Tiên, chợ 138-Phú Sơn, chợ Đắc Lua, chợ Núi Tượng, chợ Phú Xuân, chợ Tà Lài, chợ Thanh Sơn, chợ 142, chợ Phú Thịnh, chợ Phú Trung, chợ Phú Thanh). Tính đến thời điểm hiện nay, số chợ đang hoạt động là 11 chợ, số lượng chợ chưa hoạt động là 05 chợ. Trong số các chợ đang hoạt động có 05 chợ được đầu tư xây dựng đạt chuẩn gồm chợ Nam Cát Tiên, chợ Phương Lâm, chợ Phú Lập, chợ Phú Lộc, chợ Phú Điền.
- Triển khai đầu tư xây dựng chợ Ngọc Lâm và chợ chợ 138 - Phú Sơn. Kiến nghị UBND tỉnh xem xét điều chỉnh giai đoạn đầu tư xây dựng chợ sang giai đoạn 2016-2020 đối với chợ Phú Thịnh, chợ Phú Thanh, loại bỏ quy hoạch chợ Thanh Sơn và bổ sung quy hoạch chợ Trà Cỏ.

Về cung ứng xăng dầu: có 21 điểm cung ứng và kinh doanh xăng dầu đã đầu tư và đi vào hoạt động (phê duyệt qui hoạch là 31 điểm). Ngoài ra còn có 01 HTX thương mại dịch vụ; 01 HTX Dịch vụ vận tải, và 140 cơ sở lưu trú (gồm 01 khách sạn, 03 nhà nghỉ, còn lại là nhà trọ), có nhiều nhà hàng, quán ăn, Trạm dừng xe tại xã Phú Sơn có quy mô 3,3 ha do Công ty Tín Nghĩa đầu tư đã đi vào khai thác, sử dụng.

2. Hệ thống giáo dục, đào tạo vùng:

2.1. Định hướng phát triển:

- Hệ thống giáo dục đào tạo phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện và tỉnh.
- Đào tạo các ngành kinh tế - kỹ thuật đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng trường trung cấp dạy nghề, hợp tác với các trường đại học trong vùng thành phố Hồ Chí Minh, ... Tranh thủ mọi nguồn lực, sự hỗ trợ trong và ngoài nước để phát triển vững chắc ngành giáo dục – đào tạo của Huyện.
- Đào tạo các chương trình dạy nghề, cao đẳng theo hướng các ngành công nghệ sinh học, nông lâm nghiệp, điện, cơ khí, du lịch, ... phù hợp với việc khai thác thế mạnh của vùng huyện và tỉnh. Đào tạo các nhà quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của vùng. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp và nông nghiệp.
- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học đảm bảo đến năm 2020 có 85,5% số trường công trên địa bàn huyện đạt chuẩn Quốc gia.

2.2. Phân bố hệ thống Giáo dục – Đào tạo vùng:

a. Giáo dục:

❖ Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:
 - + Tiếp tục đổi mới và giải pháp toàn diện, vững chắc sự nghiệp giáo dục, quy hoạch sắp xếp hệ thống trường và các điểm trường có quy mô hợp lý đáp ứng nhu cầu giáo dục – đào tạo, nâng cao trình độ dân trí, bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của huyện.
 - + Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; xây dựng và nâng cao đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý trường học; tiếp tục phương pháp đổi mới phương pháp dạy học và quản lý giáo dục.
- Mục tiêu cụ thể:
 - + Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ.
 - + Nâng cao tỷ lệ và chất lượng các chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi; huy động trẻ đúng 6 tuổi ra lớp 1 hằng năm đạt 99%, lên lớp và hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99%.
 - + Nâng cao tỷ lệ và các chuẩn phổ cập giáo dục trung học sơ sở đúng độ tuổi; huy động 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và lên lớp 6, lên lớp và tốt nghiệp THCS hằng năm đạt 98%, tốt nghiệp THPT đạt 96%
 - + Có 50% trường công lập đạt chuẩn quốc gia. 100% trường dân lập đạt chuẩn về cơ sở vật chất.

❖ Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

- Sắp xếp mạng lưới, hệ thống trường và các điểm trường học theo hướng giảm số điểm trường lẻ các trường mầm non, tiểu học đảm bảo mỗi trường học không có quá 03 điểm trường. Sát nhập một số trường tiểu học có quy mô nhỏ ở các xã Phú Thịnh, Phú Thanh để có quy mô phù hợp đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học. thành lập thêm 01 điểm trường mầm non trên địa bàn thị trấn do quy mô dân số phát triển.
- Trường phổ thông: nâng cấp và xây dựng mới theo hướng đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo đầy đủ phòng thí nghiệm thực hành, trang thiết bị, nâng cao chất lượng giảng dạy.
- Trung học cơ sở: Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, tăng tỷ lệ giáo viên trên chuẩn.
- Đầu tư, tạo điều kiện để 100% số trường tiểu học có lớp học 2 buổi/ngày.
- Tiếp tục sát nhập Trung tâm học tập cộng đồng và Trung tâm văn hóa xã nhằm tận dụng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, tạo điều kiện mở các lớp học phục vụ nhu cầu học tập mọi tầng lớp nhân dân.
- Tăng cường các lớp dạy ngoại ngữ và tin học ngay từ bậc tiểu học.
- Khuyến khích các đoàn thể tư nhân đầu tư vào hệ thống mẫu giáo, mở rộng mô hình trường mẫu giáo gắn với trường mầm non.

b. Đào tạo nghề:

- Trung cấp dạy nghề: Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng mới xưởng công nghệ ô tô và trang thiết bị dạy học cho Trung tâm dạy nghề trong giai đoạn 2014-2020 và nâng cấp thành Trường trung cấp nghề trong giai đoạn 2020-2025.
- Xây dựng trung tâm dạy nghề mang tính chất tiểu vùng của tỉnh nhằm thực hiện chương trình phổ cập nghề nghiệp cho người lao động, đào tạo công nhân phục vụ cho các khu, cụm công nghiệp ở Tân Phú, Định Quán, khu du lịch trên địa bàn huyện Tân Phú cũng như tỉnh.

3. Hệ thống văn hóa, nghệ thuật, TDTT vùng:

3.1. Văn hóa:

- Xây dựng các trung tâm văn hóa – TDTT xã, các tụ điểm sinh hoạt, câu lạc bộ tại các cụm dân cư tập trung, khu công nghiệp.
- Xây dựng công viên khu trung tâm thị trấn Tân Phú.
- Tập trung đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa – thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới.

3.2. Thể thao:

- Xây dựng sân vận động huyện Tân Phú.
- Nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho khu văn hóa TDTT Huyện.
- Xây dựng các sân vận động ở các xã.
- Xây dựng sân quần vợt ở trung tâm Huyện, các sân bóng chuyền, cầu lông ở các xã, khu công nghiệp trên địa bàn.
- Trang bị dụng cụ thể dục thể thao cho các trường học.

4. Hệ thống y tế vùng:

4.1. Định hướng phát triển:

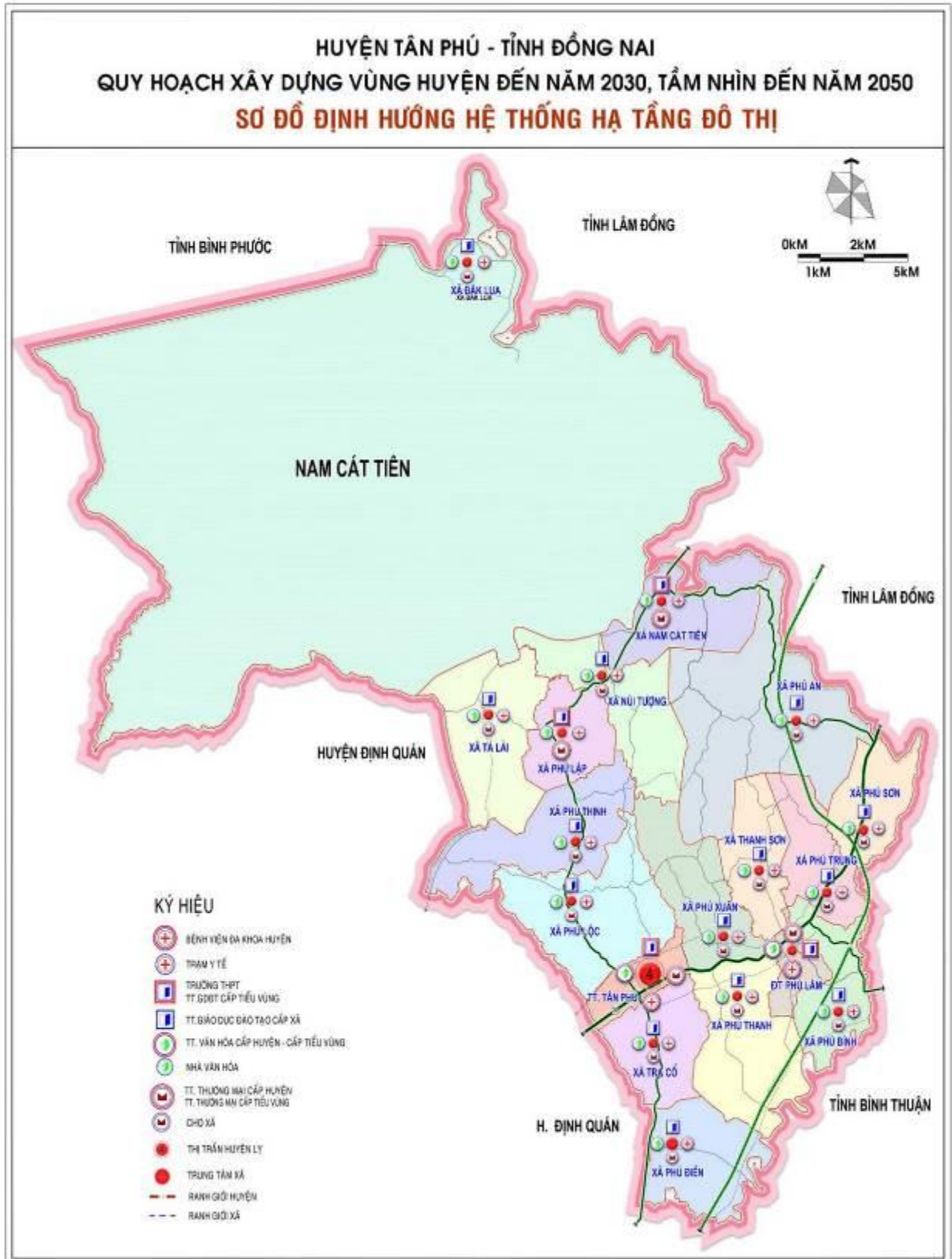
- Phát triển mạng lưới y tế hiện đại, trở thành trung tâm cấp tiểu vùng.
- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở trung tâm y tế huyện Tân Phú, ứng dụng khoa học y tế hiện đại, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của người dân, góp phần giảm áp lực cho các bệnh viện ở tuyến trên như TP. Biên Hòa, TP.HCM.
- Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, nâng cao chất lượng y tế cơ sở, phát triển và nâng chất lượng mạng lưới y tế dự phòng, tạo điều kiện mở rộng mạng lưới y tế ngoài công lập.
- Hoàn thành thu gom xử lý 100% rác thải y tế trên địa bàn.

4.2. Phân bố hệ thống y tế vùng:

- Phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh bao gồm: trung tâm y tế huyện, phòng khám đa khoa khu vực và các trạm y tế xã, thị trấn phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo cho mọi người dân được tiếp cận một cách thuận lợi với các dịch vụ khám chữa bệnh.
- Xây dựng trung tâm y tế huyện, giai đoạn I có qui mô 150 giường bệnh. Nâng cấp và đầu tư trang thiết bị bệnh, đảm bảo đủ quỹ đất để mở rộng lên qui mô 250 giường bệnh ở giai đoạn sau.
- Phối hợp với Sở Y Tế triển khai nâng cấp 08 trạm y tế tại các xã như: Phú Lộc, Trà Cổ, Phú Bình, Phú Lâm, Phú Trung, Phú Lập, Tài Lại, Nam Cát Tiên. Bổ sung hoàn chỉnh trang thiết bị y tế đảm bảo 100% các trạm y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo quy định của bộ y tế. Khuyến khích phát triển mạng lưới y học cổ truyền.

5. Hệ thống thương mại, dịch vụ cấp vùng:

- Hình thành các trung tâm thương mại cấp tiểu vùng tại thị trấn Tân Phú: Xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị tại khu vực trung tâm thị trấn.
- Nâng cấp chợ Phương Lâm thành chợ đầu mối của vùng, tạo điều kiện phát triển giao lưu buôn bán, trao đổi hàng hóa trong vùng.



Hình 37. Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống Hạ tầng xã hội Vùng.

CHƯƠNG VII

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

I. ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG GIAO THÔNG

1. Đường cao tốc TP. HCM - Dầu Giây – Đà Lạt:

- Đường cao tốc TP. HCM - Dầu Giây – Đà Lạt có tổng chiều dài tuyến 200,3 km, Điểm đầu giao QL.1 (khoảng km1829+850) trùng với km54+794 cao tốc TP.HCM - Dầu Giây - Đà Lạt. Điểm cuối tại km 199 +717 trùng với km 208 +250 đường cao tốc Liên Khương-Prenn, tỉnh Lâm Đồng. Xây dựng tuyến đạt quy mô đường cao tốc 4 làn xe, chiều rộng nền đường 22m (đối với đoạn có $V_{tk}=80\text{km/h}$ đi qua đèo Chuối và đèo Bảo Lộc) và 24,75m (đoạn có $V_{tk}=100-120\text{km/h}$), dải phân cách giữa bằng BTXM, lộ giới 120m-140m. Giai đoạn trước năm 2020 sẽ đầu tư trước 2 làn xe, nền rộng 16,75m. Đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai dài 75 km.(đoạn qua địa phận huyện Tân Phú dài khoảng 27km)

2. Quốc lộ 20:

Quốc lộ 20 qua huyện Tân Phú có chiều dài 19km, trong đó :

- Đoạn qua thị trấn Tân Phú dài 2.737km có quy mô theo quy hoạch chung thị trấn Tân Phú đã được phê duyệt bao gồm phần đường chính và hai đường gom hai bên, lộ giới 52m.

- Đoạn còn lại có theo quy hoạch của ngành GTVT có quy mô tiêu chuẩn đường cấp III, mặt rộng 12m, lộ giới 52m. Dọc theo QL.20 đoạn ngoài thị trấn Tân Phú hiện có mật độ dân cư và các công trình khá cao. Vì vậy, để đảm bảo an toàn giao thông đề xuất quy hoạch đường gom dọc suốt 2 bên tuyến QL.20. Để hạn chế ãn bù giải tỏa, giảm chi phí đầu tư, tạo điều kiện triển khai nhanh dự án xây dựng đường gom, kiến nghị Bộ GTVT cho phép bố trí đường gom nằm trong lộ giới QL.20.

3. Đường Tỉnh:

- ĐT.774 (ĐT.30/4): Dài 4,7 km, điểm đầu giao QL.20 tại km 67+00 thuộc xã Phú Bình-huyện Tân Phú, điểm cuối giáp ranh tỉnh Bình Thuận. Từ nay đến 2020, duy tu bảo dưỡng thường xuyên. Sau 2020, nâng cấp mở rộng tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV, lộ giới 32m.

- ĐT.774B (ĐT.Tà Lài-Trà Cỏ): Tuyến hình thành trên cơ sở nâng cấp từ Đ.Trà Cỏ; Đ.Tà Lài; Đ.Núi Tượng-Nam Cát Tiên; Đ.600A và mở mới một số đoạn tuyến với tổng chiều dài 53,7 km. Quy hoạch tuyến đạt cấp IV-ĐB, mặt BTN, rộng 7, nền 9m, lộ giới 32m. Trong giai đoạn 2016-2020, đầu tư nâng cấp 4,1 km hiện hữu đầu tuyến, đoạn còn lại đầu tư sau 2020. Riêng đối với đoạn đi qua thị trấn Tân Phú được xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị với quy mô: Mặt BTN, rộng 9m, vỉa hè rộng 6m x 2, lộ giới 21m.

4. Hệ thống đường huyện:

Hệ thống đường huyện theo Quy hoạch giao thông vận tải đường bộ tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt như sau:

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung:

- + Nâng cấp tuyến đường hiện hữu nối đường Nguyễn Hữu Cảnh - KCN Tân Phú - xã Phú Lộc - xã Núi Tượng thành đường huyện.
- + Đường Gom Bắc QL.20: kéo dài tuyến đến xã Phú Trung; đường Trà Cỏ - Phú Lâm: kéo dài tuyến đến đường tỉnh 30/4.
- + Đường Phú Thịnh - Phú An: nắn chỉnh tuyến qua khu vực Núi Tượng.

BẢNG TỔNG HỢP HỆ THỐNG ĐƯỜNG HUYỆN

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (km)	C.rộng (m)		Cấp	Lộ giới
					Mặt	Nền		
A	Hệ thống đường huyện hiện hữu, nâng cấp			100.11				
1	Đường Tà Lài	Giao ĐT.774B	Sông Đồng Nai	4	7,0	9,0	IV	32
2	Đường Trà Cỏ	Ngã 3 chợ Phú Hòa	Đập Đồng Hiệp	2.5	7,0	9,0	IV	32
3	Đường 600A	Giao ĐT.774B	Sông Đồng Nai	0.91	7,0	9,0	IV	32
4	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn	Km65+600 QL.20	Hồ Đa Tôn	4.2	7,0	9,0	IV	32
5	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Đ. Phú Xuân - Núi Tượng	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn	8	7,0	9,0	IV	32
6	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	QL.20	xã Núi Tượng	12.4	7,0	9,0	IV	32
7	Đường Năm Rươi	Đ.Tà Lài	Sông Đồng Nai	9	7,0	9,0	IV	32
8	Đường Năm Tân	QL.20	Cánh đồng 5 Tân	2.3	5,5	7,5	V	32
9	Đường 323	Ngã 3 Tà Lài	Đường chuyên dùng	2.3	7,0	9,0	IV	32
10	Đường Lá Ủ	ĐT.30/4	Ấp Lá Ủ	1.8	7,0	9,0	IV	32
11	Đường Thanh Sơn - Phú An	Hồ Đa Tôn	Đường 600B	7	7,0	9,0	IV	32
12	Đường Phú Lâm - Phú Bình	QL.20	Đ. Lá Ủ	3.2	7,0	9,0	IV	32
13	Đường Phú Trung - Phú An	QL.20	Km3 đường 600A	9	7,0	9,0	IV	32
14	Đường Thị Trấn - Trà Cỏ	QL.20	Km4+700	4.7	7,0	9,0	IV	32
15	Đường Suối Mơ	Đường Trà Cỏ	Suối Mơ	0.5	7,0	9,0	IV	32
16	Đường Phú Lộc - Phú Xuân	Đường Tà Lài	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	5.5	7,0	9,0	IV	32
17	Đường 600B	Km6+00 Đ.600A	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	11.5	7,0	9,0	IV	32
18	Đường Phú Lộc - Phú Tân	Km0+300 Đ.Năm Rươi	Ranh xã Phú Tân	4.2	7,0	9,0	IV	32
19	Đường Be 129	Km 62+00 QL.20	Cầu Suối Cọp	7.1	7,0	9,0	IV	32
B	Hệ thống đường huyện dự kiến			47.9				
1	Đường Gom Bắc QL.20	Ranh huyện Định Quán	<i>Đề xuất kéo dài đến X.Phú Trung</i>	13.5	7,0	9,0	IV	32
2	Đường Phú Thịnh - Phú An	Giao ĐT.774B	Đ.600B	6.8	7,0	9,0	IV	32
3	Đường Nam Cát Tiên - Phú An	Giao ĐT.774B	Đ.600B	6.4	7,0	9,0	IV	32
4	Đường Trà Cỏ - Phú Lâm	Giao ĐT.774B	<i>Đề xuất kéo dài đến ĐT.774</i>	8.7	7,0	9,0	IV	32
5	ĐH. Thị trấn - Núi Tượng (đề xuất)			12.5	7,0	9,0	IV	32

5. Đường đô thị:

Từng bước xây dựng hoàn thiện hệ thống đường đô thị theo QHC thị trấn Tân Phú và các khu vực có tốc độ đô thị hóa cao như khu vực Phú Lâm – Phú Thanh.

6. Đường giao thông nông thôn

– Rà soát, khớp nối giữa các xã để đảm bảo quy hoạch mạng lưới giao thông nông thôn trong toàn huyện được đồng bộ, phù hợp với điều kiện địa hình, hiện trạng và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

– Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện mạng lưới giao thông nông thôn theo các đồ án QH nông thôn mới đã phê duyệt. (Để đạt chuẩn huyện nông thôn mới vào năm 2020 thì với tiêu chí số 2 về giao thông, huyện Tân Phú cần phải đầu tư khoảng 80km đường trục xã, liên ấp, ngõ xóm với kinh phí dự kiến khoảng 150 tỷ đồng).

7. Bến, bãi đỗ xe:

Bảng 23. Định hướng hệ thống các bến bãi huyện Tân Phú

STT	Bến, bãi	Vị trí	Diện tích (m ²)	Loại bến
A	Hiện hữu			
1	Bến xe Tân Phú	Đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú	5.939	3
2	Bến xe Phương Lâm	Km 74 + 960, QL20	3.451	4
3	Bến xe Nam Cát Tiên	Đường 600A, ấp 4, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	5.000	4
4	Trạm dừng xe Tân Phú	Xã Phú Sơn	32.544	1
B	Quy hoạch			
1	Bến xe Đaklua	Xã Đaklua	2.500-5.000	4
2	Bến xe Phú Điền	Xã Phú Điền	2.500-5.000	4

8. Giao thông công cộng:

– Định hướng phát triển giao thông công cộng bằng phương tiện xe buýt là chủ yếu.

- Tuyến xe hiện hữu: Bến xe Phương Lâm – Bến xe Biên Hòa.
- Tuyến xe buýt dự kiến:

– Bến xe Nam Cát Tiên - Bến xe Phú Túc: lộ trình Bến xe Nam Cát Tiên - đường Tà Lài – QL.20 đến Bến xe Phú Túc, dài 58.8km.

II. ĐỊNH HƯỚNG CAO ĐỘ NỀN, THOÁT NƯỚC MẶT

1. Cơ sở thiết kế:

Phương án chuẩn bị đất xây dựng vùng huyện Tân Phú được nghiên cứu trên cơ sở các số liệu và tài liệu sau:

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất 1/25.000 do Sở Tài Nguyên & Môi Trường cung cấp có bổ sung các dự án liên quan đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Các số liệu về điều kiện tự nhiên của huyện Tân Phú do Phòng Tài Nguyên Và Môi Trường cung cấp.
- Các tiêu chuẩn, qui chuẩn, qui phạm hiện hành của nhà nước.

2. Quy hoạch chiều cao đất xây dựng (san nền)

2.1. Nền xây dựng:

a. Xác định cốt không chế tại các đô thị:

- Cao độ không chế nền xây dựng của thị trấn và các điểm dân cư phải đảm bảo không bị ngập lụt, không bị ảnh hưởng của triều cường, đồng thời vẫn giữ được cảnh quan thiên nhiên, tránh đào đắp nhiều và tạo điều kiện thoát nước tốt cho đô thị và các điểm dân cư tập trung.
- Cao độ không chế cốt xây dựng cho các khu vực đô thị, điểm dân cư tập trung được xác định căn cứ theo cao độ mực nước ngập lụt tính toán (Cao độ không chế xây dựng phải cao hơn mực nước tính toán tối thiểu = 0,5m).

b. Giải pháp san nền:

- Hầu hết địa hình toàn huyện cao, không bị ảnh hưởng ngập lụt. Giải pháp san nền đối với khu vực này là san nền cục bộ bám theo địa hình tự nhiên đối với các khu vực xây dựng nhằm hạn chế khối lượng đào đắp, phá vỡ mặt phủ tự nhiên.
- Khu vực đất thấp trũng ở ven sông Đồng Nai, sông La Ngà: Giải pháp san nền đối với khu vực này là san nền cục bộ đối với các khu vực xây dựng hiện hữu, san lấp tập trung tại khu vực xây dựng mới đảm bảo cốt xây dựng lớn hơn cốt không chế để chống ngập lụt.
- Kè đá các sông, suối, rạch trên địa bàn huyện theo từng giai đoạn đô thị hóa.

2.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Chỉ tiêu: hệ thống thoát nước mưa được xây dựng mới kết hợp với hệ thống hiện hữu bằng cống tròn, cống hộp B.T.C.T, mương nắp đan tách riêng với nước thải đối với thị trấn Tân Phú và các khu đô thị mới với chỉ tiêu 80m ÷ 100m cống (mương)/ha đất xây dựng. Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ và hoàn chỉnh từ tuyến cống, giếng thu, giếng kỹ thuật đến cửa xả.
- Lựa chọn hệ thống cống:
 - + Đối với thị trấn Tân Phú hiện tại đã có mạng lưới thoát nước chung ở các khu trung tâm. Trong tương lai cần cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống cống bao tại trước các miệng xả để thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý trước khi đổ vào bầu Min. Các tuyến thoát nước là hệ thống kín bằng cống bản, cống tròn hoặc cống hộp.
 - + Các khu vực xây dựng mới với mật độ cao, khu vực thị trấn mở rộng, các khu công nghiệp cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Nước mưa được thoát trực tiếp ra kênh rạch, nước thải được thu gom về trạm xử lý để đảm bảo vệ

sinh môi trường. Các tuyến thoát nước là hệ thống kín bằng cống tròn hoặc cống hộp.

- + Các thị tứ, các điểm dân cư nhỏ tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương có các giải pháp khác nhau để xác định hệ thống thoát nước riêng hay chung nhưng cũng phải có các biện pháp thu gom nước thải để xử lý trước khi xả ra môi trường. Các tuyến thoát nước xây mới là hệ thống kín bằng cống bản hoặc cống tròn.
- + Đối với các điểm dân cư nhỏ lẻ xây dựng với mật độ thấp có thể xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước thải và nước mưa nhưng nước thải phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại hoặc hồ sinh vật, tuy nhiên vị trí các điểm xả cần tránh nguồn cấp nước sinh hoạt. Nạo vét các sông, suối, rạch gần khu vực để thoát nước. Các tuyến thoát nước bằng cống tròn, hoặc mương nắp đan.

2.3. Giải pháp quy hoạch tiêu thoát nước đối với thị trấn, các trung tâm xã, điểm dân cư:

Toàn huyện Tân Phú có thể chia thành một số lưu vực thoát nước chính như sau:

- Lưu vực sông Đồng Nai: là lưu vực thoát nước chính, chiếm khoảng 2/3 diện tích tự nhiên của huyện gồm toàn bộ các xã phía Bắc của huyện.
- Lưu vực sông La Ngà: là lưu vực ở phía Đông Nam của huyện.
- + Hướng thoát nước: hệ thống thoát nước mưa hoạt động theo chế độ tự chảy trên cơ sở độ dốc nền tự nhiên, độ dốc dọc đáy cống. Hướng thoát nước mặt của hệ thống đô thị trên toàn vùng huyện thoát ra hệ thống kênh, suối mương nội đồng trước khi thoát ra sông Đồng Nai và sông La Ngà.
- + Mạng lưới thoát nước mưa: mạng lưới thoát nước được thiết kế phân tán theo địa hình tự nhiên, chia nhỏ các lưu vực thoát nước để giảm kích thước và chiều sâu chôn cống, đồng thời phân bố đồng đều trên toàn bộ diện tích xây dựng đô thị, thoát nước mặt nhanh không để ngập úng cục bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.
- + Tăng cường nạo vét hồ ao, sông, suối, rạch để tăng khả năng tiêu thoát nước.
- Tính toán thủy văn, thủy lực mạng lưới thoát nước mưa được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn:

$$Q = \varphi \cdot q \cdot F(l/s)$$

Trong đó : Q: lưu lượng tính toán (l/s)

q: cường độ mưa tính toán (l/s.ha)

φ : hệ số mặt phủ

F: diện tích lưu vực (ha)

+ Chu kỳ tràn cống P = 2

+ Độ đầy cống tính toán h / p = 1

2.4. Kiến nghị:

Trên toàn vùng huyện Tân Phú chưa có bản đồ đo đạc địa hình theo hệ cao độ, toạ độ quốc gia (VN-2000), đề nghị các cấp thẩm quyền địa phương đo đạc địa hình để xác định cao độ xây dựng, quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thoát nước, thủy lợi, xây dựng, ...) và công trình xây dựng.

Bảng 28. Cao độ xây dựng thiết kế - Hướng thoát nước mặt tại các thị trấn và điểm dân cư trong vùng huyện Tân Phú.

St t	THỊ TRẤN VÀ ĐIỂM DÂN CƯ	CAO ĐỘ XÂY DỰNG (M)	GIẢI PHÁP	HƯỚNG THOÁT NƯỚC
1	TT TÂN PHÚ			
		Hxd: từ 121.000 M đến 150.00 M	San lấp cục bộ - bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ, không phá vỡ lớn địa hình tự nhiên.	Hệ thống thoát nước xây mới kết hợp với hiện hữu. Toàn xã chia làm hai lưu vực chính. Phía lưu vực phía Đông thoát về tuyến công hợp qua QL.20 ra suối về Bàu Min. Lưu vực phía Tây chảy ra suối Đập Đức thoát vào Bàu Min.
2	XÃ PHÚ BÌNH			
		Hxd: từ 106.000 M đến 138.00M	San lấp cục bộ - bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới kết hợp hoàn toàn. Chia làm hai lưu vực chính. Phía Đông Nam và Tây. Hướng thoát nước xuống suối Đa Tôn, suối Cầu Bé và sông La Ngà.
3	XÃ PHÚ LÂM			
		Hxd: từ 110.60M đến 129.70M	San lấp cục bộ - bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ, đắp nền với các khu vực ruộng trũng.	Hệ thống thoát nước xây mới kết hợp với hiện hữu. Toàn xã chia làm hai lưu vực chính. Phía Bắc QL20 và phía Nam QL20 hướng thoát nước xuống suối Đa Tôn.
4	XÃ PHÚ THANH			
		Hxd: từ 114.00M đến 120.70M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn kết hợp với hiện hữu thoát ra kênh, rạch, bàu Sân Bay, Bàu Mây, thoát nước xuống suối Đa Tôn chảy ra sông La Ngà.
5	XÃ PHÚ LỘC			
		Hxd: từ 145.00M đến 180.00M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn chảy ra khu vực thấp, suối hiện hữu thoát xuống sông Đồng Nai, hướng thoát nước từ Bắc xuống Nam.
6	XÃ TRÀ CỐ			
		Hxd: từ 124.40M đến 129.50M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ,	Hệ thống thoát nước xây mới kết hợp với hiện hữu chảy ra kênh, rạch gần nhất thoát xuống suối Đồng Tranh.
7	XÃ PHÚ ĐIỀN			
		Hxd: từ 60.00 M đến 116.00 M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào	- Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống Bàu Ngựa và suối Darcha.

St t	THỊ TRẤN VÀ ĐIỂM DÂN CƯ	CAO ĐỘ XÂY DỰNG (M)	GIẢI PHÁP	HƯỚNG THOÁT NƯỚC
			đắp tại chỗ.	
8	XÃ PHÚ LẬP			
		Hxd: từ 131.00 M đến 152.000 M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	- Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống các suối hiện hữu phía Tây và Tây Nam.
9	XÃ PHÚ AN			
		Hxd: từ 140.00 M đến 152.000 M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	- Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát nước xuống suối Đá, sông Đa Guy.
10	XÃ NÚI TƯỢNG			
		Hxd: từ 114.00 M đến 126.00 M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống các khu vực trũng chảy ra sông Đồng Nai.
11	XÃ ĐẮC LUA			
		Hxd: từ 133.00 M đến 158.00 M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống các suối Đắc Lua, suối hiện hữu chảy ra sông Đồng Nai.
12	XÃ NAM CÁT TIỀN			
		Hxd: từ 114.00 M đến 130.00 M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống ruộng trũng, suối hiện hữu chảy ra sông Đồng Nai.
13	XÃ PHÚ SƠN			
		Hxd: từ 166.00 M đến 243.00 M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống ruộng trũng, suối hiện hữu.
14	XÃ PHÚ TRUNG			
		Hxd: từ 110.00 M đến 170.80 M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống ruộng trũng, suối hiện hữu.
15	XÃ THANH SƠN			
		Hxd: từ 120.00 M đến 163.000 M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ, đắp nền khu vực ruộng trũng.	Hệ thống thoát nước xây mới kết hợp với hiện hữu chảy ra suối tự nhiên ở phía Đông và Đông Nam xả thoát nước xuống suối Đa Tôn.
16	XÃ PHÚ XUÂN			
		Hxd: từ 130.00M đến 295.40M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống ruộng trũng, suối hiện hữu.

St t	THỊ TRẤN VÀ ĐIỂM DÂN CƯ	CAO ĐỘ XÂY DỰNG (M)	GIẢI PHÁP	HƯỚNG THOÁT NƯỚC
17	XÃ PHÚ THỊNH			
		Hxd: từ 131.00M đến 164.00M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống ruộng trũng, suối hiện hữu chảy ra sông Đồng Nai.
18	XÃ TÀ LÀI			
		Hxd: từ 114.00M đến 128.00M	San lấp cục bộ- bảm sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp tại chỗ.	Hệ thống thoát nước xây mới hoàn toàn thoát xuống suối hiện hữu Vàm Hồ, suối Năm Trọc chảy ra sông Đồng Nai.

III. ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

1. Nhu cầu dùng nước

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn huyện:
 - + Giai đoạn 2020: Q= 27.500 m³/ngày
 - + Giai đoạn 2030: Q= 39.000 m³/ngày.
- Tiêu chuẩn cấp nước:
 - + Khu vực đô thị (thị trấn Tân Phú, ĐT phú Lâm): 120 lít/người/ngày.
 - + Khu vực dân cư nông thôn: 80 lít/người/ngày.
 - + Công nghiệp tập trung: 30-25 m³/1 ha/ngày.

Bảng 29. Bảng tổng hợp nhu cầu dùng nước

Stt	Đơn vị hành chính	Năm		Tiêu chuẩn cấp nước (lít/người)	Công cộng -dịch vụ (%) SH		Dự phòng (%) ΣQ		Tổng Nhu cầu (m ³ /ngày)	
		2020	2030		2020	2030	2020	2030	2020	2030
		(người)	(người)		20	20	20	20		
I	Thị trấn/đô thị									
1	Thị trấn Tân Phú	27,000	50,000	120	648	1200	777.6	1440	4,665.6	8,640.0
2	Đô thị Phú Lâm	16,000	23,000	120	384	552	460.8	662.4	2,764.8	3,974.4
	Tổng cộng (I)	43,000	73,000						7,430.4	12,614
II	Các xã				20	20	20	20		
1	Xã Phú Bình	15,000	17,800	80	240	284.8	288	341.76	1,728.0	2,050.6
2	Xã Phú Thanh	16,000	19,000	80	256	304	307.2	364.8	1,843.2	2,188.8
3	Xã Phú Lộc	10,700	11,900	80	171.2	190.4	205.4	228.5	1,232.6	1,370.9
4	Xã Trà Cỏ	7,900	8,900	80	126.4	142.4	151.7	170.9	910.1	1,025.3
5	Xã Phú Điền	8,700	9,300	80	139.2	148.8	167.0	178.6	1,002.2	1,071.4
6	Xã Phú Lập	8,000	9,200	80	128	147.2	153.6	176.6	921.6	1,059.8

Stt	Năm	2020	2030	2020-2030	2020	2030	2020	2030	2020	2030
		Dân số (người)	Dân số (người)	Tiêu chuẩn cấp nước (lít/người)	Công cộng -dịch vụ (%) SH		Dự phòng (%) ΣQ		Tổng Nhu cầu (m ³ /ngày)	
	Đơn vị hành chánh				20	20	20	20		
7	Xã Phú An	5,600	5,800	80	89.6	92.8	107.5	111.4	645.1	668.2
8	Xã Núi Tượng	5,800	6,000	80	92.8	96	111.4	115.2	668.2	691.2
9	Xã Đắc Lua	6,800	7,000	80	108.8	112	130.6	134.4	783.4	806.4
10	Xã Nam Cát Tiên	7,700	9,000	80	123.2	144	147.8	172.8	887.0	1,036.8
11	Xã Phú Sơn	9,800	11,600	80	156.8	185.6	188.2	222.7	1,129.0	1,336.3
12	Xã Phú Trung	9,800	11,700	80	156.8	187.2	188.2	224.6	1,129.0	1,347.8
13	Xã Thanh Sơn	6,800	7,600	80	108.8	121.6	130.6	145.9	783.4	875.5
14	Xã Phú Xuân	13,800	16,500	80	220.8	264	265.0	316.8	1,589.8	1,900.8
15	Xã Phú Thịnh	10,800	11,500	80	172.8	184	207.4	220.8	1,244.2	1,324.8
16	Xã Tà Lài	7,800	8,200	80	124.8	131.2	149.8	157.4	898.6	944.6
	Tổng cộng (II)	151,000	171,000						17,395.2	19,699.2
	TỔNG CỘNG	194,000	244,000						24,825.6	32,314
III	Khu công nghiệp	54	130	35					1,890	4,550
IV	Cụm công nghiệp	30	70	25					750	1,750
	Tổng I+II+III+IV								27,465.6	38,613.6
	Lấy Tròn								27,500	39,000

2. Tiềm năng nguồn nước

2.1. Nước mặt

- Hệ thống sông suối trên địa bàn Huyện có trữ lượng nước khá lớn, có thể khai thác sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt với quy mô lớn, đồng thời có thể phát triển các hồ đập chứa nước sử dụng cho phát triển kinh tế xã hội.
- + **Sông Đồng Nai:** đoạn chảy qua huyện Tân Phú có chiều dài 68km, bắt nguồn từ phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và điểm cuối phía Tây Bắc giáp với huyện Định Quán.
- + **Sông La Ngà:** bắt nguồn từ vùng núi cao thuộc 2 tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng. Diện tích lưu vực: 4.100 km², mô-đun dòng chảy khá (38,4 l/s/km²), lưu lượng trung bình: 113 m³/s, lưu lượng kiệt: 3,5-4,0 m³/s. Chiều dài sông chính 290 km, đoạn chảy qua huyện có chiều dài 23,5km chảy dọc theo ranh giới phía Đông Nam qua các xã Phú Bình, Phú Thanh, Phú Điền đến ranh giới huyện Định Quán.
- + **Sông Đa Huoai:** từ ranh giới tỉnh Lâm Đồng chảy qua hai xã Phú An và Nam Cát Tiên đổ ra sông Đồng Nai.
- Đồng thời có khá nhiều sông, suối nhỏ (mật độ sông suối là 31,3 km/km²). Với địa hình bị các dòng sông suối chia cắt, do đó có phần trở ngại cho việc đi lại, nhất là vào mùa mưa.

- Trên địa bàn huyện có hệ thống các công trình thủy lợi lớn của tỉnh như hồ Đa Tôn, đập Đồng Hiệp, đập Năm Sao và đập Vàm Hô phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nhất là vụ Đông Xuân, Hè thu và tạo nguồn nước ngầm phong phú cho địa bàn huyện.
- Công trình thủy lợi lớn là hồ Đa Tôn xây dựng từ năm 1987 với công suất tưới là 1.042 ha; 4 đập dâng có công suất tưới là 2.020 ha; 10 trạm bơm với tổng công suất thiết kế tưới là 1.184 ha.

2.2. Nước ngầm:

- Theo bản đồ địa chất - thủy văn tỉnh Đồng Nai tỉ lệ 1/100.000, huyện Tân Phú nằm trong khu vực nghèo nước ngầm, trên đất đỏ vàng được phong hóa từ đá bazan nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 25-30 m. Các khu vực khác nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 80-120m, lưu lượng trung bình từ 0,5 đến 12l/s, chất lượng tốt.
- Hiện nay nước ngầm đang được khai thác cho sinh hoạt và tưới cho cây trồng.
- Trữ lượng nước ngầm trên địa bàn huyện phân bố không đều:
 - + Chủ yếu tập trung các xã phía Nam, gồm: thị trấn Tân Phú, xã Trà Cỏ, xã Phú Lộc, xã Phú Thịnh, xã Phú Xuân, xã Phú Lập, xã Tà Lài, xã Núi Tượng và xã Phú Điền.
 - + Các xã phía Bắc của Huyện là xã Phú Bình, xã Phú Sơn, xã Phú Trung, xã Phú An, xã Nam Cát Tiên và xã Đắc Lúa có mực nước ngầm sâu, trữ lượng thấp, gặp khó khăn trong việc khai thác phục vụ sinh hoạt.

3. Giải pháp cấp nước

- Nguồn nước: giai đoạn 2020 tiếp tục sử dụng nguồn nước ngầm bằng các trạm cấp nước cục bộ theo từng đơn vị hành chính.
- Giai đoạn 2030 bổ sung thêm nguồn nước mặt từ nhà máy nước huyện Định Quán đưa về, công suất 21.000 m³/ngày.đêm (theo quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 về Quy hoạch cấp nước đô thị vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn 2050).
- Công trình đầu mối cấp nước:
 - + Tiếp tục sử dụng các trạm cấp nước hiện hữu tại thị trấn và các xã.
 - + Giai đoạn 2020 tiếp tục đầu tư xây mới, nâng cấp các trạm cấp nước cho xã chưa có hệ thống cấp nước tập trung và hệ thống chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng như: xã Trà Cỏ cấp cho xã Trà Cỏ và xã Phú Điền, xã Phú Lâm, xã Nam Cát Tiên, Thanh Sơn, Phú Thanh, Phú Lộc, ...
 - + Giai đoạn 2030 bổ sung nguồn từ nhà máy nước Định Quán đưa về, cung cấp cho thị trấn Tân Phú và các xã dọc theo QL 20 như Phú Thanh, Phú Lâm, Phú Bình, Phú Sơn, Trà Cỏ. Các xã phía Bắc nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước hiện hữu lên công suất cần thiết theo nhu cầu sử dụng, ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, các trạm khai thác nước ngầm dần chuyển đổi thành trạm bơm tăng áp.

Bảng 30. Bảng danh mục công trình cấp nước xây dựng mới.

Stt	Nội dung	Địa điểm XD	Số lượng công trình		Nguồn vốn		
			Nước mặt	Nước ngầm	Tổng	Vốn ngân sách	Vốn xã hội hóa
	Tân Phú		3	4	231.482	38.998	149.191
1	- Nâng cấp mở rộng hệ thống CNTT xã Phú Lộc	Phú Lộc		1.500	17.026	17.026	-
2	- Nâng cấp mở rộng hệ thống CNTT xã Tà Lại	Tà Lại		1.000	6.902	6.902	-
3	- XD hệ thống CNTT xã Nam Cát Tiên	Nam Cát Tiên	2.500		26.985	6.750	20.235
4	- Xây dựng hệ cấp nước tập trung liên xã Trà Cỏ-Phú Điền	Trà Cỏ		2.000	55.103	13.776	41.327
5	- Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước liên xã Thanh Sơn-Phú Lâm	Thanh Sơn	1.500		71.900	17.975	53.925
6	- Nâng cấp mở rộng hệ thống CNTT xã Phú An	Phú An		1.000	8.628	8.628	-
7	- Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung liên xã Núi Tượng - Phú Lập- Tà Lại	Tà Lại	1.000		44.938	11.235	33.704

IV. ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ NGHĨA TRANG

1. Lưu lượng nước thải

- Tổng lượng nước thải:
 - + Giai đoạn 2020 Q= 19.000 m³/ngày.
 - + Giai đoạn 2030 : Q=26.500 m³/ngày.
- Tiêu chuẩn nước thải chiếm 80% tiêu chuẩn cấp nước.

Bảng 31. Bảng lưu lượng nước thải toàn huyện năm 2020 và năm 2030

Stt	Năm	2020	2030	2020-2030	2020	2030	2020	2030
		Dân số (người)	Dân số (người)	Tiêu chuẩn cấp nước (lít/người)	Công cộng - dịch vụ (%) SH		Tổng Lưu lượng (m ³ /ngày)	
					20	20	80%	80%
I	Thị trấn/đô thị							
1	Thị trấn Tân Phú	27,000	50,000	120	648	1200	3,110.4	5,760.0
2	Đô thị Phú Lâm	16,000	23,000	120	384	552	1,843.2	2,649.6
	Tổng cộng (I)	43,000	73,000				4,953.6	8,410
II	Các xã				20	20		
1	Xã Phú Bình	15,000	17,800	80	240	284.8	1,152.0	1,367.0
2	Xã Phú Thanh	16,000	19,000	80	256	304	1,228.8	1,459.2
3	Xã Phú Lộc	10,700	11,900	80	171.2	190.4	821.8	913.9
4	Xã Trà Cỏ	7,900	8,900	80	126.4	142.4	606.7	683.5

Stt	Năm	2020	2030	2020-2030	2020	2030	2020	2030
		Dân số	Dân số	Tiêu chuẩn cấp nước (lít/người)	Công cộng - dịch vụ (%) SH		Tổng Lưu lượng (m ³ /ngày)	
		(người)	(người)		20	20	80%	80%
5	Xã Phú Điền	8,700	9,300	80	139.2	148.8	668.2	714.2
6	Xã Phú Lập	8,000	9,200	80	128	147.2	614.4	706.6
7	Xã Phú An	5,600	5,800	80	89.6	92.8	430.1	445.4
8	Xã Núi Tượng	5,800	6,000	80	92.8	96	445.4	460.8
9	Xã Đắc Lua	6,800	7,000	80	108.8	112	522.2	537.6
10	Xã Nam Cát Tiên	7,700	9,000	80	123.2	144	591.4	691.2
11	Xã Phú Sơn	9,800	11,600	80	156.8	185.6	752.6	890.9
12	Xã Phú Trung	9,800	11,700	80	156.8	187.2	752.6	898.6
13	Xã Thanh Sơn	6,800	7,600	80	108.8	121.6	522.2	583.7
14	Xã Phú Xuân	13,800	16,500	80	220.8	264	1,059.8	1,267.2
15	Xã Phú Thịnh	10,800	11,500	80	172.8	184	829.4	883.2
16	Xã Tà Lài	7,800	8,200	80	124.8	131.2	599.0	629.8
	Tổng cộng (II)	151,000	171,000				11,596.8	13,132.8
	TỔNG CỘNG	194,000	244,000				16,550.40	21,542
III	Khu công nghiệp	54	130	35			1,512	3,640
IV	Cụm công nghiệp	30	70	25			600	1,400
	Tổng I+II+III+IV						18,662	26,582
	Lấy Tròn						19,000	26,500

2. Giải pháp thoát nước:

- Đối với khu vực đô thị, công nghiệp tập trung, bắt buộc xây dựng hệ thống thoát nước riêng đồng bộ với trạm xử lý nước thải, nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 14-2008 và 40-2011/BTNMT mới được xả thải ra môi trường.
- Đối với các điểm dân cư nông thôn, nước thải sinh hoạt được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa. Tuy nhiên trong các công trình bắt buộc phải có bể tự hoại 3 ngăn tiêu chuẩn.
- Thị trấn Tân Phú xây dựng 1 trạm xử lý có công suất 6.000 m³/ngày.
- Đô thị Phú Lâm xây dựng 1 trạm xử lý công suất 2.600 m³/ngày.
- Các khu, cụm công nghiệp tập trung trạm xử lý Q= 5.000 m³/ngày.
- Các khu vực trang trại, chăn nuôi tập trung nguồn thải phải xử lý theo tiêu chuẩn và quy định của tỉnh về bảo vệ an toàn môi trường, triệt để khai thác nguồn thải vào các mục đích tái tạo khác.
- Quản lý chất thải rắn:
 - + Tổng lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày khoảng 200 -250 tấn tiêu chuẩn khu vực đô thị 0,6 kg /người, khu vực ngoại thị 0,5 kg/người.ngày.
 - + Tổ chức các tổ đội thu gom chất thải rắn theo các đơn vị hành chính.
 - + Đóng cửa khu xử lý chất thải rắn tại xã Phú Thanh.

- + Xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn cho toàn huyện tại xã Phú An quy mô 20 ha, giai đoạn đầu 10 ha.

3. Nghĩa trang nhân dân:

- Tiếp tục xử dụng một số nghĩa trang hiện hữu còn quỹ đất hiện trạng, dần đóng cửa và di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ không đảm bảo về môi trường do gần các khu dân cư.
- Đầu tư xây dựng, mở rộng một số nghĩa trang hiện hữu tại các xã (theo Quy hoạch nông thôn mới và Quy hoạch nghĩa trang vùng Tỉnh đã được duyệt).
- Theo QH địa điểm nghĩa trang tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn huyện Tân Phú quy hoạch 12 nghĩa trang (nghĩa trang xã Phú Lâm 6,5ha, nghĩa trang xã Phú Thanh 3 ha, nghĩa trang Nam Cát Tiên tại ấp 8 là 2,64ha, nghĩa trang xã Phú Lập tại ấp 3 là 3ha, nghĩa trang Trà Cỏ 2 ha, nghĩa trang xã Phú Lộc 1,29 ha, nghĩa trang xã Phú Thịnh 0,83ha, nghĩa trang xã Phú Bình 9,09 ha, nghĩa trang Phật giáo xã Phú Sơn 1,5ha, nghĩa trang Giáo xứ Phú Lâm 1,53ha, nghĩa trang xã Phú An 2,01ha, nghĩa trang xã Đắc lua 2,73ha); di dời 2 nghĩa trang (nghĩa trang ấp 4 xã Trà Cỏ và nghĩa trang ấp 5B xã Đắc Lua); cải tạo, đóng cửa 12 nghĩa trang sau khi lấp đầy. Hình thức an táng là địa táng một lần, trong tương lai cần xây dựng khu hỏa táng, khu vực thị trấn cần xây dựng 01 nhà tang lễ.
- Quy mô các khu nghĩa trang nhân dân trên địa bàn Huyện kiến nghị thực hiện và điều chỉnh đến năm 2050.

Stt	Tên nghĩa trang	Hiện trạng (Ha)	DT QH (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ.
1	Nghĩa trang xã Phú Lâm (phương Lâm)	6,337 (sử dụng 35%)	6,5	Mở rộng, cải tạo thành nghĩa trang liên xã. Chôn cất 1 lần, cát táng	Xã Thanh Sơn, Phú Lâm
2	Nghĩa trang xã Phú Thanh.		3,0	Quy hoạch thành nghĩa trang liên xã.	Xã Phú Xuân, thị trấn Tân Phú và Phú Thanh.
3	Nghĩa trang xã Phú Lập.		3,0	Quy hoạch thành nghĩa trang liên xã.	Phú Lập–Tà Lại
4	Nghĩa trang xã Nam Cát Tiên		2,64	Quy hoạch thành nghĩa trang liên xã.	Nam Cát Tiên–Núi Tượng
5	Nghĩa trang xã Trà Cỏ		2,0	Quy hoạch thành nghĩa trang liên xã.	Trà Cỏ - Phú Điền
6	Nghĩa trang xã Phú Lộc		1,49	Quy hoạch thành nghĩa trang xã.	Phú Lộc
7	Nghĩa trang xã Phú Thịnh		0,83	Quy hoạch thành nghĩa trang xã.	Phú Thịnh
8	Nghĩa trang xã Phú Bình	9,0944	9,0944	Quy hoạch thành nghĩa trang liên xã.	Phú Bình – Phú Trung
9	Nghĩa trang phật giáo xã Phú Sơn		1,5	Quy hoạch thành nghĩa trang xã.	Xã Phú Sơn
10	Nghĩa trang giáo xứ phú Lâm xã Phú Sơn		1,53	Quy hoạch thành nghĩa xã.	Xã Phú Sơn

Stt	Tên nghĩa trang	Hiện trạng (Ha)	DT QH (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ.
11	Nghĩa trang xã Phú An	2,01	2,01	Quy hoạch thành nghĩa trang xã.	Xã Phú An
12	Nghĩa trang xã Đắc Lua	2,73	2,73	QH thành nghĩa xã.	Xã Đắc Lua

Bảng thống kê hiện trạng nghĩa trang và đề xuất điều chỉnh quy hoạch trên địa bàn huyện Tân Phú

TT	Nghĩa trang	Diện tích	Tỷ lệ DT còn lại	Đề xuất
Xã Thanh Sơn.				
1	Nghĩa trang Phật giáo, ấp Thanh Lâm	1,87	40%	Tiếp tục sử dụng
2	Nghĩa trang Giáo xứ Quang Lâm ấp Thanh Trung	4,21	60%	Tiếp tục sử dụng
3	Nghĩa trang dân tộc	0,85		Đang di dời
Xã Phú Lâm				
4	Nghĩa trang Giáo xứ Phương Lâm.	6,03	30%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm khoảng 0,3ha
5	Nghĩa trang Giáo xứ Trúc Lâm	1,05	50%	Tiếp tục sử dụng
6	Nghĩa trang Lá Ú	0,26		Tiếp tục sử dụng
Xã Phú Bình				
7	Nghĩa trang ấp Phú Thành	7,5	40%	Tiếp tục sử dụng
8	Nghĩa trang Phú Hợp A	1,22		Tiếp tục sử dụng
9	Nghĩa trang Phú Hợp B	0,64		Tiếp tục sử dụng.
10	Nghĩa trang ấp Phú Tân	1,06		Đang di dời.
Xã Phú Trung				
11	Nghĩa trang Giáo xứ Kim Lâm	2,5	60%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng.
12	Nghĩa trang Giáo xứ Hòa Lâm	1,5	90%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng.
13	Nghĩa trang người Tày - Hoa - Nùng	2,2	70%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng.
Xã Phú Sơn				
14	Nghĩa trang Phật giáo Chùa Linh Phú, ấp 4.	1,56		Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm khoảng 1,94 ha.
15	Nghĩa trang Giáo xứ Phú Lâm, ấp 3	2,06		Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm khoảng 1,25 ha.
Xã Phú An				
16	Nghĩa trang số 1, ấp 1	2,1	80%	Tiếp tục sử dụng.
17	Nghĩa trang số 2, ấp 3	0,973	95%	Tiếp tục sử dụng.
18	Nghĩa trang số 3, ấp 3	0,279	75%	Tiếp tục sử dụng.
Xã Đắc Lua				
19	Nghĩa trang ấp 4	2,75	70%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm khoảng 0,522 ha.
20	Nghĩa trang ấp 5	1,23	15%	Sử dụng đến khi lấp đầy sẽ đóng cửa.
21	Nghĩa trang ấp 6 điểm 1	0,374		Đã đóng cửa do lấp đầy.
22	Nghĩa trang ấp 6 điểm 2	0,251	50%	Kiến nghị đóng cửa do gần khu dân cư.
Xã Tà Lài				

23	Nghĩa trang ấp 4	0,9		Kiên nghị di dời do gần khu dân cư và quy hoạch chỗ mới với quy mô khoảng 1ha.
24	Nghĩa trang ấp 3	2,3		Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm khoảng 1 ha.
Xã Phú Điền				
25	Nghĩa trang tại ấp 5	5,7	5%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm khoảng 4,2 ha.
Xã Trà Cỏ				
26	Nghĩa trang ấp 4	0,71		Hiện đang di dời do nằm trong vùng thường xuyên ngập nước.
27	Nghĩa trang quy hoạch mới tại ấp 6 (theo QH nghĩa trang của tỉnh)	2		Đang mời gọi đầu tư.
Xã Phú Lộc				
28	Nghĩa trang ấp 7 (theo quy hoạch nghĩa trang của tỉnh)	1,49		Đang mời gọi đầu tư.
Xã Phú Thịnh				
29	Nghĩa trang ấp 3	0,318		Tiếp tục sử dụng.
30	Nghĩa trang ấp 4	0,34		Tiếp tục sử dụng.
31	Nghĩa trang ấp 7	0,44		Tiếp tục sử dụng.
Xã Phú Lập				
32	Nghĩa trang ấp 3	0,59	5%	Sử dụng đến khi lấp đầy sẽ đóng cửa
33	Nghĩa trang ấp 4 (theo quy hoạch nghĩa trang của tỉnh)	3		Đang triển khai thực hiện dự án.
Xã Phú Xuân				
34	Nghĩa trang Giáo xứ Ngọc Lâm	3	20%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm khoảng 1,2 ha.
35	Nghĩa trang ấp Bàu Chim	3	85%	Tiếp tục sử dụng.
Xã Phú Thanh				
36	Nghĩa trang số 1 thuộc Giáo xứ Phương Lâm	1,8		Đã đóng cửa và đang di dời do gần khu dân cư.
37	Nghĩa trang Giáo xứ Thọ Lâm	1,44	10%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm diện tích.
38	Nghĩa trang ấp Bàu Mây (gồm: nghĩa trang huyện, nghĩa trang giáo xứ Ngọc Lâm và nghĩa trang Phật giáo)	3,93		Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm diện tích khoảng 6,74 ha
Xã Nam Cát Tiên				
39	Nghĩa trang ấp 4 (trước đây là ấp 8)	2,6	5%	Kiên nghị đóng cửa do bị ngập trong mùa mưa.
40	Nghĩa trang tại ấp 5 (trước đây là ấp 9)	1,26	5%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm diện tích khoảng 3 ha.
Xã Núi Trạng				
41	Nghĩa trang ấp 4 (trước đây là ấp 6B)	0,81	85%	Sử dụng đến khi lấp đầy sẽ đóng cửa.
42	Nghĩa trang ấp 1 (trước đây là ấp 2B)	0,651	45%	Tiếp tục sử dụng và mở rộng thêm diện tích khoảng 2 ha

V. ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP NĂNG LƯỢNG

1. Cơ sở quy hoạch và tài liệu tham khảo:

Đề án được quy hoạch dựa trên các cơ sở sau:

- Quy hoạch Phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025 có xem xét đến năm 2035.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN: 01/2008/BXD do Bộ Xây dựng ban hành năm 2008.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2010/BXD do Bộ Xây Dựng ban hành năm 2010.
- Một số văn bản quản lý nhà nước về Quy hoạch Xây dựng đô thị do Bộ Xây dựng ban hành.
- Và một số tiêu chuẩn, văn bản khác, ...

2. Phụ tải điện:

- Phụ tải điện trong vùng bao gồm hai thành phần chính: sinh hoạt dân dụng và công nghiệp.
- Phụ tải điện sinh hoạt dân dụng bao gồm đô thị, nông thôn, công trình công cộng, tiêu chuẩn tính được lấy theo tập Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN: 01/2008/BXD do

Bảng 32. Bảng chỉ tiêu điện sinh hoạt giai đoạn dài hạn.

TT	Chỉ tiêu	Đô thị đặc biệt	Đô thị loại I	Đô thị loại II-III	Đô thị loại IV-V
1	Điện năng (KWh/người.năm)	2400	2100	1500	1000
2	Số giờ sử dụng CS lớn nhất (h/năm)	3000	3000	3000	3000
3	Phụ tải (W/người)	800	700	500	330

Bảng 33. Bảng chỉ tiêu điện công trình công cộng.

TT	Loại đô thị	Đô thị đặc biệt	Đô thị loại I	Đô thị loại II-III	Đô thị loại IV-V
1	Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	50	40	35	30

- Căn cứ theo tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn, chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt dân dụng nông thôn là 500 kWh/người/.
- Chỉ tiêu cấp điện cho công cộng và dịch vụ khu vực nông thôn lấy bằng 20% điện sinh hoạt dân dụng.
- Tiêu chuẩn cấp điện cho phụ tải công nghiệp từ 140 ~ 350kW/ha, bình quân 200kW/ha.

Bảng 34. Bảng kê phụ tải điện dân cư đô thị.

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	PHỤ TẢI DÂN DỤNG NĂM ĐẾN 2020		PHỤ TẢI DÂN DỤNG NĂM ĐẾN 2030	
		Công suất (mw)	Điện năng (triệu kwh/năm)	Công suất (mw)	Điện năng (triệu kwh/năm)
	Thị trấn Tân Phú	7,29	14,58	22,50	67,50
	Đô thị Phú Lâm	4,32	8,64	9,97	29,90
	Cộng	11,61	23,22	32,47	97,40
	Hệ số đồng thời	0,65	0,65	0,65	0,65
	Số lượng yêu cầu	7,55	15,09	21,10	63,31

Bảng 35. Bảng kê phụ tải điện dân cư nông thôn.

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Phụ tải dân dụng đến 2020		Phụ tải dân dụng đến 2030	
		Công suất (MW)	Điện năng (triệu kWh/năm)	Công Suất (MW)	Điện năng (triệu kWh/năm)
1	Xã Phú Bình	1,80	3,60	3,56	10,68
	Xã Phú Lâm	0,00	0,00	0,00	0,00
	Xã Phú Thanh	1,92	3,84	3,80	11,40
	Xã Phú Lộc	1,28	2,57	2,38	7,14
	Xã Trà Cỏ	0,95	1,90	1,78	5,34
	Xã Phú Điền	1,04	2,09	1,86	5,58
	Xã Phú Lập	0,96	1,92	1,84	5,52
	Xã Phú An	0,67	1,34	1,16	3,48
	Xã Núi Tượng	0,70	1,39	1,20	3,60
	Xã Đắc Lua	0,82	1,63	1,40	4,20
	Xã Nam Cát Tiên	0,92	1,85	1,80	5,40
	Xã Phú Sơn	1,18	2,35	2,32	6,96
	Xã Phú Trung	1,18	2,35	2,34	7,02
	Xã Thanh Sơn	0,82	1,63	1,52	4,56
	Xã Phú Xuân	1,66	3,31	3,30	9,90
	Xã Phú Thịnh	1,30	2,59	2,30	6,90
	Xã Tà Lài	0,94	1,87	1,64	4,92
	Cộng	13,42	26,83	25,44	76,32
	Hệ số đồng thời	0,65	0,65	0,65	0,65
	Số lượng yêu cầu	8,72	17,44	16,54	49,61

Bảng 36. Bảng kê phụ tải điện công nghiệp.

STT		CÔNG SUẤT (MW)	DIỆN NĂNG (triệu Wh/năm)	CÔNG SUẤT (MW)	DIỆN NĂNG (triệu kWh/năm)
1	Công nghiệp và cụm CN	16,80	67,20	40,00	160,00
	Cộng	16,80	67,20	40,00	160,00
	Hệ số đồng thời	0,65	0,65	0,65	0,65
	Số lượng yêu cầu	10,92	43,68	26,00	104,00

Bảng 37. Tổng hợp phụ tải điện toàn vùng Huyện.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	
			2020	2030
1	Công suất điện dân dụng	MW	16,27	37,64
2	Công suất điện công nghiệp	MW	10,92	26,00
3	Điện năng dân dụng	triệu kWh/năm	32,53	112,92
4	Điện năng công nghiệp	triệu kWh/năm	43,68	104,00
5	Hệ số đồng thời		0,65	0,65
6	Mức tổn hao và dự phòng	%	15	15
7	Tổng công suất điện yêu cầu	MW	20,32	47,57
8	Tổng điện năng yêu cầu	triệu kWh/năm	56,97	162,15

3. Lưới điện:

3.1. Nguồn điện:

Hiện nay vùng huyện Tân Phú được cấp điện từ các nguồn điện của hệ thống điện Quốc gia qua trạm 110/22kV Tân Phú và trạm 110/22kV Định Quán dẫn tới.

3.2. Trạm biến thế 110kV:

- Trong tương lai, dự kiến nâng cấp, phát triển và mở rộng các khu Đô Thị Tân Phú, Phú Lâm, ... cũng như phát triển mở rộng các cụm công nghiệp, khu công nghiệp ở các khu vực như trên địa bàn huyện, ... nên cần tăng công suất các trạm 110kV hiện có, và xây dựng thêm trạm 110kV cho các khu, cụm công nghiệp và các khu vực đô thị, các khu vực dân cư tập trung trên địa bàn huyện.
- Định hướng nâng cấp các trạm 110kV và xây dựng trạm 110kV đến năm 2030 như sau:
 - + Trong giai đoạn 2016-2020 cần nâng công suất trạm 110kV Tân Phú từ 1x25MVA lên (25+40) MVA, ngoài ra đề xuất xây dựng trạm mới Núi Tượng 40MVA để cung cấp phụ tải trong giai đoạn này.
 - + Trong giai đoạn 2021-2030 xây dựng trạm mới để đáp ứng phụ tải cho khu công nghiệp Tân Phú 1x40MVA, ngoài ra trong giai đoạn này nâng công suất trạm Tân Phú từ 25+40) MVA lên 2x40MVA và nâng công suất trạm Núi Tượng lên 2x40MVA.

3.3. Tuyến cao thế 500/220/110kV:

Trên địa bàn huyện có các tuyến cao thế 500kV, 220,kV, 110kV đi ngang qua, các tuyến này cần có hành lang bảo vệ lưới điện cụ thể như sau:

- Tuyến cao thế 500kV có hành lang bảo vệ lưới điện 50m (tính từ tim tuyến ra mỗi bên 25m).
- Tuyến cao thế 220kV có hành lang bảo vệ lưới điện 22m (tính từ tim tuyến ra mỗi bên 11m).
- Tuyến cao thế 110kV có hành lang bảo vệ lưới điện 16m (tính từ tim tuyến ra mỗi bên 8m).

3.4. Lưới phân phối:

a. Tuyến trung thế:

- Điện áp chuẩn: 22kV, 3 pha.
- Đối với trung tâm khu đô thị, thị trấn sử dụng mạch vòng vận hành hở.
- Các tuyến trục từ trạm 110kV ra có chiều dài 15–30km, các nhánh chính dài 10 – 20km.
- Đường dây trên không sử dụng dây nhôm lõi thép (AC) bọc nhựa.
- Tuyến cáp ngầm dùng cáp XLPE 24kV.
- Thực hiện các phương thức bù vô công trên lưới để hệ số công suất đạt 0.92 – 0.95.
- Đa phần các tuyến trung thế là 3 pha. Các tuyến 1 pha chỉ được xây dựng cung cấp điện ánh sáng sinh hoạt cho các cụm dân cư rải rác ở nông thôn hay một số ít phụ tải 1 pha.
- Sử dụng đường dây hỗn hợp trung hạ thế để giảm vốn đầu tư.
- Riêng khu vực trung tâm thị trấn, nếu điều kiện kinh tế cho phép thì nên dùng phương thức cáp ngầm.

b. Trạm hạ thế:

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối là 22/0,4kV.
- Trong trung tâm khu đô thị, thị trấn các trạm sinh hoạt nên dùng trạm tập trung đặt trong nhà, có dung lượng lớn từ 250kVA trở lên.
- Khu vực nông thôn sử dụng trạm có dung lượng nhỏ, đặt trên trụ.

c. Lưới hạ thế:

- Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nổi đất.
- Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không, và cáp XLPE 1kV ruột đồng cho cáp ngầm.
- Bán kính cấp điện của trạm hạ thế cho khu đô thị từ 300-500m và ở nông thôn từ 500-800m ở các khu dân cư tập trung.

d. Lưới điện chiếu sáng:

- Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nổi đất.
- Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không. và cáp XLPE 1KV ruột đồng hoặc cáp Cu/PVC luồn trong ống PVC chôn trong đất cho các tuyến điện ngầm.
- Đèn chiếu sáng là loại đèn cao áp thủy ngân hoặc sodium 220V, công suất từ 150W đến 250W, hoặc các loại đèn tiết kiệm điện, mức độ chiếu sáng phải đạt theo tiêu chuẩn TCXDVN 259: 2001.

CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

I. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

1. Mục tiêu môi trường vùng Huyện Tân Phú:

- Phát triển dải ven sông Đồng Nai theo hướng bền vững, hài hòa các yếu tố phát triển kinh tế, du lịch, bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên, chất lượng cuộc sống được cải thiện.
- Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra. Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.
- Khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường.
- Sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

- Giữ vững và củng cố môi trường cảnh quan của các vùng sinh thái đặc thù trong huyện nhất là rừng Quốc gia Nam Cát Tiên, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng. Bảo vệ tài nguyên, các hệ sinh thái ven sông.
- Quản lý tốt môi trường công nghiệp ngăn ngừa ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất và nước ở KCN và các khu chăn nuôi tập trung, các khu đô thị, các địa bàn phát triển du lịch.
- Đến năm 2020, thu gom và xử lý 90-95% rác thải sinh hoạt ở đô thị và 80% rác thải sinh hoạt ở nông thôn, 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế; thu gom và xử lý 100% nước thải khu vực đô thị.

II. ĐÁNH GIÁ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA MỤC TIÊU QUY HOẠCH VÀ MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG

- Đánh giá sự thống nhất giữa mục tiêu và định hướng trong qui hoạch và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng hướng tới sự phát triển bền vững. Các mục tiêu môi trường được quan tâm chia thành 3 nhóm:
 - + Các vấn đề về ô nhiễm môi trường: Bảo vệ môi trường nước mặt, nước ngầm, bảo vệ môi trường đất, Cải thiện chất lượng không khí, cải thiện công tác quản lý chất thải rắn.
 - + Các vấn đề về môi trường tự nhiên: Bảo vệ hệ sinh thái, bảo tồn nông nghiệp, bảo vệ cảnh quan và các vấn đề ảnh hưởng đến biến đổi khí hậu.
 - + Các mặt xã hội và văn hóa: Giải quyết các vấn đề về tái định cư, vấn đề lao động việc làm, bảo tồn các di sản văn hóa, các công trình kiến trúc lịch sử, nâng cao chất lượng cuộc sống; cải thiện, nâng cao sức khỏe sức khỏe cộng đồng.
- Đánh giá tác động đến môi trường của quy hoạch vùng Huyện Tân Phú xác định:

Quy hoạch vùng Huyện Tân Phú xác định các chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, dân số và lao động, định hướng phát triển các ngành. Việc đánh giá các mục tiêu, quan

điểm phát triển vùng tỉnh Huyện Tân Phú được thực hiện trên cơ sở nhận dạng các tác động môi trường của quá trình phát triển đô thị:

Bảng 38. Nhận dạng các nguồn tác động môi trường.

Các định hướng phát triển ngành	Các tác động môi trường liên quan
Gia tăng dân số đô thị và hình thành đô thị mới.	Gây ra áp lực đối với hệ thống hạ tầng đô thị, gây áp lực về nhà ở và VSMT.
Gia tăng phương tiện giao thông.	Ô nhiễm không khí, tiếng ồn, đặc biệt dọc các đường quốc lộ, đường vành đai.
Chuyển đổi diện tích cây xanh, mặt nước, sử dụng hệ thống giao thông cá nhân, sản xuất công nghiệp trong đô thị.	Suy thoái chất lượng không khí đô thị, gây ùn tắc giao thông đô thị.
Khai thác tài nguyên đất đô thị triệt để.	Thu hẹp diện tích cây xanh, mặt nước đô thị, chiếm dụng đất nông nghiệp.
Hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.	Phát sinh các loại chất thải rắn, nước thải, khí thải.
Khai thác tài nguyên thiên nhiên, hoạt động du lịch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.	Gây suy thoái rừng, suy giảm đa dạng sinh học và biến đổi các hệ sinh thái tự nhiên.
Các tác động thứ cấp của chất thải, sự khai thác tài nguyên nước.	Suy thoái và ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm. Mức độ ô nhiễm nước sông tăng nếu nước thải không xử lý hiệu quả.
Các tác động thứ cấp từ ô nhiễm môi trường sống của các loài sinh vật.	Suy giảm nguồn lợi thủy sản, giảm năng suất sinh thái.
Các tác động thứ cấp của suy thoái rừng đầu nguồn, chuyển đổi mục đích. SDD	Suy thoái và suy giảm đất canh tác.
Phát triển nông nghiệp, cây công nghiệp.	Gia tăng lượng phân bón hoá học ở vùng thâm canh, chuyên canh nông nghiệp.

III. DỰ BÁO DIỄN BIẾN MÔI TRƯỜNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH

1. Xu hướng diễn biến môi trường không khí, tiếng ồn

- Xác định nguồn, thành phần và các khu vực có nguy cơ ô nhiễm không khí:

Bảng 39. Thống kê Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường

Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường	Thành phần chất ô nhiễm
Hoạt động chế biến, nuôi trồng thủy sản.	Chất thải ao nuôi có thể chứa 45% Nitrogen và 22% các chất hữu cơ khác, gây ô nhiễm BOD, COD, Nito, Coliform...
Hoạt động du lịch	Nguy cơ gây ô nhiễm do nước thải, rác thải sinh hoạt khu du lịch, dân cư
Hoạt động phát triển khu đô thị.	Nước thải giàu chất hữu cơ, từ hoạt động dân cư.
Hoạt động công nghiệp	Chất thải chứa các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhờn, axit, bazơ tẩy thải.

- Dự báo môi trường không khí sẽ tiếp tục bị ô nhiễm, đặc biệt là hàm lượng bụi và tiếng ồn tại các khu vực đô thị và trên các tuyến đường giao thông. Đối với khu vực nông thôn sẽ không có sự thay đổi lớn vì đây là khu vực không có nhiều tác nhân gây ô nhiễm cho môi trường không khí.

2. Xu hướng diễn biến chất lượng nước

- Xác định nguồn, thành phần và khu vực có nguy cơ ô nhiễm chất lượng nước.
- Định hướng phát triển không gian vùng tỉnh Huyện Tân Phú sẽ ảnh hưởng đến thành phần và chất lượng nguồn nước. Các hoạt động chính phát sinh nguồn ô nhiễm nước bao gồm: Các tác động từ hoạt động vận tải và phát triển đô thị; Các hoạt động chế biến, nuôi trồng thủy sản; Các hoạt động du lịch; Các hoạt động phát triển dân cư đô thị và sự hình thành các đô thị mới; Phát triển các hoạt động công nghiệp trên địa bàn.
- Thành phần các chất ô nhiễm nước và các khu vực chịu tác động được trình bày tại:

Bảng 40. Nguồn và thành phần các chất ô nhiễm.

Các hoạt động gây ô nhiễm môi	Thành phần chất ô nhiễm
Hoạt động chế biến, nuôi trồng thủy sản.	Chất thải ao nuôi có thể chứa 45% Nitrogen và 22% các chất hữu cơ khác, gây ô nhiễm BOD, COD, Nito, Coliform...
Hoạt động du lịch	Nguy cơ gây ô nhiễm do nước thải, rác thải sinh hoạt khu du lịch, dân cư.
Hoạt động phát triển khu đô thị.	Nước thải giàu chất hữu cơ, từ hoạt động dân cư
Hoạt động công nghiệp	Chất thải chứa các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhờn, axit, bazơ tẩy thải.

- Nếu nước thải sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14-2008/BTNMT thì tải lượng chất ô nhiễm vào nguồn tiếp nhận giảm nhiều lần so với nếu không xử lý.

3. Xu hướng diễn biến môi trường đất

Do lưu lượng mưa trong thời gian tới có xu hướng tăng lên cùng với việc xây dựng nhiều hồ đập thủy lợi phía thượng nguồn của các sông, thủy điện dẫn đến suy giảm nguồn nước vùng hạ lưu gây thiếu nước cho mục đích tưới tiêu vào mùa khô, và lũ lụt vào mùa mưa làm mất đất thuận lợi cho nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa nước.

4. Xác định nguồn, thành phần và khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất

- Hoạt động nông nghiệp: do việc sử dụng tùy tiện các loại thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, các loại phân hóa học, trong đó có cả các loại thuốc đã bị cấm sử dụng. Dư lượng một số chất BVTN như Basa, Padan, DDT, Simazine, Dimethoate, ... đã vượt TCVN/QCVN hàng chục, hàng trăm lần.
- Chất thải từ hoạt động sinh hoạt: chưa được thu gom, xử lý sẽ tác động cục bộ đến chất lượng môi trường đất.

Bảng 41. Các hoạt động gây ô nhiễm.

Hoạt động gây ô nhiễm	Thành phần chất ô nhiễm
Hoạt động nông nghiệp	Phân bón N, P (dư lượng phân bón trong đất), thuốc trừ sâu (clo hữu cơ, DDT, lindan, aldrin, photpho hữu cơ v.v.)
Hoạt động chăn nuôi	Phát sinh khối lượng chất thải lớn, phát tán mùi, khí thải.
Hoạt động công nghiệp	Các kim loại nặng tích tụ trên lớp đất mặt làm đất bị chai, xấu, thoái hóa không canh tác tiếp được.

IV. HƯỚNG PHÂN VÙNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (EPZ)

Dựa trên chức năng và mục tiêu bảo vệ môi trường chính, Huyện Tân Phú phân thành 3 vùng gắn với các hoạt động phát triển và các vấn đề môi trường liên quan:

Bảng 42. Phân vùng môi trường và các vấn đề có liên quan.

Phân vùng môi trường	Các vấn đề môi trường liên quan	Khu vực ảnh hưởng
Vùng đô thị và khu công nghiệp	- Hoạt động của khu công nghiệp: Nguồn nước và nước cấp; Khí thải; Nước thải; Chất thải rắn và chất thải nguy hại; Các sự cố môi trường; - Hoạt động đô thị: Nguồn nước và nước cấp; Hệ thống thu gom nước mưa; Nước thải sinh hoạt; Chất thải rắn sinh hoạt; Nhận thức môi trường.	Thị trấn Tân Phú.
Vùng đồng bằng và sông	- Sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác nông nghiệp. - Hoạt động, nuôi trồng thủy hải sản.	- Các xã Phú Điền, Thanh Sơn, Phú Thanh.
Vùng cây công nghiệp	- Sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác nông nghiệp. - Xói mòn và trượt lở đất.	- Các xã phía bắc. Phú Lập, Tà Lài. ..

V. CÁC GIẢI PHÁP VỀ KỸ THUẬT, QUẢN LÝ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Các giải pháp về kỹ thuật giảm thiểu ô nhiễm:

Xử lý ô nhiễm môi trường khu đô thị, công nghiệp: tập trung thực hiện kết hoạch xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp trong vùng đô thị - công nghiệp đạt QCVN.

1.1. Giải pháp bảo vệ môi trường đô thị:

- Thu gom và xử lý rác thải: Đảm bảo xử lý khoảng 95% lượng rác thải sinh hoạt vào năm 2020 và 100% vào năm 2030. Triển khai việc áp dụng công nghệ cao trong xử lý chất thải và áp.
- Áp dụng rộng rãi công nghệ 3R trong xử lý chất thải trên quy mô toàn huyện. Rác thải bệnh viện được phân loại và xử lý cục bộ các chất độc hại và vi trùng, sau đó đưa về khu xử lý rác thải của tỉnh.
- Công viên, cây xanh: Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công viên cây xanh trên toàn thị trấn, chú trọng phân bố công viên tại các khu vực trung tâm đô thị, các khu dân cư lớn và các khu công nghiệp.
- Nghĩa trang, nghĩa địa: Quy hoạch đất cho việc quy tụ các mộ mả phân tán. Quy hoạch lại và xây dựng mới các công trình phục vụ và mương thoát nước, vành đai cây xanh bảo vệ môi trường.

1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn:

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững: Ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây trồng vật nuôi có năng suất chất lượng cao, không thoái hóa, không làm tổn hại đến đa dạng sinh học. Phát triển sản xuất phân bón hữu cơ phục vụ cho việc phát triển nền nông nghiệp sinh thái. Mở rộng việc áp dụng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thực hiện phổ cập quy trình phòng trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM). Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến về bảo quản, chế biến nông, lâm sản.
- Quản lý và xử lý chất thải rắn: Phấn đấu thực hiện mục tiêu thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn nông thôn tương ứng khoảng 65% năm 2020; và 85% năm 2030. Tăng cường công tác xử lý rác thải tại đô thị và khu dân cư tập trung, phải sử dụng công nghệ tái sử dụng hoặc chế biến phân bón.

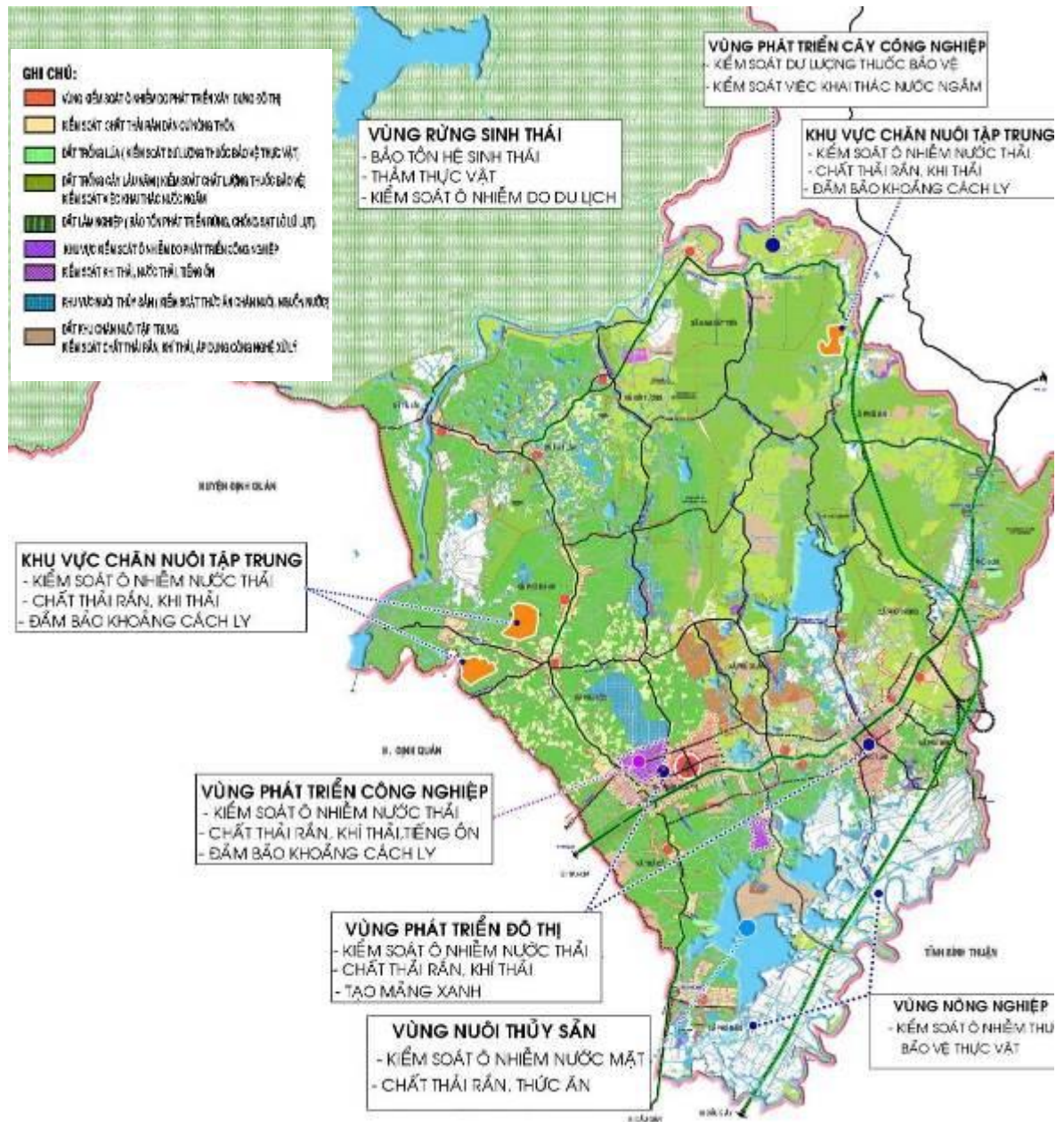
1.3. Giải pháp bảo vệ môi trường ven sông, vùng rừng:

- Giải pháp chống xói mòn, rửa trôi đất, hủy hoại đất: Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện đất dốc ven đồi. Hạn chế cày, xới bề mặt đất (nhất là mùa mưa), khai thác trắng (với rừng sản xuất). Sử dụng đất trong các hoạt động khai khoáng phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động khai thác phải hoàn trả hiện trạng mặt đất đạt yêu cầu bảo vệ môi trường.
- Giải pháp sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất: Xây dựng và thực hiện đồng bộ các quy hoạch liên quan đến sử dụng đất. Quy hoạch phát triển đô thị, trung tâm xã, các khu dân cư nông thôn, khu, cụm công nghiệp, kinh doanh dịch vụ. lưu ý tỷ lệ đất phi nông nghiệp trên địa bàn từ khi lập quy hoạch thiết kế.
- Giải pháp đẩy nhanh sử dụng đất đồi núi trọc: Giao đất cụ thể đến người sử dụng nhất là đối với những diện tích đất do UBND cấp xã quản lý hoặc mới giao cho ngành chủ quản: Giải quyết tốt vấn đề tái định cư và ổn định dân cư; Phát triển hạ tầng đến địa bàn còn đất trống.

- Giải pháp quy hoạch và cải tạo các vùng nuôi thủy sản: vùng trồng cây công nghiệp phải được cải tạo theo mô hình kinh tế vi mô và kinh tế sinh thái hộ gia đình. Quy hoạch sử dụng đất hợp lý nhằm giảm thiểu ngập úng mùa mưa.

2. Các giải pháp về quản lý, giám sát môi trường:

- Kiểm soát chất thải từ hoạt động công nghiệp: Thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Xây dựng quy hoạch quản lý chất thải rắn và kế hoạch quản lý chất thải rắn Huyện Tân Phú đến năm 2020 và định hướng đến 2030.
- Bảo vệ chất lượng nước mặt và nước ngầm: Kiểm soát các nguồn ô nhiễm nước mặt, nước ven sông, hồ. Đảm bảo chất lượng nước mặt đạt QCVN 08/2008/BTNMT phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
- Bảo vệ tài nguyên nước ngọt của các sông, hồ, nước ngầm và không khí: Đánh giá chất lượng nước các sông, hồ và đề xuất các giải pháp quản lý thích hợp, đặc biệt đối với sông hồ dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; xác định các nguồn gây rủi ro và xây dựng chương trình kiểm soát, quản lý rủi ro.
- Bảo vệ các nguồn nước ngầm: Tổ chức điều tra cơ bản và lồng ghép quan trắc tài nguyên nước ngầm vào chương trình quan trắc tổng hợp môi trường. Lập quy hoạch khai thác bền vững nguồn nước ngầm, phòng chống ô nhiễm và xâm nhập nước thải. Tăng cường quản lý, thanh tra, xử phạt việc khai thác trái phép nước ngầm, đặc biệt trong hoạt động khai thác tưới cây công nghiệp. Xây dựng chương trình kiểm soát khí thải từ cơ sở công nghiệp. Triển khai các biện pháp hiệu quả giảm thiểu và ngăn ngừa bụi do giao thông tại các nút giao thông chính.
- Phòng ngừa và giảm thiểu tác hại do thiên tai và sự cố môi trường: Nghiên cứu chế độ thủy văn, cơ chế xói lở đồi núi. Tuyên truyền và hướng dẫn nhân dân về các biện pháp phòng tránh thiệt hại do lũ, lụt và xói lở. Liên kết các chương trình của địa phương về phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, bảo vệ đất ngập nước và xoá đói giảm nghèo với các Chương trình của Chính phủ, của các tổ chức nước ngoài trên địa bàn.
- Kiểm soát chất thải từ hoạt động chăn nuôi: Giảm thiểu các tác động do chất thải từ hoạt động chăn nuôi đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.



Hình 40. Sơ đồ Đánh giá môi trường chiến lược Vùng.

CHƯƠNG IX: CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

I. CÁC TIÊU THỨC LỰA CHỌN

- Đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế (GDP) của vùng trong Tỉnh.
- Phù hợp với chính sách của tỉnh Đồng Nai.
- Thu hồi vốn nhanh, có hiệu quả và tác động tích cực đến nền kinh tế của mỗi huyện thị và toàn vùng.
- Tạo được tích lũy ban đầu và nền tảng vững chắc cho các giai đoạn tiếp theo.
- Phát triển hợp lý và cân bằng kinh tế - xã hội giữa thành thị và nông thôn, giữa các tỉnh trong vùng, bảo vệ môi trường sinh thái.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho vùng huyện Tân Phú phát triển và hòa nhập với các huyện – thị - thành phố trong tỉnh và thị trường cà nước.
- Có khả năng cao trong việc huy động các nguồn vốn cần thiết giành cho dự án bao gồm cả khu vực tư nhân, trong nước và quốc tế.

II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÙNG

Với mục tiêu xây dựng vùng huyện Tân Phú phát triển kinh tế xã hội nhanh trong thời gian tới trên cơ sở bền vững, phát huy hiệu quả tiềm năng và nguồn lực. Để tạo động lực phát triển vùng đến năm 2030 cần chương trình và xây dựng các dự án mang tính chất vùng như sau:

Bảng 43. Chương trình, chiến lược phát triển vùng.

Mục tiêu	Chiến lược phát triển vùng	Chương trình dự án
Thúc đẩy phát triển kinh tế toàn vùng (thông qua chiến lược phát triển không gian và hạ tầng diện rộng)	Phát triển các đô thị trung tâm tiêu vùng	Phát triển các vùng đô thị, nông thôn.
		Phát triển các vùng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
		Phát triển các vùng cảnh quan, du lịch.
		Phát triển vùng nông nghiệp công nghệ cao.
	Phát triển các tuyến Quốc lộ, đường cao tốc, các tuyến đường chính liên kết vùng	Nâng cấp QL.20:
		Xây dựng đường cao tốc đoạn Dầu Giây – Đà Lạt.
		Nâng cấp các tuyến đường tỉnh.
		Nâng cấp các tuyến đường huyện.
	Phát triển Giao thông công cộng.	Phát triển vận tải hành khách công cộng.
		Xây dựng các đầu mối giao thông liên kết các loại phương tiện giao thông.
	Phát triển các công trình dịch vụ cấp vùng	Xây dựng các trung tâm giáo dục cấp vùng, cấp Quốc gia.
		Xây dựng các trung tâm y tế cấp vùng.
		Xây dựng khu phi thuế quan; các công trình thương mại, dịch vụ đầu mối cấp vùng.
		Xây dựng trung tâm thể dục thể thao cấp quốc gia, cấp vùng.
		Xây dựng trung tâm hội nghị, triển lãm cấp vùng.

Mục tiêu	Chiến lược phát triển vùng	Chương trình dự án
	Các dự án chỉnh trang đô thị	Lập quy chế quản lý kiến trúc, quy hoạch đô thị thị trấn Tân Phú
		Lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Tân Phú
		Lập đề án công nhận thị trấn Tân Phú đạt đô thị loại IV
		Các chương trình chỉnh trang đô thị Phú lâm
		Lập đề án công nhận đô thị Phú Lâm đạt đô thị loại V
	Cải thiện môi trường đô thị	Chương trình cải tạo và nâng cấp đô thị.
		Khu xử lý rác toàn vùng.
Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững	Bảo vệ nguồn nước	Chương trình quốc gia bảo vệ nguồn nước ngầm và vùng ngọt hóa
		Chương trình nạo vét, cải tạo các hệ thống thủy lợi.
	Bảo vệ rừng cảnh quan	Chương trình quốc gia bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

III. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Giao thông:

- Đường cao tốc: Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ban ngành liên quan (Bộ GTVT, Sở GTVT, chủ đầu tư, ...) để đảm bảo triển khai dự án cao tốc Dầu Giây - Liên Khương đúng tiến độ.
- Quốc lộ 20: Kiến nghị bộ GTVT lập kế hoạch triển khai xây dựng đường gom dọc QL.20.
- Đường tỉnh: Phối hợp với sở GTVT để triển khai dự án nâng cấp ĐT.774B đúng kế hoạch.
- Đường huyện: nâng cấp các tuyến đường sau:

Bảng 44. Bảng thống kê các tuyến đường cần nâng cấp.

STT	Tên công trình	Chiều dài (km)	Tính chất
1	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	8	Nâng cấp
3	Đường Thanh Sơn - Phú An	7	Nâng cấp
4	Đường Phú Lâm - Phú Bình	3,2	Nâng cấp
5	Đường Phú Trung - Phú An	9	Nâng cấp
6	Đường Thị Trấn - Trà Cỏ	4,7	Nâng cấp
7	Đường 600B	11,5	Nâng cấp
8	Đường Phú Lộc - Phú Tân	4,2	Nâng cấp

2. Thủy lợi

Các dự án đầu tư quan trọng:

- Nạo vét suối Đa Tôn, Bờ bao sông La Ngà, Trạm bơm Đắc Lua.
- Nâng cấp hệ thống đóng mở bằng điện và đường giao thông nội đồng đập Năm Sao.
- Trạm bơm Giang Điền, Trạm bơm Phú Lộc, Trạm bơm Tà lài 2.
- Đập 1 Ấp 2 xã Phú An.
- Đập 2 Ấp 2 xã Phú An.
- Kiên cố hóa kênh đập Đồng Hiệp, Kiên cố hóa kênh hồ Đa Tôn, Kiên cố hóa kênh đập Vàm Hồ.

3. Cấp thoát nước:

- Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước liên xã.
- Xây dựng hệ thống thoát nước xử lý nước thải thị trấn Tân Phú, hệ thống thoát nước cho trung tâm các xã.
- Xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung của Huyện.

CHƯƠNG X

CƠ CHẾ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN VÙNG

Quản lý phát triển vùng lãnh thổ hành chính của vùng huyện là mô hình hiệu quả nhất trong việc chỉ đạo thống nhất các chương trình phát triển, các dự án đầu tư trên địa bàn huyện. UBND huyện là cấp có thẩm quyền để xem xét lựa chọn và cân bằng hài hòa các chiến lược phát triển của tỉnh với lợi ích của huyện, của cộng đồng dân cư và các nhà đầu tư với các ngành.

I. CÁC CƠ CHẾ ƯU ĐÃI KHUYẾN KHÍCH

- Cùng với các cơ chế thu hút phát triển công nghiệp, du lịch cần xây dựng các cơ chế ưu đãi khuyến khích để phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật, hỗ trợ thúc đẩy các nguồn lực đầu tư về giao thông, các khu vực phát triển đô thị mới, các công trình dịch vụ đào tạo, văn hóa - giải trí qui mô lớn.
- Khuyến khích, ưu đãi trong phát triển các khu đô thị mới, đặc biệt là phát triển nhà ở phục vụ cho chuyên gia và lao động của các khu, cụm công nghiệp. Ưu đãi đầu tư đối với các dự án xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở tái định cư.
- Hỗ trợ các chủ đầu tư thực hiện dự án khu đô thị mới như hỗ trợ trong công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư và hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tăng cường năng lực dịch vụ công ích đô thị.

II. VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC:

- UBND Huyện và chính quyền các địa bàn quản lý phát triển đô thị theo phân cấp để triển khai các quy hoạch, dự án xây dựng và các hệ thống cơ sở hạ tầng theo đúng các quy hoạch đã được phê duyệt. Sở Xây dựng hỗ trợ về mặt chuyên ngành.
- Cần có sự đồng thuận giữa các UBND Huyện và các cơ quan chức năng để thực hiện quy hoạch, nếu không sẽ gây lãng phí về nguồn lực tài chính và đất đai, tổn hại đến môi trường kinh tế và dân sinh.

III. LẬP KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÙNG:

- Cùng với công tác lập quy hoạch vùng là các kế hoạch, chương trình quảng bá, giới thiệu quy hoạch, kêu gọi đầu tư và các hoạt động đầu tư cần được thống nhất tuân thủ các vùng chức năng đã được xác lập trong quy hoạch vùng. Ưu tiên vốn ngân sách để xây dựng các tuyến giao thông chính, đầu mối hạ tầng kỹ thuật.
- Điều chỉnh các quy hoạch ngành theo các mục tiêu và chương trình đã được thống nhất.

IV. LẬP QUY CHẾ QUẢN LÝ VÙNG:

- Đây là một công cụ quan trọng để quản lý phát triển theo nội dung quy hoạch, trong đó xác lập những yêu cầu, tiêu chí về quy hoạch đặt ra cho các công tác lập các quy hoạch đô thị, các khu công nghiệp, khu du lịch trong huyện, quản lý các vùng cảnh quan, ... cũng như đưa ra các yêu cầu về qui hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật để quản lý các dự án đầu tư xây dựng.
- Cơ chế quản lý là yếu tố mấu chốt quan trọng cho sự vận hành thành công một qui hoạch xây dựng vùng huyện, đặc biệt với một địa bàn đang hấp dẫn các nguồn đầu tư và lao động hướng tới sự phát triển có lựa chọn và bền vững.

V. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ:

- Xúc tiến việc lập các dự án khả thi: Căn cứ vào quy hoạch, chương trình - dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư trong từng giai đoạn, phân kỳ đầu tư và kế hoạch hàng năm, thực hiện đi trước một bước trong việc lập các dự án đầu tư.
- Phân loại các công trình đầu tư trên địa bàn huyện theo nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là các công trình huy động vốn ngoài ngân sách hoặc công trình áp dụng theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.
- Huy động nguồn lực từ xã hội thông qua các cơ chế chính sách, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, doanh nghiệp ngoài Nhà nước và nhân dân tham gia đầu tư.
- Thực hiện đơn giản hóa các thủ tục, tuyên truyền phổ biến các thông tin: dự báo phát triển kinh tế - xã hội, chính sách ưu tiên, thị trường, giá cả để các chủ đầu tư có quyết sách lựa chọn, bỏ vốn đầu tư vào các mục tiêu kinh tế quy hoạch đã đề ra.
- Thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư; tạo môi trường đầu tư ổn định, thông thoáng, bình đẳng và đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư; chủ động xúc tiến, kêu gọi tìm kiếm đối tác đầu tư.
- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, xem nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn nước ngoài là quan trọng. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các nguồn lực dành cho đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nghiên cứu, áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức BT, BOT, BTO, PPP,...

CHƯƠNG XI

CÁC GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động nguồn vốn đầu tư:

1.1. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách.

- **Nguồn vốn ngân sách Trung ương:** Đề tranh thủ nguồn vốn này hàng năm huyện cần thực hiện tốt công tác quy hoạch và chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện. Ưu tiên triển khai các công trình trọng điểm quốc gia như: đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt, nâng cấp quốc lộ 20,...
- **Nguồn vốn ngân sách do tỉnh, huyện quản lý:** Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ từ Trung ương để đầu tư các công trình trọng điểm cơ sở hạ tầng, huy động tối đa vốn trái phiếu Chính phủ để triển khai nhanh đầu tư các chương trình đầu tư về giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, ... Tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của huyện, tăng nguồn thu từ quỹ đất, tăng huy động GDP vào ngân sách phù hợp với cơ cấu kinh tế của huyện.
- **Nguồn thu để lại:** Là nguồn thu quan trọng nhất cho ngân sách của huyện gồm nguồn thu sử dụng đất và thuê đất, ... Trong đó cần đặc biệt quan tâm đến nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất. Đây là nguồn thu có thể huy động được và được để lại đầu tư. Để tăng cường nguồn thu này cần phải tiến hành các giải pháp xúc tiến các quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện để hình thành các quỹ đất có thể bán đấu giá hoặc giao đất thu tiền sử dụng đất. Ngoài ra chính quyền đô thị cần quản lý chặt chẽ về đất, giá đất và các quy trình, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

1.2. Nguồn vốn FDI, ODA.

- Đối với nguồn vốn FDI: Tập trung triển khai các dự án FDI đã cấp chứng nhận đầu tư có quy mô lớn, kêu gọi các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp mạnh của cả nước đầu tư trên địa bàn huyện gắn với thực hiện cơ chế chính sách phù hợp tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp yên tâm đầu tư. Ưu tiên đầu tư theo hướng thu hút các dự án vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dự án du lịch (hồ Đa Tôn, vườn Quốc gia Nam Cát Tiên,..), các dự án nông nghiệp công nghệ cao,...
- Đối với vốn ODA: Sử dụng hiệu quả nguồn vốn để xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, điện, cấp thoát nước có quy mô lớn; Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật vùng nông thôn, các vùng sâu, vùng khó khăn của huyện tạo điều kiện phát triển kinh tế cải thiện đời sống người dân.

1.3. Nguồn vốn tín dụng Nhà nước.

- Triển khai chương trình hỗ trợ tín dụng Nhà nước cho các doanh nghiệp có các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, nhất là các dự án ngành công nghiệp, du lịch, xây dựng kết cấu hạ tầng, xử lý chất thải cho công nghiệp, bảo vệ môi trường khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ tín dụng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng và hướng đến xuất khẩu.

1.4. Nguồn vốn của doanh nghiệp và của dân.

- Cải thiện môi trường đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh với các huyện lân cận trong và ngoài tỉnh, ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế triển khai các dự án phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch; Xây dựng danh mục dự án ưu tiên thực hiện hình thức đầu tư BOT, BT đối với các lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi.
- Đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ và môi trường,...
- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, du lịch home-stay, khôi phục các làng nghề truyền thống,...

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Có chính sách thu hút các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp có dự án đầu tư quy mô lớn mở các trường đào tạo hoặc liên kết mở các lớp đào tạo để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội.
- Có cơ chế hỗ trợ tạo điều kiện cho các trung tâm, trường dạy nghề mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo. Tăng cường mở rộng liên kết với các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp của TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa để đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho huyện.
- Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước phát triển các trường dạy nghề gắn liền với khu, cụm công nghiệp, phục vụ đào tạo, dạy nghề công nhận phục vụ trong khu, cụm công nghiệp.
- Thực hiện chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài. Chú trọng việc bố trí, sắp xếp nhân lực phù hợp với năng lực, sở trường cá nhân. Xây dựng, đổi mới chính sách đãi ngộ đối với nhân lực có trình độ sau đại học phù hợp nhu cầu.
- Có chính sách phụ cấp và đãi ngộ đặc biệt (nhà ở, đào tạo...) cho nhân lực có trình độ cao, tạo điều kiện cho các tài năng nâng cao thu nhập bằng trí tuệ và năng lực của mình. Có chính sách thu hút các nhà khoa học trình độ cao tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học - công nghệ.
- Xã hội hóa công tác đào tạo nguồn nhân lực, có cơ chế khuyến khích các cơ sở dạy nghề tư nhân tham gia hệ thống đào tạo nhân lực của huyện.
- Thông qua nhiều hình thức, nhiều nguồn, tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, nâng cao trình độ bồi dưỡng chuyên môn đối với cán bộ quản lý Nhà nước.
- Xác định cán bộ nguồn để đầu tư đào tạo bổ sung cho đội ngũ cán bộ khoa học nòng cốt của huyện; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng một số chế độ chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn.
- Nghiên cứu cơ chế đột phá trong bố trí và sử dụng nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản, tạo điều kiện cho công chức, viên chức trẻ được đề bạt, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý.
- Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, đồng thời chú trọng đào tạo nghề cho nông dân”.

- Tranh thủ nhiều nguồn vốn để đầu tư cho công tác giải quyết việc làm như Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, vốn huy động từ các đoàn thể. Lập dự án nâng cao năng lực các Trung tâm giới thiệu việc làm, nâng cao chất lượng dạy nghề ngắn hạn, dài hạn, trong đó chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, ở các khu, cụm công nghiệp và ưu tiên người khuyết tật.

3. Giải pháp về tăng cường hợp tác với các huyện trong tỉnh:

- Tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong khu vực lân cận và các huyện trong và ngoài tỉnh trong việc thực hiện các chính sách phát triển, trong huy động và phân bổ nguồn lực và vốn đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng; đào tạo, thu hút và tạo việc làm, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo vai trò gìn giữ an ninh, quốc phòng và bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước cho Vùng.
- Hợp tác về xúc tiến đầu tư, chuyển giao công nghệ, cung cấp lao động, xây dựng vùng nguyên liệu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; sử dụng chung kết cấu hạ tầng trong Vùng về công nghiệp, xử lý chất thải rắn, cấp nước; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch; khai thác, sử dụng và bảo vệ bền vững tài nguyên nước, bảo vệ môi trường.

4. Giải pháp về cải cách hành chính:

- Hoàn thiện các cơ chế hiện hành và tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch; đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm tạo môi trường thuận lợi nhằm thu hút đầu tư, đặc biệt là vốn FDI, nguồn vốn xã hội hóa đầu tư phát triển đô thị, cung cấp các dịch vụ gắn với hoạt động sản xuất công nông nghiệp theo lợi thế phân vùng.
- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện cho đô thị, khu dân cư nông thôn phát triển đúng quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo cải thiện về hạ tầng, nhà ở theo chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Giải pháp bảo vệ tài nguyên môi trường:

- Nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường, gắn nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên môi trường với phát triển kinh tế-xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Khắc phục suy thoái, khôi phục và nâng cao chất lượng môi trường. Bảo tồn phát triển vùng sinh thái vườn quốc gia Nam Cát Tiên, hồ Đa Tôn, trồng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ nguồn nước mặt và nước ngầm, vùng sản xuất nông nghiệp phía nam huyện.
- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Các giải pháp ứng phó phải dựa trên sự chủ động thích ứng biến đổi khí hậu, quản lý sử dụng hợp lý tài nguyên, kiểm soát gia tăng ô nhiễm môi trường và suy giảm đa dạng sinh học, nâng cao chất lượng môi trường sống và hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung toàn xã hội; thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, phòng Kinh Tế - Hạ Tầng phối hợp các Phòng, Ban trong huyện và các UBND thị trấn và các xã tổ chức công bố, phổ biến nội dung quy

hoạch đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các thành phần kinh tế và nhân dân trong huyện để huy động các nguồn lực thực hiện và giám sát thực hiện.

6. Sở Xây dựng

- Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh chủ trì, phối hợp các ngành, các cấp trong tỉnh tổ chức thực hiện, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.
- Chủ trì, phối hợp các Sở ngành liên quan trong tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện các loại quy hoạch tiếp theo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đẩy nhanh quá trình hình thành đô thị, diêm dân cư nông thôn.
- Thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt quy hoạch vùng huyện, điều chỉnh các quy hoạch chung đô thị và lập quy hoạch chung các đô thị mới theo định hướng hệ thống đô thị của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú được duyệt.
- Thẩm định hoặc thỏa thuận các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu đô thị, khu dân cư, khu du lịch đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh chấp thuận chủ trương.

7. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Triển khai điều chỉnh Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải huyện Tân Phú, tích hợp Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú, cập nhật các dự án chiến lược của Tỉnh, và của Quốc gia.
- Chủ trì, phối hợp với các Phòng, Ban trong việc triển khai quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện. Hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh việc giới thiệu, quảng bá, khảo sát thị trường và tham gia hội chợ, triển lãm các sản phẩm lợi thế của huyện.
- Nghiên cứu, đề xuất, bổ sung cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực, công nghiệp may mặc, chế biến, đóng gói,...
- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư khu công nghiệp đẩy nhanh tiến độ thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; tăng cường phối hợp với các chủ đầu tư, các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác vận động, kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc đầu tư sản xuất kinh doanh, xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu công nghiệp.

8. Phòng Tài chính & Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan rà soát, điều chỉnh các chính sách ưu đãi đã có và bổ sung các chính sách mới để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch.
- Tranh thủ nguồn vốn Trung ương, Tỉnh và ưu tiên các nguồn vốn địa phương để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là giao thông kết nối liên vùng. Hàng năm, cân đối ngân sách, ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các dự án lĩnh vực y tế, giáo dục.
- Lập danh mục các dự án, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư trong nước để thu hút huy động các nguồn lực để xây dựng phát triển vùng.

9. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 phải tích hợp quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú và các đô thị được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đô thị, các khu công nghiệp; theo dõi, kiểm tra, giám sát các dự án đảm bảo các quy định về môi trường.

10. Phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Triển khai rà soát lập quy hoạch tổng thể phát triển ngành Văn hóa - Thể thao huyện Tân Phú. Phát triển các thiết chế văn hóa - thể thao quy mô, hiện đại có thể tổ chức được những hoạt động văn hóa - thể thao trên địa bàn huyện.
- Chủ động triển khai thực hiện các kế hoạch phối hợp hoạt động giữa các ngành, lĩnh vực để tạo sức mạnh, chiến lược phát triển du lịch huyện Tân Phú. Xúc tiến quảng bá, hợp tác phát triển du lịch trong và ngoài tỉnh.
- Tập trung phát triển du lịch gắn với việc khai thác vườn Quốc gia Nam Cát Tiên, quy hoạch khu du lịch hồ Đa Tôn góp phần tăng nhanh GDP của ngành du lịch.

11. Phòng Y tế:

- Lập danh mục các dự án đầu tư nâng cấp các Trung tâm y tế. Kêu gọi đầu tư, chủ động xã hội hóa ngành y tế, thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia.

12. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan trình UBND Huyện dự thảo quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm, chương trình dự án Giáo dục - Đào tạo.
- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp sử dụng nhân lực sau đào tạo trong vùng, nhất là trong lĩnh vực du lịch, công nghiệp và nông nghiệp.

13. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

- Hoàn thành xây dựng và tổ chức triển khai quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phát triển các ngành và sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ yếu trên địa bàn huyện.
- Lập Quy hoạch, đề xuất cơ chế, chính sách và hỗ trợ các xã trong vùng xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao.

14. Ủy Ban Nhân dân Thị trấn và các Xã trong huyện có trách nhiệm:

- Triển khai điều chỉnh quy hoạch chung và lập các quy hoạch mới các đô thị mới, rà soát các Quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện phù hợp với tính chất, quy mô dân số quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú.
- Phối hợp với các Phòng, Ban tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.
- Các Phòng, Ban theo các chức năng nhiệm vụ xây dựng hoặc điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, các chiến lược phát triển ngành phù hợp với Quy hoạch được duyệt.
- UBND Thị trấn và các xã căn cứ vào Quy hoạch được duyệt để điều chỉnh các đồ án quy hoạch liên quan thuộc trách nhiệm của từng địa phương và triển khai thực hiện theo các chương trình dự án.

CHƯƠNG XII

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Về phương pháp luận.

- Đồ án quy hoạch xây dựng quy hoạch vùng huyện Tân Phú được nghiên cứu theo phương pháp luận khoa học tiên tiến, phù hợp điều kiện vùng Tân Phú.
- Phương pháp luận này bắt đầu từ việc xây dựng bối cảnh phát triển, các công cụ như phân tích SWOT, phân tích các vấn đề, từ đó xác định tầm nhìn, mục tiêu phát triển chiến lược toàn vùng để định hướng các hoạt động nghiên cứu sau này như: đánh giá hiện trạng, xây dựng mô hình, các định hướng phát triển không gian, hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng, v.v... đảm bảo tính lô-gic cao của đồ án.

2. Về các đề xuất, định hướng phát triển vùng.

- Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú đã đưa ra được những đề xuất quan trọng về: tầm nhìn và mục tiêu chiến lược phát triển vùng; mô hình phát triển vùng; định hướng phát triển không gian vùng (đô thị, công nghiệp, du lịch, nông nghiệp, sinh thái cảnh quan, ...); định hướng phát triển hệ thống đô thị - điểm dân cư nông thôn; định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, kỹ thuật; đề xuất các chương trình dự án chiến lược; đề xuất về thể chế quản lý phát triển vùng.

3. Đánh giá đồ án

Tiêu chí	Phân tích đánh giá
Tính phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> • Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện đã cập nhật và đề xuất của các đồ án liên quan (cấp Quốc gia, vùng, tỉnh và huyện trong quá trình nghiên cứu, đảm bảo tính phù hợp) • QHV huyện Tân Phú có sự tham gia của HĐKT-QH Tỉnh. • Đã góp phần cụ thể hóa các về phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng, vào việc hoạch định và thúc đẩy phát triển kinh tế vùng và quốc gia, nâng cao chất lượng sống của cư dân trong vùng và phát triển bền vững, bảo vệ môi trường vùng
Tính hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> • Các đề xuất của đồ án được xây dựng bởi một phương pháp luận khoa học, logic chặt chẽ (từ bối cảnh, tầm nhìn và mục tiêu, đến các phân tích đánh giá hiện trạng...), đầy đủ (từ mô hình, định hướng, thể chế) với cách tiếp cận từ dưới lên (tham vấn các bên liên quan trong mọi giai đoạn) phù hợp với phương pháp “Quản lý dựa theo kết quả”. Do đó tính khả thi và hiệu quả của đồ án cao.
Tác động	<ul style="list-style-type: none"> • Bằng việc sử dụng công cụ phân tích SWOT, đánh giá tác động môi trường chiến lược; đề xuất về thể chế phát triển vùng sẽ có tác động tích cực cho sự phát triển từng đô thị và các xã. • Các phân tích cũng chỉ ra những nguy cơ tiềm tàng và các dự báo tác động nội tại và bên ngoài đối với vùng cũng như những đề xuất hạn chế và giảm nhẹ nguy cơ.
Bền vững	<ul style="list-style-type: none"> • Hồ sơ báo cáo <i>không phải là sản phẩm cuối cùng</i> của quy hoạch xây dựng vùng mà là <i>công cụ đầu tiên</i> để định hướng quá trình quy hoạch xây dựng phát triển vùng.

Tiêu chí	Phân tích đánh giá
	<ul style="list-style-type: none"> • Quá trình này luôn đòi hỏi sự nghiên cứu cập nhật định kỳ và sự triển khai cụ thể qua các đồ án Quy hoạch ngành, Quy hoạch chung xây dựng các đô thị, các chương trình hành động, ... để đảm bảo tính bền vững của đồ án. • Tính bền vững của đồ án còn phụ thuộc rất lớn vào việc hình thành và hoạt động hiệu quả của cơ quan quản lý phát triển vùng.

- Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện đã cập nhật và đề xuất của các đồ án liên quan (cấp vùng, tỉnh, huyện trong quá trình nghiên cứu, đảm bảo tính phù hợp), góp phần cụ thể hóa các vấn đề về phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, ... vào việc hoạch định và thúc đẩy phát triển kinh tế của huyện, nâng cao chất lượng sống của người dân và phát triển bền vững, bảo vệ môi trường. Là công cụ để định hướng quá trình quy hoạch xây dựng phát triển vùng huyện.

II. KIẾN NGHỊ

Những định hướng đề xuất trong quy hoạch vùng về tổng thể không gian xây dựng trên địa bàn toàn huyện đã theo hướng nghiên cứu tiếp cận lồng ghép các định hướng chuyên ngành, do vậy sau khi được UBND Tỉnh phê duyệt cần coi đây là một cơ sở có tính pháp lý để tiến hành các quy hoạch khác cũng như quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng và quản lý đất đai, phát triển dân cư - đô thị, ... một cách thống nhất trên địa bàn, giảm các chồng chéo, các xung đột trong phát triển nội vùng, đặc biệt trong công tác quy hoạch.

Những nội dung lớn cần rà soát điều chỉnh để có một qui hoạch tổng thể hoàn thiện gồm:

1. Các chương trình quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành:

- Tổ chức quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Phú gắn kết với chiến lược Quốc gia và vùng.
- Định hướng không gian vùng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của Huyện và Tỉnh.
- Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất đai toàn huyện theo các định hướng xây dựng đô thị, công nghiệp và các dự án phát triển khác.
- Điều chỉnh Quy hoạch Chăn nuôi huyện Tân Phú theo định hướng phân bố hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn và hình thành các khu chăn nuôi tập trung.
- Quy hoạch giao thông vận tải huyện Tân Phú: cần có kế hoạch nâng cấp các tuyến giao thông kết nối đến các khu vực phát triển chăn nuôi, khu quy hoạch nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là kết nối thuận tiện các tuyến, điểm du lịch trên địa bàn huyện với nhau.
- Quy hoạch hệ thống cụm công nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.
- Quy hoạch hệ thống Du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.
- Quy hoạch nông thôn mới, các vùng cảnh quan du lịch sinh thái.
- Hoàn thiện các quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn huyện để thống nhất với định hướng phát triển chung toàn huyện và thuận lợi cho các cơ quan chuyên môn kiểm

soát, quản lý dễ dàng, chắc chắn, đồng bộ, tránh sự chông chéo, và khắc phục được sự tồn tại, bất cập.

2. Các chương trình kết cấu hạ tầng:

- Phát triển đường cao tốc TP.HCM - Dầu Giây - Đà Lạt.
- Nâng cấp đường Quốc lộ 20 đi ngang qua địa bàn huyện.
- Phát triển mạng lưới đường tỉnh trong vùng.
- Xây dựng mạng lưới cung cấp năng lượng.

3. Các chương trình nâng cao chất lượng sống bảo vệ môi trường:

- Các chương trình kiểm soát bảo vệ cảnh quan môi trường, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng;
- Chương trình phát triển nhà ở xã hội cho đô thị và các khu công nghiệp tập trung.